

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của  
Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**Hà Nội, tháng 9/2024**

# DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục tiểu học  
(Theo Quyết định số 1400/QĐ-ĐHSPHN, ngày 03 tháng 05 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội)

T T	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ kí
1	Nguyễn Đức Sơn	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Nguyễn Văn Trào	PGS.TS, P. Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3	Đỗ Xuân Thảo	PGS.TS, Trưởng khoa	Phó Chủ tịch HĐ thường trực	
4	Nguyễn Vinh Quang	TS, PGĐ TTĐBCL	Thư ký HĐ	
5	Nguyễn Văn Hiền	PGS.TS, Chủ tịch HĐT	Thành viên	
6	Trần Bá Trình	TS, TP Đào tạo	Thành viên	
7	Khuất Tuệ Minh	ThS, P.TP KHTC	Thành viên	
8	Bùi Thị Hà Giang	TS, Bí thư Đoàn TN	Thành viên	
9	Nguyễn Thủy Chung	TS, Phó Trưởng khoa	Thành viên	
10	Vũ Thị Lan Anh	PGS.TS, Trưởng BM	Thành viên	
11	Phan Thanh Hà	TS, Trưởng Bộ môn	Thành viên	
12	Nguyễn Thu Phương	TS, Trưởng Bộ môn	Thành viên	
13	Quản Hà Hưng	ThS, Trưởng Bộ môn	Thành viên	
14	Nguyễn Thị Thu Thủy	PGS.TS, P.Trưởng khoa	Thành viên	
15	Nguyễn Anh Tú	Sinh viên K71	Thành viên	

# DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN BAN THƯ KÍ

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục tiểu học

(Theo Quyết định số 1400/QĐ-ĐHSPHN, ngày 03 tháng 05 năm 2024

của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội)

T T	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ kí
1	Nguyễn Vinh Quang	TS, PGĐ TTĐBCL	Trưởng Ban	
2	Nguyễn Nam Hưng	ThS, TTĐBCL	P.Trưởng Ban	
3	Nguyễn Thị Thúy	ThS, KTV P.KHTC	Thành viên	
4	Hà Thị Lan Hương	TS, Giảng viên chính	Thành viên	
5	Trần Thị Hà	TS, Giảng viên chính	Thành viên	
6	Lưu Trà My	CN, Trợ giảng	Thành viên	

# DANH SÁCH NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH TỰ ĐÁNH GIÁ

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục tiểu học  
(Theo Quyết định số 1400/QĐ-ĐHSPHN, ngày 03 tháng 05 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ kí
Nhóm 1 Tiêu chuẩn 1, 2, 3	Nguyễn Thủy Chung	TS. P.Trưởng khoa	Trưởng nhóm	
	Lưu Trà My	CN, Trợ giảng	Thư ký	
	Nguyễn Thị Phương Thịnh	ThS, Giáo viên TH	Ủy viên	
	Đỗ Thị Phương Thảo	TS, Giảng viên chính	Ủy viên	
Nhóm 2 Tiêu chuẩn 4, 5, 11	Nguyễn Thu Phương	TS, Trưởng BM	Trưởng nhóm	
	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	ThS, Chuyên viên	Thư ký	
	Phan Hồng Sơn	ThS, Giảng viên	Ủy viên	
	Dương Bảo Ngọc	ThS, Giảng viên	Ủy viên	
Nhóm 3 Tiêu chuẩn 6, 7	Vũ Thị Lan Anh	PGS.TS, Trưởng BM	Trưởng nhóm	
	Trần Thị Hà	TS, Giảng viên chính	Thư ký	
	Ngô Vũ Thu Hằng	TS, Giảng viên chính	Ủy viên	
	Phó Đức Hòa	PGS.TS, Giảng viên CC	Ủy viên	
Nhóm 4 Tiêu chuẩn 8, 9	Quản Hà Hưng	ThS, Trưởng Bộ môn	Trưởng nhóm	
	Nguyễn Thị Như Quỳnh	ThS, Giáo viên TH	Thư ký	
	Nguyễn Thị Thanh Hà	ThS, Giảng viên	Ủy viên	
	Ngô Thị Tăng	CN, Chuyên viên	Ủy viên	
Nhóm 5 Tiêu chuẩn 10; Phần khái quát, phân kết luận chung và phần cơ sở dữ liệu kiểm định CTĐT	Phan Thanh Hà	TS, Trưởng BM	Trưởng nhóm	
	Hà Thị Lan Hương	TS, Giảng viên chính	Thư ký	
	Ma Thị Diệp Linh	GV Tạo nguồn	Ủy viên	
	Nguyễn Trần Hùng	ThS, Giảng viên	Ủy viên	

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

<b>TT</b>	<b>CHỮ CÁI VIẾT TẮT</b>	<b>TÊN ĐẦY ĐỦ</b>
1.	BCN	Ban chủ nhiệm
2.	CDR	Chuẩn đầu ra
3.	CSGD	Cơ sở giáo dục
4.	CTĐT	Chương trình đào tạo
5.	CTDH	Chương trình dạy học
6.	CVHT	Cố vấn học tập
7.	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
8.	ĐHSPHN	Đại học Sư phạm Hà Nội
9.	GDTH	Giáo dục tiểu học
10.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
11.	GS	Giáo sư
12.	GV	Giảng viên
13.	NCV	Nghiên cứu viên
14.	GVTH	Giáo viên tiểu học
15.	KHCN	Khoa học công nghệ
16.	KHGD	Khoa học giáo dục
17.	KH-TC	Kế hoạch – Tài chính
18.	KTX	Kí túc xá
19.	MC	Minh chứng
20.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
21.	NCS	Nghiên cứu sinh
22.	NH	Người học
23.	NV	Nhân viên
24.	NVSP	Nhiệm vụ sư phạm
25.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
26.	PGS	Phó Giáo sư
27.	PPGD	Phương pháp giảng dạy
28.	SV	SV

29.	SVTN	SV tốt nghiệp
30.	TC	Tín chỉ
31.	THPT	Trung học phổ thông
32.	ThS	Thạc sĩ
33.	TS	Tiến sĩ
34.	TT ĐBCL	Trung tâm Đảm bảo chất lượng
35.	TT TT-TV	Trung tâm Thông tin – Thư viện

## MỤC LỤC

<b>PHẦN I. KHÁI QUÁT.....</b>	<b>11</b>
<b>1.1. Đặt vấn đề .....</b>	<b>11</b>
1.1.1. Tóm tắt báo cáo Tự đánh giá .....	11
1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá .....	13
<b>1.2. Tổng quan chung.....</b>	<b>15</b>
1.2.1 Thông tin chung về Trường ĐHSP Hà Nội .....	15
1.2.2. Thông tin chung về Khoa Giáo dục Tiểu học.....	19
<b>PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....</b>	<b>29</b>
<b>Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo .....</b>	<b>29</b>
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học .....	29
Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo .....	32
Tiêu chí 1.3. CDR của CTĐT phản ánh được các yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai. ....	36
<b>Kết luận chung Tiêu chuẩn 1: .....</b>	<b>39</b>
<b>ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN 1 .....</b>	<b>40</b>
<b>Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo.....</b>	<b>41</b>
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.....	41
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật. ....	44
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.....	46
<b>Kết luận chung Tiêu chuẩn 2: .....</b>	<b>48</b>
<b>ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN 2 .....</b>	<b>49</b>
<b>Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học .....</b>	<b>49</b>
Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra .....	49

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng .....	51
Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung phù hợp và có tính tích hợp .....	53
<b>Kết luận chung Tiêu chuẩn 3: .....</b>	<b>55</b>
<b>Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.....</b>	<b>57</b>
Tiêu chí 4.1. Triết lí giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan .....	57
Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR.....	59
Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kĩ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời.....	61
<b>Kết luận về tiêu chuẩn 4: .....</b>	<b>63</b>
<b>Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của NH .....</b>	<b>64</b>
<b>Mở đầu .....</b>	<b>64</b>
Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR .....	64
Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH.....	67
Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.....	71
Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập .....	74
Tiêu chí 5.5. NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập. ....	76
<b>KẾT LUẬN VỀ TIÊU CHUẨN 5: .....</b>	<b>28</b>
<b>Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên .....</b>	<b>29</b>
Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	30



Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	35
Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai .....	40
Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.....	43
Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu. ....	47
Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	50
Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	54
<b>Kết luận về tiêu chuẩn 6: .....</b>	<b>59</b>
<b>Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên .....</b>	<b>60</b>
Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng .....	60
Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....	65
Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá...67	67
Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. ....	71
Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. ....	73
<b>Kết luận về Tiêu chuẩn 7:.....</b>	<b>77</b>

<b>Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học .....</b>	<b>80</b>
Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật .....	80
Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá .....	85
Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học .....	90
Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.....	95
Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lí, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học .....	101
<b>Kết luận Tiêu chuẩn 8: .....</b>	<b>104</b>
<b>Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị .....</b>	<b>106</b>
Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. ....	106
Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	110
Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	115
Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu .....	117
Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật .....	121
<b>Kết luận về Tiêu chuẩn 9:.....</b>	<b>124</b>
<b>Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng .....</b>	<b>125</b>
Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học .....	126
Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, đánh giá và cải tiến .....	131

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra .....	137
Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học ...	146
Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác), được đánh giá và cải tiến. ....	150
Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến. ....	156
<b>Kết luận chung Tiêu chuẩn 10: .....</b>	<b>159</b>
<b>Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra.....</b>	<b>161</b>
Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....	162
Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	34
Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....	38
Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....	40
Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	43
<b>KẾT LUẬN VỀ TIÊU CHUẨN 11: .....</b>	<b>46</b>
<b>PHẦN III. KẾT LUẬN .....</b>	<b>3</b>
<b>3.1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của chương trình đào tạo</b>	<b>3</b>
<b>3.2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT ..</b>	<b>10</b>
<b>3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo .....</b>	<b>13</b>
<b>3.4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo.....</b>	<b>17</b>
<b>PHẦN IV. PHỤ LỤC .....</b>	<b>21</b>
<b>II. CÁC TƯ LIỆU, TÀI LIỆU LIÊN QUAN.....</b>	<b>51</b>

# PHẦN I. KHÁI QUÁT

## 1.1. Đặt vấn đề

### 1.1.1. Tóm tắt báo cáo Tự đánh giá

Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Giáo dục tiểu học (GDTH) cung cấp các thông tin cần thiết cho hoạt động kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng theo “Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học” ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT).

Cấu trúc và nội dung chính của báo cáo tự đánh giá theo các tiêu chuẩn bao gồm 3 phần: Phần 1: Khái quát; Phần 2: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí; Phần 3: Kết luận.

- **Phần 1: Khái quát** giới thiệu tổng quan về cấu trúc và nội dung chính của báo cáo tự đánh giá CTĐT Cử nhân GDTH theo các tiêu chuẩn; giải thích cách mã hoá các minh chứng trong báo cáo tự đánh giá. Phần Khái quát cũng mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá, sự tham gia của các bên liên quan (khoa, phòng, ban, giảng viên, nhân viên, người học,...), cách tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động tự đánh giá CTĐT. Cũng trong phần này, bản báo cáo mô tả tóm tắt về sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng của Khoa GDTH, Trường ĐHSPhN thực hiện CTĐT.

- **Phần 2: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí** trình bày báo cáo tự đánh giá CTĐT Cử nhân GDTH, Trường ĐHSPhN lần lượt theo 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí theo thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016. Phần II của báo cáo Tự đánh giá được trình bày theo đúng trình tự: Mô tả, Điểm mạnh, Điểm tồn tại, Kế hoạch hành động và Tự đánh giá của từng tiêu chí, tiêu chuẩn. Cụ thể, đó là nội dung tự đánh giá về: (TC1) Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT; (TC2) Bản mô tả CTĐT; (TC3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học; (TC4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; (TC5) Đánh giá kết quả học tập của người học; (TC6) Đội ngũ GV (GV), nghiên cứu viên (NCV); (TC7) Đội ngũ nhân viên (NV); (TC8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học; (TC9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị; (TC10) Nâng cao chất lượng; (TC11) Kết quả đầu ra.

Mỗi tiêu chuẩn, bản báo cáo đều mô tả và nhận định thực trạng của CTĐT, phân tích và chỉ ra tóm tắt những điểm mạnh nổi bật, những điểm tồn tại của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí. Báo cáo cũng đề xuất kế hoạch phát huy mặt mạnh, khắc phục những tồn tại, tự đánh giá tiêu chí Đạt/Chưa đạt, kèm theo mức tự đánh giá, theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư 04/2016. Sau khi mô tả và phân tích từng tiêu chí, bản báo cáo nêu tóm tắt điểm mạnh nổi bật, những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn; kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn.

- **Phần 3: Kết luận** mô tả tóm tắt các điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần cải tiến chất lượng theo từng tiêu chuẩn của CTĐT; đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng của CTĐT.

Cuối phần Kết luận là bản Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT cử nhân GDTH của Trường ĐHSPHN. Ngoài ra còn có hai phụ lục là: Phụ lục 7a - Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT đánh giá theo Thông tư 04/2016. Phụ lục 8 - Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT.

- **Phần 4: Phụ lục** bao gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH của Bộ GD & ĐT, cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng. Mã thông tin và minh chứng (MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef**.

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (MC của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp) .
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết.  
(trường hợp  $n \geq 10$  thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10).
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10).
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...).

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1.

H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.

H4.04.03.25: là MC thứ 25 của tiêu chí 03 thuộc tiêu chuẩn 4, được đặt ở hộp 4.

H8.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 8.

H10.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10.

### **1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá**

#### **a) Mục đích tự đánh giá**

- Kiểm định chất lượng CTĐT là yêu cầu tất yếu trong công tác quản lý và đảm bảo chất lượng giáo dục, là phương thức *xác định mức độ đáp ứng của chương trình đối với các mục tiêu đặt ra, từ đó có giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo, nâng cao chất lượng và hiệu quả các lĩnh vực hoạt động của trường đại học.*

- Theo quy định của Bộ GD&ĐT về kiểm định chất lượng CTĐT trong trường Đại học, Trường ĐHSPTHN triển khai tự đánh giá CTĐT Cử nhân GDTH giai đoạn 2019 - 2024 nhằm giải trình với cơ quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của chương trình, làm cơ sở cho người học lựa chọn chương trình; nhà tuyển dụng lao động lựa chọn nhân lực.

- Tự đánh giá CTĐT là khâu quan trọng trong hoạt động kiểm định chất lượng CTĐT với mục đích chính là tự xem xét, đánh giá CTĐT của Trường ĐHSPTHN để báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT Cử nhân GDTH để Trường ĐHSPTHN điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng được các mục tiêu đề ra và hoàn thành sứ mạng của nhà trường đối với xã hội và cộng đồng.

- Tự đánh giá CTĐT không chỉ là căn cứ để triển khai công tác đánh giá ngoài mà còn là cơ sở để Trường cải tiến chất lượng của CTĐT, đồng thời thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của đơn vị trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội. Tự đánh giá CTĐT đồng thời tạo cơ sở dữ liệu cơ bản, đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo GVTH đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế.

#### **b) Quy trình tự đánh giá**

Quy trình tự đánh giá được thực hiện gồm các bước chính sau:

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách.

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm công tác chuyên trách.

- Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng
- Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được.
- Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá theo tiêu chí, tiêu chuẩn.
- Bước 6: Tổng hợp Báo cáo tự đánh giá.
- Bước 7: Thông qua Hội đồng về Báo cáo tự đánh giá.
- Bước 8: Hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá CTĐT Cử nhân GDTH.
- Bước 9: Công bố Báo cáo cho các bên liên quan trong trường đọc và góp ý kiến.
- Bước 10: Hoàn thiện lần cuối Báo cáo tự đánh giá CTĐT Cử nhân GDTH và đăng ký đánh giá ngoài.

### ***c) Phạm vi tự đánh giá***

Trường ĐHSPhN thực hiện tự đánh giá CTĐT Cử nhân GDTH dưới sự chỉ đạo của Ban giám hiệu Nhà trường và sự cung cấp thông tin của các phòng, ban chức năng trong trường qua các thông tin và minh chứng trong 5 năm gần đây từ 2019 - 2024.

### ***d) Phương pháp và công cụ tự đánh giá***

Dựa theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ giáo dục đại học của Bộ GD&ĐT, ban hành kèm theo thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT gồm gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí.

Mỗi tiêu chí trong từng tiêu chuẩn, Khoa đã tiến hành đánh giá theo các bước sau đây:

- Mô tả để làm rõ thực trạng của CTĐT theo từng tiêu chí; chỉ ra điểm mạnh, tồn tại để từ đó đi đến những nhận định đánh giá cuối cùng;
- Xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục những tồn tại, phát huy điểm mạnh, hoạch định rõ thời gian, nguồn lực và phương pháp thực hiện;
- Tự đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí và tiêu chuẩn.

Hội đồng tự đánh giá CTĐT cử nhân GDTH được thành lập theo quyết định số 1400/QĐ-ĐHSPhN ngày 03 tháng 05 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPhN gồm có đầy đủ các bên liên quan: Ban Giám hiệu (BGH) Nhà trường, giảng viên (GV), nhân viên (NV) của khoa GDTH, cán bộ các phòng, ban, trung tâm trong trường. Sự phản hồi của SV (SV), các cựu SV, các cơ sở tuyển dụng, tiếp nhận SV thực hành, thực tập cũng là các thông tin rất quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá.

Ban Giám hiệu chỉ đạo chung, các phòng ban chức năng cung cấp các thông tin minh chứng liên quan đến CTĐT... trên cơ sở dữ liệu đó, khoa tiến hành viết báo cáo tự đánh giá và tìm các minh chứng liên quan đến khoa.

## **1.2. Tổng quan chung**

### ***1.2.1 Thông tin chung về Trường ĐHSP Hà Nội***

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (tên tiếng Anh: Hanoi National University of Education, viết tắt là HNUE) được thành lập ngày 11 tháng 10 năm 1951 tại Nghị định số 276/NĐ của Bộ Quốc gia Giáo dục (nay là Bộ GD&ĐT). Trong tiến trình xây dựng và phát triển, các thế hệ thầy và trò Trường ĐHSPHN đã góp phần không nhỏ trong việc hình thành và phát triển ngành Sư phạm Việt Nam, phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) của đất nước. Tại Quyết định số 201/1999/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ, Trường ĐHSPHN đã được Chính phủ định hướng xây dựng thành một trong hai trường đại học sư phạm trọng điểm quốc gia.

Chức năng: *“Đào tạo giáo viên chất lượng cao, chuyên gia xuất sắc; nghiên cứu khoa học đạt trình độ tiên tiến; cung cấp dịch vụ giáo dục và khoa học công nghệ phục vụ sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế của đất nước”.*

Trường cũng đã trở thành địa chỉ tin cậy được Đảng và Nhà nước giao nhiều nhiệm vụ có tính chất đi đầu và chuyển giao công nghệ trong cả nước:

- Trường là cơ sở đầu tiên được Bộ GD&ĐT giao nhiệm vụ thực hiện đào tạo trình độ trên đại học (sau đại học) từ năm 1976;
- Là trường đầu tiên thực hiện một số chủ trương cải cách đại học năm 1986, thực hiện chế độ đào tạo đại học theo học phần;
- Là cơ sở đầu tiên đào tạo giáo viên mầm non trình độ đại học (cung cấp đội ngũ cho các trường Trung học Sư phạm Mầm non) và đào tạo giáo viên Tiểu học có trình độ đại học;
- Là cơ sở đầu tiên đào tạo giáo viên dạy trẻ khuyết tật trình độ đại học (năm 1993); là trường thực hiện dự án Việt – Bỉ trong xây dựng và triển khai mô hình đào tạo từ xa đầu tiên (năm 1994);

Sứ mạng của Trường: *“Trường ĐHSPHN là trường đại học trọng điểm quốc gia và khu vực, đào tạo các chuyên gia xuất sắc có đóng góp đặc biệt quan trọng cho*



*hệ thống giáo dục và xã hội thông qua các chương trình nghiên cứu, hợp tác đào tạo đại học và sau đại học có chất lượng cao”.*

Tầm nhìn: *“Đến năm 2030, Trường ĐHSPHN sẽ có những kết quả vượt trội trong nghiên cứu khoa học công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục, đào tạo giáo viên chất lượng cao ở tầm quốc gia và quốc tế.”.*

Giá trị cốt lõi: **“Chuẩn mực – Sáng tạo – Tiên phong”.**

Triết lý giáo dục: *“Đào tạo nhà giáo xuất sắc có tinh thần nhân văn, tư duy hiện đại, hành động tích cực vì sự phát triển cộng đồng.”*

Mỗi cá nhân, đơn vị trong Nhà trường đều nỗ lực trong việc giữ gìn, phát huy sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Nhà trường. Các văn bản chỉ đạo, tổ chức điều hành của Nhà trường và các hoạt động triển khai cụ thể công tác năm học đều có nhiệm vụ căn cứ, bám sát sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược.

Trường ĐHSPHN có 24 khoa đào tạo (Toán - Tin, Công nghệ Thông tin, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Sư phạm Kỹ thuật, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Lí luận Chính trị - Giáo dục Công dân, Tâm lí - Giáo dục, Quản lí Giáo dục, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Đặc biệt, Nghệ thuật, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Việt Nam học, Triết học, Công tác Xã hội, Văn hoá và Ngôn ngữ Trung Quốc); 03 trường phổ thông (Trường THPT Chuyên ĐHSP, Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành, Trường Tiểu học thực hành Nguyễn Tất Thành); 01 trường Mầm non thực hành (Trường Mầm non Búp Sen Xanh); 02 Viện nghiên cứu (Viện Khoa học Xã hội, Viện Khoa học Tự nhiên); 01 Viện GD&ĐT Quốc tế; 20 trung tâm nghiên cứu và chuyên gia KHCN.

Tại Phân hiệu Hà Nam, Trường ĐHSPHN có 01 Ban tổ chức Hành chính, 01 Trường THCS &THPT Nguyễn Tất Thành, 01 Trường Tiểu học Nguyễn Tất Thành.

Về đào tạo bậc đại học, cho đến nay trường có 38 chương trình đào tạo chính quy, trong đó có các chương trình chất lượng cao, chương trình dạy học bằng tiếng Anh và liên kết quốc tế. Đến nay, trường đã đào tạo được hàng vạn cử nhân cho ngành, cho đất nước.

Về đào tạo sau đại học, tính đến năm 2024, trường có 55 chương trình đào tạo thạc sĩ, 43 chương trình đào tạo tiến sĩ và một số chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ liên kết với nước ngoài. Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ từ năm 1976, thạc sĩ từ năm 1991. Nhiều nhà khoa học, cán bộ quản

lý, nhà giáo, đông đảo trí thức, văn nghệ sĩ, các nhà hoạt động xã hội trưởng thành từ Trường ĐHSPHN đã và đang phát huy tốt vai trò của mình trong các lĩnh vực công tác khác nhau.

Về đội ngũ nhân sự, Trường là một trong những cơ sở giáo dục đại học tập trung đội ngũ chuyên môn, nhà khoa học đầu ngành. Với đội ngũ giảng viên, nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao, Trường không chỉ tham gia hoạt động đào tạo nguồn nhân lực đại học, sau đại học, đào tạo cán bộ khoa học cho các đơn vị nghiên cứu trong toàn quốc, cung cấp các dịch vụ giáo dục theo nhu cầu của xã hội mà còn chủ trì, tham gia xây dựng chương trình, nội dung, giáo trình, sách giáo khoa, sách phục vụ đổi mới phương pháp dạy học cho hệ thống các trường sư phạm, bậc giáo dục phổ thông trong cả nước. Nhiều nhà khoa học, cán bộ, giảng viên là thành viên chủ chốt trong xây dựng, biên soạn các bộ sách cho chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Trường ĐHSPHN là đơn vị trọng điểm trong nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học giáo dục của ngành. Nhiều cán bộ của trường đã trở thành những nhà khoa học tầm cỡ quốc gia, quốc tế, nhiều người đã vinh dự được nhận các giải thưởng lớn (giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng khoa học Nhà nước, giải thưởng quốc tế Cosmos, giải thưởng Nhân tài đất Việt, giải thưởng tập thể Sáng tạo KH-CN Việt Nam VIFOTEC,...) của Nhà nước và quốc tế.

Trường ĐHSPHN còn có nhiệm vụ đào tạo học sinh chuyên cấp trung học phổ thông; phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo nhân tài; thử nghiệm các mô hình trường học, chương trình giáo dục mới. Do đó, Trường còn là một trong những trường có thành tích cao trong đào tạo tài năng trẻ cho đất nước... Học sinh Trường THPT Chuyên đã tham gia nhiều kỳ thi Học sinh giỏi và đạt thành tích cao; 20 học sinh Trường THPT Chuyên ĐHSPHN đã đạt học bổng từ 75% đến 100% của các trường Đại học uy tín ở nước ngoài; nhiều học sinh được nhận học bổng của chương trình trọng điểm phát triển Toán học, học bổng Odon Vale, của các quỹ và các tổ chức xã hội.

Trường ĐHSPHN cũng là trường có thành tích cao trong phong trào SV nghiên cứu khoa học. Đây là hoạt động luôn được diễn ra sôi nổi và thực hiện theo đúng kế hoạch của Bộ GD&ĐT. Qua các năm học, trường đều có SV đạt giải cao. Trường đã được Bộ GD&ĐT ghi nhận là một trong những đơn vị đạt thành tích xuất sắc trong phong trào SV nghiên cứu khoa học và là một trong số các trường đại học có thành tích SV nghiên cứu khoa học cao nhất cả nước.

Về hợp tác quốc tế, Trường ĐHSPHN có quan hệ hợp tác với hơn 100 trường đại học và các tổ chức giáo dục trên thế giới, trong đó có nhiều trường nổi tiếng của Nga, Trung Quốc, Pháp, Nhật Bản, Đức, Australia, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Bỉ... Trường có các chương trình liên kết đào tạo quốc tế từ Cử nhân đến Thạc sĩ, Tiến sĩ và trực tiếp tham gia nhiều dự án giáo dục lớn do quốc tế tài trợ. Trong những năm gần đây, hàng ngàn lượt cán bộ của trường đã đi trao đổi đào tạo, NCKH ở nước ngoài và hàng nghìn lượt các nhà khoa học, chuyên gia, học sinh, SV các nước đến công tác và học tập tại trường.

Trường đã tham gia tổ chức tốt nhiều hoạt động quốc tế lớn như Olympic Vật lý quốc tế, Olympic Hoá học quốc tế, Olympic Sinh học quốc tế. Trường ĐHSPHN là một trong những đơn vị dẫn đầu toàn ngành về hoạt động hợp tác quốc tế và đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo nhiều năm liền tặng Bằng khen.

Trường ĐHSPHN là một trong những trường đại học có tiềm năng cơ sở vật chất và thiết bị lớn nhất trong hệ thống các trường đại học, đặc biệt là các trường sư phạm cả nước. Với hệ thống giảng đường phòng thí nghiệm, thực hành phòng nghiệp vụ, thư viện, sân vận động, nhà thi đấu đa năng, trường Chuyên, trường Thực hành, các phương tiện kỹ thuật ngày càng hiện đại, phục vụ cho việc dạy và học. Ký túc xá SV được mở rộng và nâng cấp, cảnh quan và môi trường sư phạm ngày càng đổi mới, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH của Trường sư phạm đầu ngành và trọng điểm. Từ năm 2015 đến nay, Nhà trường đã có khá nhiều các dự án đầu tư thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học từ Ngân sách nhà nước, vốn ODA. Các dự án đầu tư thiết bị đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường, thể hiện ở kết quả công bố quốc tế của Trường hiện đứng thứ ba cả nước, thứ hạng của Trường gia tăng trong bảng xếp hạng các trường đại học trên thế giới.

Về hoạt động đảm bảo chất lượng, hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong bắt đầu ổn định và đi vào hoạt động, hoàn thiện mạng lưới đảm bảo chất lượng nội bộ, truyền thông thông tin qua trang thông tin điện tử và các hoạt động khác, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên, SV và học viên của Nhà trường về công tác này. Đội ngũ làm công tác đảm bảo chất lượng nội bộ được cử đi bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia tập huấn về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (CSGD) và chương trình đào tạo (CTĐT).

Công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT ngày càng đi vào nề nếp, triển khai hiệu quả, tiết kiệm (sử dụng hệ thống minh chứng online, không phải in ấn tốn kém). Việc lưu trữ minh chứng (mặc dù chưa có phần mềm) cũng đã được tiến hành tương đối khoa học, thuận lợi cho việc tìm kiếm và sử dụng. Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn và triển khai kế hoạch tự đánh giá, đánh giá ngoài cơ sở giáo dục và CTĐT đạt hiệu quả:

Trường hoàn thành tự đánh giá và đánh giá ngoài CSGD, được cấp GCN lần đầu năm 2017; hoàn thành đánh giá ngoài cơ sở giáo dục chu kì 2 (16-20/03/2023) và đã được cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và đào tạo (02/06/2023).

Năm 2019, Trường được cấp chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục đối với CTĐT Sư phạm Hoá học chất lượng cao và Giáo dục Tiểu học. Tháng 9/2021, 06 CTĐT được cấp chứng nhận KĐCLGD bao gồm: Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Tin học, Sư phạm Sinh học, Công tác xã hội, Giáo dục Mầm non và Giáo dục Đặc biệt. Năm học 2022 - 2023, Nhà trường tiếp tục hoàn thành đánh giá ngoài 09 CTĐT (từ 01 - 07/12/2022) và đã được cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT (16/03/2023, bao gồm: Sư phạm Toán học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Địa lý, Việt Nam học, Tâm lý học giáo dục, Giáo dục thể chất và Giáo dục công dân). Hiện tại, Trường đang triển khai kế hoạch tự đánh giá 09 CTĐT: Sư phạm Âm nhạc. Sư phạm Mỹ thuật. Sư phạm công nghệ, Sư phạm Tiếng Pháp, Giáo dục chính trị, Sư phạm Hoá học, GDTH, Quản lý Giáo dục và Tâm lý học.

*Với những thành tích nổi bật về mọi mặt, Trường ĐHSPHN đã được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng, danh hiệu cao quý: Huân chương Lao động hạng Ba năm 1961, Huân chương Lao động hạng Nhì năm 1962, Huân chương Lao động hạng Nhất năm 1981, Huân chương Độc lập hạng Nhì năm 1986, Huân chương Độc lập hạng Nhất năm 1996, Huân chương Hồ Chí Minh năm 2001, danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới năm 2004, Huân chương Lao động hạng Nhất lần 2 năm 2021.*

### **1.2.2. Thông tin chung về Khoa Giáo dục Tiểu học**

Khoa Giáo dục Tiểu học (GDTH) được thành lập theo Quyết định ngày 18/03/1983 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Trải qua 40 năm xây dựng và phát triển, với

sự cống hiến của nhiều thế hệ các nhà giáo, Khoa GDTH đã đạt được nhiều thành tích to lớn trong sự nghiệp đào tạo đội ngũ giáo viên tiểu học, các nhà nghiên cứu cho sự nghiệp giáo dục của đất nước.

Từ những năm tháng đầu thành lập, Khoa GDTH đã xác định “sứ mạng” của Khoa là đào tạo và nâng cao chất lượng của đội ngũ GVTH và cán bộ quản lý chuyên môn về GDTH, NCKH góp phần nâng cao chất lượng nền giáo dục Việt Nam, cũng chính là góp phần đào tạo những lớp chủ nhân tương lai của đất nước đáp ứng được đòi hỏi ngày càng cao của thời đại mới. Thực hiện sứ mạng trên, trong những năm qua, Khoa GDTH đã hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu, nhiệm vụ được Nhà nước, Ngành và Bộ GD&ĐT giao như: (1). Đào tạo cử nhân sư phạm tiểu học, đào tạo thạc sĩ bậc tiểu học, đào tạo tiến sĩ ngành Lí luận và phương pháp dạy học tiểu học. (2) Giảng dạy các lĩnh vực thuộc về những chuyên ngành: Toán học, Tiếng Việt, Tâm lí - Giáo dục học tiểu học, Tự nhiên xã hội, Lịch sử, Địa lí, Tin học - Công nghệ, Mĩ thuật, Âm nhạc,... và các phương pháp giảng dạy các môn học này ở tiểu học. (3) Nghiên cứu các lĩnh vực khoa học liên quan tới các môn học ở trường tiểu học như môn Toán, Khoa học, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Việt, Mĩ thuật, Âm nhạc, Thủ công – Kỹ thuật... (4) Liên kết với các cơ sở đào tạo ở trong và ngoài trường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên ở khắp các tỉnh thành trên cả nước. Đẩy mạnh các quan hệ quốc tế về phát triển GDTH.

Theo chiều dài lịch sử kể từ khi thành lập, Khoa GDTH phát triển theo các giai đoạn với các dấu mốc có ý nghĩa. Ngày 18 tháng 03 năm 1983, Bộ trưởng Bộ Giáo dục (nay là Bộ GD&ĐT) đã kí quyết định mở thí điểm hệ đào tạo giáo viên cấp I trình độ đại học đặt tại Trường Đại học Sư phạm (nay là Trường ĐHSPPHN). Đây là một sự kiện quan trọng không chỉ đối với Trường ĐHSPPHN mà còn là một dấu mốc son đối với ngành giáo dục Việt Nam, bởi vì trước đó Việt Nam chưa có trường sư phạm nào đào tạo giáo viên tiểu học có trình độ đại học, cũng tức là chưa có một giáo viên tiểu học nào có trình độ đại học sư phạm ngành tiểu học. Theo quyết định này, khối Chuyên tu đào tạo giáo viên cấp I - tiền thân của Khoa GDTH ngày nay - được thành lập nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách giáo dục ở nước ta. Với quyết định quan trọng này của Bộ trưởng Bộ Giáo dục, cơ hội tiếp tục học tập của các thầy giáo, cô giáo cấp I được rộng mở, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục cấp I. Sau 8 năm khối Chuyên tu cấp I thử nghiệm đào tạo thành công 6 khoá chuyên tu. Ngày 08 tháng 4 năm 1991, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ký quyết định thành lập Khoa cấp I (sau đổi

thành khoa GDTH) thuộc Trường ĐHSPHN với nhiệm vụ triển khai rộng rãi các mô hình đào tạo giáo viên cấp I (nay gọi là giáo viên tiểu học) có trình độ cao, đáp ứng đòi hỏi của công cuộc đổi mới giáo dục tiểu học.

Với kết quả đạt được trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và xây dựng đội ngũ, năm 2000, Khoa GDTH được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo thạc sĩ chuyên ngành GDH (GDTH). Năm 2011, Khoa được phép đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học tiểu học. Từ năm học 2013 - 2014, bên cạnh hệ cử nhân Khoa bắt đầu đào tạo cử nhân GDTH - Sư phạm Tiếng Anh.

Ba sự kiện trên đánh dấu những mốc quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển của Khoa GDTH.

### **Đào tạo đại học:**

Sau 40 năm xây dựng và phát triển, Khoa GDTH đã trở thành đơn vị đi đầu trong việc thực hiện chủ trương của Bộ GD&ĐT về đa dạng hoá các loại hình đào tạo, góp phần nâng cao trình độ GV tiểu học. Trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, Khoa GDTH đã tạo được sự tín nhiệm cao của nhiều cơ sở đào tạo giáo viên, cơ quan quản lý GD, trung tâm nghiên cứu ở cả nước. Năm 1993, Khoa bắt đầu tham gia đào tạo các hệ không chính quy, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn của giáo viên tiểu học. Từ đó đến nay, Khoa GDTH đã liên kết đào tạo hơn 3.000 cử nhân hệ chính quy và hệ chuyên tu tập trung; trên 80.000 cử nhân các hệ vừa học vừa làm, giáo dục từ xa, liên thông, văn bằng 2, đã và đang đào tạo hơn 500 thạc sĩ. Trong số SV đã tốt nghiệp, nhiều người trở thành cán bộ lãnh đạo chủ chốt của ngành giáo dục địa phương, là lực lượng nòng cốt về chuyên môn của các trường tiểu học. Chất lượng và hiệu quả đào tạo của Khoa được xã hội đặc biệt là các sở giáo dục và đào tạo cũng như chính người học đánh giá cao.

Trong quá trình đào tạo, Khoa triển khai và thực hiện nghiêm túc công tác quản lý đào tạo SV và học viên sau đại học; nhất là thực hiện quy chế đào tạo theo tín chỉ. Đặc biệt khoa luôn luôn quan tâm đến việc rèn luyện tay nghề cho SV. Trong những năm qua Khoa đã phối hợp chặt chẽ với nhiều trường tiểu học tổ chức kiến tập và thực tập sư phạm cho SV. Khoa phối kết hợp với 4 trường tiểu học: Hoàng Diệu, Thành Công B, Quan Hoa, Dịch Vọng B trong rèn luyện sư phạm cho SV ngay từ năm đầu tiên. Những năm gần đây, Khoa tổ chức cho SV thực hành môn học cũng như thực tập sư phạm đợt 1 và đợt 2 ở hơn 10 trường tiểu học trên địa bàn TP. Hà Nội, gồm cả trường công lập, tư thục và bán công. Đặc biệt 5 năm vừa qua, Trường

ĐHSPHN đã có hệ thống trường tiểu học thực hành. Trường Tiểu học Nguyễn Tất Thành Cơ sở 1 ở Hà Nội và cơ sở 2 ở Hà Nam. Do đó, hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề cho SV ngày càng được thúc đẩy, SV có cơ hội rèn nghề ở nhiều thời điểm khác nhau của năm học.

Khoa luôn chú trọng tổ chức cho SV được giao lưu, học hỏi chia sẻ kinh nghiệm như: tổ chức hội thi nghiệp vụ sư phạm, hội nghị nghiên cứu khoa học của SV,... Hằng năm Khoa đều tổ chức gala chào đón tân SV nhập học cũng như phổ biến quy chế để triển khai đào tạo nghiêm túc, công khai; tổ chức các chuyến đi thực tế tại nhiều địa phương trên cả nước để SV có cái nhìn thực tiễn với thực tiễn giáo dục. Cùng với Nhà trường, hằng năm Khoa đều tổ chức “Ngày hội việc làm” thu hút được nhiều sự quan tâm của nhiều trường tiểu học công lập và dân lập, quốc tế trên địa bàn thành phố Hà Nội; tạo điều kiện cho các trường tìm kiếm nguồn nhân lực chất lượng cao và tạo điều kiện cho các em SV tìm hiểu thông tin các trường để ứng tuyển. Ngày hội việc làm tổ chức trong các năm học đã thu được kết quả tốt đẹp ngoài dự kiến, nhiều SV đã tìm kiếm được việc làm phù hợp ngay sau khi tốt nghiệp; bên cạnh đó nhiều tổ chức, nhà trường, đơn vị,... cũng có những đóng góp để triển khai công tác đào tạo được tốt hơn, phù hợp với thực tiễn giáo dục phổ thông,... Điều này tạo sự yên tâm về nghề nghiệp trong tương lai cho SV đang học tập tại Khoa, tạo niềm tin cho học sinh phổ thông và phụ huynh học sinh khi lựa chọn thi vào ngành GDTH.

#### **Đào tạo sau đại học:**

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ThS và TS đáp ứng mục tiêu đổi mới công tác đào tạo sau đại học của Nhà trường, Khoa đã xây tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra, khung chương trình và viết lại đề cương các chuyên đề đào tạo thạc sĩ cho hai ngành đào tạo theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng; các đề cương học phần bắt buộc, tự chọn và các chuyên đề bắt buộc cho chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học tiểu học. Bắt đầu từ khóa 32, Khoa đã tiến hành đào tạo thạc sĩ theo chương trình mới. Trong đào tạo, Khoa tiếp tục ổn định nề nếp, nâng cao chất lượng đào tạo và tiến hành kiểm tra đánh giá công tác đào tạo sau đại học theo chuẩn đầu ra mới; Tổ chức công tác xây dựng đề cương, bảo vệ luận văn cho học viên cao học và bảo vệ luận án cho nghiên cứu sinh.

#### **Công tác xây dựng đội ngũ:**

Với nhận thức đội ngũ cán bộ là nhân tố hàng đầu quyết định chất lượng đào tạo, ngay từ những ngày đầu mới thành lập, Khoa GDTH đã đặc biệt quan tâm đến xây dựng và phát triển đội ngũ. Từ khi mới thành lập, Khoa chỉ có 2 cán bộ, nhưng Khoa đã nhanh chóng phát triển, có thời điểm mạnh nhất là 30 GV. Trong 41 năm xây dựng, Khoa đã có 01 Giáo sư, 11 PGS, 12 TS và hơn 10 thạc sĩ.

Hiện nay Khoa đã có 22 cán bộ, viên chức cơ hữu với: 5 PGS, 6 TS, 10 ThS, 2 cử nhân. Ngoài ra, Khoa cũng đã và đang huy động được một lực lượng đông đảo các nhà khoa học, các GS, PGS, TS; các nhà giáo tâm huyết... tham gia vào quá trình đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học cho giảng viên, học viên và SV của Khoa.

Để nâng cao chất lượng đào tạo và xây dựng đội ngũ, Khoa rất chú trọng đến công tác bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học của cán bộ. Nhiều cán bộ được cử đi thực tế giao lưu kinh nghiệm đào tạo, tham dự hội thảo trong và ngoài nước.

Các cán bộ trong Khoa không ngừng học hỏi, trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm. Các hội thảo, xemina thường xuyên được tổ chức trong tổ bộ môn, trong khoa để tạo môi trường cho cán bộ trao đổi, giao lưu học hỏi kinh nghiệm của nhau, cập nhật những xu thế, định hướng giáo dục mới. Một số cán bộ đã tự hoàn thành các chứng chỉ phục vụ công tác chuyên môn như nghiệp vụ sư phạm, tin học, tiếng Anh chuyên ngành,... và đạt kết quả cao.

#### **Hợp tác quốc tế:**

Trong thời kỳ hội nhập, việc hợp tác quốc tế được Khoa rất chú trọng nhất là từ khi Khoa có ngành đào tạo GV ngành GDTH - Sư phạm Tiếng Anh. Cán bộ giảng viên của Khoa đã chủ động học tập nâng cao trình độ học tập ngoại ngữ, tham gia nhiều hội thảo trong nước vào quốc tế, làm việc với chuyên gia nước ngoài trao đổi và giao lưu kinh nghiệm giảng dạy. Trong 5 năm qua Khoa tiếp tục có những hoạt động trao đổi kinh nghiệm về GDTH với Nhật Bản và tham gia tích cực vào dự án VOB của Bỉ.

#### **Công tác nghiên cứu khoa học:**

Bên cạnh thành tích nổi bật về đào tạo, Khoa có nhiều đóng góp quan trọng trong công cuộc cải cách và đổi mới giáo dục phổ thông. Nhiều cán bộ trong khoa là tác giả, đồng tác giả của hơn 100 giáo trình sư phạm, sách chuyên khảo; là chủ biên, tác giả, đồng tác giả của hàng trăm sách tham khảo ở phổ thông; gần 100 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; công bố nhiều bài báo trên tạp chí trong nước và quốc tế có



chỉ số. Đặc biệt năm học 2022 – 2023, cán bộ khoa đã có **07** công bố quốc tế (tác giả chính và đồng tác giả); **18** bài báo trong nước; **03** bài báo đăng trên hội thảo quốc tế, trong nước.

Khoa GDTH đã tổ chức nhiều xemina và hội thảo cấp khoa gắn với bối cảnh của đổi mới giáo dục trong công tác chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, cán bộ giảng viên của Khoa tham gia nhiều hội thảo trong nước và quốc tế. Nhiều cán bộ của Khoa đóng góp tích cực vào việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018: (1) Tham gia xây dựng chương trình GDPT tổng thể và Chương trình GDPT môn Ngữ văn, 2018. (2) Tham gia thẩm định chương trình, SGK. (3) Là chủ biên, tác giả các bộ sách giáo khoa, sách giáo viên, sách chuyên khảo, sách tham khảo, tài liệu tham khảo. Cán bộ Khoa còn là cộng tác viên tích cực của các nhà xuất bản, các dự án: Nhà xuất bản Giáo dục, Nhà xuất bản ĐHSP, Dự án nâng cao năng lực cho các trường sư phạm trong đào tạo và bồi dưỡng giáo viên (ETEP), Dự án VNEN, Dạy học Tiếng Việt cho học sinh dân tộc, Dự án Học thông qua chơi của tổ chức VVOB,... Đặc biệt Khoa đã giúp nhiều trường sư phạm, nhà trường tiểu học trong việc xây dựng chương trình, đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, tổ chức giờ dạy, quan sát dạy học,...

Trong quá trình đào tạo, Khoa luôn chú trọng phong trào nghiên cứu khoa học ở SV, nhờ đó các công trình nghiên cứu khoa học của SV ngày càng phát triển về số lượng và chất lượng. Khoa phối hợp với Liên Chi đoàn tích cực triển khai công tác SV NCKH và thu hút được đông đảo SV tham gia. Năm học 2022 – 2023 và 2023 – 2024, Khoa có 3 báo cáo SV NCKH đạt giải nhất cấp Trường và được cử đi tham gia NCKH cấp Bộ.

### **Công tác tuyển sinh:**

Trong những năm gần đây, Khoa GDTH có số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển tăng vượt trội so với trước đây. Và là một trong những khoa có điểm xét tuyển đầu vào ở nhóm cao nhất. Hằng năm, khoa đều tuyển sinh hai chương trình đào tạo chính quy: GDTH, GDTH - Sư phạm Tiếng Anh; số lượng hồ sơ ứng tuyển cao và nhiều thí sinh có hồ sơ học tập xuất sắc.

Khoa đã đào tạo hệ vừa học vừa làm đáp ứng nhu cầu của học viên các tỉnh như: Điện Biên, Lai Châu, Nam Định, Bắc Giang, Hoà Bình, TP. Hà Nội, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc... Việc quản lý đào tạo hệ vừa học vừa làm theo hình thức tín chỉ với công tác giảng dạy cũng như kiểm tra đánh giá diễn ra nghiêm túc và có

chất lượng. Trong 5 năm gần đây, thống kê số lượng học viên đang tham gia học tập khoảng 2.000 học viên.

Đối với tuyển sinh sau đại học, Khoa tiến hành rà soát đội ngũ và xác định chỉ tiêu tuyển sinh (theo số lượng giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy cao học). Năm học 2022 – 2023, Khoa đã xác định “Danh mục ngành đúng, ngành gần và ngành phù hợp phục vụ cho tuyển sinh trình độ thạc sĩ”. Khoa tổ chức tốt công tác tuyển sinh cũng như ôn tập bổ sung kiến thức, ôn tập tạo nguồn. Việc tuyển sinh mấy năm gần đây liên tục phát triển. Khoa đã và đang tạo được sự tín nhiệm cao của người học và xã hội. Vì thế trách nhiệm của Khoa trong việc giữ vững và phát triển thương hiệu luôn luôn được Ban Chủ nhiệm Khoa đặt lên hàng đầu.

Trong nhiều năm qua Khoa Giáo dục Tiểu học đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đảng uỷ, Ban Giám hiệu Trường ĐHSPT Hà Nội giao phó, đã góp phần tích cực và xứng đáng trong việc phát huy vai trò và vị thế của trường sư phạm trọng điểm quốc gia đối với ngành giáo dục và địa phương trong cả nước. Khoa đã chứng minh cho một phương thức tổ chức quản lý đào tạo theo cơ chế gọn nhẹ mà hiệu quả: mặc dù số lượng cán bộ không nhiều, tuổi đời và tuổi công tác chưa cao nhưng khi biết cách tổ chức và động viên cán bộ trong khoa, tập hợp và phát huy đội ngũ cộng tác viên trong và ngoài nhà trường thì vẫn có thể hoàn thành một khối lượng công việc lớn. Với 40 năm xây dựng và trưởng thành, khoa đã từng bước khẳng định vị thế của mình là đơn vị đầu tiên và hàng đầu của các trường sư phạm trong cả nước về đào tạo giáo viên tiểu học có trình độ đại học và trên đại học. Bằng thực tiễn sinh động và thuyết phục trong suốt quá trình đào tạo, Khoa GDTH - Trường ĐHSPT Hà Nội đã trở thành địa chỉ đáng tin cậy trong công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đối với nhiều địa phương và các bậc phụ huynh trong cả nước.

Thực hiện kế hoạch tự đánh giá CTĐT được ban hành kèm theo Quyết định số 1400/QĐ-ĐHSPTN ngày 03/05/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPTN, đây là lần thứ hai, Khoa GDTH thực hiện tự đánh giá CTĐT. Khoa đã xác định mức độ đáp ứng CTĐT trình độ đại học ngành giáo dục tiểu học so với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cấp chương trình theo bộ tiêu chuẩn ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí để nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT và để đăng ký kiểm định chất lượng CTĐT. Tự đánh giá CTĐT sẽ giúp Khoa GDTH tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của

CTĐT: thực trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT, làm căn cứ để Khoa tiến hành điều chỉnh các nguồn lực, xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo theo hướng cao hơn tiến tới đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

CTĐT trình độ đại học ngành GDTH năm 2020 được chỉnh sửa theo CĐR chung của Nhà trường và đáp ứng nhu cầu đào tạo giáo viên tiểu học. Theo đó, tổng số TC cho CTĐT trình độ đại học ngành GDTH là 136 TC, trong đó khối học văn chung là 35 TC (chiếm tỉ lệ khoảng 26 %), khối học văn chuyên ngành là 66 TC (khoảng 48 %), khối học văn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm là 35 TC (khoảng 26 %, thời lượng cho thực tập sư phạm đã tăng 01 TC so với CTĐT năm 2014). CTĐT năm 2020 xuất hiện một số môn học mới như: Phát triển chương trình nhà trường tiểu học; Dạy học tích cực ở tiểu học; Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở tiểu học; Dạy học phát triển năng lực Tiếng Việt/Toán/các môn Tự nhiên và Xã hội/Tin học và Công nghệ ở tiểu học; Dạy học môn Toán bằng tiếng Anh; Giáo dục STEM ở tiểu học. Ngoài ra còn có các học phần tương đương 1, 2 được lựa chọn 1 trong 3 môn học. Các môn học mới tăng cường trong CTĐT năm 2020 nhằm mục đích để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường, mong muốn của SV và cựu người học.

Tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành GDTH là cơ sở để Trường ĐHSPHN và Khoa GDTH cải tiến chất lượng của chương trình đồng thời thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của đơn vị trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội; tạo cơ sở dữ liệu cơ bản, đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch đồng thời là căn cứ để triển khai công tác đánh giá ngoài CTĐT của Nhà trường.

Trước sự cạnh tranh của các trường đào tạo trình độ đại học ngành GDTH trong cả nước, Nhà trường phải quyết tâm trong việc nâng cao chất lượng của các ngành đào tạo, đặc biệt là đối với CTĐT trình độ đại học ngành GDTH. Hoạt động đảm bảo chất lượng là một hoạt động mang tính quyết định, đã và đang được thực hiện một cách hiệu quả tại Khoa GDTH, Trường ĐHSPHN. Khoa đã có những chiến lược và kế hoạch cụ thể để nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế như sau:

- Về công tác tư tưởng, chính trị: 100% cán bộ viên chức chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần hợp tác đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, đây sẽ là yếu tố góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn của Trường giao, nhằm tạo môi trường làm việc lành mạnh, hiệu quả.

- Về giảng dạy: Khoa GDTH đã chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo nhằm phát triển phẩm chất, năng lực cho sinh viên đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT. Hoàn chỉnh và bổ sung các giáo trình theo hướng tăng cường phần bài tập, tài liệu tham khảo. Sử dụng có hiệu quả các thiết bị dạy học hiện đại để SV có tài liệu học tập và nghiên cứu đáp ứng kịp thời yêu cầu đào tạo theo TC. Đội ngũ GV của Khoa luôn bám sát yêu cầu đổi mới Chương trình và SGK cấp tiểu học, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, thiết kế kế hoạch bài dạy và thực hành giảng. Tăng cường tổ chức cho sinh viên xuống trường tiểu học sự giờ, dự sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học. Hoạt động Rèn luyện NVSP hàng năm được tổ chức khoa học, chất lượng thu hút được toàn thể sinh viên của Khoa tham dự. Các giải trong Hội thi ngày càng được nâng cao về chất lượng và số lượng. Câu lạc bộ NVSP của Khoa được tổ chức hiệu quả. Tổ chức các lễ tổng kết thực tập sư phạm với sự tham gia của các nhà trường tiểu học để trao đổi, chia sẻ về những ưu điểm và hạn chế trong công tác thực tập nghề của SV. Từ đó, có những giải pháp đổi mới, phát huy những mặt mạnh và cải thiện những hạn chế, kịp thời điều chỉnh trong công tác đào tạo hàng năm. Bên cạnh lễ tổng kết thực tập sư phạm, Khoa tổ chức ngày hội việc làm để SV nắm được các thông tin tuyển dụng và được tiếp xúc với các nhà trường tiểu học, tăng cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp. Vì thế, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm là 100%.

- Công tác NCKH: Tăng cường NCKH, động viên cán bộ và SV tham gia các đề tài nghiên cứu. Các môn học đều phải có đề tài NCKH và hướng dẫn SV NCKH.

- Công tác đào tạo đội ngũ cán bộ: Khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng các yêu cầu công việc được giao ở từng vị trí việc làm. Khoa cũng chủ động trong việc tìm nguồn cán bộ có trình độ để đáp ứng công việc giảng dạy và nghiên cứu. Với việc xây dựng đề án vị trí việc làm, Khoa có kế hoạch quy hoạch cán bộ để có thể đảm nhiệm hai nhiệm vụ chính là giảng dạy và NCKH.

Việc tự đánh giá của Khoa và đánh giá ngoài của Trường đã có tác động tích cực đến các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt đến Khoa GDTH. Trước hết, các hoạt

động đều được thực hiện theo đúng quy trình, quy định chuẩn, được ghi lại ở dạng văn bản để tiện đối chiếu, so sánh và đánh giá kết quả thực hiện (cũng là minh chứng cho sau này). Điều này có tác động sâu rộng đến các cá nhân, đơn vị trong toàn Trường và Khoa. Các cán bộ ý thức được vai trò và trách nhiệm cũng như dẫn dắt cách thực hiện các hoạt động dạy, học, NCKH và các công tác khác. Cơ sở vật chất được đầu tư, các phòng học được trang bị điều hoà, máy chiếu giúp nâng cao chất lượng dạy và học. Môi trường cảnh quan thay đổi theo hướng tích cực: Kí túc xá SV được xây dựng lại với chất lượng tốt hơn, SV có nhiều hơn không gian để học tập và vui chơi. Cuối cùng, chế độ lương thưởng được cải tiến rõ nét: thu nhập theo hoạt động, đóng góp của từng người, từng đơn vị nhằm động viên khuyến khích sự đóng góp tương xứng với thành quả và sự cố gắng của mỗi cá nhân và tập thể.

## **PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ**

### **Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

#### ***Mở đầu:***

CTĐT cử nhân GDTH 2022 được xây dựng trên cơ sở những quy định chung tại Luật Giáo dục đại học, chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành và các quy định, hướng dẫn của Trường ĐHSPHN. Các mục tiêu của CTĐT được xây dựng phản ánh rõ ràng sứ mạng và tầm nhìn, mục tiêu giáo dục của Nhà trường. CDR của CTĐT cũng được thiết kế rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt liên quan tới kiến thức và kỹ năng chuyên ngành, nhóm ngành, khối ngành và theo lĩnh vực. Người học sau khi tốt nghiệp đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. CDR cũng được xây dựng, chỉnh sửa, rà soát vào những năm 2020, 2022 có sự đóng góp của các bên liên quan.

***Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của sơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học***

#### ***1. Mô tả***

Mục tiêu của CTĐT cử nhân GDTH được Khoa GDTH xác định và xây dựng dựa trên cơ sở mục tiêu giáo dục đại học và triết lý giáo dục của Nhà trường. Mục tiêu chung của CTĐT đại học ngành GDTH ban hành theo quyết định số 6121/QĐ-ĐHSPHN năm 2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN và được xác định rõ ràng, cụ thể là: Đào tạo cử nhân GDTH đáp ứng đầy đủ khung CDR của Trường ĐHSPHN về phẩm chất và năng lực của người học; Đào tạo GVTH đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nói chung và Chương trình giáo dục phổ thông các môn học ở trường tiểu học nói riêng; Đáp ứng được vị trí, khả năng công tác và khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp, bao gồm: Có khả năng dạy học các môn học và tổ chức hoạt động giáo dục ở trường tiểu học; có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ ThS, TS [H1.01.01.01], [H1.01.01.02].

Mục tiêu của CTĐT cử nhân GDTH được xây dựng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục và kế hoạch phát triển của Trường ĐHSPHN được công bố năm 2016 và năm 2019 và Luật Giáo dục đại học [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03], [H1.01.01.04]. Mục tiêu của CTĐT GDTH là góp phần thực hiện sứ

mạng của Trường ĐHSPHN là “đào tạo các chuyên gia xuất sắc có đóng góp đặc biệt quan trọng cho hệ thống giáo dục và xã hội thông qua các chương trình nghiên cứu, hợp tác đào tạo đại học và sau đại học có chất lượng cao” và tầm nhìn được Trường ĐHSPHN xác định “đến năm 2030, Trường ĐHSPHN sẽ có những kết quả vượt trội trong nghiên cứu khoa học công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục, đào tạo giáo viên chất lượng cao ở tầm quốc gia và quốc tế” [H1.01.01.01], [H1.01.01.02]. Triết lý giáo dục của Trường ĐHSPHN xác định “Đào tạo nhà giáo xuất sắc có tinh thần nhân văn, tư duy hiện đại, hành động tích cực vì sự phát triển cộng đồng” [H1.01.01.03].

Mục tiêu của CTĐT được xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học quy định ở Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ban hành ngày 16/06/2005 “Đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ Nhân dân” và Luật Giáo dục Đại học 08/2012/QH13 ban hành 18 tháng 6 năm 2012 "Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân" [H1.01.01.04]. "Đào tạo trình độ đại học để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo" và đáp ứng những thay đổi trong chương trình giáo dục phổ thông mới được công bố năm 2018.

Sự phù hợp với Luật Giáo dục và Luật Giáo dục Đại học ở chỗ là mục tiêu CTĐT cử nhân GDTH hướng tới bảo đảm người học có phẩm chất chính trị đạo đức và có kiến thức chuyên môn, có năng lực và các kỹ năng NVSP dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường tiểu học. Các mục tiêu về có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân và có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo cũng đã được đề cập trong mục tiêu cụ thể của CTĐT.

Từ mục tiêu chung của chương trình đã được cụ thể hóa thành các mục tiêu cụ thể là các CĐR và năng lực người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình và tốt nghiệp. Việc thiết kế các học phần trong CTĐT cũng rất chặt chẽ và khoa học thể hiện ở việc lựa chọn các học phần để đáp ứng CĐR tương ứng, đáp ứng mục tiêu của CTĐT. Sau khi hoàn thành chương trình (tích lũy đủ 136 TC), SV tốt nghiệp được cấp Bằng cử nhân, đạt chuẩn GVTH, có thể giảng dạy ở trường tiểu học. CTĐT cũng thể hiện được mối quan hệ giữa CĐR với các hình thức dạy học; CĐR với đánh giá kết quả học tập của người học thông qua ma trận kỹ năng [H1.01.01.08].

Sau khi hoàn thiện khung CTĐT theo CĐR, Khoa đã lấy ý kiến đóng góp thêm của GV và chuyên gia, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng. Mục tiêu của CTĐT được xây dựng trên cơ sở đóng góp ý kiến của BCN khoa, Hội đồng khoa học và đào tạo của Khoa và có tham khảo ý kiến của các bên liên quan, khảo sát nhu cầu của thị trường lao động nên đáp ứng yêu cầu của xã hội [H1.01.01.09].

So với phiên bản của các CTĐT trước đó thì các mục tiêu của chương trình và mục tiêu cụ thể của CTĐT 2022 đã được điều chỉnh theo hướng nhằm đào tạo ra thế hệ giáo viên đủ các phẩm chất, năng lực đáp ứng khung chương trình giáo dục phổ thông 2018 tổng thể và chương trình các môn học ở trường tiểu học do Bộ GD&ĐT công bố [H1.01.01.05]. Ngoài ra, quá trình cập nhật, hoàn thiện nội dung CTĐT 2022 có sự tham khảo chương trình đào tạo của các Khoa GDTH của các Trường có đào tạo ngành GDTH [H1.01.01.09]. Cụ thể việc sử dụng năng lực hiểu, giải thích thấu đáo và vận dụng các kiến thức ngôn ngữ GDTH vào thực tiễn đã được bổ sung, cập nhật và thể hiện rõ trong mục tiêu và nội dung của CTĐT cử nhân GDTH năm 2022 và được phổ biến rộng rãi trên trang web của Trường ĐHSPHN và trang web của Khoa GDTH [H1.01.01.07].

## *2. Điểm mạnh*

Mục tiêu của CTĐT cử nhân GDTH rất rõ ràng, phù hợp sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHSPHN và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Mục tiêu CTĐT được rà soát và điều chỉnh đã dựa trên tham khảo các CTĐT tương đương.



### 3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT còn chưa thường xuyên và đa dạng.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Định kỳ khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về mục tiêu CTĐT.	GV, Bộ môn và Hội đồng khoa học Khoa	Giai đoạn 2024 - 2029
2	Phát huy điểm mạnh	Định kì rà soát, chỉnh sửa và bổ sung mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội.	GV, Bộ môn và Hội đồng khoa học Khoa	Giai đoạn 2024 - 2029

### 5. Tự đánh giá: 5/7

**Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo**

#### 1. Mô tả

CĐR được ban hành trong CTĐT năm 2020, rà soát, chỉnh sửa năm 2022 gồm 4 tiêu chuẩn, thể hiện ở 23 tiêu chí được xác định cụ thể, rõ ràng với 2 nhóm tiêu chuẩn: Nhóm CĐR về phẩm chất; Nhóm CĐR về Năng lực với 3 tiêu chuẩn: Năng lực chung, Năng lực sư phạm, Năng lực khoa học ngành GDTH [H1.01.02.02]. Mỗi nhóm CĐR tiếp tục được xác định cụ thể ở 3 cấp độ: Tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ báo. Trong đó:

Tiêu chuẩn 1 về phẩm chất: gồm 6 tiêu chí và 20 chỉ báo

Tiêu chuẩn 2 về năng lực chung: gồm 6 tiêu chí và 29 chỉ báo.

Tiêu chuẩn 3 về năng lực sư phạm: gồm 5 tiêu chí và 33 chỉ báo

Tiêu chuẩn 4 về năng lực ngành GDTH: gồm 6 tiêu chí và 19 chỉ báo. Cụ thể:  
(Bảng 1.1.1)

- + 6 tiêu chí hướng tới các phẩm chất gồm (CĐR 1, 2, 3, 4, 5, 6)
- + 6 tiêu chí hướng tới hình thành năng lực chung cho sinh viên (CĐR 7, 8, 9, 10, 11, 12)
- + 5 tiêu chí hướng tới các năng lực sư phạm cần thiết cho sinh viên (CĐR 13, 14, 15, 16, 17)
- + 6 tiêu chí hướng tới năng lực đặc thù ngành GDTH (CĐR 18, 19, 20, 21, 22, 23).

Các tiêu chuẩn trong CĐR được thiết kế theo logic từ những phẩm chất, năng lực chung có tính phổ cập đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại đến các năng lực sư phạm của nhà giáo dục và năng lực chuyên ngành GDTH. Các phẩm chất, năng lực chung như trung thực, trách nhiệm, ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời... cùng đó là các năng lực của con người mới thế kỷ 21 như giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tư duy phản biện, năng lực tự chủ và thích ứng với sự thay đổi để đảm bảo người học sau khi tốt nghiệp có thể đáp ứng được yêu cầu của xã hội hiện đại, thay đổi nhanh chóng. Tiêu chuẩn năng lực chuyên ngành đã được thiết kế các chỉ báo và cả biểu hiện cụ thể, thể hiện những năng lực phù hợp với đòi hỏi ngày càng cao của đội ngũ giáo viên làm việc trong lĩnh vực GDTH.

**Bảng 1.2.1. Chuẩn đầu ra ngành GDTH**

<b>Nhóm tiêu chuẩn</b>	<b>Tiêu chí</b>
<b>Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất</b>	1. Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước (3 chỉ báo) 2. Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh (3 chỉ báo) 3. Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học (3 chỉ báo) 4. Trung thực và đáng tin cậy (3 chỉ báo) 5. Trách nhiệm và tận tâm (5 chỉ báo) 6. Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời (3 chỉ báo)
<b>Tiêu chuẩn 2: Năng lực chung</b>	7. Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi (5 chỉ báo) 8. Năng lực giao tiếp và hợp tác (9 chỉ báo)

	<p>9. Năng lực lãnh đạo (3 chỉ báo)</p> <p>10. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo (6 chỉ báo)</p> <p>11. Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội (3 chỉ báo)</p> <p>12. Năng lực tư duy phản biện (3 chỉ báo)</p>
<p><b>Tiêu chuẩn 3:</b> <b>Năng lực sư phạm</b></p>	<p>13. Năng lực dạy học (9 chỉ báo)</p> <p>14. Năng lực giáo dục (9 chỉ báo)</p> <p>15. Năng lực định hướng sự phát triển học sinh (3 chỉ báo)</p> <p>16. Năng lực hoạt động xã hội (3 chỉ báo)</p> <p>17. Năng lực phát triển nghề nghiệp (4 chỉ báo)</p>
<p><b>Tiêu chuẩn 4:</b> <b>Năng lực khoa học ngành GDTH</b></p>	<p>18. Năng lực làm chủ khoa học ngành GDTH (3 chỉ báo)</p> <p>19. Năng lực vận dụng học vấn giáo dục tổng quát và học vấn của ngành học ở đại học để giải thích nội dung dạy học các môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học (3 chỉ báo)</p> <p>20. Năng lực vận dụng học vấn giáo dục tổng quát và học vấn của ngành học vào thực tiễn dạy học và giáo dục ở tiểu học (3 chỉ báo)</p> <p>21. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học (3 chỉ báo)</p> <p>22. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn (3 chỉ báo)</p> <p>23. Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn (3 chỉ báo)</p>

Việc xây dựng CDR với 3 cấp độ, cấp độ nhỏ nhất là các chỉ báo cho thấy CDR của CTĐT được thiết kế rõ ràng đảm bảo có thể dễ dàng quan sát cũng như đo lường và đánh giá được. Điều này được thể hiện cụ thể trong bảng ma trận kỹ năng, đảm bảo rằng tất cả CDR được đánh giá trong từng học phần thông qua các phương pháp kiểm tra, đánh giá. CDR cũng đã nêu rõ những yêu cầu chung (6 tiêu chí về phẩm chất và 6 tiêu chí về các năng lực chung) cho sinh viên và các yêu cầu chuyên biệt (5 tiêu chí về năng lực sư phạm và 6 tiêu chí về năng lực ngành đặc thù) đã thể hiện được các phẩm chất và năng lực nghề nghiệp của mình. CDR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập công bằng cũng như khả năng phát triển học vấn cho SV, qua đó khuyến khích tinh thần

nghiên cứu và học tập có trách nhiệm và khả năng học tập suốt đời [H1.01.02.02], [H1.01.02.03].

Ngoài ra, CĐR của CTĐT phù hợp với mục tiêu đào tạo vì đã phản ánh được các yêu cầu chung và chuyên biệt của ngành đào tạo về kiến thức và kỹ năng bao gồm: kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức cơ bản và chuyên sâu về GDTH, kiến thức về NVSP, trình độ tin học và ngoại ngữ tốt đủ khả năng sử dụng trong dạy học, đọc tài liệu và nghiên cứu chuyên ngành. Ngoài những yêu cầu về kiến thức như: tri thức chuyên môn, năng lực nghề nghiệp,.. yêu cầu về kỹ năng cứng: kỹ năng chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề, các kỹ năng thực hành dạy học, khả năng tư duy sáng tạo trong công tác, vận dụng được các kiến thức đã học để giảng dạy và giải quyết, ứng dụng trong thực tiễn; hình thành phẩm chất cơ bản của người giáo viên, yêu nghề và có trách nhiệm cao với nghề nghiệp, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người giáo viên, CTĐT còn thể hiện rõ yêu cầu về kỹ năng mềm như: Kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học,... [H1.01.02.03]. Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHSPHN đã ban hành rất rõ ràng, đầy đủ, đây cũng một trong những cơ sở để xây dựng, chỉnh lý và hoàn chỉnh lại CĐR của CTĐT cử nhân GDTH [H1.01.02.04].

Quy định chuẩn về ngoại ngữ trong quyết định về việc ban hành chương trình giáo dục đại học đào tạo theo hệ thống TC của Trường ĐHSPHN cũng được coi là một trong những cơ sở để xây dựng CĐR của CTĐT cử nhân GDTH đã được thể hiện trong bản mô tả đề cương CTĐT và bản mô tả đề cương môn học/học phần [H1.01.02.05].

CĐR của CTĐT đã được thiết kế rõ ràng, giúp cho người học và người dạy dễ dàng xác định mục tiêu trong quá trình giảng dạy và học tập và các kiến thức, kỹ năng, thái độ sau khi học tập và giảng dạy. CĐR của CTĐT khi xây dựng đều hướng đến sứ mạng, mục tiêu, đội ngũ của Trường nên đã phản ánh được tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường [H1.01.02.03]. CĐR được thiết kế phù hợp với các năng lực, phẩm chất mà người GVTH bậc phổ thông cần phải được trang bị trong hoàn cảnh thay đổi khung chương trình tổng thể năm 2018 nói chung và chương trình các môn học ở trường tiểu học nói riêng. Các CĐR này được xác định theo các tiêu chí, chỉ báo rõ ràng mà người học phải đạt được khi kết thúc khóa học để thuận lợi cho việc

đánh giá và đo lường. CĐR được bổ sung và cập nhật, trên cơ sở tiếp nhận thông tin phản hồi và nhu cầu các bên liên quan về CTĐT và CĐR đã giúp đảm bảo nâng cao chất lượng CTĐT, phương pháp tổ chức đào tạo và đào tạo sinh viên ra trường đáp ứng tốt thực tế và nhu cầu thị trường. CĐR và CTĐT cử nhân GDTH được rà soát theo kế hoạch của Nhà trường trong các cuộc họp và khảo sát với các bên liên quan [H1.01.02.06], [H1.01.02.07], [H1.01.02.08].

## 2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành GDTH được xác định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung của bậc GD đại học mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp và yêu cầu riêng biệt dành cho SV cử nhân GDTH.

## 3. Điểm tồn tại

CĐR còn khá dài, các phát biểu về chuẩn đầu ra đôi chỗ chưa được ngắn gọn.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xem xét để điều chỉnh CĐR cho cô đọng, chỉnh sửa các phát biểu cho súc tích.	Hội đồng khoa học Khoa	Giai đoạn 2025 – 2029
2	Phát huy điểm mạnh	CĐR đáp ứng đầy đủ và rõ ràng các yêu cầu chung giáo dục đại học và yêu cầu riêng biệt dành cho SV cử nhân GDTH	GV, Hội đồng khoa học Khoa	Giai đoạn 2025 – 2029

## 5. Tự đánh giá: 5/7

**Tiêu chí 1.3. CĐR của CTĐT phản ánh được các yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.**

### 1. Mô tả

CĐR của CTĐT ngành GDTH được rà soát, chỉnh sửa và ban hành vào năm 2020 theo tiếp cận hướng vào hình thành phẩm chất, năng lực cho người học. Quá

trình rà soát, chỉnh sửa CĐR có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan như nhà quản lý, các chuyên gia, của các nhà sử dụng lao động, các cựu SV [H1.01.03.01], [H1.01.03.02].

Kết quả thu thập ý kiến của các bên liên quan này đã được tiếp thu và cập nhật trong CĐR của CTĐT năm 2020 như: những cử nhân tốt nghiệp ra trường phải có phẩm chất, thái độ tích cực và đạo đức nghề nghiệp (6 tiêu chí về phẩm chất); có kiến thức chuyên môn vững chắc, kỹ năng giao tiếp tốt, đặc biệt là cần có ngoại ngữ và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc, khả năng linh hoạt, sáng tạo trong công việc (6 tiêu chí về năng lực chung và 6 tiêu chí về năng lực chuyên biệt) [H1.01.02.03], [H1.01.03.03].

Theo hướng dẫn của Trường ĐHSPHN, Khoa đã tiến hành nhiều cuộc họp để thống nhất xây dựng nội dung, cũng như các cuộc họp để rà soát và chỉnh sửa CĐR để có được CĐR hoàn thiện [H1.01.03.04], [H1.01.03.05], [H1.01.03.06]. Đặc biệt, tiêu chuẩn 4 là tiêu chuẩn về năng lực chuyên ngành được xây dựng dựa trên định hướng cụ thể về 6 tiêu chí, tiêu chuẩn này được chỉnh sửa nhiều lần, qua nhiều cuộc họp. Tiêu chuẩn 4 không chỉ mô tả các tiêu chí, các chỉ báo mà còn thể hiện qua các biểu hiện cụ thể. CĐR phản ánh được xu hướng đổi mới của nền GD hiện đại cũng như phù hợp với yêu cầu thực tế đổi mới trong giáo dục phổ thông và đại học hiện nay. Đồng thời, CĐR đảm bảo người học sau khi hoàn thành CTĐT có khả năng thích ứng nhanh với công việc trong thực tiễn, và đơn vị sử dụng lao động không phải mất quá nhiều thời gian để hướng dẫn cử nhân mới tốt nghiệp bắt nhịp được với công việc [H1.01.02.03].

Ở chương trình năm 2015, CĐR thể hiện dưới hình thức kiến thức, kỹ năng, thái độ. Chương trình 2020 và 2022 được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực, do đó, so với phiên bản 2015, mục tiêu của CTĐT phiên bản 2020 và 2022 có cấu trúc khác, không chia thành kiến thức, kỹ năng, thái độ mà cấu trúc thành phẩm chất, năng lực chung, năng lực sư phạm và năng lực khoa học ngành GDTH.

**Bảng 1.3.1. Bảng so sánh CĐR năm 2015 và CĐR năm 2020 và 2022**

<b>Tiêu chí so sánh</b>	<b>CĐR năm 2015</b>	<b>CĐR năm 2020 và năm 2022</b>
Cấu trúc	Gồm 3 chuẩn chia thành kiến thức, kỹ năng, thái độ	Gồm 23 chuẩn chia thành 4 nhóm: Phẩm chất Năng lực chung Năng lực sự phạm Năng lực khoa học ngành
Phát biểu	Phát biểu còn chung chung	Đã được phát biểu rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu
Chỉ rõ những gì sinh viên tốt nghiệp có thể đạt	Chưa chỉ rõ năng lực của sinh viên sau khi ra trường	Đã chỉ rõ năng lực cụ thể của sinh viên đạt được sau khi ra trường
Mức độ đáp ứng Khung giáo dục quốc gia tương ứng với bậc giáo dục đại học	Chưa đề cập cụ thể đến mức tự chủ và chịu trách nhiệm của sinh viên sau khi ra trường	Đã đề cập cụ thể đến mức tự chủ và chịu trách nhiệm của sinh viên sau khi ra trường
Khả năng đo lường	Khả năng đo lường và đánh giá chưa cao	Khả năng đo lường và đánh giá ở mức cao

CĐR được thể hiện trong các bản mô tả CTĐT, trong khung chương trình do Nhà trường ban hành, được thông tin trên trang web của Khoa, trong tài liệu quảng bá tuyển sinh và phổ biến cho sinh viên khi mới vào trường trong tuần sinh hoạt công dân [H1.01.03.11]. Với việc công bố bằng các phương tiện nêu trên, những tập thể, cá nhân quan tâm có thể dễ dàng tiếp cận phục vụ việc tra cứu, tìm hiểu của mình. CĐR cũng là cơ sở để đội ngũ cán bộ, giáo viên xây dựng chương trình khung và chương trình chi tiết môn học.

## *2. Điểm mạnh*

CĐR của CTĐT cử nhân GDTH đã phản ánh được yêu cầu các bên liên quan trong quá trình đào tạo và đáp ứng của thị trường lao động. CĐR được định kỳ rà soát, chỉnh sửa và được công bố công khai trên các kênh thông tin, giúp sinh viên và các bên liên

quan có thể tiếp cận và tìm hiểu về ngành đào tạo.

### 3. Điểm tồn tại

Số lượng các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên tham gia đóng góp ý kiến cho CDR của CTĐT còn hạn chế, chưa đa dạng cho tất cả các vị trí việc làm.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức định kỳ lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên góp ý cho CDR của CTĐT và rà soát CDR với số lượng phong phú hơn.	Khoa GDTH, TT ĐBCL	Từ năm học 2024 - 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Lấy ý kiến của các bên liên quan để cập nhật CDR, đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động và của xã hội	Khoa GDTH	Theo quy định điều chỉnh CDR của nhà trường

### 5. Tự đánh giá: 5/7

#### **Kết luận chung Tiêu chuẩn 1:**

Mục tiêu của CTĐT cử nhân GDTH được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHSPHN trong kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học và CTĐT phản ánh được yêu cầu của thị trường lao động. CDR của CTĐT khi xây dựng đều hướng đến sứ mạng, mục tiêu, đội ngũ của Trường và khảo sát nhu cầu của xã hội nên đã phản ánh được tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường. CDR của CTĐT cử nhân GDTH đơn giản, rõ ràng, đo lường được, đã bao quát được các yêu cầu chung của bậc giáo dục đại học mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp và bao gồm các điểm riêng biệt dành cho SV cử nhân GDTH.



CĐR đã phản ánh đúng yêu cầu của các bên liên quan đã được góp ý và đáp ứng tốt nhu cầu của nhà tuyển dụng được thể hiện rõ trong chương trình chi tiết đào tạo cử nhân GDTH và được công khai trên trang thông tin điện tử của Khoa và Trường.

Tuy vậy, việc lấy ý kiến của các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT còn chưa thường xuyên và đa dạng. CĐR còn khá dài, các phát biểu về chuẩn đầu ra đôi chỗ chưa được ngắn gọn. CTĐT cần phải được rà soát, lấy ý kiến của nhiều bên tham gia hơn.

### **Đánh giá tiêu chuẩn 1**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Thang đánh giá</b>						
	<b>Chưa đạt</b>			<b>Đạt</b>			
	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>
<b>Tiêu chí 1.1</b>					X		
<b>Tiêu chí 1.2</b>					X		
<b>Tiêu chí 1.3</b>					X		
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>5,0</b>						

## **Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo**

### ***Mở đầu:***

CTĐT đại học ngành GDTH được xây dựng tinh giản, thiết thực và hiệu quả nhằm thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục; phù hợp giữa khoa học cơ bản và NVSP; thích hợp với từng đối tượng; có tính liên thông để sinh viên phát triển nghề nghiệp và chuyên môn trong tương lai. CTĐT được xây dựng một cách bài bản với sự tham gia của các GV, nhà khoa học có kinh nghiệm và các nhà quản lý trong và ngoài khoa. CTĐT được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ GD&ĐT ban hành, thể hiện mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, thiết kế hệ thống đáp ứng chuẩn kiến thức, kỹ năng đào tạo và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của xã hội. Bản mô tả CTĐT được cập nhật và tích hợp những vấn đề mới liên quan đến nội dung CTĐT và được rà soát bổ sung phù hợp với yêu cầu xã hội. Mục tiêu của CTĐT cử nhân GDTH được xây dựng dựa trên cơ sở mục tiêu đào tạo chung của Nhà trường và các yêu cầu xây dựng CTĐT.

Trong quá trình tổ chức thực hiện CTĐT cử nhân GDTH, Khoa GDTH – Trường ĐHSPHN đã luôn chú trọng tới việc xây dựng lộ trình thực hiện và các giải pháp cụ thể nhằm đạt hiệu quả cao và sử dụng bản mô tả CTĐT như là một kênh thông tin quan trọng giúp cán bộ, GV, SV và xã hội hiểu được rõ ràng hơn về CTĐT cử nhân GDTH.

### ***Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.***

#### ***1. Mô tả***

Bản mô tả CTĐT có mối liên hệ mật thiết với CTĐT, thể hiện những nội dung cốt lõi trong CTĐT và là tài liệu quảng bá cập nhật thông tin quan trọng cho các bên liên quan. Để quy trình xây dựng và cập nhật CTĐT có hệ thống, năm 2018, Nhà trường đã ban hành quyết định thành lập ban xây dựng CTĐT đại học và sau đại học [H2.01.01.01]. Tiếp sau đó, năm 2019, Trường đã ban hành Hướng dẫn Quy trình xây dựng, thẩm định ban hành và cập nhật CTĐT trình độ đại học Trường ĐHSPHN [H2.01.01.02]. Theo hướng dẫn này, Trường đơn vị chuyên môn phải tổ chức cập nhật CTĐT theo quy trình gồm 5 bước sau:

- Bước 1: Lập kế hoạch cập nhật, đánh giá CTĐT
- Bước 2: Thu thập những thông tin, minh chứng về sự cần thiết phải cập nhật CTĐT (thay đổi trong quy định của nhà nước, của cơ sở đào tạo về CTĐT, tiến bộ

trong lĩnh vực liên quan, phản hồi các bên liên quan, thay đổi học phần, nội dung chuyên môn, ...)

- Bước 3: Xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện; so sánh mức đáp ứng yêu cầu của CTĐT đang thực hiện với yêu cầu phát triển chương trình; dự kiến tác động của việc cập nhật CTĐT.

- Bước 4: Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật trong CTĐT trình Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét thông qua.

- Bước 5: Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét thông qua nội dung sửa đổi cập nhật CTĐT rồi trình Hiệu trưởng ban hành CTĐT sửa đổi, bổ sung.

Cũng theo hướng dẫn này, cần định kỳ rà soát đánh giá cập nhật CTĐT ít nhất 2 năm một lần. Việc này được Nhà trường triển khai thực hiện nghiêm túc thông qua việc ban hành công văn yêu cầu các khoa rà soát CTĐT vào các năm 2019 và 2021 trong đó yêu cầu nội dung công việc cụ thể và quy trình rà soát, điều chỉnh CTĐT cũng như các mẫu phiếu khảo sát các đối tượng liên quan [H2.01.01.03], [H2.01.01.04]. Tuân theo quy trình này, năm 2021 Khoa GDTH cũng đã hợp lập kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT cử nhân GDTH và lập kế hoạch điều chỉnh bản mô tả CTĐT [H2.01.01.05], [H2.01.01.06]. Việc thực hiện đánh giá, rà soát, điều chỉnh CTĐT xuất phát dựa trên báo cáo ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT [H2.01.01.07]. Quy trình thực hiện đảm bảo theo các bước đã được nêu trong Hướng dẫn về Quy trình của Nhà trường đã ban hành có các biên bản họp khoa, biên bản đề nghị chỉnh sửa, tờ trình đề nghị chỉnh sửa CTĐT và bản tổng hợp nội dung điều chỉnh trong đề cương chi tiết học phần và bản mô tả CTĐT [H2.01.01.08], [H2.01.01.09], [H2.01.01.10], [H2.01.01.11]. Những điều chỉnh trong bản mô tả CTĐT đều được phê duyệt nghiệm thu [H2.01.01.12]. Vì quy trình thực hiện được định hướng rõ ràng cùng với sự phối hợp hiệu quả giữa các bộ phận liên quan và chủ động triển khai thực hiện công việc ở cấp khoa nên kết quả đạt được là bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật kịp thời [H2.01.01.13]. Cụ thể, bản mô tả CTĐT năm 2020 và năm 2022 đều có các thông tin cơ bản sau:

Phần 1: Giới thiệu chung, trong đó nêu rõ

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- Tên gọi của văn bằng được cấp sau khi tốt nghiệp: Cử nhân Giáo dục Tiểu học
- Tên CTĐT: Cử nhân Giáo dục Tiểu học

- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Thời điểm ban hành bản mô tả CTĐT
- Mục tiêu đào tạo: gồm có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể
- Chuẩn đầu ra của CTĐR gồm 4 tiêu chuẩn được cụ thể hóa thành 23 tiêu chí
- Tiêu chí tuyển sinh
- Cấu trúc chương trình dạy học gồm 136 tín chỉ trong đó khối học vấn chung 35 tín chỉ, khối học vấn đào tạo rèn luyện NVSP 35 tín chỉ, khối học vấn chuyên ngành 66 tín chỉ. Khung CTĐT chi tiết toàn bộ các học phần trong CTĐT theo từng học kỳ, từng năm học thể hiện sự liên tục, kết nối của các khối kiến thức.
- Ma trận đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR Phần 2: Đề cương các học phần.

Bản mô tả CTĐT năm 2022 tiếp tục kế thừa những nội dung thông tin đã có của bản mô tả năm 2020 đồng thời thực hiện cập nhật, điều chỉnh các nội dung cụ thể dựa trên góp ý của các bên liên quan và đáp ứng yêu cầu mới của bối cảnh giáo dục để cấu trúc CTĐT nhất quán, nội dung cập nhật, đóng góp của các học phần cho CĐR của CTĐT được thể hiện tập trung và tường minh hơn. Những điều chỉnh tập trung chủ yếu vào các đề cương chi tiết học phần bao gồm thông tin chung về môn học, cập nhật học liệu tham khảo, mục tiêu học phần, CĐR của học phần, phân bổ thời gian loại tiết dạy, nội dung chi tiết học phần, phương pháp kiểm tra, đánh giá để đảm bảo việc đánh giá các CĐR của CTĐT cụ thể hơn [H2.01.01.11].

## 2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT có thông tin đầy đủ, tường minh, cấu trúc rõ ràng giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp nhận và nắm bắt được nội dung. Các nội dung trong bản mô tả CTĐT được kịp thời cập nhật thích ứng với những yêu cầu mới trong các văn bản điều hành của Nhà nước và Nhà trường cũng như nhu cầu từ các bên liên quan.

## 3. Điểm tồn tại

Hình thức trình bày bản mô tả CTĐT chưa hấp dẫn người đọc.

## 4. Kế hoạch hành động

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>

1	Khắc phục điểm tồn tại	Điều chỉnh hình thức trình bày của bản mô tả sinh động, hấp dẫn và thu hút người đọc hơn.	Khoa GDTH	2025 - 2029
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục điều chỉnh bản mô tả chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tiễn của xã hội.	Khoa GDTH	2025 - 2029

5. Tự đánh giá: 5/7

## **Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.**

### **1. Mô tả**

Đề cương học phần ngành của chương trình đào tạo ngành cử nhân GDTH được xây dựng với đầy đủ các thông tin cần thiết có liên quan đến nội dung học phần. Trong giai đoạn 2019 - 2024, có 2 phiên bản đề cương học phần năm 2020 và năm 2022 [H2.02.02.01], [H2.02.02.02].

Năm 2020, đề cương học phần bao gồm những thông tin sau đây:

1. Thông tin chung trong đó có: tên môn học (tên tiếng Việt và tiếng Anh); mã môn học; loại môn học; thuộc chương trình đào tạo; số tín chỉ; số tiết (Lí thuyết/Bài tập/Thảo luận/Thực hành/Tự học); yêu cầu phục vụ cho môn học; thời khóa biểu môn học

2. Mục tiêu môn học trong đó có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể

3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực theo Khung CĐR của Trường ĐHSHPN

4. Tóm tắt nội dung môn học

5. Nội dung chi tiết môn học

6. Học liệu trong đó có tài liệu môn học, danh mục tài liệu tham khảo, trang web sử dụng cho môn học

7. Hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn học trong đó có kiểm tra đánh giá thường xuyên, kiểm tra giữa kì, thi hết môn

Cấu trúc đề cương năm học phần năm 2022 có sự thay đổi so với năm 2020 theo yêu cầu từ Nhà trường. Trong đó có điều chỉnh, bổ sung các thông tin thiết thực có tính cập nhật hơn như: bổ sung thông tin về GV phụ trách giảng dạy học phần, ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR học phần, ma trận yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực theo khung CĐR của Trường, ma trận liên kết nội dung chương

mục với CDR học phần, ma trận tích hợp giữa CDR của học phần, PPGD/học tập, phương pháp đánh giá... Cụ thể đề cương học phần năm 2022 bao gồm những thông tin sau đây:

1. Thông tin chung trong đó có tên học phần bằng tiếng Việt và tiếng Anh, mã học phần, số TC, học phần tiên quyết/học trước/song song, bộ môn phụ trách, GV giảng dạy

2. Học liệu trong đó có giáo trình, tài liệu tham khảo bắt buộc, tài liệu tham khảo tự chọn, website

3. Mục tiêu học phần

4. Chuẩn đầu ra của học phần

- Ma trận tích hợp giữa CDR của học phần với CDR của CTĐT

- Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần với CDR của học phần

5. Nội dung, PPGD, phương pháp kiểm tra, đánh giá trong đó nội dung tổng quan; nội dung chi tiết, PPGD của học phần; phương pháp kiểm tra, đánh giá. Trong phần nội dung tổng quan của học phần liệt kê các chương/phần trong học phần, số buổi dạy, số TC, số giờ lý thuyết, bài tập và tự học có hướng dẫn. Trong phần nội dung chi tiết, PPGD có liệt kê chi tiết, đầy đủ nội dung chính của các mục/bài trong mỗi chương/phần, số giờ, phân bổ thời gian số giờ lý thuyết, bài tập, PPGD, phương pháp học tập, yêu cầu SV chuẩn bị. Cuối cùng trong phần phương pháp kiểm tra, đánh giá có thông tin về hình thức, tỷ trọng đánh giá; ma trận tích hợp CDR học phần với phương pháp kiểm tra đánh giá, PPGD học tập; tiêu chí đánh giá

6. Chính sách đối với học phần: Đề cương học phần được định kỳ rà soát, cập nhật theo quy định của Trường nêu rõ trong Hướng dẫn Quy trình xây dựng, thẩm định ban hành và cập nhật CTĐT trình độ đại học Trường ĐHSPHN. Theo hướng dẫn này, cần định kỳ rà soát đánh giá cập nhật CTĐT ít nhất 2 năm một lần. Theo đó năm 2021, Trường ban hành công văn yêu cầu các khoa rà soát CTĐT. Tuân theo quy trình này, năm 2021 Khoa GDTH cũng đã họp lập kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT cử nhân GDTH trong đó có đề cương các học phần được thực hiện theo các bước sau: (i) Khoa xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh; (ii) Khoa tổ chức tọa đàm, góp ý và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về nội dung các đề cương; (iii) Tiếp đó các bộ môn sẽ họp rà soát đề cương từng học phần do bộ môn phụ trách và chỉ ra các nội dung cần cập nhật, sửa đổi; (iv) Tiến hành họp Hội đồng khoa học Khoa thông qua ý

kiến đề xuất của các các bộ môn; (v) Làm tờ trình gửi lên Trường về đề xuất điều chỉnh các nội dung của đề cương.

So với đề cương chi tiết năm 2020, một số thông tin của đề cương học phần năm 2022 đã được cập nhật, điều chỉnh và bổ sung cụ thể và rõ ràng hơn như: Bổ sung các PPGD hiện đại cho các học phần để đảm bảo thích ứng hơn với CĐR của CTĐT; chỉnh sửa các phương pháp kiểm tra đánh giá các học phần cho phù hợp và thích ứng với CĐR của CTĐT hơn. Ngoài ra, hệ thống giáo trình, tài liệu ở một số học phần cũng được bổ sung, cập nhật; bổ sung và điều chỉnh một số GV tham gia giảng dạy ở một số học phần cho phù hợp với điều kiện về nguồn nhân lực hiện tại của Khoa [H02.02.02.02].

## *2. Điểm mạnh*

Đề cương các học phần trong CTĐT cử nhân GDTH có mục tiêu, nội dung rõ ràng và đầy đủ thông tin.

Đề cương các học phần trong CTĐT cử nhân GDTH được định kỳ rà soát và cập nhật.

## *3. Điểm tồn tại*

Các tài liệu tham khảo trong đề cương của một số học phần còn chưa được cập nhật thường xuyên.

## *4. Kế hoạch hành động*

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục điểm tồn tại	Lập kế hoạch bổ sung các tài liệu tham khảo trong mỗi học phần theo định kỳ hằng năm	Khoa GDTH	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật và điều chỉnh 2 năm/ lần đề cương chi tiết.	Giảng viên, Bộ môn, Hội đồng Khoa học	Hàng năm

## *5. Tự đánh giá: 5/7*

***Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận***

## *1. Mô tả*

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần CTĐT cử nhân GDTH được ban hành theo Quyết định số 6152 QĐ/ĐHSPHN ngày 11/12/2020 [H2.02.03.01], [H2.02.03.02]. Bản mô tả CTĐT cùng với đề cương chi tiết các học phần sau khi phê duyệt được công bố công khai cho người học và các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau: tư vấn tuyển sinh trực tuyến, công bố công khai trên website của Nhà trường, website của Khoa GDTH, giới thiệu cho các SV vào đầu khóa học,... CTĐT và đề cương chi tiết các học phần được giới thiệu với các bên liên quan thông qua các tài liệu như cẩm nang học sinh, SV; thông báo cho của Nhà trường. 100% đề cương các môn học/học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức, nhiều kênh thông tin khác nhau như trên đã giúp cho SV nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học [H2.02.03.02], [H2.02.03.03], [H2.02.03.04], [H2.02.03.05].

Theo quy định của Nhà trường, đề cương chi tiết của học phần phải được GV cung cấp và giới thiệu cụ thể cho SV vào các buổi dạy đầu tiên của học phần, qua đó SV nắm rõ thông tin học phần và nhận thức đầy đủ mục tiêu, CDR và nội dung của hoạt động dạy học, nhiệm vụ học tập cũng như các sản phẩm học tập trong hồ sơ học phần mà mình cần đạt. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần cũng được giới thiệu đến các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, các nhà khoa học,... dưới dạng tài liệu quảng bá, các bản tin, website của Khoa,... thông qua khảo sát điều tra. Bằng nhiều hình thức như vậy các bên liên quan trong và ngoài Nhà trường có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần một cách dễ dàng. Cũng bằng các hình thức này, Nhà trường có thể tiếp cận một cách thuận tiện cho việc lấy góp ý phản hồi về CTĐT nhằm đáp ứng thực tiễn giảng dạy, yêu cầu của xã hội và đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

Để nhất quán trong quản lý, triển khai, điều hành và thực hiện CTĐT một cách đồng bộ, các bộ phận liên quan như Phòng Đào tạo, TT ĐBCL, Trưởng các Khoa, Trưởng bộ môn, Trợ lý đào tạo các Khoa đều có bản in toàn văn bản mô tả CTĐT.

## *2. Điểm mạnh*

Bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết các học phần đều được công khai, cho phép người dạy, người học, người quản lý và các bộ phận hỗ trợ đào tạo, cũng như các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Trong các hình thức công bố công khai trên,



hình thức đưa thông tin lên website giúp các bên liên quan tiếp cận nhanh chóng, dễ dàng. Các ý kiến phản hồi đều được ghi nhận và tiếp thu.

### 3. Điểm tồn tại

Việc truyền thông để phổ biến CTĐT cụ thể và chi tiết đến các trường tiểu học – nơi sử dụng SV tốt nghiệp ngành cử nhân GDTH còn chưa thường xuyên. Tài liệu quảng bá về CTĐT chưa có bản bằng tiếng Anh.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	+ Tổ chức hoạt động truyền thông về CTĐT cử nhân GDTH theo tiếp cận mới đến các trường phổ thông một cách thường xuyên hơn. + Bổ sung tài liệu về CTĐT bằng tiếng Anh.	Khoa GDTH	Từ năm học 2024 - 2025
2	Phát huy điểm mạnh	+ Giới thiệu cụ thể, chi tiết CTĐT và các học phần đến từng GV, SV. + Tiếp tục công khai CTĐT đến các cựu SV, các nhà quản lý giáo dục, tranh thủ sự tham gia kiến của các bên liên quan để tiếp tục, điều chỉnh phát triển CTĐT.	Khoa GDTH	Thực hiện trong các năm học

### 5. Tự đánh giá: 5/7

#### **Kết luận chung Tiêu chuẩn 2:**

Bản mô tả CTĐT cử nhân GDTH có đầy đủ thông tin và cập nhật giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT hướng tới CTĐT cử nhân sư phạm "Chuẩn mực - Sáng tạo - Tiên phong", hướng tới mục tiêu giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất, năng lực và phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi người học.

Bản mô tả CTĐT cử nhân GDTH không những có ma trận đánh giá sự đóng góp của từng học phần cho CĐR của CTĐT mà còn có ma trận tích hợp giữa CĐR của học phần với CĐR của CTĐT, ma trận giữa mục tiêu học phần và CĐR, ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR đã giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT cử nhân GDTH. Nhằm hướng tới mục tiêu giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất, năng lực và phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi người học.

Người học được quyền chuyên đổi giữa các ngành đào tạo và giữa các hệ đào tạo đã tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể đạt nhiều bằng cử nhân và đào tạo giáo viên dạy môn tích hợp.

## Đánh giá tiêu chuẩn 2

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	1	2	3	4	5	6	7
Tiêu chí 2.1					X		
Tiêu chí 2.2					X		
Tiêu chí 2.3					X		
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>5,0</b>						

### Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

#### *Mở đầu:*

CTDH cử nhân GDTH được xây dựng dựa vào CĐR của ngành cử nhân GDTH. Mỗi học phần trong CTDH cử nhân GDTH đều thể hiện được các yêu cầu của CĐR rất rõ ràng. CTDH được xây dựng theo cấu trúc nhất quán, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Đồng thời, CTĐT của ngành cử nhân GDTH được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính thích hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể theo yêu cầu thực tiễn và với CTDH tổng thể.

#### *Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra*

##### *1. Mô tả*

CTDH cử nhân GDTH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. CTDH cử nhân GDTH được xây dựng dựa trên CĐR của CTĐT ngành sư phạm Giáo dục tiểu học đồng thời tuân thủ quy trình

thiết kế đã được hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. CTDH cử nhân GDTH được thiết kế bao gồm 136 TC gồm 3 khối kiến thức: (1) Khối học vấn chung (35 TC); (2) Khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm (35 TC); (3) Khối học vấn chuyên ngành GDTH (66 TC) [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03].

Những học phần trong khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm và khối kiến thức chuyên ngành GDTH đều đáp ứng yêu cầu kỹ năng của CDR đó là: (1) Có kỹ năng thực hành và ứng dụng các kiến thức được học vào thực tiễn giảng dạy cho học sinh; (2) Có các kỹ năng dạy học như kỹ năng phân tích bài giảng, soạn giáo án, tổ chức thực hiện giờ dạy trên lớp và ngoài giờ học, đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng lấy người học làm trung tâm, ...

Thêm vào đó, CTDH cử nhân GDTH còn đáp ứng yêu cầu mức tự chủ, trách nhiệm theo yêu cầu của bậc 6 (bậc đại học) trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam được Thủ tướng chính phủ phê duyệt ngày 18 tháng 10 năm 2016 theo quyết định số 1982/QĐ-TTg [H3.03.01.04], [H3.03.01.05]. Qua việc học tập, thảo luận, kiểm tra đánh giá ở các học phần trong CTDH, đặc biệt là học phần Phương pháp NCKH và các học phần chuyên ngành GDTH, người học sẽ có năng lực làm việc độc lập; làm việc nhóm; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; tự đánh giá kết quả thực hiện; bảo vệ được quan điểm cá nhân và lập kế hoạch thực hiện hoạt động – là các yêu cầu về mức tự chủ, trách nhiệm theo yêu cầu bậc đại học [H3.03.01.03], [H3.03.01.05].

Để đảm bảo đánh giá kết quả học tập của người học đạt CDR, mỗi đề cương chi tiết học phần và kế hoạch dạy học của học phần đều đã quy định rõ về quy trình kiểm tra, đánh giá với các hình thức, phương pháp và nội dung đa dạng, đảm bảo sát với nội dung kiến thức trong học phần mà SV đã được học [H3.03.01.03], [H3.03.01.05]. Mỗi học phần gồm có điểm chuyên cần, điểm bộ phận và điểm thi kết thúc học phần. Điểm bộ phận là do GV phụ trách học phần đề xuất hình thức kiểm tra như thông qua thực hành, làm các powerpoint, thuyết trình, làm bài kiểm tra. Đề thi kết thúc học phần thường áp dụng các hình thức đa dạng như: thi tự luận, thi trắc nghiệm hoặc làm thu hoạch tài liệu chuyên môn, thực hành dạy học, ... tùy theo mục tiêu của môn học [H3.03.01.03], [H3.03.01.05]. Các điều kiện tiên quyết đối với người học, việc xác định tổ hợp các PPGD, kiểm tra đánh giá đều đảm bảo đạt CDR và có sự tương thích giữa PPGD và hình thức kiểm tra đánh giá. *2. Điểm mạnh*

CTĐT cử nhân GDTH được thiết kế logic, khoa học, sư phạm dựa trên CĐR. Nội dung của CTDH không chỉ đáp ứng được tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm của CĐR mà việc tổ chức các phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá cũng hỗ trợ hiệu quả đạt được CĐR.

### 3. Điểm tồn tại

Do CTĐT mới được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực nên sự phân nhiệm ma trận đóng góp một vài học phần để đáp ứng CĐR chưa đảm bảo mức độ đóng góp hợp lí.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát CTĐT theo CĐR để điều chỉnh ma trận đóng góp của các học phần vào CĐR của CTĐT đảm bảo mức độ đóng góp hợp lí hơn.	Khoa GDTH	Từ năm học 2024 - 2025
2	Phát huy điểm mạnh	CTĐT luôn bám sát CĐR Trường, Khung trình độ quốc gia Việt Nam	Phòng đào tạo và Khoa GDTH	Từ năm học 2024 - 2025

5. Tự đánh giá: 5/7

## **Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng**

### 1. Mô tả

Tất cả các học phần của CTDH cử nhân GDTH đều có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể nhằm đạt được CĐR. Tất cả các học phần trong CTDH đều góp phần giúp rèn luyện năng lực học tập, năng lực giao tiếp, năng lực thích ứng với môi trường cho SV từ đó giúp hình thành nhóm năng lực phát triển cá nhân tạo nền tảng cho việc học tập suốt đời và xây dựng bản sắc cá nhân theo CĐR. Sự đóng góp của mỗi học phần cho các nhóm năng lực nghề theo CĐR có sự

khác nhau, có những học phần có đóng góp lớn cho phát triển nhóm năng lực sư phạm, có những học phần lại có đóng góp lớn cho phát triển nhóm năng lực NCKH hay nhóm năng lực phát triển cộng đồng nghề và xã hội [H3.03.02.02].

Các học phần như: Giáo dục học tiểu học, Lý luận dạy học tiểu học, Giao tiếp sư phạm, Đánh giá trong giáo dục, Thực hành kỹ năng giáo dục, Xây dựng kế hoạch dạy học, Lí luận và phương pháp dạy học vv. góp phần lớn trong việc rèn luyện các năng lực thuộc nhóm năng lực sư phạm (như năng lực chuyên ngành, năng lực định hướng phát triển của học sinh, năng lực dạy học và giáo dục) và các năng lực thuộc nhóm năng lực phát triển cộng đồng nghề và xã hội. Học phần Phương pháp NCKH sẽ góp phần lớn cho phát triển năng lực NCKH cho người học [H3.03.02.01], [H3.03.02.02]. Sự phối hợp của tất cả các học phần trong CTDH cử nhân GDTH sẽ giúp SV hình thành được các năng lực cần thiết cho định hướng nghề dạy học tiểu học theo CĐR. Không chỉ tương thích về nội dung, tất cả các học phần trong CTDH cử nhân GDTH đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Quá trình kiểm tra, đánh giá với các hình thức, phương pháp và nội dung đa dạng, đảm bảo sát với nội dung kiến thức trong học phần và yêu cầu của CĐR [H3.03.02.01], [H3.03.02.02].

Định kỳ, 2 năm một lần, Khoa GDTH tiến hành lấy ý kiến của GV, cán bộ quản lí, SV, cựu SV, giáo viên ở trường tiểu học về nội dung các học phần trong CTDH, để từ đó có cơ sở chỉnh sửa CTDH ở mỗi học phần cho phù hợp hơn với điều kiện thực tế [H3.03.02.02].

## *2. Điểm mạnh*

Tất cả các học phần trong CTDH cử nhân GDTH đều có sự tương thích về nội dung theo yêu cầu CĐR. Phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá ở tất cả học phần đều phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Nội dung CTDH được định kỳ lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan và điều chỉnh kịp thời phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc xác định tổ hợp các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV trong một số học phần thuộc CTDH cần đáp ứng tốt hơn yêu cầu của CĐR.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xác định tổ hợp các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá cho một số học phần đáp ứng tốt hơn yêu cầu của CĐR	Khoa GDTH	Từ năm học 2024 - 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Mỗi học phần đáp ứng yêu cầu CĐR	Khoa GDTH	Từ năm học 2024 - 2025

#### 5. Tự đánh giá: 5/7

### **Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung phù hợp và có tính tích hợp**

#### 1. Mô tả

CTDH cử nhân GDTH hiện hành được xây dựng với cấu trúc chặt chẽ, khoa học và được thiết kế một cách có hệ thống, logic giữa các khối kiến thức, gồm 3 khối kiến thức là: khối học vấn chung, khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm, khối học vấn ngành, từ đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho người học tiếp thu nội dung kiến thức dễ dàng. Các khối kiến thức trong CTĐT được phân bổ theo những tỷ trọng nhất định, phù hợp với quy định chung của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHSPHN, phù hợp với đặc trưng cụ thể của ngành, cụ thể: Tổng số tín chỉ của CTĐT là 136 tín chỉ, trong đó:

- Khối học vấn chung (không tính các môn học GDTC và GDQP): 35 TC (25,7%)

- Khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm: 35 TC (25,7%)

- Khối học vấn ngành: 66 TC (48,6%)

Các học phần trong CTDH gồm 55 học phần được sắp xếp và bố trí hợp lý trong 8 học kỳ chính, đảm bảo cho SV có thể tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả từ năm nhất đến năm thứ tư. Thứ tự nội dung các học phần được sắp xếp theo trình tự logic, đảm bảo tính khoa học theo hướng đi từ những kiến thức cơ bản đến chuyên

ngành, từ các vấn đề có tính lý luận đến thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục và dạy học vào thực tiễn. Tùy theo năng lực và kế hoạch học tập của mỗi SV có thể rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo theo đúng “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHSPHN [H3.03.03.03].

Các học phần trong CTĐT được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa khối học vấn chung, khối học vấn đào tạo và rèn luyện NVSP, khối học vấn ngành giúp chương trình trở thành một khối thống nhất. Trong thiết kế CTDH, các học phần đều có quy định về học phần học trước hay học phần tiên quyết để đảm bảo các học phần được giảng dạy theo trình tự logic, đảm bảo tính kế thừa, khoa học.

CTDH được chỉnh sửa và cập nhật theo công văn số 486b/HD-ĐHSPHN ngày 14/10/2019 về “Hướng dẫn quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT trình độ đại học Trường ĐHSPHN”, công văn số 607/ĐHSPHN-ĐT ngày 16/12/2021 về việc “rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo” và các biên bản họp về xây dựng và điều chỉnh chương trình của Trường và của Khoa [H3.03.03.05], [H3.03.03.06]. So với CTDH năm 2015, CTDH năm 2020 và 2022 đã có sự thay đổi về tổng số tín chỉ, đồng thời đã có sự điều chỉnh về số lượng các tín chỉ của các khối học vấn.

Chương trình ngành GDTH năm 2020 đã có sự điều chỉnh lớn so với năm 2015, phù hợp với chủ trương chung của Trường ĐHSPHN. Sự điều chỉnh này thể hiện quan điểm chung của Nhà trường “Tăng cường (một cách tối đa) các học phần chung nhau giữa các CTĐT nhằm tạo điều kiện cho người học học được nhiều bằng cử nhân; tạo điều kiện thuận lợi để đào tạo giáo viên dạy môn tích hợp” và “Đảm bảo tính thống nhất của không gian giáo dục trong Nhà trường” [H3.03.03.05]. Sự thay đổi lớn của chương trình 2020 so với chương trình 2015 thể hiện rõ nhất ở sự thay đổi về chuẩn đầu ra. Nếu chương trình 2015 chuẩn đầu ra theo tiếp cận kiến thức, kỹ năng thì CDR của chương trình 2020 là về phẩm chất và năng lực.

Các học phần trong CTDH được xây dựng dựa theo CDR, vì vậy, các yêu cầu về phẩm chất, năng lực chung, năng lực sự phạm và năng lực chuyên ngành được tích hợp một cách hợp lý trong các các học phần thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức chung của nhóm ngành và khối kiến thức chuyên ngành. Hàng năm, Trường và Khoa đều có kế hoạch đầy đủ các nguồn lực và tiến độ để thực hiện CTDH.

## *2. Điểm mạnh*

CTDH được thiết kế có cấu trúc hợp lý, logic giữa các khối kiến thức chung, khối kiến thức đào tạo và rèn luyện NVSP và khối kiến thức chuyên ngành, được rà soát, điều chỉnh đảm bảo sự tương thích về nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá với CĐR. Các học phần của CTDH đảm bảo tính tích hợp và đáp ứng được CĐR của CTĐT ngành GDTH.

### 3. Điểm tồn tại

Chưa tham khảo nhiều các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế trong quá trình xây dựng CTĐT.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tham khảo thêm các CTĐT trong nước và quốc tế để có những chỉnh sửa bổ sung hợp lý.	Khoa GDTH	Năm học 2024 - 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì các hoạt động các hoạt động rà soát chỉnh sửa chương trình thường xuyên để đảm bảo tính cập nhật và phù hợp nhất của hoàn cảnh mới.	Khoa GDTH	Hàng năm

### 5. Tự đánh giá: 5/7

#### **Kết luận chung Tiêu chuẩn 3:**

CTDH cử nhân GDTH được thiết kế logic, khoa học, sư phạm dựa trên CĐR. Nội dung của CTDH không chỉ đáp ứng được tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm của CĐR mà việc tổ chức các phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá cũng hỗ trợ hiệu quả đạt được CĐR. Tất cả các học phần trong CTDH cử nhân GDTH đều có sự tương thích về nội dung theo yêu cầu CĐR. Phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá ở tất cả học phần đều phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Hơn nữa, CTDH được định kỳ lấy ý kiến góp ý



của các bên liên quan và được định kì rà soát, điều chỉnh, bổ sung 2 năm một lần nhằm phù hợp với điều kiện thực tiễn.

*Tuy nhiên*, do đặc thù riêng của CTĐT cử nhân GDTH nên việc tham khảo các CTĐT trong nước và quốc tế còn hạn chế.

### Đánh giá tiêu chuẩn 3

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	1	2	3	4	5	6	7
Tiêu chí 3.1					X		
Tiêu chí 3.2					X		
Tiêu chí 3.3					X		
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>5,0</b>						

## **Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

### ***Mở đầu***

Việc đánh giá tiêu chuẩn 4 dựa trên ba tiêu chí, bao gồm: TC 4.1 (Triết lí giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan); TC 4.2 (Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR) và TC 4.3 (Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kĩ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH). Tại TC 4.1, những minh chứng thiết yếu được thu thập bao gồm: văn bản tuyên bố về triết lí giáo dục của Nhà trường, trang thông tin điện tử có đăng tải triết lí giáo dục, tài liệu phổ biến triết lí giáo dục đến các bên liên quan. Tại TC 4.2, chúng tôi thu thập các minh chứng cần thiết như: CĐR của CTĐT; bài giảng của giảng viên, sản phẩm bài tập nhóm của NH để chứng minh các hoạt động giảng dạy, phương pháp giảng dạy đa dạng, đổi mới, phù hợp để đạt CĐR; cổng thông tin học tập trực tuyến; đánh giá của NH về chất lượng giảng dạy;... Tại TC 4.3, chúng tôi tập trung thu thập các minh chứng để chứng minh các hoạt động dạy và học thúc đẩy phát triển khả năng học tập suốt đời của NH, bao gồm: Bản mô tả CTĐT của Khoa; các tài liệu về chương trình thực tế, thực tập sư phạm, hoạt động NCKH, rèn luyện NVSP của NH,... Thông qua hệ thống MC tìm được của ba tiêu chí, chúng tôi đưa ra kết luận về tính liên kết, liền mạch và thống nhất của các tiêu chí, từ đó đánh giá phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT là phù hợp, hiệu quả.

### ***Tiêu chí 4.1. Triết lí giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan***

#### ***1. Mô tả***

Nhà trường có văn bản tuyên bố chính thức về mục tiêu giáo dục và triết lí giáo dục. Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHSPHN được tuyên bố rõ ràng trong Đề án Quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHSPHN trọng điểm đến năm 2015. Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường ĐHSPHN giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến 2030, trong đó đã xác định Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu chiến lược. Mục tiêu đào tạo của Trường được rà soát, chỉnh sửa là: “*Phát triển đồng bộ, hợp lí về quy mô và nâng cao chất lượng các hệ đào tạo, chủ yếu là đào tạo đại học và sau đại học, đáp ứng tốt nhất nhu cầu đa dạng nguồn nhân lực CLC của hệ thống giáo dục quốc dân và xã hội*” [H4.04.01.01].

Năm 2019, trong Kế hoạch chiến lược của Trường ĐHSPTH giai đoạn 2018-2023, tầm nhìn 2030, Nhà trường đã điều chỉnh lại Mục tiêu chung là: *Xây dựng Trường ĐHSPTH trở thành trường Đại học Sư phạm “chuẩn mực, sáng tạo và tiên phong” trong đào tạo giáo viên, chuyên gia và lãnh đạo giáo dục, các nhà nghiên cứu CLC ở cấp quốc gia và khu vực, năng lực NCKH công nghệ (đặc biệt là KHGD và khoa học cơ bản) đạt tầm khu vực và quốc tế* [H4.04.01.02].

Triết lí giáo dục của Trường ĐHSPTH sau khi được đưa ra góp ý và chỉnh sửa thì được ban hành theo quyết định số ngày 06/05/2020 với nội dung là *đào tạo nhà giáo xuất sắc có tinh thần nhân văn, tư duy hiện đại, hành động tích cực vì sự phát triển cộng đồng* hướng tới mục tiêu đào tạo những nhà giáo có lòng nhân ái, tình yêu con người, có ý thức bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc; có tư duy độc lập, có khả năng cập nhật, sáng tạo cái mới, có năng lực phản biện khoa học; sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng; hành động tích cực vì sự phát triển bền vững của quốc gia, dân tộc và nhân loại [H04.04.01.04].

Triết lí giáo dục của Trường được phổ biến tới các bên liên quan như phổ biến cho các cán bộ, GV của Nhà trường trong các Hội nghị của Trường, hội nghị của các khoa [H4.04.01.05], đăng trên trang web của Trường; phổ biến tới SV trong số tay SV [H4.04.01.03], [H4.04.01.06].

Triết lí giáo dục được phổ biến cho SV học tập tại Trường ĐHSPTH. SV được giới thiệu, cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu giáo dục cũng như CTĐT ngay từ khi nhập học. Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân – HSSV” để giới thiệu, phổ biến cho SV về mục tiêu đào tạo cũng như các kĩ năng cần thiết cho NH hiểu rõ và thực hiện [H4.04.01.07].

Mục tiêu giáo dục trong CTĐT GDTH phù hợp với mục tiêu giáo dục và triết lí giáo dục của Nhà trường. CDR cử nhân GDTH có các mục tiêu sau: Đào tạo cử nhân sư phạm GDTH đáp ứng đầy đủ Khung CDR của Trường ĐHSPTH về phẩm chất và năng lực của NH; Đào tạo GVTH đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành; Đáp ứng được vị trí, khả năng công tác và khả năng học tập nâng cao trình độ của NH sau khi tốt nghiệp, bao gồm:

- Có khả năng dạy học ở các trường tiểu học hệ thống công lập, dân tộc và quốc tế.
- Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ Thạc sĩ,

Tiền sử [H4.04.01.08].

## 2. Điểm mạnh

Trường có văn bản tuyên bố về triết lí giáo dục và triết lí giáo dục của Trường; Triết lí giáo dục được tất cả cán bộ, GV, NH hiểu rõ và được cụ thể hóa trong các CTĐT của các ngành, trong đó có CTĐT GDTH. Triết lí giáo dục của Nhà trường đã được phổ biến tới GV, SV và các bên liên quan.

## 3. Điểm tồn tại

Triết lí giáo dục cũng như mục tiêu đào tạo chưa được phổ biến thường xuyên tới các các nhà tuyển dụng và xã hội.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Phổ biến mục tiêu giáo dục tới các nhà tuyển dụng và xã hội thường xuyên.	Phòng Hành chính – Đối ngoại và các Khoa	Từ năm học 2024 - 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Điều chỉnh CTĐT luôn bám sát mục tiêu giáo dục của Trường	Tất cả các Khoa và các Ngành đào tạo	Từ năm học 2024 - 2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

## Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR

### 1. Mô tả

Hàng năm, các bộ môn trong Khoa GDTH và mỗi GV đều xây dựng hoạt động dạy học/phương pháp dạy học đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR và đáp ứng nội dung, phương pháp dạy học được mô tả trong mỗi học phần của CTĐT, tổ chức các hoạt động chuyên môn trong tổ để nâng cao chất lượng giảng dạy, đổi mới phương pháp dạy học ở đại học [H4.04.02.01], [H4.04.02.05].

Dưới sự chỉ đạo của Nhà trường, GV tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu của NH [H4.04.02.02], [H4.04.02.04].

Kết quả của hoạt động học của NH có sự tiến bộ lớn nhờ những đổi mới, hiện đại hoá về phương pháp dạy học, phản ánh qua kết quả học tập của NH [H4.04.02.03]. Thông qua các sản phẩm học tập, năng lực tự học, tự nghiên cứu, năng lực hợp tác, năng lực CNTT và ngoại ngữ của NH được bộc lộ rõ nét [H4.04.02.06].

Trong CTĐT GDTH đã xác định các nhóm năng lực bao gồm: năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng; năng lực sư phạm; năng lực NCKH; năng lực sử dụng ngoại ngữ trong chuyên môn, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyên môn. Trong đó, năng lực NCKH là một trong những kỹ năng quan trọng bậc nhất đối với NH hiện nay và được cán bộ, GV khoa GDTH quan tâm phát triển cho SV [H4.04.02.07], [H4.04.02.08].

Dưới sự chỉ đạo của Nhà trường, Khoa GDTH đã thực hiện khảo sát ý kiến GV về đổi mới PP dạy học và khảo sát ý kiến NH về CTĐT và ý kiến về GV [H4.04.02.09], [H4.04.02.10], [H4.04.02.11].

Là một khoa thuộc khối ngành sư phạm của trường, Khoa GDTH chú trọng, quan tâm phát triển năng lực nghề nghiệp cho NH. Vì vậy, hoạt động TTSP là một trong những hoạt động trọng điểm hàng năm được khoa thực hiện nghiêm túc, hiệu quả theo sự chỉ đạo của Nhà trường [H4.04.02.12], [H4.04.02.13], [H4.04.02.14].

## *2. Điểm mạnh*

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT, các kế hoạch dạy học, các bài giảng của GV đã sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, tập trung vào các phương pháp dạy học tích cực, phù hợp để đạt được CDR.

## *3. Điểm tồn tại*

Một số SV còn tiếp cận chậm với phương pháp dạy học tích cực. Điều kiện CSVC đôi khi chưa đáp ứng được các yêu cầu cơ bản để tổ chức hoạt động dạy học tích cực.

## *4. Kế hoạch hành động*

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh tác động từ các hoạt động của LCD, CLB, đội, nhóm trong khoa giúp NH tự tin, tích cực, chủ động hơn trong việc tiếp cận các đổi mới về giáo dục.	CVHT	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức semina cho GV và SV, duy trì việc dạy mẫu và dự giờ, rút kinh nghiệm các tiết dạy	Tất cả các GV, bộ môn	Hàng năm.

**Tự đánh giá: Đạt 5/7**

***Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời***

***1. Mô tả***

Việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời là một trong những yêu cầu trong CDR của CTĐT khoa GDTH. Các hoạt động dạy và học của CB, GV khoa GDTH được thiết kế, xây dựng và tổ chức nhằm thúc đẩy phát triển cho NH các kỹ năng này. 100% đề cương chi tiết các môn học/học phần trong CTĐT mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp dạy/học tập [H4.04.03.06].

Kế hoạch đào tạo năm học của nhà trường luôn nhấn mạnh các hoạt động nâng cao các kỹ năng, phát triển năng lực học tập suốt đời cho NH. Đây là cơ sở để khoa tổ chức thực hiện các hoạt động giảng dạy, SV NCKH, hoạt động thực hành, thực tập sư phạm,...[H4.04.03.01].

Hàng năm, Khoa tổ chức cho SV năm thứ 3 đi thực tế [H4.04.03.02].

Về kĩ năng dạy học và rèn luyện các kĩ năng nghề nghiệp, CTĐT có 22 tín chỉ phát triển cho SV các kĩ năng này [H4.04.03.03], [H4.04.03.06]; Ngoài ra, mỗi năm Trường và Khoa tổ chức tuần lễ NVSP vào dịp 20/11 nhằm rèn luyện cho SV kĩ năng nghề nghiệp. Ở tuần lễ này Trường và Khoa thường tổ chức các buổi nói chuyện với SV về NVSP, tổ chức thi các kĩ năng viết bảng, thiết kế đồ dùng dạy học, thi tình huống sư phạm, thi thiết kế video, thi giảng, vv. [H4.04.03.04], [H4.04.03.05].

100% các học phần trong CTĐT đều nhấn mạnh đến hoạt động tự học, mỗi tiết dạy học lí thuyết tương ứng sẽ có 2 tiết tự học, tự nghiên cứu của SV. Thông qua các hoạt động tự học (đọc tài liệu, làm thực hành, quan sát tranh ảnh, mô hình khám phá kiến thức...), tự thiết kế sản phẩm dự án, sản phẩm NCKH, tự lập kế hoạch học tập và rèn luyện, SV được rèn luyện kĩ năng tự học và nâng cao khả năng tự học suốt đời [H4.04.03.10].

SV cũng được khuyến khích làm NCKH, qua đó rèn luyện cho các em năng lực tự học suốt đời [H4.04.03.07]. Kết quả khảo sát SV cuối khóa định kì hàng năm về CTĐT, trong đó có khả năng rèn luyện các kĩ năng và khả năng học tập suốt đời của NH cho kết quả hầu hết SV hài lòng với các phương pháp dạy học trong CTĐT [H4.04.03.08], [H4.04.03.9].

## 2. Điểm mạnh

Các phương pháp dạy học được sử dụng đa dạng và tích cực, các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kĩ năng của NH, đồng thời nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH. Hệ thống đào tạo trực tuyến được Nhà trường quan tâm phát triển và áp dụng vào giảng dạy thực tế đặc biệt khi dịch Covid xảy ra nặng nề làm ảnh hưởng nhiều đến việc lên lớp của thầy và trò.

## 3. Điểm tồn tại

Ở một số môn chung, do kiến thức chủ yếu là lí thuyết và dạy học lớp học đông nên chưa thể hiện được việc sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học tích cực. Hệ thống các bài giảng điện tử còn chưa phong phú để hỗ trợ NH.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn

				<b>thành</b>
1	Khắc phục tồn tại	Khắc phục việc sử dụng các phương pháp dạy học thụ động, tăng cường tính chủ động ở một số môn học thiên về lí thuyết.	Khoa và các bộ môn	Từ năm học 2024 – 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng và thực hiện các phương pháp dạy học tích cực và đa dạng	Các GV	Hằng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

#### **Kết luận về tiêu chuẩn 4:**

Trường có văn bản tuyên bố về mục tiêu giáo dục và triết lí giáo dục của Trường; Mục tiêu giáo dục được tất cả cán bộ, GV, NH hiểu rõ và được cụ thể hóa trong các CTĐT của các ngành, trong đó có CTĐT GDTH. Mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được phổ biến tới GV, SV và các bên liên quan.

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT, các kế hoạch dạy học, các bài giảng của GV đã sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, tập trung vào các phương pháp dạy học tích cực, phù hợp để đạt được CĐR. Các phương pháp dạy học được sử dụng đa dạng và tích cực, các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kĩ năng của NH, đồng thời nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.

Tuy nhiên, việc tuyên truyền phổ biến mục tiêu giáo dục của Trường chưa được thực hiện thường xuyên và rộng rãi tới các bên liên quan bên ngoài trường như các nhà tuyển dụng và với xã hội.

#### **Đánh giá tiêu chuẩn 4**

Tiêu chuẩn 4	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 4.1					5		
Tiêu chí 4.2					5		
Tiêu chí 4.3					5		



**Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của NH*****Mở đầu***

Việc đánh giá kết quả học tập của NH là tiêu chuẩn quan trọng trong việc đánh giá CTĐT. Chúng tôi chứng minh 5 tiêu chí của việc đánh giá kết quả học tập của NH như sau: Thứ nhất, việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR; Thứ 2, các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH; Thứ 3, phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng; Thứ 4, kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập; Thứ 5, NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập. Trong mỗi tiêu chí, chúng tôi thu thập những MC cơ bản, thiết yếu nhằm chứng minh đầy đủ 5 khía cạnh trên, bao gồm: các văn bản quy định về việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kỳ; quy định về việc ra đề, coi thi và chấm thi; một số đề thi và kết quả học tập của NH; phần mềm thông báo kết quả học tập của NH; danh sách NH phúc khảo bài thi; kết quả phúc khảo,...Dựa trên những MC thu thập được, chúng tôi kết luận việc đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện đúng quy định, đảm bảo tính khách quan, rõ ràng, phương pháp đánh giá đa dạng.

***Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR******1. Mô tả***

Đánh giá kết quả NH đạt được CĐR được quy định cụ thể trong Quy định tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kỳ thi kết thúc học phần của Trường ĐHSPHN và Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHSPHN [H5.05.01.02], [H5.05.01.03]. Các thông tin cụ thể liên quan đến NH bao gồm: Thời gian và hình thức thi, trách nhiệm của NH trong khi thi, quy định về khiếu nại điểm, phúc khảo bài thi, các hình thức xử lý kỉ luật SV vi phạm quy chế thi.

Đối với từng môn học cụ thể, các quy định về kiểm tra đánh giá chuyên cần, giữa kì, cuối kì cũng được quy định cụ thể và thông báo cho NH ngay từ đầu mỗi học kì [H5.05.01.04]. Quy định về đánh giá học phần đã chỉ rõ: đánh giá chuyên cần

chiếm 10%, đánh giá thường xuyên - 30% và cuối kì - 60%. Từ quy định về Đánh giá học phần của Nhà trường, các Khoa và bộ môn xây dựng các hình thức và phương pháp đánh giá chuyên cần (tỉ lệ % thời gian có mặt tương ứng với điểm số), kiểm tra giữa kì, cuối kì và các cách thức thi, tổ hợp phương pháp (viết, vấn đáp, thực hành, vv. ), công cụ đánh giá (trắc nghiệm, tự luận, phiếu đánh giá..). Điều này được thể hiện trong CTĐT và cập nhật trong Kế hoạch năm học [H5.05.01.05].

Về cách thức ra đề, tiêu chí chấm thi các học phần lí thuyết, thực hành, đề thi tốt nghiệp cuối khóa phù hợp với yêu cầu của CĐR, Khoa thực hiện theo Quy định tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lí kết quả trong kì thi kết thúc học phần của Trường [H5.05.01.02]. Điều này thể hiện rõ trong các đề thi, bài luận, đáp án, hướng dẫn chấm các bài thi giữa kì và cuối kì của khoa [H5.05.01.08], [H5.05.01.09], [H5.05.01.10].

Việc kiểm tra đánh giá được khoa thực hiện nghiêm túc, chủ động và đảm bảo tiến độ: cách thức ra đề thi, hình thức đề thi theo mẫu của trường, nội dung đề thi phải nằm trong khối lượng kiến thức kĩ năng đã giảng dạy, phù hợp với nội dung đã quy định trong CTĐT, đảm bảo phân loại được kết quả học tập, vv.

Đối với kiểm tra giữa kì, các học phần đều kết hợp các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá khác nhau để đạt CĐR. Các học phần của các bộ môn yêu cầu SV làm bài tập lớn, dự án, thuyết trình, vv. vừa đánh giá được mức độ đạt được CĐR vừa phát triển ở SV các năng lực tự học, tự nghiên cứu, năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Đối với kiểm tra cuối kì, hình thức chủ yếu là thi tự luận, vấn đáp và bài tiểu luận. Với hình thức thi tự luận, đề thi kiểm tra cả kiến thức và kĩ năng của học phần. Các yêu cầu đều ở mức độ nhận thức nội dung học một cách sâu sắc, đánh giá năng lực thực hành và vận dụng của SV: Đánh giá thuận lợi và khó khăn, bình luận về vấn đề, so sánh đặc điểm, giải thích tại sao, mô hình hóa quá trình, vv. Một số môn đã được xây dựng ngân hàng đề thi, ngân hàng đề thi này được điều chỉnh, bổ sung, thay thế định kì nhằm đảm bảo chất lượng đề và đảm bảo tính đổi mới, cập nhật của chương trình đào tạo. Các đề thi, giấy nháp thi của các môn thi theo ngân hàng đề này được thu lại sau khi thi nhằm đảm bảo tính bảo mật của đề lâu dài. Ngoài ra, với những môn chưa xây dựng ngân hàng đề, khoa yêu cầu giảng viên nộp đề thi cho trưởng bộ môn và khoa duyệt 2 tuần trước khi thi, khoa bảo mật đề thi an toàn

tuyệt đối. Nhìn chung, hình thức kiểm tra viết phù hợp với mục tiêu của học phần và có khả năng đo lường mức độ đạt được CDR [H5.05.01.06].

Đối với hình thức thi vấn đáp, khoa tổ chức thành các phòng thi. SV bốc thăm câu hỏi, có thời gian chuẩn bị nội dung và trả lời. SV có thể sẽ trả lời thêm câu hỏi của GV. Cuối buổi thi GV chấm có thể trao đổi, thống nhất và thông báo cho SV. Các câu hỏi chuẩn bị sẵn cho SV không quá dài nhưng phủ khắp chương trình, giúp SV có kế hoạch học tập tích cực ngay từ đầu. Hình thức thi vấn đáp cũng rèn luyện cho SV tự tin trong giao tiếp, có kỹ năng thuyết trình một vấn đề.

Sau mỗi đợt thực tập, SV phải viết bài thu hoạch, báo cáo; đây cũng là cách đánh giá có thể kiểm tra được khả năng đạt CDR. Hình thức bài tiểu luận đòi hỏi SV tìm hiểu sâu vấn đề do đó phát huy được năng lực nghiên cứu của SV, đảm bảo đạt được mục tiêu học phần và đo được CDR [H5.05.01.09].

Trong thời gian học online, để thích ứng với tình hình cụ thể, nhiều môn học đã chuyển hình thức thi từ tự luận sang làm bài tập nghiên cứu, sản phẩm học tập, như: Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học, Áp dụng dạy học tích cực,... Môn thực hành được đánh giá thông qua các sản phẩm cụ thể của SV, ví dụ: thi giảng trực tiếp, báo cáo tổng hợp. Các bài tiểu luận, sản phẩm học tập, bài thực hành của SV đều có phiếu đánh giá theo tiêu chí cụ thể [H5.05.01.09].

Như vậy, hình thức, cách thức đánh giá SV khá đa dạng, linh hoạt và qua đó, GV đánh giá được SV theo CDR.

Việc đánh giá kết quả của từng học phần được quy định cụ thể. Điểm chuyên cần được đánh giá theo ba mức 0, 5 và 10, căn cứ vào việc tham gia đầy đủ, có tinh thần tích cực trong các buổi học trên lớp và chuẩn bị bài đầy đủ ở nhà. Điểm giữa kì được tính bằng trung bình cộng của các bài kiểm tra bộ phận. Đa số các học phần đều tính điểm giữa kì ở nội dung thực hành, rèn luyện kỹ năng do đó, phát triển được năng lực thực hành và vận dụng của SV.

Như vậy, hình thức, cách thức đánh giá SV khá đa dạng, linh hoạt và qua đó, GV đánh giá được SV theo CDR. Đề kiểm tra cuối kì có hình thức tự luận và tiêu chí đánh giá là: trình bày chính xác, đầy đủ, rõ ràng. Nếu đúng nhưng không giải thích đầy đủ, rõ ràng: tối đa 50% điểm câu hỏi.

Đối với học phần Thực hành dạy học tại trường tiểu học, CDR là SV có tình yêu nghề, có ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời, hình thành được các năng lực sư phạm, năng lực vận dụng kiến thức chuyên môn, kiến thức sư phạm vào thực tiễn và sử dụng được công nghệ thông tin để thiết kế nhiều dạng bài dạy. Do đó, hình thức thi cuối kì là thực hành-SV dạy trực tiếp trên lớp học giả định. Tiêu chí đánh giá: Kế hoạch dạy học rõ ràng, đúng, đầy đủ kiến thức và PPDH, bài giảng đạt mục tiêu dạy học đã đề ra, vận dụng phương pháp dạy học và sử dụng phương tiện dạy học linh hoạt, hợp lí.

## 2. Điểm mạnh

Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện đúng quy định của Khoa và Trường, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng. Các phương pháp kiểm tra đánh giá khá đa dạng, linh hoạt theo tình hình cụ thể của hình thức đào tạo và phù hợp với mỗi học phần, do vậy GV có thể đánh giá được mức độ đạt được CDR của CTĐT.

## 3. Điểm tồn tại

Phần mô tả phương pháp kiểm tra đánh giá trong chương trình chi tiết ở một số môn học chưa được rõ ràng về thời gian đối với bài thi.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Cụ thể hóa thời gian cho bài thi ở mỗi môn học.	Khoa GDTH, các bộ môn	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức các kì kiểm tra khách quan, công bằng, nghiêm túc. Các phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng CDR	Khoa GDTH, các bộ môn	Từ năm học 2024-2025

## 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH**

## 1. Mô tả

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH được thể hiện rõ trong các quyết định, quy chế đào tạo và tài liệu hướng dẫn. Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường đã quy định việc đánh giá học phần, tổ chức kì thi kết thúc học phần, ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần, điểm trung bình chung; cơ chế phản hồi kết quả học tập, quy định về việc làm, chấm khóa luận tốt nghiệp, xét tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp [H5.05.02.15].

Về đánh giá học phần, yêu cầu phải nghiêm túc, khách quan, tin cậy, trung thực và công bằng. Việc đánh giá kết quả học tập phải dựa trên CDR của học phần, chú trọng đánh giá quá trình nhằm kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của SV. Cụ thể như sau:

- Tổ chức kì thi: Thời gian tổ chức thi kết thúc học phần là vào cuối mỗi học kì. Thời gian thi được thông báo vào đầu năm học trong Kế hoạch đào tạo năm học do Hiệu trưởng phê duyệt [H5.05.02.14]. Trong thời kì học và thi online, Nhà trường đã có văn bản quy định cụ thể hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần trực tuyến trong điều kiện dịch bệnh Covid -19. Các hướng dẫn này được đăng công khai trên trang đào tạo để SV dễ dàng truy cập [H5.05.02.01].

- Điểm học phần gồm: điểm chuyên cần, điểm kiểm tra bộ phận và điểm thi kết thúc học phần. Điểm chuyên cần có 3 mức là 0, 5 hoặc 10; trọng số 0,1. Điểm kiểm tra bộ phận có trọng số 0,3. Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6. Các học phần thực hành được đánh giá bằng điểm trung bình cộng của các bài thực hành trong học kì. Phương pháp, hình thức đánh giá, trọng số được quy định trong đề cương chi tiết của từng học phần và được GV phụ trách lớp thông báo cho SV khi bắt đầu học phần [H5.05.02.02].

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần là: Điểm chuyên cần:  $\geq 5$ , Điểm kiểm tra bộ phận:  $\geq 3$ . Trước kì thi 2 tuần, căn cứ danh sách SV đủ điều kiện thi, khoa lập danh sách phòng thi và thông báo cho SV trước ngày thi ít nhất 05 ngày làm việc.

- Cách tính điểm học phần: Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình theo thang điểm 4 của các học phần đã được tích lũy (đạt điểm A, B, B+, C, C+, D, D+ theo thang điểm chữ) tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kì.

Quyết định số 1067/QĐ- ĐHSPPH ngày 14 tháng 5 năm 2020 về quy định tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kì thi kết thúc học phần của Trường ĐHSPPH xác định rõ: (1) Thời gian thi kết thúc học phần được thực hiện vào cuối kì và được thông báo trong kế hoạch đào tạo năm học do Hiệu trưởng phê duyệt vào đầu năm học; (2) Hình thức thi gồm: thi viết, thực hành, vấn đáp, viết tiểu luận, bài tập lớn, làm đồ án môn học, thi trên máy tính; (3) Quy định về khiếu nại điểm, phúc khảo điểm bài thi: Thí sinh làm đơn phúc khảo gửi TT ĐBCL của Trường đối với môn chung và gửi Khoa đối với môn chuyên ngành, chậm nhất 07 ngày sau khi nhận đơn phúc khảo, TT ĐBCL và Khoa phản hồi thông tin cho SV biết kết quả [H5.05.02.01].

Đối với trọng số điểm trong từng học phần: Tất cả các học phần đều quy định rõ ràng về cách thức kiểm tra đánh giá, các đầu điểm và tỉ trọng của các đầu điểm thành phần như sau: Điểm chuyên cần: 10%, kiểm tra bộ phận (giữa kỳ): 30%, điểm thi hết học phần 60%. Điểm kiểm tra bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0-10), làm tròn đến một chữ số thập phân [H5.05.02.01].

Hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá kết quả học tập của NH được quy định cụ thể và công bố công khai tới NH trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần. Cụ thể: Các quy định về kiểm tra - thi phần lí thuyết, thực hành được quy định rõ ràng và công bố công khai cho NH thông qua đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa cho SV. Hàng năm, việc phổ biến các quy định chung và quy định về kiểm tra đánh giá nói riêng cho tân SV, Khoa luôn tổ chức các buổi Chào tân SV. Đây là cơ hội để SV được phổ biến quy định, cũng như trao đổi, giải đáp các thắc mắc [H5.05.02.03]. Do đó, NH hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của mình.

Thời gian thi được Nhà trường thông báo trong các kế hoạch thi kết thúc học phần sau mỗi học kì [H5.05.02.04]. Căn cứ vào đó, khoa lên lịch thi các môn chuyên ngành. Lịch thi được thông báo trước cho SV trên các group của SV trước 20 ngày. SV học bằng kép nếu bị trùng lịch thì viết đơn gửi giáo vụ để đổi lại lịch thi cho phù hợp. Sau khi tất cả SV không có vướng mắc về thời gian thi, lịch thi cuối cùng sẽ được công bố cho SV và dán ở bảng tin của khoa để tất cả SV được biết. Quy trình ra đề, chấm thi đảm bảo tính bảo mật, công bằng và minh bạch. Khoa

đã thực hiện nghiêm túc theo quy định của Trường về kiểm tra, đánh giá [H5.05.02.01]. Cụ thể: Đề thi được gửi trước ngày thi theo lịch 1 tuần. Đề thi được đưa cho Trưởng bộ môn duyệt, sau đó niêm phong, gửi giáo vụ lưu trữ. Ngay trước ngày thi, BCN khoa mở niêm phong, duyệt đề thi. Giáo vụ photo đề theo số lượng SV dự thi.

NVSP và các hoạt động tập thể được Trường và Khoa quy định rõ ràng. Từ đầu năm học SV đã được thông báo về tuần NVSP sẽ được tổ chức vào tháng 11. Khoảng tháng 10, Trường có thông báo về kế hoạch tổ chức tuần rèn luyện NVSP [H5.05.02.05]. Khoa sẽ căn cứ vào lịch của Trường và xây dựng kế hoạch tuần NVSP. Các hoạt động, kỹ năng NVSP của SV được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể [H5.05.02.06].

Việc thông báo kết quả SV đăng ký học và các thông tin liên quan đến hoạt động đào tạo, kiểm tra - thi được cập nhật tại địa chỉ: <https://hnue.edu.vn/Daotao/DaotaoDaihoc/QuychedaotaoDaihoc.aspx> và phần mềm PSC nhằm giúp SV nắm rõ các quy định về quy trình tổ chức kiểm tra kết quả học tập [H5.05.02.01], [H5.05.02.07]. Tuy nhiên, việc thông báo lịch thi, hình thức kiểm tra đánh giá đôi khi còn bị chông chéo: GV bộ môn khi bắt đầu dạy đã thông báo cho SV đến cuối kì, các CVHT nhắn lại trên nhóm zalo của lớp, giáo vụ khoa dán thông báo lịch thi trên bảng tin của khoa. Việc thông báo nên tách bạch: GV thông báo hình thức, nội dung thi; giáo vụ thông báo thời gian, địa điểm thi và CVHT hỗ trợ thông tin khi SV thắc mắc.

Đối với việc thi tốt nghiệp, sau khi học xong năm thứ 3, NH sẽ được thông báo bằng văn bản về việc tiếp tục học 3 học phần tương đương.

Các quy định về kiểm tra đánh giá nhìn chung khá ổn định trong thời gian từ 2019- 2024. Tuy nhiên, trong thời gian diễn ra dịch Covid, SV chuyển sang học online nên việc kiểm tra, đánh giá được điều chỉnh. Cụ thể: Bài thi cuối kì một số môn chuyển sang làm bài tập lớn, viết bài thu hoạch, thay vì làm bài thi tự luận như mọi năm [H5.05.02.08].

## *2. Điểm mạnh*

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH đã được đưa vào Quy chế đào tạo và các văn bản liên quan tới kế hoạch đào tạo đầy đủ và rõ ràng giúp NH lĩnh hội ngay từ đầu khóa học. Nhà trường và Khoa có các quy định rõ ràng về đánh

giá kết quả học tập của NH và được đa dạng hóa bằng nhiều phương pháp đánh giá tương thích, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, CDR từng học phần và CTĐT. Các quy định về kiểm tra đánh giá thường xuyên được công bố công khai, minh bạch đến NH thông qua nhiều hình thức khác nhau.

### 3. Điểm tồn tại

Sự phối hợp giữa các bộ phận trong việc làm rõ quy định về đánh giá kết quả học tập và thông báo cho NH các quy định này đôi khi còn chông chéo.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Phân công nhiệm vụ: GV thông báo hình thức, nội dung thi; giáo vụ thông báo thời gian, địa điểm thi và CVHT hỗ trợ thông tin khi SV thắc mắc.	Khoa GDTH	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Đa dạng hóa các phương pháp đánh giá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, CDR từng học phần và CTĐT.	Các bộ môn	Cập nhật hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

## **Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.**

### 1. Mô tả

Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được GV xây dựng trong Đề cương chi tiết học phần [H5.05.03.06]. Nhìn chung, GV sử dụng các phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH rất đa dạng, thể hiện ở tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá trong từng giai đoạn của học phần.



Về cơ bản, các môn học đều thực hiện thi kết thúc học phần theo Quyết định số 1067/QĐ- ĐHSPHN ngày 14 tháng 5 năm 2020. Theo đó các hình thức thi gồm: thi viết, vấn đáp, thực hành, viết tiểu luận, bài tập lớn, thi trên máy tính (thi trắc nghiệm hoặc thực hành trên máy tính) [H5.05.03.07]. Trong năm học 2021-2022, do điều kiện dịch bệnh, Nhà trường đã ra công văn cho phép các GV đăng kí hình thức thi, lấy ý kiến, tổ chức thi online [H5.05.03.01]. Theo đó, các môn có thể đăng kí các hình thức sau: Tiểu luận/bài tập lớn, trắc nghiệm, vấn đáp, tự luận trực tuyến (có người giám sát). Hình thức tiểu luận/bài tập lớn được khuyến nghị sử dụng để đánh giá. Nhà trường và Khoa cũng quy định tổ chức kiểm tra đánh giá và hướng dẫn cụ thể tổ chức thi học phần trực tuyến cho phù hợp tình hình dạy và học trong thực tế.

Trong thực tế triển khai ở khoa GDTH, các GV căn cứ vào đặc trưng của môn học và yêu cầu về CĐR và quá trình giảng dạy đã đa dạng hóa hình thức kiểm tra, đánh giá. Các học phần, chuyên đề về lí luận thường được tổ chức thi tự luận. Các bài thi tự luận vừa có câu hỏi phân tích kiến thức vừa có câu hỏi vận dụng, giải quyết tình huống. Học phần thực hành được tổ chức thi riêng và SV thực hiện giảng dạy trực tiếp 1 hoạt động trong kế hoạch bài dạy đã xây dựng trước. Một số học phần có tính đặc thù tiểu học như Âm nhạc, Mỹ thuật được tổ chức thi vấn đáp (với môn Âm nhạc) kết hợp thi lí thuyết, hoặc làm bài tập lớn, bài thực hành (với môn Mỹ thuật).

Các phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CĐR cần đo (độ giá trị); đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng. Cụ thể, mỗi CĐR có các phương pháp kiểm tra đánh giá tương ứng. Để đo lường CĐR về năng lực sư phạm có các phương pháp kiểm tra đánh giá như: vấn đáp, thực hành giảng dạy, bài tập, thuyết trình báo cáo, vv.

Điều này phản ánh qua kết quả kiểm tra, đánh giá của NH. Kết quả cho thấy năng lực NH thể hiện qua kết quả kiểm tra đánh giá cuối kỳ tương đồng với kết quả đánh giá thường xuyên trên lớp; đề thi có độ phân hóa tương đối rõ ràng, phản ánh qua số lượng NH đạt điểm Giỏi, Khá và TB [H5.05.03.02].

Các phân tích, mô tả trên cho thấy các hình thức kiểm tra đánh giá rất đa dạng và linh hoạt theo từng điều kiện học tập. Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH đảm bảo độ tin cậy, có các tiêu chí đánh giá rõ ràng và bám sát theo CĐR của học phần do đó, đánh giá được mức độ đạt CĐR của SV.

Về tổ chức thi, quy trình được tiến hành nghiêm ngặt, đảm bảo nghiêm túc, công bằng và tin cậy. Khoa tổ chức thi: phân công cán bộ coi thi và in, photo đề, vv. Sau khi thi xong, trợ lý đào tạo dồn túi đánh phách và bảo mật bài thi. Khoa chuyển bài thi cho tổ bộ môn và tổ bộ môn cử 2 GV chấm tập trung tại khoa, không mang bài ra khỏi khu vực chấm. Công tác chấm thi phải thực hiện nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng. Cán bộ chấm thi phải chấm bài thi theo đúng thang điểm và đáp án chính thức được phê duyệt. Bài thi được đưa lại cho trợ lý đào tạo ghép phách và chuyển cho giáo vụ nhập điểm trên phần mềm. Giáo vụ in danh sách điểm, trợ lý rà soát, kiểm tra. Trợ lý, giáo vụ, BCN khoa xác nhận điểm và lưu hồ sơ. Sau khi tổng hợp, giáo vụ khoa công bố và thông báo điểm cho SV. Nếu SV phúc khảo thì viết đơn sau 3 ngày, khoa tập hợp và chuyển cho GV chấm [H5.05.03.03].

Mô tả trên cho thấy quy trình tổ chức chấm thi rất chặt chẽ và mỗi khâu có người chịu trách nhiệm riêng. Việc giám sát, kiểm tra được thực hiện ở khâu cuối cùng, do đồng thời cả trợ lý, giáo vụ và BCN cùng thực hiện; do đó, đảm bảo tính khách quan.

## 2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện theo đúng quy định với hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng, phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CDR Chương trình đào tạo ngành GDTH. Quy trình tổ chức thi đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và công bằng.

## 3. Điểm tồn tại

Các môn học chủ yếu đánh giá dựa trên đánh giá của GV, việc kết hợp đánh giá và tự đánh giá đối với SV chưa được thực hiện thường xuyên.

## 4. Kế hoạch hành động

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>

1	Khắc phục tồn tại	Hướng dẫn và tổ chức cho SV thực hiện tự đánh giá.	Khoa GDTH	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường trao đổi giữa các bộ môn để sử dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng hơn, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, đảm bảo độ tin cậy, công bằng và phù hợp CDR của CTĐT.	Khoa GDTH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

#### ***Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập***

##### ***1. Mô tả***

Theo Quy chế và quy định tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kì thi kết thúc học phần của Trường ĐHSPTN, việc phản hồi đánh giá kết quả học tập của NH phù hợp với quy định về kiểm tra, đánh giá của Bộ GD&ĐT [H5.05.04.04], [H5.05.04.05]. Quy định này được công bố công khai đến từng GV và SV trong sổ tay SV, trong các giờ học đầu các học phần, qua đó giúp SV có đầy đủ thông tin và thực hiện.

Về điểm đánh giá giữa kì, Khoa nhập điểm đánh giá giữa kì trên phần mềm quản lý học tập của Trường muộn nhất là 03 ngày sau khi học phần kết thúc và đăng trên bảng thông báo của khoa. Do đó, SV nắm được quyền đủ điều kiện dự thi/ không đủ điều kiện dự thi học kì của mình và ý kiến phản hồi để được giải quyết kịp thời [H5.05.04.06].

Về điểm các học phần, Khoa quản lý kết quả học tập của SV theo từng học kỳ. Sau mỗi kỳ thi, Khoa nhập điểm học phần vào Hệ thống quản lý kết quả học tập và công bố điểm thi kết thúc học phần muộn nhất là 02 ngày sau khi hết thời gian chấm thi học phần và gửi Bảng điểm có chữ ký của GV và BCN Khoa về TT ĐBCL và Phòng Đào tạo. Thời gian chấm thi cũng như thông báo kết quả thi cho NH (7 ngày sau mỗi kỳ thi). Với quy định này, NH kịp thời có quyết định về cải thiện tình hình học tập của mình theo các cách như: học lại, thi lại, thi nâng điểm, xét điều kiện hoặc học ba học phần tương đương. Điều này thể hiện rõ trong kết quả học tập của SV.

Về công bố điểm, kết quả thi và kiểm tra được công bố công khai trên phần mềm PSC [H5.05.04.03]. SV sử dụng tài khoản riêng để đăng nhập và tự tra điểm. Do đó, việc quản lý kết quả học tập của NH chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao và hỗ trợ NH tra cứu kết quả học tập của mình dễ dàng, nhanh chóng. Công thức tính điểm trung bình chung học tập được thống nhất và công bố trong Sổ tay SV để SV có thể tự kiểm tra. Kết quả đánh giá được công bố kịp thời, đảm bảo SV chủ động kiểm tra được kết quả.

Về việc thi lại và thi nâng điểm, Quy định của Trường đã chỉ rõ: Cuối mỗi học kì, Trường tổ chức một kì thi chính và một kì thi phụ (thi lại) để thi kết thúc học phần. Kì thi phụ dành cho những SV không tham dự kì thi chính hoặc có học phần bị điểm F ở kì thi chính và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kì thi chính. Việc thi nâng điểm được quy định như sau: a) SV được thi nâng điểm 01 lần đối với học phần đã tích lũy để cải thiện điểm. SV không có quyền thi nâng điểm những học phần được tích lũy do thi lần 2. Việc đăng kí và hủy đăng kí thi nâng điểm được thực hiện trên phần mềm tín chỉ [H5.05.04.05]. SV tùy vào nhu cầu, mong muốn sẽ tự đăng kí học cải thiện, nâng điểm. Đến dịp đăng kí tín chỉ, SV hủy kết quả của môn học đó ở lần thi trước và đăng kí học cải thiện.

Ở khoa GDTH, giáo vụ xuất điểm gửi CVHT để theo dõi, tư vấn cho các SV thuộc diện cảnh báo để đăng kí tín chỉ cho phù hợp. BCN Khoa thường xuyên có kế hoạch và thực hiện họp định kỳ với CB quản lý SV, các CVHT, Cán bộ Đoàn thanh niên để có chiến lược cảnh báo, nhắc nhở những SV có biểu hiện giảm sút lực học [H5.05.04.02]. Các CVHT theo dõi việc cảnh báo kết quả học tập của SV mình phụ trách theo công văn Nhà trường gửi về hoặc trên trang đào tạo của GV. Các CVHT thông báo cho SV qua các nhóm zalo của GV và SV hoặc liên hệ, trao đổi trực tiếp với SV. Tuy nhiên, việc giải đáp thắc mắc, tháo gỡ khó khăn cho SV chủ yếu thực hiện đối với từng cá nhân mà chưa thành một hệ thống tư vấn cho tất cả SV.

## *2. Điểm mạnh*

Hệ thống quản lý của các Khoa, TT ĐBCL, TT CNTT và Nhà trường thống nhất và kết hợp chặt chẽ trong việc tổ chức thi và công bố điểm cho SV. Phần mềm quản lý đào tạo PSC giúp NH được phản hồi kịp thời về kết quả kiểm tra đánh giá sau mỗi kì thi từ đó có biện pháp để cải thiện việc học tập.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc giải đáp thắc mắc, tháo gỡ khó khăn cho SV chủ yếu thực hiện đối với từng cá nhân mà chưa thành một hệ thống tư vấn cho tất cả SV.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Trung tâm CNTT, giáo vụ và GV cần giải đáp thắc mắc, thiết lập hệ thống tư vấn cho SV	Trung tâm CNTT và Khoa GDTH	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện quy trình tổ chức thi, chấm điểm và công bố kết quả đánh giá. Sử dụng phần mềm PSC để phản hồi kết quả đánh giá kịp thời tới NH.	Khoa GDTH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

#### **Tiêu chí 5.5. NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.**

##### 1. Mô tả

Việc khiếu nại điểm, phúc khảo điểm bài thi kết quả học tập được quy định trong Quyết định số 1067/QĐ- ĐHSPPHN ngày 14 tháng 5 năm 2020. Theo đó, sau khi công bố điểm thi các học phần, đơn vị tổ chức thi công bố công khai thời gian nhận đơn phúc khảo điểm bài thi của SV trên cổng thông tin điện tử và Hệ thống quản lý kết quả học tập của Nhà trường. Nếu SV có khiếu nại, cần thực hiện các bước như sau:

- SV làm đơn theo mẫu [H5.05.05.01] và nộp cho Trung tâm ĐBCL của Trường đối với môn chung và nộp tại Khoa đối với các học phần chuyên ngành.
- Đơn vị tổ chức thi và Khoa đào tạo quản lý học phần phối hợp thực hiện xem xét bài thi, kết quả thi của thí sinh;
- Đơn vị tổ chức thi xây dựng lịch chấm phúc khảo, gửi đến Ban thanh tra giáo dục Trường. Khoa quản lý học phần có trách nhiệm cử GV chấm theo lịch.

Điểm chấm lại của bài thi được đơn vị tổ chức thi tổng hợp và kí duyệt chậm nhất sau 07 ngày từ ngày nhận đơn phúc khảo, TT ĐBCL và khoa đào tạo phản hồi thông tin cho SV được biết kết quả giải quyết rõ ràng và cụ thể [H5.05.05.02], [H5.05.05.03].

Quy trình này được in trong Sổ tay SV phát cho NH vào đầu khóa học. Giáo vụ và TT ĐBCL phổ biến vào tuần sinh hoạt công dân và buổi họp đầu khóa [H5.05.05.04]. Cách thức phản hồi kết quả cũng được cụ thể hóa trong từng môn học và được GV thông báo đến SV khi bắt đầu mỗi học phần. Như vậy, SV muốn khiếu nại hoặc phúc khảo đều có thể tiếp cận thông tin về thời gian, quy trình, thủ tục khiếu nại, phúc khảo kết quả bài thi trên cổng thông tin điện tử và hệ thống quản lí học tập của Nhà trường. Sau mỗi kì thi, Khoa đều công khai đáp án trên các nhóm của khối, SV tự kiểm tra được bài làm của mình và do đó, không có tình trạng khiếu nại. Nếu cần xem xét lại điểm, SV làm đơn phúc khảo gửi BCN khoa. Văn phòng khoa tiếp nhận và nhanh chóng chuyển cho các bộ phận phụ trách đào tạo giải quyết.

## *2. Điểm mạnh*

Quy trình khiếu nại kiểm tra đánh giá được quy định cụ thể và phổ biến công khai kịp thời đến tất cả SV.

### 3. Điểm tồn tại

Khoa chưa thường xuyên phân tích dữ liệu về các ý kiến phản hồi của SV.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Phân tích dữ liệu sau khi nhận được ý kiến phản hồi của SV để từ đó có biện pháp thay đổi kịp thời	Khoa GDTH	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Giáo vụ, GV bộ môn, TT ĐBCL duy trì việc phổ biến quy trình khiếu nại kết quả đánh giá tới người học một cách thường xuyên, kịp thời.	Giáo vụ, GV bộ môn, TT ĐBCL	Hàng năm

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

#### **Kết luận về tiêu chuẩn 5:**

Việc đánh giá kết quả của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của Nhà trường đã được xây dựng cụ thể, rõ ràng và được công bố công khai tới NH ngay từ đầu năm thứ nhất qua các đợt sinh hoạt tập thể và trong Sổ tay SV, trên trang đào tạo của SV.

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH. Việc đánh giá khách quan, công bằng, minh bạch, tổ chức thi cử nghiêm minh đã tạo ra được nề nếp dạy và học tích cực. Phần mềm quản lý đào tạo PSC cập nhật nhanh chóng các thông tin về học tập, rèn luyện của SV do đó, SV được phản hồi kịp thời về kết quả kiểm tra đánh giá sau mỗi kì thi. Từ đó, SV có thể điều chỉnh kế hoạch học tập cho phù hợp.

Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Phương pháp đánh giá kết quả học tập được sử dụng đa dạng như:

trắc nghiệm, tự luận, thực hành, bài tập lớn, vv. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập thể hiện trong CTĐT đảm bảo bao quát toàn bộ nội dung học phần cũng như toàn bộ CTĐT về kiến thức, kỹ năng đạt được.

Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập. Các mốc thời gian về chấm bài, nộp điểm, nhận đơn phúc khảo được Khoa thực hiện nghiêm túc theo quy định kiểm tra đánh giá của trường. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời trên trang quản lý học tập nên NH có thể chủ động theo dõi và đưa ra quyết định cải thiện việc học tập. Khi có bất cứ khiếu nại gì về kết quả đánh giá, NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập thông qua hướng dẫn cụ thể theo các bước rõ ràng được quy định bằng văn bản. NH có thể tự đọc hiểu văn bản hoặc có thể tham khảo sự trợ giúp từ giáo vụ và TT ĐBCL. Tuy nhiên, việc quy định thời gian thi của một số học phần trong kế hoạch đào tạo còn chưa cụ thể. Phần mềm quản lý học tập đôi khi bị lỗi do nhiều NH truy cập cùng một lúc, khiến SV gặp khó khăn khi đăng ký học và xem kết quả học tập.

#### **Đánh giá tiêu chuẩn 5:**

<b>Tiêu chuẩn 5</b>	<b>Thang đánh giá</b>						
	<b>Chưa đạt</b>			<b>Đạt</b>			
	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>
<b>Tiêu chí 5.1</b>					5		
<b>Tiêu chí 5.2</b>					5		
<b>Tiêu chí 5.3</b>					5		
<b>Tiêu chí 5.4</b>					5		
<b>Tiêu chí 5.5</b>					5		
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>5.0</b>						

#### **Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

##### ***Mở đầu***

Đội ngũ cán bộ Khoa GDTH tham gia thực hiện CTĐT bao gồm các GV và giáo viên thực hành; không có cán bộ thuộc ngạch NCV. Đây là lực lượng tham gia trực tiếp vào hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trường ĐHSPhn là cơ sở giáo dục hàng đầu về đào tạo GV và Khoa GDTH là Khoa đầu tiên trong cả nước đào



tạo GVTH có trình độ đại học. Vì vậy, Trường và Khoa luôn chú trọng đến việc phát triển đội ngũ GV, coi đây là nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với sự tồn tại, phát triển của Nhà trường, của Khoa. Minh chứng cho điều này chính là việc Nhà trường đã có chiến lược chung về quy hoạch và phát triển đội ngũ GV; việc quy hoạch cán bộ, tuyển dụng GV luôn được xác định, đánh giá, thực hiện công khai, minh bạch theo đúng quy định; chú trọng đến việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho GV đồng thời luôn động viên, khuyến khích GV bằng nhiều hình thức khen thưởng kịp thời. Kết quả là cho đến nay, Khoa GDTH đã có đội ngũ GV có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng và có ý thức, nỗ lực vươn lên.

***Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

***1. Mô tả***

Từ tháng 7/2019 đến 7/2024, đội ngũ GV của Khoa GDTH có sự biến động lớn. Trong thời gian này, có 1 GS, 4 PGS, 3 TS và 1 ThS đến tuổi nghỉ chế độ. Để đảm bảo yêu cầu về đội ngũ, Khoa đã có giải pháp vừa kéo dài thời gian công tác đối với các GV có trình độ cao, vừa chú trọng đẩy mạnh công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên, làm tốt công tác thu hút, kịp thời tiếp nhận 1 PGS, 4 TS và tuyển dụng 1 ThS, 02 tạo nguồn về tham gia công tác giảng dạy. Cụ thể:

**Bảng 6.1.1. Đội ngũ GV của khoa GDTH trong giai đoạn 2019 - 2024**

Năm học	GS	PGS	TS	Th.s	CN	Tổng số
2019 - 2020	1	6	5	9	0	21
2020 - 2021	0	7	6	8	0	21
2021 - 2022	0	6	5	8	1	20
2022 - 2023	0	6	6	8	1	21
2023 - 2024	0	5	7	8	0	20

Hiện nay, đội ngũ GV của Khoa GDTH có 20 GV và giáo viên thực hành cơ hữu. Trong đó có 5 GV có học hàm PGS và 7 GV có học vị tiến sĩ. Ngoài ra, tham gia thường xuyên vào giảng dạy CTĐT ngành GDTH còn có 5 GV có học hàm PGS,

học vị TS của các khoa Giáo dục đặc biệt, Việt Nam học và khoa Tâm lý Giáo dục (TS. Đinh Nguyễn Trang Thu – Khoa GD đặc biệt; TS. Đỗ Thị Phương Thảo – Khoa Việt Nam học; PGS.TS. Nguyễn Thanh Hồng, TS. Mai Quốc Khánh và TS. Hoàng Thành Thuý – Khoa Tâm lý, Giáo dục; PGS.TS. Nguyễn Hoài Nam - Khoa sư phạm kỹ thuật; PGS.TS Phan Thị Hồng Xuân - Khoa Ngữ văn). Khoa có 4 bộ môn với số lượng GV cụ thể: Bộ môn Khoa học xã hội có 06 GV và 01 GV tạo nguồn, Bộ môn Khoa học tự nhiên có 7 GV, Bộ môn Tâm lý – Giáo dục học có 4 GV và Bộ môn Thực hành sư phạm với đặc thù của mình có 3 giáo viên thực hành.

**Bảng 6.1.2. Số lượng GV của khoa GDTH với học hàm, học vị đạt được năm 2024**

<b>Bộ phận trong Khoa</b>	<b>GS</b>	<b>PG S</b>	<b>TS</b>	<b>ThS</b>
Bộ môn Khoa học xã hội (6 GV và 1 GV tạo nguồn là cử nhân)	0	2	1	3
Bộ môn Khoa học tự nhiên (7 GV)	0	1	4	2
Bộ môn Tâm lý – giáo dục học (4 GV)	0	2	2	0
Bộ môn Thực hành sư phạm (3 giáo viên thực hành)	0	0	0	3
<b>Tổng cộng: 20</b>	0	5	7	8

Việc phát triển đội ngũ GV của trường ĐHSPTH nói chung và Khoa GDTH nói riêng được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường ĐHSPTH giai đoạn 2022, tầm nhìn 2030; Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi Trường ĐHSPTH giai đoạn 2017-2022 tầm nhìn 2030 [H6.06.01.01], [H6.06.01.02]. Chiến lược của Trường ĐHSPTH đã chỉ rõ những mục tiêu cụ thể về xây dựng, phát triển đội ngũ GV dựa trên nhu cầu về đào tạo, NCKH và phát triển cộng đồng như: tăng tỷ lệ GV có trình độ cao, phát triển năng lực NCKH giáo dục cho GV, hỗ trợ xuất bản các kết quả nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, ... Để đạt được mục tiêu kế hoạch phát triển nhân lực nêu trên, Nhà trường và các Khoa đã triển khai thực hiện xây dựng Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2022 – 2025 [H6.06.01.03], [H6.06.01.04], [H6.06.01.05], [H6.06.01.06], [H6.06.01.07]. Nhà trường cũng dành nguồn kinh phí lớn để tổ chức các lớp đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, GV [H6.06.01.14].

Nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển đội ngũ, đáp ứng chủ trương,

chiến lược của Nhà trường, Khoa GDTH cũng đã xác định nhu cầu và những việc làm cụ thể để phát triển đội ngũ GV theo từng giai đoạn như kéo dài thời gian công tác cho các GV có trình độ cao để bồi dưỡng các GV trẻ; phân công GV theo hướng phát huy năng lực của mỗi GV; bồi dưỡng, đào tạo GV, tuyển dụng GV có học hàm học vị và tạo nguồn cán bộ trẻ, ... Nhu cầu và những vấn đề cụ thể nêu trên đã được đưa vào Báo cáo chính trị Đại hội Chi bộ Khoa nhiệm kỳ 2022 – 2025 và được cụ thể hóa trong kế hoạch ngắn hạn của từng năm học, từ năm học 2019- 2020 đến nay [H6.06.01.10], [H6.06.01.11], [H6.06.01.12].

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng GV đáp ứng tốt nhất nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, mặc dù chưa xây dựng kế hoạch dài hạn về chiến lược phát triển đội ngũ, nhưng 5 năm học trở lại đây, khoa GDTH đã có những quyết sách phù hợp. *Đầu tiên*, dựa trên bối cảnh lịch sử để lại, khi mà Khoa có rất nhiều GV đến độ tuổi nghỉ hưu (riêng năm học 2021 -2022: 04 cán bộ, năm học 2022 - 2023: 02 cán bộ), việc tuyển mới chưa thực hiện ngay được, Khoa GDTH chú trọng đến vấn đề kéo dài thời gian công tác cho GV có trình độ cao. Từ năm 2019 cho đến nay, Khoa đã kéo dài thời gian công tác cho 4 GV ở bộ môn KHXH (GS.TS. Lê Phương Nga, TS. Dương Thị Hương, TS. Đặng Thị Kim Nga), 3 GV ở bộ môn KHTN (PGS.TS. Vũ Quốc Chung, PGS.TS. Trần Ngọc Lan, PGS. TS. Nguyễn Thị Thán), 2 GV bộ môn Tâm lý- giáo dục học (TS. Nguyễn Thị Vân Hương, PGS.TS. Phó Đức Hoà). Đây là đều là những GV có trình độ cao, có học hàm GS, PGS, có học vị TS, là chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực GDTH của cả nước. Các GV được kéo dài thời gian công tác sẽ vừa tham gia đào tạo, NCKH, vừa có nhiệm vụ bồi dưỡng GV trẻ của khoa [H6.06.01.08], [H6.06.01.17], [H6.06.01.18]. *Thứ hai*, Khoa GDTH chú trọng phát triển đội ngũ qua việc tuyển dụng GV có học hàm, học vị và tạo nguồn GV trẻ. Dựa trên tình hình thực tế, từ nhu cầu của Khoa, Khoa GDTH đã đề xuất bổ sung nguồn nhân lực. Khi được Ban giám hiệu phê duyệt kế hoạch tạo nguồn, tuyển dụng của Khoa, Nhà trường sẽ thông báo tuyển dụng tạo nguồn rộng rãi trên Website của Trường và thành lập các Hội đồng để tiến hành khảo sát các ứng viên. Kết quả trong 5 năm gần đây, Khoa đã tuyển dụng được 7 GV chính thức và 1 GV tạo nguồn. Các GV được tuyển dụng về có sự kế cận hợp lí về trình độ và độ tuổi. Phần lớn các GV được tuyển dụng đều là những GV có trình độ chuyên môn cao, có học hàm, học vị, có kinh nghiệm liên quan đến cấp học tiểu học [H6.06.01.16]. Danh

sách cụ thể được thống kê trong Bảng 6.1.3.

**Bảng 6.1.3. Quy hoạch tuyển bổ sung đội ngũ GV Khoa GDTH**

Năm học	Số lượng	Bộ môn tuyển bổ sung GV	Kết quả
2019 - 2020	02	KTXH, KHTN	TS. Phan Thanh Hà (KHTN) TS. Nguyễn Thu Phương (KHXH)
2020 - 2021	01	KTXH	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Thủy
2021 -2022	02	KHTN	TS. Đỗ Thị Phương Thảo TS. Hà Thị Lan Hương
2022 - 2023	02	KTXH, KHTN	ThS. Dương Bảo Ngọc (KHXH) ThS. Lưu Trà My (KHTN)
2023 - 2024	01	KHXH	CN Ma Thị Diệp Linh (tạo nguồn)

Ngoài việc phát triển đội ngũ bằng việc kéo dài thời gian công tác cho các GV có trình độ cao và tuyển dụng GV, Khoa GDTH rất quan tâm đến bồi dưỡng đội ngũ GV cơ hữu của Khoa. Có hai hướng bồi dưỡng GV được đề cập: *Một là*, cử GV hoặc GV chủ động tham gia học, tập huấn các lớp bồi dưỡng, tập huấn, hội thảo chuyên môn để nâng cao trình độ [H6.06.01.15]. *Hai là*, phân công GV theo hướng bồi dưỡng để các GV trong khoa vừa tham gia dạy các môn cơ bản vừa tham gia dạy các môn phương pháp [H6.06.01.10].

Như vậy, cho đến năm học 2023 - 2024, khoa GDTH đã có đội ngũ GV mà rất nhiều người là những chuyên gia đầu ngành về GDTH và đào tạo GVTH. Các GV của khoa tham gia vào rất nhiều chương trình, dự án lớn về GDTH của Bộ GD&ĐT như xây dựng Chương trình GDPT 2018, bồi dưỡng GVTH thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (ETEP), Học thông qua chơi (VVOB),... Các GV trong khoa tham gia tích cực vào viết giáo trình đào tạo, sách giáo khoa tiểu học, tài liệu tập huấn và tham gia bồi dưỡng cán bộ quản lí, GVTH. Tuy đội ngũ GV của Khoa đa số năng động, nhiệt huyết, có trình độ và kinh nghiệm trong đào tạo nhưng vẫn còn thiếu các GV giàu kinh nghiệm NCKH để chủ trì các đề tài có tính liên ngành quy mô lớn trong lĩnh vực khoa học giáo dục hay đăng các bài báo trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín. Về độ tuổi, bảng thống kê 6.1.3 cho thấy, hiện nay đội ngũ GV đang ở độ tuổi

có điều kiện tốt nhất về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và sức khoẻ. Tất cả các lí do trên đã cho thấy, đội ngũ GV của Khoa đã đáp ứng tốt yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường.

**Bảng 6.1.4. Độ tuổi của GV Khoa GDTH năm 2024**

<b>Độ tuổi</b>	Dưới 30	Từ 30 - 40	Từ 41 - 50	Trên 50
<b>Số lượng</b>	3	4	10	4

**2. Điểm mạnh**

Khoa GDTH có đội ngũ GV đa số đều là GV có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm, đáp ứng tốt nhu cầu của đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường.

**3. Điểm tồn tại**

Công tác tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ để phát triển đội ngũ GV còn gặp nhiều khó khăn.

**4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục tồn tại	<p>Cần đẩy mạnh công tác cán bộ theo hướng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường tổ chức các hoạt động sinh hoạt chuyên môn, hội nghị, hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng GV quy mô Khoa, Trường và lớn hơn.</li> <li>- Tạo điều kiện tối đa, có chính sách động viên, khuyến khích để GV thi chuyển ngạch GV chính, GV cao cấp; xét tiêu chuẩn và bổ nhiệm học hàm PGS và GS.</li> </ul>	<p>Khoa và các bộ môn</p> <p>Khoa và các bộ môn</p>	<p>Hàng năm</p> <p>Từ năm học 2024 – 2025</p>

		- Có chính sách thu hút để tuyển dụng GV theo hướng đội ngũ có sự kế cận hợp lí, từng bước tiến tới 100% GV trong khoa có trình độ TS.	Trường và Khoa	Từ năm học 2024 – 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện các hướng phát triển đội ngũ GV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Khoa, các bộ môn và toàn thể GV trong Khoa	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng**

**1. Mô tả**

Căn cứ theo thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/2/2018 của Bộ GD&ĐT về Quy định việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên, trình độ đại học, ThS, TS, tỉ lệ GV trên SV của CTĐT GDTH (nhóm ngành I) quy định tối đa 20 SV/1GV. Điều này được thể hiện rõ trong đề án tuyển sinh của Trường ĐHSPTHN [H6.06.02.01]. Số lượng SV tuyển sinh và số lượng GV tương ứng trong các năm học từ 2019-2020 đến 2023-2024 được thể hiện trong bảng 6.2.1 dưới đây:

**Bảng 6.2.1. Tỷ lệ GV/SV sau quy đổi ngành GDTH giai đoạn 2019-2024**

Năm học	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Tổng số Sinh viên	453	651	800	899	845
Tổng số GV	19	21	20	21	20
Tổng số GV quy đổi	35	41	36,3	38,3	37
Tỉ lệ GV/SV	12,9	15,8	22,0	23,2	22,8

Bảng 6.2.1 đã cho thấy tỉ lệ GV/SV sau quy đổi của ngành GDTH giai đoạn 2019-2024 dao động từ 12,9 đến 25,47 [H6.06.02.11]. Tỉ lệ này tính trên số lượng GV cơ hữu của Khoa. Khoa có một số GV thỉnh giảng ở các khoa khác (TS. Đinh Nguyễn Trang Thu – Khoa GD đặc biệt; TS. Đỗ Thị Phương Thảo – Khoa Việt Nam học; PGS.TS. Nguyễn Thanh Hồng, TS. Mai Quốc Khánh và TS. Hoàng Thanh Thuý – Khoa Tâm lý, Giáo dục; PGS.TS Nguyễn Hoài Nam – Khoa Sư phạm kĩ thuật; PGS.TS. Phan Thị Hồng Xuân -Khoa Ngữ văn). Vì vậy, có thể nói tỉ lệ GV/SV sau quy đổi của ngành GDTH đảm bảo chuẩn chung của Bộ GD&ĐT Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học của các cơ sở giáo dục [H6.06.02.02] và cũng cho thấy đội ngũ GV của Khoa GDTH có thể đáp ứng quy mô đào tạo hiện nay.

Nhà trường đã có Quyết định số 857/QĐ-ĐHSPHN-TCCB về quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV của Trường ĐHSPHN. Tiếp đó, đến tháng 3 năm 2022, Nhà trường ban hành Quyết định 556/QĐ v/v ban hành Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc của GV Trường ĐHSPHN (Số 556 /QĐ-ĐHSPHN ngày 11/3/2022) thay thế cho Quyết định số 857 để phù hợp hơn với tình hình thực tế, trong đó quy định rõ định mức giờ chuẩn nghĩa vụ của GV trong một năm học, quy định này thể hiện rõ ở Bảng 6.2.2 [H6.06.02.03], [H6.06.02.04], [H6.06.02.05], [H6.06.02.06], [H6.06.02.07].

**Bảng 6.2.2. Định mức giờ chuẩn của các GV trong một năm**

T	T	Tổng quỹ thời gian làm việc				Định mức giờ chuẩn			
		Giảng dạy	NCKH	Phục vụ cộng đồng và chuyên môn khác	Cộng	Giảng dạy	NCKH	Phục vụ cộng đồng và chuyên môn khác	Cộng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	Tổng	(7)	(8)	(9)	Tổng
1	GVCC (hạng I)	1050	586	124	<b>1760</b>	300	190	96	<b>586</b>

2	GVC (hạng II)	1050	586	124	<b>1760</b>	300	170	116	<b>586</b>
3	GV (hạng I)	1050	586	124	<b>1760</b>	300	150	136	<b>586</b>

Cùng với việc xây dựng định mức quy định giờ chuẩn của GV rõ ràng và cụ thể như vậy, nhà trường cũng đã xây dựng phần mềm quản lý giờ GV website của Trường. Phần mềm này giúp GV chủ động kê khai và kiểm soát khối lượng công việc giờ giảng, giờ NCKH và giờ các nhiệm vụ khác của mình, đồng thời cũng giúp Trường Khoa nắm bắt, quản lý để phân công công việc cho từng GV một cách phù hợp trên năng lực và vị trí việc làm quy định [H6.06.02.08], [H6.06.02.09]. Nhà trường tính vượt giờ cho từng GV khi tổng số giờ tính trên đầu GV của toàn Khoa theo quy định phải đạt.

Giai đoạn 2019-2024, về giảng dạy, hầu hết GV của Khoa đều đảm bảo đủ số giờ chuẩn theo quy định của Nhà trường, trong đó nhiều GV có số vượt giờ cao. Số giờ giảng trung bình cho SV của mỗi GV trong Khoa hàng năm dao động trong khoảng 500 - 600 giờ, nếu tính cả các công việc giảng dạy cho học viên cao học và các lớp vừa học vừa làm [H6.06.02.12]. Về NCKH, số lượng đề tài, nhiệm vụ NCKH của GV trong Khoa chủ trì và tham gia ở các cấp như cấp Trường, cấp Bộ, cấp Nhà nước và tương đương còn ít. Số lượng bài báo đăng tải tại các tạp chí, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế các cấp đảm bảo yêu cầu, trung bình hàng năm có 01 bài/1 GV. Tuy nhiên số lượng bài quốc tế của các GV còn rất khiêm tốn (tỉ lệ > 50% GV có công bố). Số lượng sách do GV trong Khoa công bố cũng rất đa dạng, tập trung chủ yếu là sách giáo khoa, sách tham khảo cho phổ thông, thể hiện rõ ở bảng 6.2.3 [H6.06.02.14], [H6.06.02.15]. Các GV trong Khoa tích cực thực hiện hoạt động phục vụ cộng đồng chủ yếu là bồi dưỡng GV ở phổ thông [ H6.06.02.23], [H6.06.02.24].

**Bảng 6.2.3. Số lượng đề tài KHCN do GV Khoa GDTH chủ trì và tham gia đã được nghiệm thu, số lượng bài báo và sách xuất bản từ 2019-2024**



TT	Phân loại đề tài	Số lượng đề tài nghiệm thu				
		2019 - 2020	2020 - 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
1	Đề tài cấp NN	2	2	1	0	0
2	Đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ/ Tỉnh	4	2	1	1	1
3	Đề tài cấp trường	0	0	1	1	0
	<b>Tổng</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
TT	Phân loại tạp chí/ hội thảo	Số lượng bài báo				
		2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
1	Tạp chí/ hội thảo khoa học quốc tế	7	8	5	5	7
2	Tạp chí/ hội thảo khoa học cấp ngành trong nước	13	6	7	13	5
	Tạp chí / tập san của cấp trường	2	1	3	3	2
	<b>Tổng</b>	<b>22</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>21</b>	<b>14</b>
TT	Phân loại sách	Số lượng sách				
		2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
1	Sách chuyên khảo	0	0	0	2	1
2	Sách giáo trình	0	1	0	0	6
3	Sách tham khảo	19	20	26	23	31
4	Sách hướng dẫn	1	3	5	1	3
	<b>Tổng:</b>	<b>20</b>	<b>24</b>	<b>31</b>	<b>26</b>	<b>40</b>

Bên cạnh việc đo lường, giám sát khối lượng công việc của đội ngũ GV qua phần mềm, Trường và Khoa cũng thường xuyên có các hoạt động để giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Cụ thể, hàng kì và hàng năm, TT ĐBCL của Trường đều lấy ý kiến phản hồi về giờ giảng của GV

[H6.06.02.13]. Khoa cũng chủ động dự giờ, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV thực hiện CTĐT GDTH [H6.06.02.10].

Cùng với việc đánh giá hoàn thành nhiệm vụ GV dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác, hàng năm Hội đồng thi đua của Khoa và Trường đều tiến hành đánh giá trên các mặt và bình bầu thi đua cũng như đề xuất hình thức khen thưởng các cấp nhằm động viên kịp thời cho GV theo đúng quy định [H6.06.02.16], [H6.06.02.17], [H6.06.02.20], [H6.06.02.25]. Kết quả, hàng năm Khoa đều có GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và Chiến sĩ thi đua các cấp [H6.06.02.18], [H6.06.02.19], [H6.06.02.21], [H6.06.02.22].

## 2. Điểm mạnh

Hiện tại, tỉ lệ GV trên SV đáp ứng được yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng; đảm bảo đội ngũ GV đủ về số lượng và chất lượng cho thực hiện đào tạo ngành GDTH. Khối lượng công việc của GV được đo lường và có sự giám sát, đánh giá chặt chẽ từ Bộ môn, Khoa và các đơn vị phòng ban chức năng trong Nhà trường.

## 3. Điểm tồn tại

Khoa cần tiếp tục làm tốt công tác tuyển dụng cán bộ để phát triển đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác đào tạo và NCKH.

## 4. Kế hoạch hành động

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục tồn tại	- Trường và Khoa có kế hoạch và thực hiện tuyển bổ sung để chủ động hơn về đội ngũ GV thực hiện CTĐT cũng như đảm bảo tỉ lệ GV/SV theo đúng quy định khi số lượng tuyển sinh tăng cao hơn.	Trường ĐHSPHN Khoa GDTH và các bộ môn	Giai đoạn 2024 - 2029

2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục duy trì để đảm bảo tỉ lệ GV/SV đáp ứng quy định hiện hành.</li> <li>- Tiếp tục thực hiện đo lường khối lượng công việc của đội ngũ GV, đảm bảo có sự giám sát chất lượng chặt chẽ từ bộ môn, khoa và các đơn vị phòng ban chức năng trong Nhà trường.</li> </ul>	Trường ĐHSPHN Khoa GDTH và các bộ môn	Giai đoạn 2024 - 2029
---	--------------------	--	--	-----------------------

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

***Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai***

***1. Mô tả***

Trường ĐHSPHN đã xây dựng tiêu chí rõ ràng về “Quy chế tuyển dụng viên chức” cũng như xét tuyển đặc cách [H6.06.03.01], [H6.06.03.02], [H6.06.03.03]. Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu của Bộ môn, Khoa đề xuất số lượng nhân sự cần tuyển dụng trình Hiệu trưởng phê duyệt. Tiêu chí, yêu cầu về đạo đức và năng lực học thuật của GV được xác định và phổ biến công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên báo, trên trang web của Trường [H6.06.03.05], [H6.06.03.06], [H6.06.03.16].

Nhà trường căn cứ vào đề xuất của đơn vị và Đề án vị trí việc làm để tuyển dụng GV hàng năm. Trong quy định của Nhà trường, ứng viên tham gia xét tuyển phải có đủ các tiêu chuẩn thể hiện trong Quy chế tuyển dụng của Trường, Quy chế xét tuyển đặc cách, và theo các quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật viên chức [H6.06.03.07]. Yêu cầu về chuyên môn cũng được quy định rõ ràng bao gồm điều kiện cần và điều kiện đủ. Bên cạnh Hội đồng tuyển dụng ở Khoa, Trường sẽ tổ chức một Hội đồng độc lập mời chuyên gia ngoài trường thuộc lĩnh vực chuyên môn tuyển dụng để đánh giá cả chuyên môn và ngoại ngữ cũng như NVSP [H6.06.03.06]. Trong quá trình tập sự, Khoa đều phân công các GV giàu kinh nghiệm giúp đỡ, hướng dẫn GV tập sự [H6.06.03.11]. Các tiêu chí tuyển dụng đều được trao đổi từ Khoa để đề xuất lên Nhà trường xem xét. Khoa cũng luôn chú trọng, khuyến

khích ưu tiên các tiêu chí tuyển dụng các ứng viên có kinh nghiệm giảng dạy, kinh nghiệm NCKH về lĩnh vực giáo dục tiểu học [H6.06.03.12].

Trong giai đoạn 2019-2024, Khoa đã tuyển dụng được 08 GV, trong đó 01 tạo nguồn (Bảng 6.3.1) [H6.06.03.13], [H6.06.03.15]. Đây là nguồn GV có chất lượng cao bao gồm 01 PGS, 04 TS, 01 ThS, 01 cử nhân (đến nay đã là ThS). Hợp đồng lao động của GV sau khi được tuyển dụng đều đề rõ yêu cầu vị trí công việc của từng GV [H6.06.03.14]. Nhìn chung, Hội đồng tuyển dụng đều có nhận xét đánh giá cao năng lực GV mới được tuyển dụng về làm việc tại Khoa.

**Bảng 6.3.1. Danh sách GV tiếp nhận về Khoa GDTH giai đoạn 2019 – 2024**

<b>T T</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Năm tiếp nhận về Khoa</b>	<b>Trình độ đào tạo, chức danh KH</b>
1	Đỗ Thị Phương Thảo	1982	2021	TS
2	Nguyễn Thu Phương	1989	2019	TS
3	Nguyễn Thị Thu Thủy	1974	2020	PGS
4	Phan Thanh Hà	1973	2020	TS
5	Dương Bảo Ngọc	1998	2022	ThS
6	Hà Thị Lan Hương	1976	2021	TS
7	Lưu Trà My	2000	2024	ThS
8	Ma Thị Diệp Linh	2001	2024	Cử nhân, tạo nguồn

Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường ĐHSPhN được bổ nhiệm theo quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đã đề ra, đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với thực tế của đơn vị và Nhà trường. Khoa GDTH đã thực hiện đúng theo quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý [H6.06.03.10]. Việc bổ nhiệm cán bộ của Khoa được thực hiện công khai, minh bạch theo đúng quy định của Nhà trường [H6.06.03.10].

Kết quả là giai đoạn 2019 -2024, Khoa đã bổ nhiệm một số cán bộ như sau: Phó Trưởng khoa PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Thủy (năm 2023); trưởng bộ môn, phó trưởng phụ trách bộ môn: TS. Phan Thanh Hà (Bộ môn KHTN), PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Thủy (Bộ môn KHXX), TS. Nguyễn Thu Phương (Bộ môn KHXX), PGS.TS. Vũ Thị Lan Anh (Bộ môn Tâm lí - Giáo dục học). Khoa còn bổ nhiệm lại

Phó Trưởng khoa TS.Nguyễn Thủy Chung và trưởng bộ môn ThS. Quán Hà Hưng (Bộ môn Thực hành sư phạm) [H6.06.03.09].

**Bảng 6.3.2. Số lượng cán bộ bổ nhiệm và bổ nhiệm lại giai đoạn 2019-2024**

<b>TT</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Bổ nhiệm</b>	<b>Bổ nhiệm lại</b>	<b>Ghi chú</b>
2	Phó Trưởng khoa	1	1	
3	Trưởng bộ môn	3	1	
4	Phó Trưởng Bộ môn	1	0	

Điều chuyển TS. Ngô Vũ Thu Hằng về đảm nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường tiểu học thực hành Nguyễn Tất Thành. TS. Ngô Vũ Thu Hằng vẫn tham gia các công tác chuyên môn tại bộ môn Tâm lí giáo dục học [H6.06.03.09].

### 2. Điểm mạnh

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng, quy trình tuyển dụng minh bạch, bổ nhiệm công khai. Đội ngũ GV tham gia giảng dạy CTĐT GDTH năng lực chuyên môn tốt, đáp ứng được yêu cầu của Nhà trường về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

### 3. Điểm tồn tại

Cần đẩy mạnh hoạt động quảng bá, thu hút GV có trình độ cao về công tác.

### 4. Kế hoạch hành động

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh công tác quảng bá thu hút GV có trình độ cao.	Trường ĐHSPHN Khoa GDTH	Giai đoạn 2024 - 2029

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, quy trình tuyển dụng minh bạch, bổ nhiệm công khai; thu hút ngày càng nhiều GV có năng lực chuyên môn sư phạm nghiên cứu để bổ sung cho đội ngũ cán bộ của Khoa	Trường ĐHSPHN Khoa GDTH	Giai đoạn 2024 - 2029
---	--------------------	---	----------------------------	-----------------------

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá**

**1. Mô tả**

Năng lực của đội ngũ GV của Khoa GDTH được xác định và đáp ứng các quy định hiện hành của Nhà nước. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV dựa vào năng lực đã được cụ thể hóa trong Quy chế tuyển dụng viên chức của Trường ĐHSPHN và Quy định về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học đối với cán bộ, GV [H6.06.04.01]. Các tiêu chí xác định năng lực của GV và chế độ ưu đãi về việc nâng cao năng lực còn được thể hiện trong Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV [H6.06.04.05]. Các quy định xác định các năng lực của GV như năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: (a) Về năng lực giảng dạy: có kiến thức vững vàng về các môn học, nắm vững mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học, chủ trì hoặc tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo. (b) Về năng lực NCKH: chủ trì hoặc tham gia đề tài NCKH, công bố bài báo khoa học [H6.06.01.05]. Ngoài ra còn năng lực ứng dụng và sử dụng CÔNG NGHỆ THÔNG TIN trong dạy học; năng lực ngoại ngữ [H6.06.04.01]. Các năng lực này đáp ứng quy định tùy theo từng loại chức danh GV được quy định trong Luật Giáo dục đại học, Luật viên chức [H6.06.04.02] và trong Thông tư liên tịch về mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập tương ứng với các chức danh GV hạng I, II, III [H6.06.04.03].

Nhà trường hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV thông qua Quy định về đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức

[H6.06.04.04]. Quy định này được xây dựng dựa trên các tiêu chí về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và thể hiện cụ thể ở các nhiệm vụ của GV về: giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác. Năng lực của GV được đánh giá từng học kỳ và cả năm học theo 4 bước: bước 1- GV tự đánh giá, bước 2- Bộ môn đánh giá, bước 3- Lãnh đạo đơn vị đánh giá, bước 4- Hội đồng đánh giá cấp trường xét duyệt và Hiệu trưởng quyết định. Việc đánh giá năng lực của GV bao gồm: *Các tiêu chí về nhiệm vụ giảng dạy* như đảm bảo khối lượng, chất lượng giảng dạy và thực hiện các công việc liên quan tới giảng dạy bao gồm cả giảng dạy đại học, sau đại học; *Các tiêu chí về nhiệm vụ NCKH* và chuyển giao công nghệ: chủ trì, tham gia đề tài, công bố bài báo, sách; *Các tiêu chí về nhiệm vụ phục vụ cộng đồng*: tham gia các hội đồng đánh giá, hướng dẫn SV NCKH, luận văn, luận án, coi thi, bồi dưỡng GV ở tiểu học, ... Các quy định về chế độ làm việc đối với GV của nhà trường nói chung và Khoa GDTH nói riêng thay đổi theo thời gian: ví dụ năm 2021, định mức giờ làm việc đối với GV được quy định chung, không biệt hạng chức danh nghề nghiệp GV. Cụ thể giờ chuẩn giảng dạy 270 giờ, nhiệm vụ NCKH là 150 giờ chuẩn và các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng là 20 giờ chuẩn [H6.06.04.05]. Tuy nhiên, năm 2022 các định mức này đã thay đổi tùy thuộc vào chức danh nghề nghiệp. Ví dụ: đối với GV hạng I có giờ chuẩn giảng dạy là 270 giờ, nhiệm vụ NCKH là 283 giờ và các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng là 34 giờ. Trong khi GV hạng III có giờ chuẩn giảng dạy là 310 giờ, nhiệm vụ NCKH là 200 giờ và các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng là 77 giờ [H6.06.04.05]. Khi đánh giá kết quả công việc của GV theo học kỳ, các nhiệm vụ đã hoàn thành được quy đổi thành giờ chuẩn. Từ năm học 2021 - 2022 trở về trước, các GV được xếp loại với các mức A, B, C1, C2, D; Từ năm học 2021 - 2022, các GV được xếp loại với các mức A+, A, B, C. Việc đánh giá theo học kỳ được sử dụng làm căn cứ để đánh giá cả năm với 4 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (vượt mức kế hoạch, kết quả xếp loại từng học kỳ không có mức C1, C2, D – trước đây hay B, C- hiện nay); hoàn thành tốt nhiệm vụ (hoàn thành kế hoạch, có phần vượt mức, kết quả xếp loại từng học kỳ không có mức C1, C2, D – trước đây hay B, C – hiện nay); hoàn thành nhiệm vụ (hoàn thành kế hoạch, kết quả xếp loại từng học kỳ không có mức D – trước đây hay C - hiện nay) và không hoàn thành nhiệm vụ (có vi phạm bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên) [H6.06.04.06]. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của GV trong Khoa được nhà trường thống kê rõ ràng, minh bạch [H6.06.04.20]. Căn cứ trên các

kết quả đánh giá này mà Nhà trường phân bổ thu nhập tăng thêm hàng tháng phù hợp với các quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ đã đề ra [H6.06.04.08].

**Bảng 6.4.1. Thống kê đánh giá, phân loại GV giai đoạn 2019-2024**

Năm học	<i>Đánh giá, phân loại GV</i>			
	<i>Không hoàn thành</i>	<i>Hoàn thành</i>	<i>Hoàn thành tốt</i>	<i>Hoàn thành xuất sắc</i>
2019-2020	0	0	11	9
2020-2021	1	3	3	12
2021-2022	0	1	10	6
2022-2023	0	0	13	4

Việc đánh giá cán bộ GV được Nhà trường thực hiện hàng năm theo đúng quy định hiện hành dựa trên nguyên tắc công bằng và khách quan [H6.06.04.09]. Cuối năm học, dựa trên kết quả thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng, từng bộ môn sẽ tổ chức họp để đánh giá năng lực GV, xếp hạng GV theo trình tự: từ các nhân tự đánh giá đến đơn vị đánh giá. Các kết quả đánh giá của cá nhân và Bộ môn được thể hiện trong Báo cáo tổng kết, kiểm điểm cá nhân hàng năm; biên bản tổng kết, bình xét thi đua của Bộ môn [H6.06.04.10], [H6.06.04.11]. Các kết quả đánh giá năng lực hàng năm của GV được Khoa tổng hợp, xét duyệt và gửi lên Trường để tiếp tục thực hiện đánh giá, phân loại [H6.06.04.19]. Kết quả đánh giá được công bố công khai trong các văn bản của Nhà trường hàng năm (Bảng 6.4.1) [H6.06.04.12], [H6.06.04.13], [H6.06.04.19].

Văn bản quy định cụ thể về năng lực và đánh giá năng lực của GV được thảo luận và thống nhất sử dụng trong toàn trường. Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến của các cán bộ, viên chức về các tiêu chí đánh giá năng lực của cán bộ, GV qua Góp ý Dự thảo "Quy định về công tác đánh giá cán bộ" của Trường [H6.06.04.14]. Năng lực của GV còn được đánh giá thông qua phản hồi của sinh viên theo học các môn học mà GV đảm nhận. Vào cuối mỗi học kỳ, TT ĐBCL phối hợp với giáo vụ Khoa GDTH tiến hành lấy ý kiến khảo sát của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của GV [H6.06.04.15]. Kết quả khảo sát giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy SV đánh giá chất lượng giảng dạy của GV Khoa GDTH đạt trung bình tổng thể xấp xỉ 85% và hàng năm Khoa GDTH đều có GV được xếp vào nhóm 10% GV có điểm phản hồi của sinh viên cao nhất [H6.06.02.16], [H6.06.02.17]. Đến thời điểm hiện nay, đội ngũ GV



tham gia CTĐT (21 GV) có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng về các môn học được phân công giảng dạy; có phương pháp dạy học hiệu quả, phù hợp với nội dung môn học; nắm vững mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình các môn học được phân công giảng dạy; nắm bắt yêu cầu thực tiễn đối với chuyên ngành đào tạo; tham gia NCKH, triển khai ứng dụng; biên soạn giáo trình, tài liệu; Từ chỗ những năm trước đây GV Khoa GDTH không có các công bố quốc tế, thì những năm gần đây đã bước đầu xuất hiện các điển hình công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín và được nhận được sự động viên kịp thời của Nhà trường [H6.06.04.18].

## 2. Điểm mạnh

Năng lực của GV được xác định rõ ràng dựa trên các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn, các tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc và được đánh giá theo đúng các tiêu chí đặt ra một cách công khai, minh bạch. Các GV tham gia thực hiện CTĐT ngành GDTH có trình độ đáp ứng tốt các yêu cầu cho giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

## 3. Điểm tồn tại

Quy định xác định năng lực của đội ngũ GV Khoa GDTH còn phân tán ở nhiều các văn bản khác nhau của trường.

## 4. Kế hoạch hành động

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát để ban hành văn bản hợp nhất, quy định chung với các tiêu chí cụ thể, thực tế và phù hợp để có thể đánh giá toàn diện năng lực của cán bộ GV	Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024 - 2029

2	Phát huy điểm mạnh	Dựa trên kế hoạch phát triển đội ngũ GV, Nhà trường và Khoa GDTH tiếp tục quản trị, đánh giá và thực hiện khen thưởng kịp thời để khuyến khích cán bộ GV nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.	Trường ĐHSPHN và Khoa GDTH	Từ năm học 2024-2025
---	--------------------	---	----------------------------	----------------------

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu.**

**1. Mô tả**

Xác định rõ nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, GV là rất cần thiết, Nhà trường thực hiện khảo sát và đánh giá nhu cầu của GV [H6.06.05.02]. Đồng thời Nhà trường cũng đã ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động giai đoạn 2021 – 2025 của nhà trường [H6.06.05.01]. Trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ GV và yêu cầu của CTĐT, Khoa rà soát, tổng hợp lại và gửi Phòng Tổ chức cán bộ tập hợp, trình Ban Giám hiệu xét duyệt kế hoạch và kinh phí bồi dưỡng đào tạo [H6.06.05.04].

Nhà trường và Khoa GDTH có các kế hoạch trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV và kế hoạch được xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT, phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường ĐHSPHN [H6.06.05.05]. Kế hoạch phát triển, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV được chú trọng trong Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2011-2020, 2017-2022 và tầm nhìn đến 2030 [H6.06.05.05] cũng như các báo cáo chính trị Đại hội chi bộ và tổng kết và phương hướng nhiệm vụ hàng năm của Khoa GDTH [H6.06.05.03], [H6.06.05.09]. Khoa GDTH đã quyết tâm xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tiến tới 100% GV có trình độ học vị TS. Đồng thời, các TS tiếp tục tích lũy kinh nghiệm giảng dạy và công trình NCKH để được thi chuyển ngạch từ GV lên GV chính [H6.06.05.11]. Các GV được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu phát triển chuyên môn GV của Khoa và của Trường [H6.06.05.10], [H6.06.05.12]. Ngoài ra, Trường và Khoa GDTH luôn

chú trọng nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, ngoại ngữ và tin học của GV thể hiện trong Quy định về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học đối với cán bộ, GV [H6.06.04.08]. Kết quả phát triển chuyên môn của Khoa thể hiện qua thống kê số lượng các GV đã tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng (bảng 6.5.1).

**Bảng 6.5.1. Thống kê số lượng GV tham gia các lớp bồi dưỡng, đào tạo giai đoạn 2019-2024**

<b>TT</b>	<b>Loại đào tạo bồi dưỡng</b>	<b>Số lượng GV tham gia</b>
1	Chức danh GV chính	2
2	Trình độ ThS, TS	5
3	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	9
4	Ngoại ngữ	6
5	Bồi dưỡng cán bộ quản lý Khoa, Phòng	2
8	Công nghệ thông tin	6
9	Lý luận chính trị	3
10	Chức danh nghề nghiệp	8

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, Nhà trường đã quy định các GV phải bảo vệ luận án TS (ít nhất là cấp bộ môn) trước 35 tuổi và tạo điều kiện hỗ trợ tài chính cho các GV trẻ trong việc hoàn thiện chương trình học [H6.06.05.14], [H6.06.05.15]. Chính vì vậy, thực hiện kế hoạch đào tạo dài hạn, Nhà trường và Khoa GDTH đã tạo điều kiện và động viên các GV đi học NCS nâng cao trình độ chuyên môn dài hạn. Về kế hoạch đào tạo ngắn hạn, Trường, Khoa chú trọng đến công tác bồi dưỡng về khoa học giáo dục, NVSP. Nhà trường đã có công văn về các khoá bồi dưỡng và tổ chức một số khoá bồi dưỡng cho cán bộ. Các GV được đào tạo về NVSP, ngoại ngữ và công nghệ thông tin [H6.06.05.10]. Qua đó đảm bảo các GV sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong chuyên môn, giao tiếp và ứng dụng hiệu quả CÔNG NGHỆ THÔNG TIN trong hoạt động giảng dạy và NCKH. Ngoài ra, kế hoạch của nhà trường, một số GV trong Khoa mạnh dạn, chủ động tự tham gia các lớp bồi dưỡng về ngoại ngữ (Phan Thanh Hà, Nguyễn Thuỷ Chung, Nguyễn Thị Thanh Hà – Văn bằng 2, Tiếng Anh), các lớp tập huấn sử dụng AI trong khoa học giáo dục (Nguyễn Thị Thanh Hà). Một

số GV được bồi dưỡng các Module về thực hiện Chương trình GD phổ thông cấp tiểu học [H6.06.05.07]. Tất cả các GV được cử đi bồi dưỡng đều hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng và trở lại vị trí công tác, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Trường, Khoa.

Nhìn chung, hầu hết các GV đã hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng dài hạn và ngắn hạn theo đúng tiến độ. Chỉ còn 01 GV chưa hoàn thành kế hoạch đào tạo của chương trình tiến sĩ do kéo dài thời gian bảo vệ. Giai đoạn 5 năm gần đây, có 03 GV đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ (Nguyễn Thu Phương, Trần Thị Hà, Nguyễn Thủy Chung) và 02 GV được bổ nhiệm GV chính. Nhiều GV được bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ đạt khung B2 châu Âu sau khi được cấp bằng TS. Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát, đánh giá thông qua Bản kiểm điểm của cá nhân [H6.06.04.16], của Báo cáo tổng kết năm học của Bộ môn [H6.06.04.17] và được Khoa tập hợp xem xét để từ đó có cơ sở nhắc nhở các thành viên nỗ lực hơn nữa trong việc hoàn thiện các chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu của Nhà trường. GV chưa kịp bảo vệ luận án được Khoa tạo điều kiện về thời gian giảng dạy, bố trí hợp lý các công tác phục vụ cộng đồng để hoàn thành luận án. GV chưa tham gia kịp lớp Bồi dưỡng chứng chỉ NVSP, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN do Trường tổ chức miễn phí đã được tạo điều kiện đi học ở đơn vị khác.

### *2. Điểm mạnh:*

Nhà trường có kế hoạch, khuyến khích và tạo điều kiện cho các GV nâng cao trình độ chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ, năng lực ngoại ngữ và CÔNG NGHỆ THÔNG TIN dưới các hình thức khác nhau. Các GV thực hiện CTĐT đều có tinh thần cầu thị, tích cực, chủ động tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

### *3. Điểm tồn tại:*

Trong Khoa còn một số GV chưa hoàn thiện việc bảo vệ luận án; chưa thực hiện khảo sát ý kiến của GV về tính phù hợp và hiệu quả của các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ ngắn hạn cho đội ngũ GV.

### *4. Kế hoạch hành động:*

<b>T T</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện, hoàn thành</b>
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục hỗ trợ, tạo điều kiện về thời gian, công việc và kinh phí để GV tham gia các khoá đào tạo dài hạn.</li> <li>- Bổ sung khảo sát GV về sự phù hợp và hiệu quả của các chương trình đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn.</li> </ul>	Trường ĐHSPH; Khoa GDTH	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho các GV và khen thưởng kịp thời đối với những cá nhân, đơn vị đạt thành tích cao.	Trường ĐHSPH; Khoa GDTH	Từ năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

#### 1. Mô tả

Nhà trường có quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của GV trong công tác giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.06.02]. Hàng năm, kết quả công việc của GV được đánh giá căn cứ vào khối lượng công việc theo năm học: Định mức lao động của mỗi GV, khối lượng công việc GV thực hiện trong năm học bao gồm giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng. Theo quy chế trước đây, mỗi GV phải đảm bảo 270 giờ chuẩn giảng dạy (ít nhất 135 giờ đứng lớp), 150 giờ NCKH và 20 giờ cho các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng. Từ năm 2022, Nhà trường đã điều chỉnh định mức thời gian lao động theo hướng phù hợp với từng chức danh nghề nghiệp của GV. Chẳng hạn như đối với GV hạng I phải đảm bảo 270 giờ chuẩn giảng dạy, 283 giờ NCKH và 34 giờ cho các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng [H6.06.06.06]. Hướng dẫn đánh giá đều được Nhà trường thông báo rõ ràng

hàng năm[H6.06.06.02]. Việc đánh giá hiệu quả công việc của GV đảm bảo thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển đội ngũ GV trong Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi [H6.06.06.15], Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn đến 2030 [H6.06.06.16] và các báo cáo tổng kết năm học của Khoa [H6.06.06.11].

Tất cả các GV tham gia CTĐT đều có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành các công việc được giao và đảm bảo tiến độ công việc và định mức lao động [H6.06.06.14]. Từ năm học 2017-2018, các cấp quản lý và GV có thể theo dõi kết quả thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, và các nhiệm vụ khác như hướng dẫn sinh viên NCKH, đào tạo sau đại học, ... trên Hệ thống quản lý giờ giảng [H6.06.06.06]. Bên cạnh đó, cứ 6 tháng một lần, các GV cập nhật các kết quả công việc từ giảng dạy, NCKH, phục vụ cộng đồng, .... để đánh giá theo học kì. Đồng thời, các kết quả NCKH như sách, bài báo, đề tài NCKH cũng được cập nhật theo kỳ 6 tháng, 1 năm. Các kết quả thực hiện được đối chiếu với tiêu chuẩn đặt ra cho từng nhiệm vụ và làm căn cứ để đánh giá, xếp loại theo kì và theo năm học. Từ đó làm cơ sở để các đơn vị kịp thời khen thưởng động viên [H6.06.06.01].

Việc triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc và đánh giá kết quả công việc đều công khai, minh bạch. Đầu năm học, căn cứ vào kế hoạch đào tạo, kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ của GV, bộ môn phân công khối lượng giảng dạy cho GV đảm bảo cân đối giữa các GV [H6.06.06.17]. Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, theo quy định của Nhà trường, các GV còn thực hiện các nhiệm vụ khác như soạn bài giảng, đề cương bài giảng, viết bài báo, giáo trình, hướng dẫn sinh viên NCKH, tham gia hội thảo, seminar, nghiên cứu đề tài NCKH các cấp, tham gia bồi dưỡng giáo viên tiểu học... Khoa cũng phân công các chức danh kiêm nhiệm phục vụ cộng đồng như các trợ lý, cố vấn học tập, công đoàn, đoàn thanh niên,... [H6.06.06.10].

Hàng năm, Nhà trường đều ban hành công văn hướng dẫn công khai, rõ ràng về công tác bình xét danh hiệu thi đua [H6.06.06.07]. Để xét thi đua khen thưởng, Khoa triển khai từ các các Bộ môn đánh giá công khai, minh bạch kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo hướng dẫn của Nhà trường [H6.06.06.11], [H6.06.06.12]. Tất cả những GV hoàn thành khối lượng công việc giảng dạy, NCKH, công tác của Trường, Khoa được nhận danh hiệu: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở [H6.06.06.01] (Bảng 6.6.1). Dựa vào mức độ hoàn thành sẽ làm căn cứ bình xét thi

đua, khen thưởng cấp cao hơn như chiến sĩ thi đua cấp Bộ, Bằng khen cấp Bộ, Bằng khen Thủ tướng Chính phủ, Huân chương lao động [H6.06.06.01], [H6.06.06.13]. Việc xem xét khen thưởng cho GV là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của các cá nhân, tạo động lực cho cán bộ phát huy năng lực trong giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng. Nhiều GV đã được khen thưởng vì thành tích trong giảng dạy, thành tích hướng dẫn NCKH của SV [H6.06.06.13]. Việc đánh giá, bình xét thi đua cũng là cơ sở để xét bổ nhiệm chức danh, nâng lương trước thời hạn, bổ nhiệm vào các vị trí quản lý [H6.06.06.04], [H6.06.06.05]. Tuy nhiên, Nhà trường và Khoa chưa đưa ra tiêu chí định lượng cụ thể làm căn cứ xếp loại thi đua hàng quý (3 tháng) để khuyến khích GV hoàn thành tốt nhiệm vụ.

**Bảng 6.6.1. Thống kê số lượng danh hiệu thi đua hàng năm  
giai đoạn 2019 - 2024**

<b>Năm học</b>	<b>LĐ tiên tiến</b>	<b>CS thi đua cấp cơ sở</b>	<b>CS thi đua cấp Bộ</b>	<b>Bằng khen/ Giấy khen các cấp</b>
2019- 2020	20	3	0	0
2020-2021	15	3	0	0
2021 -2022	15	3	0	0
2022-2023	17	4	0	9

Cùng với việc triển khai đánh giá kết quả hoạt động của GV theo đúng quy định, việc quản trị theo kết quả công việc của GV mang tính dân chủ, khách quan. Trước khi ban hành các văn bản để thực hiện, Nhà trường luôn có công văn để lấy ý kiến đóng góp của GV và được tổng hợp theo đơn vị để gửi các phòng chức năng tập hợp, sau đó Hội đồng Trường họp, thảo luận, thống nhất và ban hành sử dụng trong toàn Trường [H6.06.06.08]. Ngoài ra, ý kiến của cán bộ GV còn được đề cập và thảo luận thông qua Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động của Khoa, thông qua bản tổng hợp ý kiến góp ý cho báo cáo tổng kết của Nhà trường [H6.06.06.09]. Cho đến nay, công tác quản trị theo kết quả công việc của GV được đánh giá là tốt. Theo khảo sát, phần lớn các GV hài lòng về các tiêu chí đánh giá, phân loại và về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường và các cấp có thẩm quyền.

## 2. Điểm mạnh:

Phân công công việc và quản trị kết quả công việc của GV có tiêu chí, quy trình rõ ràng, hợp lý, phù hợp với từng GV trong Khoa. Việc đánh giá kết quả công việc của GV được thực hiện theo quy định, công khai, minh bạch và có khen thưởng, công nhận kịp thời tạo ra động lực cho GV trong giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

## 3. Điểm tồn tại:

Nhà trường và Khoa GDTH chưa đưa ra tiêu chí định lượng cụ thể làm căn cứ xếp loại thi đua hàng quý (3 tháng).

## 4. Kế hoạch hành động:

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện, hoàn thành</b>
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường xây dựng tiêu chí xác định rõ ràng việc xếp loại thi đua hàng quý để làm căn cứ xếp loại thi đua theo kỳ, cuối năm và khuyến khích khi GV có thành tích xuất sắc	Trường ĐHSPH; Khoa GDTH	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường tiếp tục quản trị theo kết quả công việc của GV đặc biệt thông qua công tác thi đua khen thưởng khi GV hoàn thành nhiệm vụ để khuyến khích GV nâng cao năng lực và tích cực đóng góp cho sự phát triển của Khoa và Trường.	Trường ĐHSPH; Khoa GDTH	Từ năm học 2024-2025

## 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7



***Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

***1. Mô tả***

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV đã được Trường ĐHSPHN xác lập, quy định cụ thể trong các văn bản: Quy định về hoạt động NCKH của Trường ĐHSPHN, Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV của Trường ĐHSPHN. Theo CV số 432/QĐ-ĐHSPHN ngày 02/02/2021 về ban hành quy định hoạt động nghiên cứu khoa học, có 11 loại hình NCKH của GV gồm: (1) chủ trì hoặc tham gia tổ chức, chỉ đạo, thực hiện các chương trình, đề án, dự án, đề tài NCKH, phát triển công nghệ; (2) NCKH để phục vụ xây dựng CTĐT, bồi dưỡng, biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, đổi mới PPGD và kiểm tra, đánh giá môn học; (3) công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; (4) viết chuyên đề, tham luận tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước; (5) dịch tài liệu chuyên môn theo quy định của pháp luật; (6) tổ chức tham gia các hội thảo khoa học của khoa, bộ môn, hướng dẫn người học NCKH; (7) thực hiện các hợp đồng NCKH, chuyển giao kỹ thuật và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế, xã hội; (8) tư vấn chuyển giao công nghệ, tư vấn kỹ thuật, kinh tế, chính trị, xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn của GV; (9) tổ chức và tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN; (10) tham gia các cuộc thi sáng tạo và các hoạt động khác về KH&CN; (11) biên soạn tài liệu bồi dưỡng GV, giáo viên phổ thông, được Trường ĐHSPHN cho phép. Thêm vào đó, quy định hoạt động NCKH của Trường có đầy đủ quy định về công bố công trình và thực hiện chuyên đề, đề tài NCKH của GV [H6.06.07.01]. GV khoa GDTH đã tích cực tham gia các hoạt động NCKH, đóng góp tích cực vào sự phát triển NCKH trong lĩnh vực GDTH nói riêng và khoa học giáo dục nói chung, trong đó tập trung vào các loại hình 1, 2, 3, 4 và 11 [H6.06.07.02].

Ngoài ra, Phòng KHCN cũng soạn các tài liệu hướng dẫn NCKH gồm các mẫu giấy tờ, văn bản, hợp đồng, đề tài nhằm hỗ trợ GV thực hiện công tác NCKH một cách thuận lợi nhất. Các đề tài cấp Trường và cấp Bộ, phòng KHCN của Trường đã cung cấp các mẫu văn bản, thủ tục, giúp cho việc thực hiện từ khâu đề xuất, thuyết minh, thanh toán, ... trở nên dễ dàng [H6.06.07.03], [H6.06.07.04]. Từ 1/7/2017, Nhà trường và Khoa thực hiện quy đổi giờ NCKH từ các bài báo khoa học, đề tài và các

hoạt động khác cho cán bộ để xác định đúng khối lượng công việc mà mỗi cán bộ đảm nhận, tạo sự công bằng, tạo động lực thúc đẩy cán bộ làm việc [H6.06.02.07]. Nhà trường đã quy định số giờ chuẩn hoạt động KHCN hàng năm đối với mỗi chức danh, học vị của cán bộ, GV trong Trường và số lượng giờ quy đổi ứng với từng loại hình. GV phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm (tương ứng 586 giờ hành chính) cho NCKH. Trong đó giờ chuẩn NCKH chiếm tối thiểu 50% định mức. Định mức được quy định theo CV 556 ngày 11/3/2022 như sau: GV cao cấp (hạng 1): NCKH là 283 giờ, GV chính (hạng 2) là 250 giờ, GV hạng 3 là 200 giờ [H6.06.07.05]. Những quy định cụ thể về quyền hạn và trách nhiệm của GV bao gồm:

a) GS, PGS: bình quân công bố tối thiểu 01 bài báo khoa học/2 năm trên tạp chí quốc tế, có trong danh mục ISI/SCOPUS, hoặc 1 chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, hoặc 02 bài báo khoa học/2 năm trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước/quốc tế có chỉ số ISSN hoặc kỉ yếu hội thảo khoa học quốc tế, quốc gia có phản biện và có chỉ số ISBN được tính từ 0.5 điểm trở lên theo quy định của Hội đồng chức danh giáo sư cấp nhà nước.

b) GV chính, TS: bình quân công bố tối thiểu 01 bài báo khoa học/3 năm trên các tạp chí quốc tế có chỉ số ISSN, hoặc 1 chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế, hoặc 02 bài báo khoa học/2 năm trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc kỉ yếu hội thảo quốc tế.

c) GV: tối thiểu công bố 1 bài báo khoa học/1 năm và công bố 1 bài báo khoa học/2 năm trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước hoặc kỉ yếu hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế có phản biên và có chỉ số ISBN.

Có thể thay thế 1 bài báo khoa học trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước/quốc tế có chỉ số ISBN bằng sách chuyên khảo, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng GV, giáo viên phổ thông.

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV được giám sát. Đầu mỗi năm học, các GV tham gia họp Bộ môn, họp Khoa để triển khai các công tác trong năm học. Do quy định của Trường về số giờ chuẩn hoạt động NCKH với mỗi chức danh, học vị của GV, Khoa đề xuất phân công nhiệm vụ cho các GV trong đơn vị, từ đó Bộ môn họp bàn và thống nhất phân công mặt bằng lao động. Theo phân công của Khoa và Bộ môn, nhiệm vụ NCKH của mỗi GV là hoàn thành ít nhất 1 bài

báo và đó là cơ sở để đánh giá hoàn thành nhiệm vụ cuối năm học. Đối với các GV làm đề tài, bộ môn, Khoa chủ động đôn đốc và kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài của GV và điều chỉnh. Ngoài ra, để kiểm tra đánh giá kết quả đã thực hiện đồng thời rà soát, điều chỉnh kịp thời, Khoa tiến hành sơ kết học kỳ I trong mỗi năm học. Báo cáo sơ kết học kỳ I thể hiện rõ kết quả nhiệm vụ của GV đã đạt được trong học kỳ, từ đó GV tiếp tục thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các chuyên môn khác nếu chưa đủ định mức hoặc chưa hoàn thành khối lượng công việc được giao. Để theo dõi, giám sát và khích lệ hoạt động NCKH, Nhà trường có giải thưởng nhằm tôn vinh các tập thể và cá nhân có thành tích cao trong nghiên cứu khoa học [H6.06.07.06]. Khoa GDTH luôn bám sát các quy định của Nhà trường và phổ biến rộng rãi đến toàn thể cán bộ trong khoa, chính vì vậy trong 5 năm vừa qua (2019 – 2024) GV khoa GDTH luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, số lượng công trình công bố trên các tạp chí quốc tế và số lượng công trình công bố trên các tạp chí trong nước luôn đạt và vượt mức yêu cầu đề ra [H6.06.07.02], [H6.06.07.08].

Nhìn chung trong 5 năm qua, số lượng các đề tài NCKH đã tăng lên đáng kể. Điều đó chứng tỏ sự nỗ lực phấn đấu của các GV, sự quan tâm động viên kịp thời và sự tạo điều kiện thuận lợi của Nhà trường và Khoa. Những thành tích NCKH của các bộ môn, thành tích về NCKH của cán bộ, về kết quả công bố bài báo quốc tế trong Khoa được Nhà nước và Nhà Trường ghi nhận, kịp thời động viên khuyến khích các cán bộ trong Khoa thông qua việc khen thưởng các bài báo quốc tế, là động lực để cán bộ không ngừng phấn đấu, say mê trong công tác NCKH, góp phần đẩy mạnh công tác NCKH của Trường. Trong giai đoạn 2019 – 2024, hoạt động NCKH của khoa GDTH đã đạt được nhiều thành tích. Một số GV chủ trì và tham gia đề tài NCKH các cấp như: đề tài Nafosted; đề tài cấp trường, cấp trường trọng, nhiệm vụ NCKH cấp B, đề tài cấp Nhà nước viên NC chính), đề tài cấp [H6.06.07.09]. Tất cả các đề tài này đã được nghiệm thu và đều đạt kết quả tốt.

**Bảng 6.7.1. Số lượng đề tài KHCN do GV Khoa GDTH chủ trì và tham gia đã được nghiệm thu trong giai đoạn 2019-2024**

STT	Phân loại đề tài	Số lượng
1	Đề tài cấp NN	5

<b>2</b>	Đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ/ Tỉnh	9
<b>3</b>	Đề tài cấp Trường	2
	<b>Tổng số</b>	<b>16</b>

Cùng với việc triển khai đề tài NCKH các cấp, số lượng các bài báo của GV Khoa GDTH tham gia đào tạo ngành GDTH trong 5 năm qua tăng lên đáng kể đặc biệt là các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế cũng như các tạp chí KH có uy tín trong nước. Các hội thảo khoa học cũng được GV tham gia nhiệt tình. Đây là cơ hội để các nhà khoa học trao đổi chuyên môn và phát triển hợp tác về khoa học trong và ngoài nước [H6.06.07.11].

**Bảng 6.7.2. Số lượng bài báo của GV Khoa GDTH giai đoạn 2019- 2024**

<b>ST T</b>	<b>Phân loại tạp chí</b>	<b>Số lượng</b>
1	Tạp chí/ hội thảo quốc tế	28
2	Tạp chí/ hội thảo cấp ngành trong nước	44
3	Tạp chí/ hội thảo cấp trường	11
	<b>Tổng</b>	<b>83</b>

Song song với việc triển khai các đề tài khoa học, các GV trong khoa còn tích cực viết sách chuyên khảo, giáo trình đại học phục vụ cho giảng dạy. Đặc biệt, trong bối cảnh nước ta triển khai thực hiện CTGDPT 2018, nhiều GV là tổng chủ biên, chủ biên và tác giả sách giáo khoa ở cấp tiểu học (PGS.TS. Phó Đức Hoà – tổng chủ biên bộ sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm; PGS.TS. Nguyễn Thị Thấn - chủ biên sách giáo khoa Tự nhiên và Xã hội; TS. Phan Thanh Hà – chủ biên sách giáo khoa môn Khoa học...); nhiều GV là chủ biên và tác giả sách giáo viên và sách tham khảo cho giáo viên và học sinh ở tiểu học [H6.06.07.10].

**Bảng 6.7.3. Số lượng sách của các GV Khoa GDTH được xuất bản từ 2017-2022**

<b>TT</b>	<b>Phân loại sách</b>	<b>Số lượng</b>
1	Sách chuyên khảo	3
2	Sách giáo trình	7

3	Sách tham khảo	119
4	Sách hướng dẫn	13
<b>Tổng</b>		<b>142</b>

Về cơ bản, năng lực NCKH của đội ngũ GV thực hiện CTĐT GDTH luôn được xác định rõ ràng, giám sát chặt chẽ và đáp ứng được yêu cầu của thực hiện CTĐT ngành GDTH, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường và Khoa.

### 2. Điểm mạnh:

GV thực hiện CTĐT GDTH tham gia nhiều loại hình hoạt động nghiên cứu, có nhiều công trình khoa học như đề tài, bài báo, sách được công bố với số lượng ngày càng tăng. Các hoạt động NCKH được giám sát thường xuyên, định kỳ để cải tiến chất lượng, đồng thời có các hình thức khen thưởng phù hợp để khuyến khích hoạt động NCKH của đội ngũ GV.

### 3. Điểm tồn tại:

Số lượng các đề tài còn ít so với số lượng cán bộ GV, số lượng các nhóm nghiên cứu mạnh, liên ngành chưa nhiều.

### 4. Kế hoạch hành động:

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện, hoàn thành</b>
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng kế hoạch thành lập và triển khai các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu liên ngành, nhất là NCKH ứng dụng thực tiễn GDTH.	Khoa GDTH, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024-2029
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện để GV phát huy năng lực NCKH	Khoa GDTH, Trường	Giai đoạn 2024-2029

			ĐHSPHN	
--	--	--	--------	--

5. Tự đánh giá: Đạt 6/7

### Kết luận về tiêu chuẩn 6:

Đội ngũ GV thực hiện CTĐT của Khoa GDTH nhiệt huyết, có trách nhiệm, được đào tạo đúng chuyên môn, có năng lực chuyên môn vững vàng, đảm bảo tốt khối lượng công việc giảng dạy, cơ bản đáp ứng yêu cầu NCKH và phục vụ cộng đồng. Việc quy hoạch và phát triển đội ngũ GV của Khoa phù hợp với chiến lược phát triển chung của Nhà trường, góp phần vào sự phát triển đội ngũ nhân lực của Trường. Các GV có ý thức cao trong việc tự trau dồi, bồi dưỡng khả năng nghiên cứu và đào tạo. Các nhiệm vụ của GV được xác định, giám sát, đánh giá rõ ràng, công khai; về cơ bản đã khích lệ, động viên được đội ngũ GV. Tuy nhiên, số lượng đăng tải các sản phẩm khoa học trên các tạp chí chuyên ngành có chỉ số cao như ISI, Scopus chưa đồng đều, còn tập trung ở một vài GV.

### Đánh giá tiêu chuẩn 6:

Tiêu chuẩn 6:	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 6.1					5		
Tiêu chí 6.2					5		
Tiêu chí 6.3					5		
Tiêu chí 6.4					5		
Tiêu chí 6.5					5		
Tiêu chí 6.6					5		
Tiêu chí 6.7						6	
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>5,14</b>						

## **Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên**

### ***Mở đầu***

Chất lượng CTĐT phần lớn phụ thuộc vào đội ngũ GV, mối quan hệ tương tác giữa GV và người học. Tuy nhiên, đội ngũ GV không thể thực hiện tốt nhiệm vụ, và người học cũng khó có thể đạt kết quả học tập tốt nếu thiếu sự hỗ trợ của đội ngũ NV (chuyên viên văn phòng, giáo vụ, ...). Đội ngũ NV này làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Đội ngũ NV làm việc tại khoa GDTH trực tiếp hỗ trợ CTĐT của Khoa đủ về số lượng và được đào tạo cơ bản về chuyên môn, kỹ thuật vững vàng, đủ khả năng để hỗ trợ giảng dạy cho GV và tư vấn chuyên môn cho SV. Nhà trường và Khoa GDTH đã có những chủ trương, chính sách cũng như quá trình thực thi, phát triển đội ngũ NV hỗ trợ nhằm đạt được chất lượng phục vụ tốt nhất. Đó là những chiến lược về quy hoạch đội ngũ NV, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng để tuyển được đội ngũ NV giỏi nghề và có phẩm chất đạo đức tốt. Trong quá trình công tác, đội ngũ NV được tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước để nhằm nâng cao chất lượng phục vụ hỗ trợ đào tạo. Thêm vào đó có đánh giá năng lực, quản trị công việc của đội ngũ NV, khảo sát mức độ hài lòng của GV và người học đối với đội ngũ NV để có hướng khắc phục và phát triển hiệu quả hơn.

***Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

#### ***1. Mô tả***

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, phù hợp với chiến lược phát triển Trường ĐHSPHN giai đoạn 2011- 2020, tầm nhìn 2030 và giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn 2030 [H7.07.01.01]. Để làm tốt công tác này, Nhà trường đã đưa ra Đề án vị trí việc làm để làm cơ sở tuyển dụng đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.02]. Nhà trường cũng ban hành quyết định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc đối với viên chức hành chính, người lao động [H7.07.01.03]. Ngoài ra, Nhà trường cũng

ban hành Quy định số lượng người làm việc tại văn phòng các khoa để đảm bảo số lượng cũng như chất lượng viên chức hành chính làm việc tại văn phòng các khoa đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác. [H7.07.01.04].

CTĐT cử nhân GDTH được hỗ trợ về tài liệu, thông tin thông qua đội ngũ nhân viên thư viện Trường; hỗ trợ công nghệ thông tin và hệ thống mạng từ TT công nghệ thông tin; hỗ trợ về cơ sở vật chất (các tòa Nhà, giảng đường, phòng thực hành, ...) từ phòng Quản trị; hỗ trợ rèn luyện nghề cho SV sư phạm từ Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển NVSP cũng như được hỗ trợ về công tác tư vấn người học đăng ký TC, công tác SV, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa,... từ Phòng Đào tạo, Phòng Công tác chính trị - Học sinh Sinh viên và Đoàn thanh niên. Đội ngũ nhân viên này của Trường đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp đáp ứng tốt cho công việc (Bảng 7.1.1). Hiện nay, TT TT-TV của Trường ĐHSHPN có tổng số 30 người: trong đó có 13 ThS, 17 cử nhân và trình độ khác [H7.07.01.05]. TT TT-TV Trường có vai trò thực hiện chức năng phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, đào tạo, NCKH, triển khai ứng dụng tiến bộ KHCN và quản lý của Nhà trường thông qua việc sử dụng, khai thác các loại tài liệu có trong thư viện (tài liệu chép tay, in, sao chụp, khắc trên mọi chất liệu, tài liệu điện tử, mạng Internet, ...). Đội ngũ cán bộ nhân viên TT TT-TV về cơ bản đáp ứng được yêu cầu về đào tạo, mặc dù trong những năm gần đây số lượng sinh viên không ngừng tăng lên, tuy nhiên nhờ áp dụng những công nghệ mới, việc khai thác thông tin thư viện và tài liệu online trở nên dễ dàng hơn. Ngoài tài liệu sách in mượn tại thư viện, sinh viên tiếp cận ngày càng nhiều với tài liệu online, việc này cũng giảm bớt áp lực trong quá trình thu thập tài liệu và khai thác thông tin phục vụ cho học tập của các bạn sinh viên. Trong năm học 2023 - 2024, số lượng tài liệu được số hóa như sau: 2932 tên luận án, 5010 tên bài trích tạp chí, 535 tên sách tiếng Việt (tài liệu Sách giáo trình phục vụ học tập cho sinh viên các khoa) [H7.07.01.05].

Đội ngũ NV phòng đào tạo gồm 9 người: 4 TS, 5 ThS tham mưu giúp Hiệu trưởng, quản lý, tổ chức, triển khai thực hiện công tác đào tạo, bao gồm kế hoạch, chương trình, học liệu, tổ chức giảng dạy và chất lượng giảng dạy theo quy chế đào tạo của Bộ và quy định của Trường đã ban hành. Phòng Hành chính – Đối ngoại gồm 15 người: 3 TS, 3 ThS, 9 cử nhân, 01 người có trình độ khác có chức năng tham



muu, giúp việc cho Hiệu trưởng về công tác quản lý hành chính và hợp tác quốc tế của Trường. Phòng Công tác Chính trị - Học sinh SV gồm 7 người: 2 TS, 4 ThS, 1 cử nhân, là đơn vị có chức năng tham mưu, giúp việc Hiệu trưởng về công tác chính trị tư tưởng, công tác tuyên huấn và công tác quảng bá hình ảnh của trường, công tác học sinh, SV. Về cơ bản đội ngũ nhân viên tại các phòng ban này đang thực hiện rất tốt các nhiệm vụ được giao, đảm bảo cho công tác đào tạo diễn ra thuận lợi.

Trung tâm công nghệ thông tin gồm 4 người, trong đó có 2 ThS, 2 cử nhân. Đây là đơn vị tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong hoạch định chiến lược và quản lý các công tác liên quan đến công nghệ thông tin và truyền thông của Trường. Đặc biệt, trong giai đoạn 2020 – đầu 2021, do ảnh hưởng của đại dịch covid, toàn bộ việc học chuyển từ trực tiếp sang trực tuyến, điều này đòi hỏi sự hỗ trợ rất tích cực từ các cán bộ trung tâm công nghệ thông tin, từ khâu giảng dạy trên lớp, làm bài về nhà, tổ chức thi cuối kì, .... Về cơ bản, đội ngũ NV trong Trường có trình độ chuyên môn tốt, đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ CTĐT cử nhân GDTH [H7.07.01.06]. Tuy nhiên, vẫn còn có sự chưa đồng đều về trình độ chuyên môn giữa các đơn vị so với toàn Trường.

**Bảng 7.1.1. Thống kê số lượng đội ngũ nhân viên Trường ĐHSPhN ovr một số bộ phận và Khoa GDTH phục vụ CTĐT năm 2022**

Khoa/phòng ban	Trình độ				Giới tính	
	TS	Thạc sĩ	Đại học	Khác	Nam	Nữ
Khoa GDTH	0	1	1	0	0	2
Thư viện	0	13	16	1	6	24
Phòng Đào tạo	4	5	0	0	4	5
Phòng Hành chính – Đối ngoại	3	3	9	1	4	12
Phòng Công tác Chính trị - Học sinh SV	2	4	1	0	2	5
Trung tâm công nghệ thông tin	0	2	2	0	4	0

Số liệu đội ngũ nhân viên phục vụ CTĐT từ 2019-2024 được thể hiện ở Bảng 7.1.2. Hiện nay, số lượng nhân viên biên chế tại Khoa GDTH là 2 nhân viên. Tất cả các cán bộ nhân viên đều phục vụ chung cho CTĐT của toàn khoa [H7.07.01.07].

**Bảng 7.1.2. Thống kê đội ngũ nhân viên phục vụ CTĐT Khoa GDTH từ 2019-2024**

Đội ngũ NV Khoa GDTH	Trình độ				Giới tính		Tổng
	TS	Thạc sĩ	Đại học	Khác	Na m	Nữ	
Năm 2019	0	1	1	0	0	2	2
Năm 2020	0	1	1	0	0	2	2
Năm 2021	0	1	1	0	0	2	2
Năm 2022	0	1	1	0	0	2	2
Năm 2023	0	1	1	0	0	2	2
Năm 2024	0	1	1	0	0	2	2

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo hệ Cử nhân Sư phạm, các bộ môn và BCN Khoa khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các cán bộ nhân viên tự nâng cao trình độ chuyên môn. Năm 2020 khoa GDTH có 1 nhân viên được bổ nhiệm ngạch chuyên viên chính [H7.07.01.11]. Năm 2021, hai nhân viên văn phòng khoa được cử đi tập huấn kỹ năng soạn thảo văn bản do Nhà trường tổ chức, nhằm phục vụ tốt hơn cho công việc hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động khác [H7.07.01.14]. Mặc dù đội ngũ nhân viên của khoa GDTH ít nhưng đội ngũ nhân viên luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ do Trường và Khoa giao phó [H7.07.01.08].

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên Khoa GDTH, Trường ĐHSPHN được thực hiện đáp ứng các nhu cầu các hoạt động phục vụ cộng đồng. Căn cứ vào công việc và con người cụ thể, Khoa cũng phân công đội ngũ nhân viên cũng như các GV tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như công đoàn, đoàn thanh niên, các trợ lý, do đó đã huy động được cán bộ toàn khoa cùng cộng tác hỗ trợ nhau hoàn thành tốt mọi công việc [H7.07.01.12]. TT ĐBCL Trường ĐHSPHN cũng đã tiến hành khảo sát mức độ đáp ứng của đội ngũ cán bộ hành chính. Kết quả khảo sát cho thấy trên 95% ý kiến đánh giá chất lượng nhân viên hành chính ở mức Tốt, Xuất sắc và không có ý kiến đánh giá Đạt hay mức Cần cải thiện [H7.07.01.13]. Với 2 nhân viên của Khoa

GDTH, việc triển khai lấy ý kiến thông qua phiếu khảo sát của các bên liên quan chưa được Khoa thiết kế điều tra thường xuyên, định kì. Tháng 6/2024, một nhân viên phụ trách văn thư – lưu trữ đã nghỉ hưu [H7.07.01.09]. Tuy nhiên, ngay sau đó Nhà trường đã điều động 1 cán bộ từ TT TT-TV đến làm việc tại văn phòng khoa. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của khoa diễn ra bình thường và duy trì hiệu quả [H7.07.01.15].

## 2. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên của Nhà trường hợp lí, phù hợp và đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và tình hình thực tế của trường

## 3. Điểm tồn tại

Khoa chưa thực hiện thường xuyên việc khảo sát đánh giá phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên của khoa.

## 4. Kế hoạch hành động

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục tồn tại	Khảo sát phản hồi định kỳ các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên và CVHT trong việc thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Khoa GDTH	Giai đoạn 2024-2029

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng	Khoa GDTH, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024-2029
---	--------------------	--	--------------------------	---------------------

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

***Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.***

***1. Mô tả***

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được Trường ĐHSPHN xác định phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030, giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn 2030 [H7.07.02.01]. Nhà trường ban hành văn bản quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng minh bạch đối với đội ngũ NV, trong đó có các tiêu chí về đạo đức, về năng lực chuyên môn, về độ tuổi, về chuyên ngành phù hợp với từng vị trí việc làm theo nhu cầu và chiến lược phát triển chung của Nhà trường, phù hợp với nhu cầu thực tế của các đơn vị trong Trường [H7.07.02.02]. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các đơn vị trong toàn trường. Trước khi ban hành các văn bản để thực hiện, Nhà trường luôn có công văn để lấy ý kiến đóng góp của GV và được tổng hợp theo đơn vị để gửi các phòng chức năng tập hợp, sau đó Hội đồng Trường họp, thảo luận, thống nhất và ban hành sử dụng trong toàn trường, điển hình là Góp ý dự thảo Đề án vị trí việc làm của Trường [H7.07.02.03].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục. Đối với ngạch cán sự và ngạch NV ngoài điều kiện chung cần có: bằng tốt nghiệp phổ thông trở lên, văn bằng chứng chỉ phù hợp với công việc tuyển dụng đạt loại Khá trở lên, tuổi đời dự tuyển không quá 35, trình độ ngoại ngữ và tin học do Hội đồng tuyển dụng quyết định với từng vị trí việc làm [H7.07.02.04], [H7.07.02.03]. Công tác tuyển dụng nhân sự được thực hiện đúng theo quy định và quy trình tuyển dụng viên chức. Các tiêu chí bổ nhiệm được quy định đầy đủ rõ ràng, minh bạch: các cán bộ được bổ nhiệm bảo đảm tiêu chuẩn chung về: chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, trình độ chuyên môn, năng lực và uy tín; và thỏa mãn những tiêu chuẩn cụ thể đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý như trưởng phòng đào tạo, giám đốc trung tâm thông tin thư viện, ... Đồng thời, các tiêu chí này thường xuyên được rà soát, điều chỉnh đảm bảo tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, phù hợp và đáp ứng nhu cầu của đào tạo và NCKH [H7.07.02.05].

Trong những năm gần đây, do yêu cầu về cắt giảm biên chế nên từ năm 2018 đến 2024, Khoa GDTH không tuyển dụng nhân viên mới nào. Tính đến tháng 6/2024, đội ngũ NV khoa GDTH gồm (1) ThS Nguyễn Thị Thùy Dung – Giáo vụ, Quản lý sinh viên và (2) Ngô Thị Tăng – Văn thư + Lưu trữ [H7.07.02.06]. Cuối tháng 6/2024 đồng chí Ngô Thị Tăng nhận quyết định nghỉ hưu. Ngay sau đó, tháng 7/2024, một cán bộ từ TT TT-TV được điều chuyển về làm việc tại văn phòng khoa GDTH [H7.07.02.07]. Do số lượng đội ngũ nhân viên ít, trong khi số lượng SV ngày càng đông nên trong nhiều trường hợp cần thiết, những cán bộ trẻ của khoa sẽ phải hỗ trợ giáo vụ khoa và quản lý SV cho các đợt tuyển sinh, trao bằng, thủ tục nhập học, ...

## 2. Điểm mạnh

Việc tuyển dụng, lựa chọn và điều chuyển đã có đầy đủ tiêu chí, quy trình rõ ràng, công bố công khai.

## 3. Điểm tồn tại

Thông tin về tuyển dụng và lựa chọn nhân viên trên hệ thống thông tin của trường chưa được sắp xếp một cách khoa học, khó cho người tìm kiếm.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người	Thời gian
----	----------	----------	---------------	-----------

			<b>thực hiện</b>	<b>thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục tồn tại	Nâng cấp hệ thống thông tin, sắp xếp lại các mục để tiện theo dõi trên trang Web của trường	Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024 -2029
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai	Khoa GDTH, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024-2029

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

### ***Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá***

#### ***1. Mô tả***

Năng lực của đội ngũ NV Nhà trường được xác định thể hiện trong các văn bản quy định về tiêu chuẩn đối với viên chức hành chính, người lao động của Trường, cũng như trong Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường ĐHSPHN giai đoạn 2011 - 2020 tầm nhìn 2030; giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn 2030 và Đề án vị trí việc làm của Trường năm 2019, 2021, 2022 [H7.07.03.16], [H7.07.03.17]. Các quy định này được xây dựng dựa trên các văn bản quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hiện hành của Nhà nước như Luật Viên chức 2010, Luật Giáo dục 2019, Luật Giáo dục đại học sửa đổi 2018, ... [H7.07.03.01].

Theo đó, về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, các giáo viên thực hành của Trường phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành hướng dẫn thực hành; có chứng chỉ bồi dưỡng NVSP cho GV, có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT và đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, cần phải nắm vững kiến thức cơ bản của môn học được phân công hướng dẫn thực hành, có kiến thức tổng quát về thực hành một số môn học liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm, ...; có phương pháp

hướng dẫn thực hành hiệu quả, phù hợp với nội dung môn học, ...; thực hiện thành thạo các kỹ năng thực hành bộ môn để hướng dẫn SV thực hiện tốt nhiệm vụ thực hành; nắm vững kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ [H7.07.03.02].

Các văn bản trên cũng quy định rõ các tiêu chuẩn, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đối với các chức danh nghề nghiệp khác của đội ngũ NV Nhà trường như chuyên viên, thư viện viên, kế toán viên, ... Cụ thể như: cần phải hiểu rõ những quy định của pháp luật, hệ thống chính trị và các chế độ chính sách của ngành, lĩnh vực quản lý; Nắm vững đối tượng quản lý, hệ thống các nguyên tắc và cơ chế quản lý của nghiệp vụ thuộc phạm vi được giao; Xây dựng các phương án, kế hoạch, các quyết định cụ thể và có kiến thức am hiểu về ngành, lĩnh vực được giao; có kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình các vấn đề được giao nghiên cứu, tham mưu; Có phương pháp nghiên cứu, tổng kết và đề xuất, cải tiến nghiệp vụ quản lý; am hiểu thực tiễn, kinh tế - xã hội về công tác quản lý đối với lĩnh vực được giao; nắm được xu hướng phát triển của ngành, lĩnh vực ở trong nước, ... Bên cạnh đó, năng lực ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản cũng phải đạt chuẩn như chức danh giáo viên thực hành nêu trên. [H7.07.03.02].

Như vậy, đội ngũ NV cần có những năng lực cụ thể để đảm bảo thực hiện được các nhiệm vụ theo chức danh và vị trí việc làm của mỗi người, những nhiệm vụ này cũng được quy định cụ thể, chi tiết trong các văn bản trên.

Cùng với việc xác định các năng lực cụ thể cần có của đội ngũ NV, Nhà trường cũng tiến hành đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Dựa trên các quy định hiện hành của Nhà nước như Luật viên chức 2010, Nghị định 56 (năm 2015) của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức, ... Tháng 1 năm 2022, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quyết định về việc Ban hành Quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức của Trường ĐHSPHN, trong đó quy định cụ thể về quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên Nhà trường [H7.07.03.03]. Theo đó, năng lực của đội ngũ NV được đánh giá theo quý (nhân viên hành chính) và cả năm học, trên các nội dung về Tư tưởng và Phẩm chất chính trị, đạo đức; Ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong và lễ l貌 làm việc; Kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

Hàng quý, cuối năm học, các cá nhân trong đội ngũ NV tự đánh giá vào Phiếu tự đánh giá chấm điểm cho Công chức, viên chức [H7.07.03.09], [H7.07.03.11]. Dựa vào kết quả chấm điểm, đội ngũ NV sẽ được xếp loại như sau:

**Bảng 7.3.1. Xếp loại công chức, viên chức theo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

<b>Xếp loại</b>	<b>Tổng điểm</b>	<b>Tiêu chí “Kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn”</b>	<b>Các tiêu chí khác</b>
A	95-100	60	35-40
B	90-94	60	30-34
C1	85-89	60	25-29
C2	80-84	60	20-24
D		< 60	
		60	< 20

Đội ngũ NV được phân loại thành các mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:

**Bảng 7.3.2. Mức độ hoàn thành nhiệm vụ**

<b>Mức độ</b>	<b>Tổng điểm</b>	<b>Kết quả xếp loại tháng/ki</b>
Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	$\geq 95$	Không có xếp loại C1, C2, D.
Hoàn thành tốt nhiệm vụ	90 - 94	Không có xếp loại C2, D.
Hoàn thành nhiệm vụ	80 - 89	Không có xếp loại D.
Không hoàn thành nhiệm vụ	Tổng điểm < 80, hoặc không nộp hoặc nộp không đúng hạn Phiếu đánh giá, hoặc vi phạm bị xử lý khiển trách trở lên.	

Hàng năm, trước khi kết thúc năm học, Nhà trường đều có công văn hướng dẫn cụ thể về việc đánh giá phân loại cán bộ, viên chức; quy định công tác thi đua, khen thưởng và công văn hướng dẫn bình xét thi đua của năm học [H7.07.03.06], [H7.07.03.05], [H7.07.03.07]. Nhà trường cũng có văn bản hướng dẫn về xét nâng lương trước thời hạn do có thành tích xuất sắc vào tháng 12 hàng năm [H7.07.03.08]. Khoa GDTH đã thực hiện theo đúng các văn bản hướng dẫn. Theo đó, kế hoạch đánh giá năng lực của đội ngũ NV được thực hiện theo trình tự: tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá, người học đánh giá. Dựa trên kế hoạch năm học và kết quả thực hiện các công việc được giao trên cơ sở phiếu đánh giá phân loại quý,



cuối năm học, NV tự viết phiếu đánh giá kết quả thực hiện công việc của bản thân trong năm học, tiếp đó Ban chủ nhiệm Khoa sẽ họp với cán bộ văn phòng về đánh giá, xếp loại [H7.07.03.10], [H7.07.03.12]. Kết quả về phân loại công chức viên chức và Kết quả thi đua của mỗi năm học sau khi được Hội đồng Thi đua Khen thưởng của Trường họp và quyết định đều được công khai trên hệ thống văn bản của Trường [H7.07.03.15].

Năm 2022, Trường ban hành quy định số 05/QĐ-ĐHSPHN đánh giá phân loại đơn vị, viên chức, công chức có điều chỉnh: Mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (A+) phải từ 101 điểm, hoàn thành tốt nhiệm vụ (A) từ 91-100 điểm, hoàn thành nhiệm vụ (B) từ 81-90 điểm, không hoàn thành nhiệm vụ (C) dưới 60 điểm [H7.07.03.03]. Quy định này được áp dụng cho đánh giá thi đua cuối năm học 2021-2022.

Bên cạnh đó, TT ĐBCL của Trường cũng thực hiện đánh giá về việc thực hiện quy định về thời gian, tác phong làm việc, thái độ ứng xử, hiệu quả giải quyết công việc của các cán bộ hành chính các khoa thông qua phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của SV đối với cán bộ hành chính [H7.07.03.13]. Kết quả khảo sát năm 2019, tỉ lệ cán bộ hành chính của Nhà trường được SV phản hồi đánh giá tổng thể ở mức tốt và xuất sắc trên 95% [H7.07.03.14]. Năm 2109, Khoa GDTH cũng đã tiến hành Khảo sát sự đánh giá đồng cấp về sự nhiệt tình, trách nhiệm và hiệu quả trong công việc của đội ngũ 2 nhân viên hành chính tại Khoa với thang điểm từ 1-10. Kết quả cho thấy có 100% số GV đánh giá đội ngũ NV hành chính của Khoa đạt mức điểm từ 8-10. Điều đó cũng thể hiện sự tin tưởng, đánh giá cao và sự phối hợp trong công việc giữa các cán bộ trong Khoa.

## *2. Điểm mạnh*

Việc đánh giá năng lực của đội ngũ NV được thực hiện theo quy trình dựa trên các tiêu chí cụ thể, rõ ràng, công khai, đảm bảo sự công bằng, theo đúng quy định. Khoa GDTH có đội ngũ NV có năng lực đáp ứng đa dạng các nhu cầu hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác.

## *3. Điểm tồn tại*

Đã có các tiêu chí đánh giá xếp loại đối với đội ngũ nhân viên/chuyên viên nhưng chưa bám sát hết cụ thể từng đặc thù công việc của cá nhân.

## *4. Kế hoạch hành động*

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục hoàn thiện quy trình và tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên bám sát đặc thù công việc của từng cá nhân, đảm bảo công khai, công bằng, theo đúng quy định.	Trường ĐHSPH, Khoa GDTH	Giai đoạn 2024- 2029
2	Phát huy điểm mạnh	Động viên đội ngũ nhân viên tích cực, chủ động tham gia các hoạt động như NCKH, công bố, đề xuất sáng kiến kinh nghiệm phục vụ công tác đào tạo, vv.	Khoa GDTH	Giai đoạn 2024- 2029

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.**

**1. Mô tả**

Nhà trường thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc. Cụ thể, tháng 10/2011, trong Chiến lược và Kế hoạch hành động 2011-2020, Nhà trường đã xác định nhu cầu cần thiết phải bồi dưỡng và phát triển chuyên môn cho đội ngũ cán bộ bao gồm cả GV và nhân viên [H7.07.04.01]. Nhà trường đã có công văn số 174/ĐHSPHN ngày 18/4/2017 về việc lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của các đơn vị, báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2021 và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2022 (Số 17/ĐHSPHN-TCCB 14/01/2022, báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2023 và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2024 (số 511/ĐHSPHN-TCCB

ngày 06/12/2023) [H7.07.04.02]. Trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên thông qua các bản đăng ký nhu cầu bồi dưỡng cá nhân, Khoa và Nhà trường xét duyệt, lập kế hoạch và dự toán kinh phí bồi dưỡng đào tạo phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên [H7.07.04.03], [H7.07.04.04]. Bên cạnh đó, việc khảo sát nhu cầu về bồi dưỡng đào tạo đối với đội ngũ nhân viên cũng được thực hiện qua việc khảo sát lấy ý kiến trong các cuộc họp Tổ, Bộ môn, các cá nhân có nhu cầu đi đào tạo và bồi dưỡng đề xuất ý kiến trực tiếp, ý kiến được ghi trong biên bản bộ môn. Trưởng bộ môn sẽ đề xuất với Lãnh đạo Khoa và Khoa sẽ đề xuất lên Trường. Điển hình các nhân viên có nhu cầu học tập huấn gửi đơn gửi lên Khoa, Khoa có ý kiến trong đơn gửi lên Trường [H7.07.04.04]. Nhà trường và Khoa đều tạo điều kiện, khuyến khích, động viên cán bộ nhân viên đi học nâng cao trình độ. Ngoài ra, cán bộ có thể đề xuất ý kiến trong các bản góp ý cho các Báo cáo tổng kết năm học, phát biểu ý kiến trong Hội nghị Cán bộ viên chức và người lao động và trong Buổi gặp mặt của Lãnh đạo Nhà trường với đội ngũ giáo viên thực hành, nhân viên hành chính hàng năm. Lãnh đạo đơn vị và lãnh đạo trường luôn lắng nghe, ghi nhận và có chính sách phù hợp. Riêng với việc đi học, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ của cá nhân trong đội ngũ nhân viên, không thuộc yêu cầu cấp thiết, bắt buộc, các cá nhân sẽ tự túc kinh phí [H7.07.04.05], [H7.07.04.06].

Khoa GDTH hiện nay có 2 nhân viên văn phòng. Khi có thông báo về học bồi dưỡng, tập huấn đến Khoa, Khoa sẽ cử các cán bộ đi để tập huấn và sau đó về tập huấn lại cho các cán bộ khác. Đối với nhu cầu bồi dưỡng về ngoại ngữ và tin học, Nhà trường thông báo về việc mở các lớp bồi dưỡng về tin học ngoại ngữ trên hệ thống văn bản điện tử, các cán bộ nhân viên có nhu cầu đăng kí theo Khoa. Trường lập danh sách và thông báo lịch học [H7.07.04.07]. Sau khóa học, các cán bộ, nhân viên được cấp chứng chỉ. Năm 2019, khoa GDTH đã có nhân viên đã tham gia bồi dưỡng và thi đạt chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học [H7.07.04.05]. Trong quá trình triển khai các ứng dụng mới trong quản lý đào tạo, giai đoạn 2019-2024, 01 Giáo vụ của Khoa đã được tập huấn về Phần mềm Quản lý SV và phần mềm Quản lý giờ giảng do Phòng Đào tạo lên kế hoạch và thực hiện việc tập huấn [H7.07.04.08].

## *2. Điểm mạnh*

Đội ngũ nhân viên được tạo điều kiện khuyến khích đi học tập, bồi dưỡng

chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao trình độ cũng như phục vụ hiệu quả cho công tác hỗ trợ đào tạo và NCKH ở Khoa và ở Trường.

### 3. Điểm tồn tại

Kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên còn hạn chế. Việc bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ của cá nhân trong đội ngũ nhân viên, nếu không thuộc yêu cầu cấp thiết, bắt buộc, các cá nhân sẽ phải tự túc kinh phí.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Dành thêm một phần kinh phí cho việc đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên nếu nhân viên tự ý thức đi học dù không thuộc yêu cầu cấp thiết, bắt buộc.	Khoa GDTH, trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024-2029
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện khuyến khích nhân viên tự học, tự trau dồi bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cũng như tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ.	Khoa GDTH, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024-2029

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

#### 1. Mô tả

Nhà trường có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Cụ thể, Nhà trường có hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên thông qua: Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với giáo viên

thực hành của Trường ĐHSPTHN ban hành ngày 6/3/2017 và Quyết định sửa đổi bổ sung ngày 13/02/2019; Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với viên chức hành chính, người lao động của Trường ĐHSPTHN ban hành ngày 6/3/2017; Đề án vị trí việc làm 2019,2021,2022; Quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức của Trường ĐHSPTHN; Quy định về công tác thi đua khen thưởng [H7.07.03...; H7.07.03...; H7.07.03...]. Bên cạnh đó, hàng năm Nhà trường ban hành Công văn đánh giá xếp loại thi đua [H7.07.05.01]; Công văn đánh giá xếp loại [H7.07.05.02].

Để đảm bảo công bằng cũng như giám sát việc tuân thủ giờ giấc làm việc của đội ngũ nhân viên, Nhà trường thành lập Tổ kiểm tra hành chính và Công vụ theo quyết định số 3148 /QĐ-ĐHSPTHN [H7.07.05.03]. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc và phân loại đội ngũ NV sẽ là cơ sở để đề xuất xét Thi đua, Khen thưởng theo quy định của Nhà trường cũng như phân bổ thu nhập tăng thêm. Các nhân viên có thành tích xuất sắc còn được xem xét đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn theo Quy định [H7.07.05.04]. Các danh hiệu thi đua của cá nhân bao gồm: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ, cấp toàn quốc. Các hình thức khen thưởng như Kỷ niệm chương, Giấy khen, Bằng khen cấp Bộ, Bằng khen của Thủ tướng, v.v... Kết quả phân loại cán bộ đội ngũ NV của Khoa trong 5 năm thực hiện theo quy định mới về Phân loại, đánh giá cán bộ của Trường được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 7.5.1. Phân loại đánh giá đội ngũ nhân viên Khoa GDTH từ 2019 - 2024**

Năm học	Tổng số NV	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ		Hoàn thành tốt nhiệm vụ		Hoàn thành nhiệm vụ		Không hoàn thành nhiệm vụ	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
2019 - 2020	2	1	50%	1	50%	0	0%	0	0%
2020 - 2021	2	1	50%	1	50%	0	0%	0	0%
2021 - 2022	2	1	50%	1	50%	0	0%	0	0%
2022 - 2023	2	0	0%	2	100%	0	0%	0	0%

2023-2024	2	0	0%	2	100%	0	0%	0	0%
-----------	---	---	----	---	------	---	----	---	----

**Bảng 7.5.2. Kết quả thi đua của đội ngũ nhân viên Khoa GDTH từ 2019 – 2024**

Năm học	Tổng số NV	CSTD		Bảng khen của Bộ trưởng		Giấy khen của Hiệu trưởng	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
2019 - 2020	2	1	50%	0	0%	0	0%
2020 - 2021	2	1	50%	0	0%	0	0%
2021 - 2022	2	1	50%	0	0%	0	0%
2022 - 2023	2	0	0%	0	0%	1	50%
2023 - 2024	2	0	0%	0	0%	1	50%

Trong giai đoạn 2019 - 2024, đội ngũ nhân viên của Khoa luôn tích cực, hoàn thành tốt các công việc, nhiệm vụ được giao [H7.07.05.05]. Sự động viên khen thưởng kịp thời của Trường thúc đẩy các cán bộ nhân viên Nhà trường luôn hăng say làm việc và cống hiến hết mình để thực hiện sứ mệnh của Nhà trường. Tất cả nhân viên có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết, vv. để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H7.07.05.06].

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học, Trưởng bộ môn cũng như các cán bộ nhân viên trong Tổ, bộ môn thường xuyên giám sát lẫn nhau, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, phản hồi kịp thời trong các cuộc họp Bộ môn hàng tuần, hàng tháng vừa để đánh giá, đồng thời rút kinh nghiệm và có giải pháp kịp thời để các hoạt động đào tạo, NCKH của Bộ môn, của Khoa được thực hiện theo đúng kế hoạch, đạt hiệu quả cao [H7.07.05.07]. Nhân viên có nhiệm vụ trực, giám sát và hỗ trợ kịp thời các hoạt động đào tạo, NCKH cho SV, học viên, NCS và GV tại phòng mình phụ trách. Trước khi ra quyết định ban hành Quy định về đánh giá, Nhà trường luôn xây dựng bản dự thảo, sau đó có công văn yêu cầu các công chức viên chức tại các đơn vị góp ý cho Dự thảo [H7.07.05.08]. Tất cả các cán bộ GV và nhân viên của Nhà

trường được tham gia góp ý một cách dân chủ. Biên bản góp ý của Bộ môn được gửi lên Khoa, Khoa tập hợp gửi lên Trường [H7.07.05.09]. Nhà trường căn cứ vào các ý kiến đóng góp của toàn thể cán bộ, GV, nhân viên của Trường để điều chỉnh, sửa đổi trước khi ban hành các quyết định chính thức.

Đội ngũ nhân viên của Trường và Khoa hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc. Trong giai đoạn 2019-2024, đội ngũ nhân viên của Khoa không có bất kỳ khiếu nại nào về công tác thi đua khen thưởng, đánh giá phân loại viên chức bởi vì các quy định là rất rõ ràng và cụ thể, đánh giá đúng mức năng lực và hiệu quả công việc của đội ngũ NV [H7.07.05.10], [H7.07.05.11], [H7.07.05.12], [H7.07.05.13].

Nhà trường cũng thường xuyên tiếp thu các ý kiến góp ý của toàn thể cán bộ, nhân viên để tiếp tục hoàn thiện các chính sách động viên, khuyến khích kịp thời thông qua việc tăng khoản hỗ trợ thu nhập tăng thêm hàng tháng, các khoản phúc lợi khác, cũng như kinh phí khen thưởng hàng năm, tạo động lực để đội ngũ nhân viên cố gắng phấn đấu, trau dồi kỹ năng nghiệp vụ [H7.07.05.14].

## *2. Điểm mạnh*

Việc quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ nhân viên Nhà trường được quy định rõ ràng và được triển khai một cách dân chủ, hiệu quả, góp phần thúc đẩy, tạo động lực cho đội ngũ nhân viên của Khoa, của Trường thực hiện tốt vai trò phục vụ, hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH. Đội ngũ nhân viên của Khoa luôn tích cực, nhiệt tình, hoàn thành tốt các công việc được giao.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc đánh giá chưa xét cụ thể đến thực tế là đội ngũ nhân viên hành chính phải kiêm nhiệm khá nhiều đầu việc trong đó có những việc cần có chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ riêng (ví dụ: công tác thư viện).

## *4. Kế hoạch hành động*

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
-----------	-----------------	-----------------	--------------------------------	--

1	Khắc phục tồn tại	Cụ thể hoá các tiêu chí Thi đua xét đến đặc thù công việc đối với đội ngũ nhân viên.	Khoa GDTH, trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024 - 2029
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí công việc để đội ngũ nhân viên phát huy hiệu quả công việc. Tiếp tục thực hiện quản trị theo kết quả công việc của nhân viên để tạo động lực và hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Khoa GDTH, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024 - 2029

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 7:**

Đội ngũ nhân viên của Nhà trường nói chung và của CTĐT trình độ đại học ngành GDTH nói riêng đã đảm bảo về số lượng, chất lượng về năng lực chuyên môn đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển đã được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá thường xuyên để đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của CTĐT. Ngoài ra, việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được thực hiện đầy đủ, đúng kế hoạch và đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong tình hình mới. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên cũng được Nhà trường triển khai kịp thời để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Dù là khoa đông sinh viên nhưng đội ngũ nhân viên của khoa lại ít so với các khoa khác trong trường. Tuy



nhien đội ngũ nhân viên GDTH không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn và luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao phó.

**Đánh giá tiêu chuẩn 7:**

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
<b>Tiêu chí 7.1</b>					5		
<b>Tiêu chí 7.2</b>					5		
<b>Tiêu chí 7.3</b>					5		
<b>Tiêu chí 7.4</b>					5		
<b>Tiêu chí 7.5</b>					5		
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>5,00</b>						

## **Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

### ***Mở đầu***

Các tiêu chí tuyển chọn người học và các hoạt động hỗ trợ người học được xây dựng dựa vào CDR của ngành GDTH . Mỗi hoạt động đều được xây dựng theo cấu trúc nhất quán, logic có tính hợp lí, đảm bảo sự phù hợp với yêu cầu thực tiễn của giáo dục.

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển, Trường ĐHSPhN luôn xác định người học là đối tượng trung tâm của Nhà trường. Vì vậy, đây là công tác được Đảng ủy, Lãnh đạo Trường đặc biệt quan tâm, chỉ đạo các CTĐT rà soát, quy định, xây dựng các chương trình đào tạo có chất lượng. Do đó trong 5 năm học qua (từ 2019 đến 2024), Trường và Ngành GDTH có chính sách tuyển sinh cụ thể, rõ ràng và phương pháp xét tuyển công khai, được cập nhật trên trang <http://hnue.edu.vn>. Để hỗ trợ người học, Khoa và Nhà trường đã tổ chức hệ thống giám sát sự tiến bộ trong rèn luyện cũng như học tập của SV để các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện kịp thời, hiệu quả.

Ngoài ra nhằm mục đích giúp người học trong quá trình học tập, Nhà trường và Khoa đã tạo môi trường và những điều kiện thuận lợi nhất để hỗ trợ, giúp đỡ người học; tổ chức các buổi gặp gỡ, giao lưu giữa SV với các trường phổ thông, các nhà tuyển dụng; gửi SV đi thực hành môn học, thực tế chuyên môn, thực hành kỹ năng giáo dục, thực tập sư phạm trực tiếp tại các trường tiểu học. Tạo môi trường thuận lợi giúp SV tham gia các hoạt động ngoại khóa, dẫn sinh viên đi trải nghiệm thực tế và trau dồi kỹ năng sống ở một số địa phương; xây dựng không gian xung quanh giảng đường xanh đẹp, tiện ích, thân thiện tiện ích và các hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng học tập, đào tạo của CTĐT.

### ***Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật***

#### ***1. Mô tả***

Hàng năm, dựa trên các Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.01], Trường đã xây dựng Chính sách và quy định tuyển sinh được xác định rõ ràng, đúng quy định hiện hành, được cập nhật hàng năm, bao gồm: đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến và tổ hợp môn xét

tuyển, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và điều kiện đăng ký xét tuyển cùng các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển vào CTĐT [H8.08.01.02]. Đặc biệt, từ năm 2018, Nhà trường công bố công khai thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng, như cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ.

Từ năm 2019 cũng như các CTĐT khác trong Trường, CTĐT ngành GDTH, lấy ý kiến của các bên đăng kí các tổ hợp xét tuyển [H8.08.01.03] và thực hiện tuyển sinh hệ chính quy với các đối tượng là những người đã hoàn thành chương trình học phổ thông, có điểm thi tuyển 3 môn tương đối cao: Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh (D01), Toán - Ngữ văn- Tiếng Nga (D02), Toán - Ngữ Văn - Tiếng Pháp (D03). Đặc biệt tổ hợp D01 có điểm trung bình đạt 8,5 điểm/ môn. Hàng năm, Nhà trường đề nghị các khoa nghiên cứu thông báo tuyển sinh, quy chế tuyển sinh của các năm trước và dựa trên thực tế tuyển sinh của những năm qua đề xuất phương án, tổ hợp xét tuyển, tiêu chí tuyển thẳng, vv. Ban chủ nhiệm khoa lấy ý kiến từ Hội đồng khoa học, cán bộ chủ chốt gửi các quy định xét tuyển sinh lên phòng Đào tạo để Ban tuyển sinh xây dựng Đề án tuyển sinh [H8.08.01.04].

Chính sách và quy định tuyển sinh của Trường nêu rõ phạm vi tuyển sinh trên cả nước [H8.08.01.02]. Do vậy, Nhà trường và CTĐT đã công bố công khai các thông tin tuyển sinh thông qua các kênh và sử dụng nhiều hình thức khác nhau. Đó là thông qua website chính thức của Trường: [www.hnue.edu.vn](http://www.hnue.edu.vn) ở chuyên mục tuyển sinh. Cùng với Ban tư vấn tuyển sinh của Nhà trường, Khoa cùng các Khoa khác trong toàn Trường đều cử đại diện của khoa để tư vấn, thu hút người học cho CTĐT của khoa mình. Đặc biệt, Nhà trường, Khoa đã tư vấn tuyển sinh trực tuyến nhằm giải đáp trực tiếp các thắc mắc về tuyển sinh cho phụ huynh và các em học sinh trên truyền hình [H8.08.01.05], [H8.08.01.06].

Song song với việc tuyển sinh trên kênh tư vấn tuyển sinh của trường, Khoa cũng có những trang thông tin quảng bá riêng trên [https://www.facebook.com/khoagiaoductieuhoc/?locale=vi\\_VN](https://www.facebook.com/khoagiaoductieuhoc/?locale=vi_VN) [H8.08.01.04]. Kênh này được sự tham gia tích cực của các GV, cựu SV, SV trong Khoa thông qua việc quảng bá chỉ tiêu, tổ hợp tuyển sinh của ngành thông qua các mạng xã hội. Đặc biệt, để việc thông báo được cụ thể và rõ ràng hơn, từ năm 2019, Nhà trường đã xây dựng trang riêng về thông tin tuyển sinh của Trường ở địa chỉ: <http://tuyensinh.hnue.edu.vn> [H8.08.01.06]. Ngoài ra, các thông tin tuyển sinh của

Trường các năm cũng được công khai trên các trang thông tin tuyển sinh điện tử, báo điện tử khác để người quan tâm có thể tìm đọc như Vietnamnet, laodong, vv. Bên cạnh đó, Nhà trường đã thiết kế các tờ rơi tuyển sinh có những thông tin tuyển sinh gửi trực tiếp đến những người quan tâm trong các buổi Tư vấn tuyển sinh được tổ chức ở Trường và Ngày hội tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp của Nhà trường được tổ chức ở các tỉnh thành để phụ huynh và học sinh ở các địa phương xa được tiếp cận thông tin tuyển sinh [H8.08.01.05], [H8.08.01.06], [H8.08.01.07].

Trước mỗi kì tuyển sinh, Nhà trường tổ chức tư vấn, giới thiệu về chính sách tuyển sinh thông qua nhiều hình thức hoạt động. Năm 2019 chương trình thăm quan Trường (Open Day) cho học sinh các trường phổ thông, bao gồm các hoạt động: nghe giới thiệu tổng quan về Nhà trường, các ngành Đào tạo, tham quan và trải nghiệm thực tế ngành nghề của Trường tại khu giảng đường, nghe giới thiệu chính sách tuyển sinh của từng CTĐT, các chính sách thu hút: học bổng, cơ hội việc làm, các hoạt động mang dấu ấn của CTĐT [H8.08.01.07].

Năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023 thực hiện đề án đổi mới công tác tuyển sinh đại học, Nhà trường đã sử dụng kết quả thi THPT quốc gia để xét tuyển các thí sinh vào hệ đại học chính quy cho CTĐT. Khi xét tuyển, các đối tượng thuộc diện ưu tiên theo khu vực, theo chế độ chính sách được hưởng điểm ưu tiên vào tổng điểm xét duyệt theo đúng quy định. Ngoài ra, Nhà trường sử dụng kết quả thi học sinh giỏi quốc gia để tuyển vào các ngành đào tạo, trong đó có CTĐT. Chính sách này được công bố công khai, rõ ràng từ năm 2019 đến nay. Năm 2020, chính sách tuyển sinh của Trường có nhiều thay đổi, cập nhật [H8.08.01.02], đó là mở rộng đối tượng xét tuyển (xét tuyển thẳng 2 và xét tuyển thẳng 3) kết hợp với bài luận. Thí sinh viết bài luận về vấn đề tâm huyết, chia sẻ những trăn trở, kì vọng của bản thân, thúc đẩy thí sinh đưa ra quyết định lựa chọn vào CTĐT và Trường ngày càng tăng [H8.08.01.09]. Số lượng người học lựa chọn học tại khoa ngày càng đông do dự báo nhân lực được cập nhật hàng năm. Tỷ lệ người học sau khi tốt nghiệp có việc làm từ 97,7 % đến 100 %. [H8.08.01.10].

**Bảng 8.1.1 Bảng thống kê số lượng SV theo học CTĐT GDTH  
trong 5 năm gần đây**

<b>Năm</b>	<b>2019-2020</b>	<b>2020-2021</b>	<b>2021-2022</b>	<b>2022-2023</b>	<b>2023 - 2024</b>
K66	36				
K67	51	51			
K68	51	51	51		
K69	133	133	132	130	
K70		165	163	163	163
K71			141	141	139
K72				119	119
K73					100
<b>Tổng</b>	<b>271</b>	<b>400</b>	<b>487</b>	<b>553</b>	<b>521</b>

**Bảng 8.1.2. Số sinh viên tốt nghiệp sau 1 năm có việc làm của ngành GDTH  
(trong đó có SV CTĐT GDTH) đã được khảo sát giai đoạn 2019-2023**

<b>Năm khảo sát</b>	<b>Số SV phản hồi khảo sát</b>	<b>Số SV có việc làm</b>	
		<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
2019	41	40	97,7%
2020	68	68	100%
2021	57	57	100%
2022	54	54	100%
2023	42	42	100%

*(Nguồn: Số liệu từ Báo cáo việc làm năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023).*

## 2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh của Nhà trường đối với Khoa được thực hiện đảm bảo rõ ràng và được công bố công khai trong toàn xã hội, được cập nhật theo các quy định của Bộ GD&ĐT cũng như xu thế nghề nghiệp và dựa trên kết quả tuyển sinh của các năm trước. Đặc biệt, chính sách tuyển sinh của Trường trong những năm gần đây thể hiện sự đa dạng hóa trong tổ hợp môn thi và mở rộng phạm vi xét tuyển để tăng số lượng và chất lượng đầu vào; thông tin tuyển sinh cung cấp chi tiết nguồn lực về cơ

sở vật chất, tài chính và đội ngũ cán bộ có CLC của đơn vị, qua đó tạo sự thu hút đối với người học thể hiện trong Bảng 8.1.1.

### 3. Điểm tồn tại

- Chưa có phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cần cung cấp cho thị trường lao động phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và địa phương.

- Khoa chưa chú trọng đến in tờ rơi phát tại các buổi tư vấn tuyển sinh trực tiếp của Trường.

### 4. Kế hoạch hành động

<b>T T</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục tồn tại	- BCN khoa và Nhà trường tiếp tục trao đổi và thống nhất về khối thi, tỉ lệ, số lượng được xét tuyển vào CTĐT cử nhân của Khoa trên cơ sở phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cần cung cấp cho thị trường lao động. - Khoa giao cho Liên chi đoàn Khoa GDTH chọn các sinh viên có kỹ năng tham gia hỗ trợ thiết kế poster và tư vấn tuyển sinh.	- Phòng Đào tạo, Khoa GDTH  - Khoa GDTH	Thực hiện từ năm học 2024 - 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Chính sách tuyển sinh rõ ràng hơn, cập nhật hơn cũng như đa dạng hơn cách tuyển sinh	Phòng Đào tạo, Khoa GDTH	Thực hiện từ năm học 2024 - 2025

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

## ***Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá***

### ***1. Mô tả***

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Khoa và Nhà trường xác định rõ ràng theo Quy chế của Bộ GD&ĐT và theo Đề án tuyển sinh của Trường ĐHSPhn. Hàng năm, dựa trên Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, dựa trên nhu cầu nhân lực từ các địa phương và năng lực của Trường, Bộ GD & ĐT giao chỉ tiêu cho Nhà trường và các CTĐT để điều chỉnh, cập nhật các tiêu chí và phương thức tuyển sinh: xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT quốc gia, tuyển thẳng. Tiêu chí xét tuyển chính: xét điểm tổng từ cao xuống thấp theo chỉ tiêu của từng tổ hợp đăng ký xét tuyển và điểm ưu tiên. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học vào hệ đào tạo chính quy cử nhân ngành GDTH được xác định rõ ràng và được công bố công khai hàng năm trên website của Nhà trường [H8.08.02.04], [H8.08.02.01]. Cụ thể, từ năm 2019, trong Đề án tuyển sinh, Nhà trường công bố điểm trúng tuyển, chỉ tiêu trúng tuyển của 2 năm gần nhất của các tổ hợp. Những năm gần đây tiêu chí về điểm được định hướng rõ ràng. Phương thức tuyển chọn người học được thực hiện theo 2 phương thức là thi tuyển và xét tuyển thẳng [H8.08.02.01].

Với phương thức thi tuyển, tiêu chí tuyển chọn người học CTĐT được cập nhật theo từng năm. Các tổ hợp xét tuyển được công khai theo từng năm trong thông báo tuyển sinh của Nhà trường. Với phương thức xét tuyển thẳng, theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và chính sách tuyển sinh của Trường, đối tượng, chỉ tiêu, quy định hồ sơ, hình thức đăng ký, nguyên tắc xét tuyển được xác định rõ ràng [H8.08.02.01], [H8.08.02.04], [H8.08.02.05]. Đó là thí sinh đạt giải kì thi chọn học sinh giỏi quốc tế, quốc gia THPT. Từ năm 2018, Trường mở rộng xét tuyển thẳng đối với học sinh tốt nghiệp THPT trường chuyên, trường THPT trực thuộc Trường ĐHSPhn và Trường ĐHSPhn Thành phố Hồ Chí Minh. Nhằm tạo nhiều sự lựa chọn cho thí sinh, các CTĐT của Nhà trường cũng mở rộng tổ hợp xét tuyển. Dưới đây là bảng so sánh các điểm khác biệt trong chính sách tuyển sinh của CTĐT trong các năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023.



**Bảng 8.2.1. So sánh các điểm khác biệt trong chính sách  
tuyển sinh từ 2019- 2023**

<b>Năm</b>	<b>Môn thi</b>	<b>Phương thức tuyển sinh</b>	<b>Chỉ tiêu tuyển sinh</b>
2019	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) - Toán, Ngữ văn, Tiếng Nga (D02) -Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp (D03)	(1) Sử dụng kết quả kì thi THPT quốc gia để xét tuyển với tổ hợp các môn thi thành phần của các bài thi để xét tuyển vào các ngành theo quy định. (2) Tuyển thẳng thí sinh đạt giải quốc gia: Nhất- Nhì- Ba	140
2020	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) - Toán, Ngữ văn, Tiếng Nga (D02) - Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp (D03)	(1) Sử dụng kết quả kì thi THPT quốc gia để xét tuyển với tổ hợp các môn thi thành phần của các bài thi để xét tuyển vào các ngành theo quy định. (2) Tuyển thẳng thí sinh đạt giải quốc gia: Nhất- Nhì- Ba (3) Xét tuyển thẳng 2,3 dựa vào điểm TBC lớp 10,11,12:	167
2021	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) - Toán, Ngữ văn, Tiếng Nga (D02) - Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp (D03)	(1) Sử dụng kết quả kì thi THPT quốc gia để xét tuyển với tổ hợp các môn thi thành phần của các bài thi để xét tuyển vào các ngành theo qui định. (2) Tuyển thẳng thí sinh đạt giải quốc gia: Nhất- Nhì- Ba (3) Xét tuyển thẳng 2,3 dựa vào điểm TBC lớp 10,11,12:	144

2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)</li> <li>- Toán, Ngữ văn, Tiếng Nga (D02)</li> <li>- Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp (D03)</li> </ul>	<p>(1) Sử dụng kết quả kì thi THPT quốc gia để xét tuyển với tổ hợp các môn thi thành phần của các bài thi để xét tuyển vào các ngành theo qui định.</p> <p>(2) Tuyển thẳng thí sinh đạt giải quốc gia: Nhất- Nhì- Ba</p> <p>(3) Xét tuyển thẳng 2,3 dựa vào điểm TBC lớp 10, 11, 12.</p> <p>(4) Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực do trường Đại học Sư phạm Hà Nội hoặc trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh tổ chức thi kết hợp với kết quả học THPT</p>	120
2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)</li> <li>- Toán, Ngữ văn, Tiếng Nga (D02)</li> <li>- Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp (D03)</li> </ul>	<p>(1) Sử dụng kết quả kì thi THPT quốc gia để xét tuyển với tổ hợp các môn thi thành phần của các bài thi để xét tuyển vào các ngành theo qui định.</p> <p>(2) Tuyển thẳng thí sinh đạt giải quốc gia: Nhất- Nhì- Ba</p> <p>(3) Xét tuyển thẳng 2,3 dựa vào điểm TBC lớp 10, 11, 12.</p> <p>(4) Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực do trường Đại học Sư phạm Hà Nội hoặc trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh tổ chức thi kết hợp với kết quả học THPT</p>	95

*(Nguồn: Số liệu từ Đề án tuyển sinh và thông tin tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023).*

Năm 2020, 2021, 2022, 2023 phương thức tuyển chọn đối tượng xét tuyển thẳng được mở rộng và xác định rõ ràng về điều kiện đăng ký xét tuyển, nguyên tắc xét tuyển, hướng dẫn hồ sơ đăng ký xét tuyển [H8.08.02.01].

1.1. Đối tượng xét tuyển thẳng 2 gồm: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT có hạnh kiểm tốt cả các học kì đạt loại Tốt và học lực giỏi cả 3 năm ở bậc THPT, thỏa mãn một trong các điều kiện quy định dưới đây:

a.1. Thí sinh là học sinh đội tuyển cấp tỉnh (thành phố) hoặc trường THPT chuyên trực thuộc các trường đại học tham dự kì thi học sinh giỏi quốc gia.

a.2. Thí sinh là học sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kì thi học sinh giỏi cấp tỉnh (thành phố) ở bậc THPT.

a.3. Thí sinh là học sinh trường THPT chuyên hoặc các trường THPT trực thuộc Trường ĐHSPHN, Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh.

Nguyên tắc xét tuyển: Xét tuyển lần lượt theo thứ tự ưu tiên từ đối tượng mục a.1, nếu còn chỉ tiêu sẽ xét tiếp lần lượt đến các đối tượng mục a.2, a.3 cho đến hết chỉ tiêu. Đối với thí sinh thuộc đối tượng từ mục a.2 đến a.3 xét tổng điểm trung bình chung cả năm lớp 10, 11, 12 của môn học hoặc tổ hợp môn học THPT theo quy định của mỗi ngành ghi tại mục 3 (đã cộng điểm ưu tiên đối tượng và ưu tiên khu vực nếu có).

1.2. Đối tượng xét tuyển thẳng 3. Đối với các ngành thuộc nhóm ngành khoa học GD&ĐT giáo viên: Thí sinh là học sinh tốt nghiệp THPT có hạnh kiểm tốt cả các học kì ở bậc THPT đạt loại tốt và 3 năm học lực giỏi. Riêng đối với ngành Sư phạm tiếng Pháp, nếu thí sinh là học sinh hệ song ngữ tiếng Pháp điều kiện về học lực là lớp 12 đạt loại giỏi; ngành Sư phạm Công nghệ điều kiện về học lực lớp 12 đạt loại giỏi. Ưu tiên cộng điểm xét tuyển đối với các thí sinh có bài luận đạt kết quả tốt.

Nguyên tắc xét tuyển. Xét tổng điểm trung bình chung cả năm lớp 10, 11, 12 của môn học hoặc tổ hợp các môn học theo quy định của mỗi ngành (đã cộng điểm ưu tiên đối tượng và ưu tiên khu vực nếu có). Trước hết xét các thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng 2 theo nguyên tắc xét tuyển của mục 2.2, sau đó xét đến các thí sinh đối tượng xét tuyển thẳng 3. Ưu tiên cộng điểm hoặc xét tuyển thẳng nếu thí sinh có viết bài luận đạt kết quả tốt.

Từ năm 2022, bổ sung thêm phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực do trường Đại học Sư phạm Hà Nội hoặc trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh tổ chức thi kết hợp với kết quả học THPT.

Căn cứ vào thông báo của Bộ GD&ĐT, Trường quyết định điểm sàn xét tuyển đại học vào các nhóm ngành. Căn cứ vào các tiêu chí tuyển chọn SV cho CTĐT, số

lượng thí sinh đăng ký xét tuyển, Trường thông báo điểm chuẩn, điểm xét tuyển cho các ngành, trong đó có ngành CTĐT [H8.08.02.02]. Trường ra thông báo danh sách trúng tuyển, công nhận kết quả và nhập học cho SV vào ngành CTĐT [H8.08.02.03], [H8.08.02.04].

**Bảng 8.2.2. Thống kê số SV nhập học và thôi học CTĐT GDTH từ 2019-2023**

Năm học	Số lượng sinh viên nhập học	Số lượng sinh viên thôi học theo khóa
2019-2020 (K69)	133	03
2020-2021 (K70)	165	02
2021-2022 (K71)	141	02
2022-2023 (K72)	119	01
2023-2024 (K73)	100	0

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh/ tuyển chọn người học được Trường, Khoa rà soát, đánh giá hàng năm sau các kì tuyển sinh và chuẩn bị các kì tuyển sinh tiếp theo. Trước kì tuyển sinh, trong các cuộc họp giao ban ở Khoa, lãnh đạo các Bộ môn, Hội đồng khoa học được bàn bạc, trao đổi và sau đó xin ý kiến để đề xuất với Nhà trường chỉ tiêu, phương pháp tuyển sinh phù hợp, kế hoạch tuyển sinh năm sau [H8.08.02.05]. Kết quả thể hiện sự điều chỉnh, thay đổi chỉ tiêu, các tổ hợp môn thi và phương thức tuyển sinh (Bảng 8.2.2).

### 2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của CTĐT rõ ràng theo quy chế của Bộ GD&ĐT và được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào Trường cũng như vào CTĐT. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn được cập nhật, mở rộng đặc biệt với đối tượng tuyển thẳng để có thể tuyển chọn người học giỏi vào Trường, Khoa. Các quá trình này được thực hiện chính xác, công khai, rõ ràng.

### 3. Điểm tồn tại

Trong quá trình rà soát, đánh giá chính sách tuyển sinh, Trường và Khoa chưa tổ chức lấy ý kiến người học về tính rõ ràng, phù hợp của phương pháp và tiêu chí xét tuyển người học CTĐT cử nhân GDTH.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà trường và Khoa cần có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ phía người học về tính rõ ràng, phù hợp của phương pháp và tiêu chí tuyển chọn người học CTĐT cử nhân GDTH.</li> <li>- Kết quả khảo sát được phân tích, đánh giá làm cơ sở cho việc rà soát, điều chỉnh chính sách tuyển sinh nói chung, phương pháp, tiêu chí tuyển chọn người học nói riêng.</li> <li>- Sau đợt tuyển sinh 2018, trong thông báo/đề án tuyển sinh của Nhà trường có thể nghiên cứu để bổ sung hình thức sơ tuyển năng khiếu cho CTĐT cử nhân GDTH.</li> </ul>	TT ĐBCL, Khoa GDTH	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục hoàn thiện phương thức tuyển chọn người học có chất lượng từ đầu vào đến đầu ra.</li> <li>- Hoàn thiện đa kênh phương tiện tuyển sinh</li> </ul>	Phòng Đào tạo, Ban tuyển sinh Khoa GDTH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học**

Trường phân công Phòng Đào tạo, Phòng Công tác Chính trị và Học sinh sinh viên cùng Đoàn thanh niên phối hợp với Khoa giám sát sự tiến bộ học tập và rèn

luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học tập [H8.08.03.01], [H8.08.03.02]. Cụ thể:

Phòng Đào tạo tham mưu, xây dựng các quy định, quy trình hoạt động của CVHT; Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng và hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho CVHT để hướng dẫn SV.

Phòng Công tác Chính trị và Học sinh sinh viên theo dõi, giám sát SV qua các hoạt động tập thể, lớp học đoàn viên ưu tú; Phối hợp với Khoa xét khen thưởng hàng năm cho SV giỏi và xuất sắc trong học tập và rèn luyện.

Đoàn thanh niên giám sát, hỗ trợ SV có hoàn cảnh khó khăn; Tạo môi trường đưa SV vào các hoạt động giúp SV rèn luyện và phát triển nhân cách, học tập.

Khoa trực tiếp theo dõi, quản lý, kiểm tra, giám sát và đôn đốc đội ngũ CVHT thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ được giao; Phối hợp với phòng Đào tạo nhận xét, đánh giá hoạt động của CVHT.

Dựa trên các quy định, quy chế được Nhà trường ban hành [H8.08.03.01], [H8.08.03.02], Khoa đã chọn lựa phân công đội ngũ CVHT nhiệt huyết chuyên trách và hiểu về CTĐT trình Trường ra quyết định phân công CVHT cho các lớp [H8.08.03.03], [H8.08.03.04]. Đội ngũ CVHT này giám sát, tư vấn cho người học đăng kí khối lượng học tập cho từng SV hợp lí, hỗ trợ người học trong các thủ tục hành chính.

Tất cả SV ở các lớp được CVHT tư vấn về học tập: số tín chỉ SV phải tích lũy đủ để tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp. Khung chương trình CTĐT cũng được thông báo công khai trên trang web: <https://daotao.hnue.edu.vn>. Khối lượng đào tạo năm 2014 ngành GDTH là 135 TC, ngành GDTH - SPTA là 140 TC; Khối lượng đào tạo năm 2020 ngành GDTH là 136 TC, ngành GDTH - SPTA là 141 TC [H8.08.03.05].

Đầu mỗi năm học, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch đào tạo và gửi về cho các đơn vị trong toàn trường, lấy ý kiến góp ý, sau đó ban hành cho cán bộ và toàn thể người học. Kế hoạch đào tạo được dán công khai ở các khu vực giảng đường, rất thuận lợi cho GV, SV theo dõi và thực hiện [H8.08.03.06].

Song hành với học tập là các hoạt động thi đua khen thưởng. Trường ban hành Quy chế khen thưởng để động viên khuyến khích SV có học tập và rèn luyện tốt được tặng khen [H8.08.03.07], [H8.08.03.08]. Quy chế đánh giá điểm rèn luyện cũng được ban hành. Nguyên tắc đánh giá, nội dung đánh giá và thang điểm, phân loại để đánh

giá, quy trình đánh giá kết quả rèn luyện, sử dụng kết quả rèn luyện, quyền khiếu nại, chức năng nhiệm vụ của Phòng Đào tạo và các Khoa. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện được trình bày rõ ràng trong Quy định này và được thực hiện công khai [H8.08.03.09].

Công tác xét sự tiến bộ học tập và rèn luyện của SV được chú trọng quan tâm, là nhiệm vụ có sự kết hợp giữa CVHT, giáo vụ Khoa, Quản lí SV, Liên chi đoàn và BCN Khoa. CVHT thường xuyên bám sát, hỗ trợ SV trong học tập và rèn luyện. Kết thúc mỗi kì học, Khoa triển khai cho Giáo vụ khoa, Quản lí SV, trợ lí đào tạo và Liên chi đoàn tiến hành đánh giá tình hình học tập và rèn luyện của SV. Cụ thể: Điểm rèn luyện của SV đều được đánh giá qua các mức phân loại: Xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém. Quy trình được triển khai: SV tự đánh giá, CVHT chủ trì họp xét với lớp, phân tích chấm điểm cho từng cá nhân, kết quả được tổng hợp gửi lên khoa. Sau đó chuyển kết quả điểm rèn luyện của SV để thống kê [H8.08.03.10]. Hội đồng Khoa tiến hành họp cấp Khoa gồm các bên tham gia (Đại diện BCN, CVHT, Bí thư liên chi, Giáo vụ, Quản lí sinh viên, Cán bộ các lớp). Kết quả này được công bố cho toàn sinh viên biết [H8.08.03.11]. Để khuyến khích SV học tập và nghiên cứu, Nhà trường có các chính sách học bổng, trợ cấp xã hội và học tập khuyến khích học tập, khen thưởng động viên kịp thời cho mỗi học kì [H8.08.03.12].

Điểm học tập, số lượng và tỉ lệ SV thôi học, buộc thôi học, SV bị cảnh báo kết quả học tập, SV đạt điểm học tập xuất sắc, giỏi, khá, trung bình, yếu và những lưu ý về SV được thống kê trong biên bản xét lên lớp từng học kì của Khoa [H8.08.03.13]. Kết quả cảnh báo học tập được Khoa gửi lên Trường sau đó Hội đồng Trường gồm: Ban Giám hiệu, đại diện các khoa, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác Chính trị và Học sinh sinh viên tiếp tục họp xét đánh giá và ra quyết định cảnh báo học tập, xóa tên [H8.08.03.14]. Từ các kết quả trên, CVHT thông báo, nhắc nhở đến SV qua kênh gọi riêng SV, chi đoàn, lớp. CVHT hàng kì họp với lớp thông báo kết quả học tập, khối lượng học tập được thể hiện qua từng kì như sau: số TC tích lũy, điểm trung bình chung tích lũy, điểm trung bình của từng kì, số TC tích lũy của kì của từng SV để điều chỉnh, cải thiện tình hình học tập kì tiếp theo cho kịp tiến độ CTĐT. Khoa và Nhà trường có cơ sở dữ liệu theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp theo hàng năm. Đó là các báo cáo kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện được lưu trữ tại các phòng ban chức năng như phòng Đào tạo, Phòng Công tác Chính trị và Học sinh sinh

viên và Văn phòng khoa, ngoài ra còn được lưu trực tiếp trong tài khoản cá nhân của mỗi SV trong hệ thống quản lí phần mềm Unisoft mark, Unisoft Student [H8.08.03.15], [H8.08.03.16].

Kết quả học tập và rèn luyện của SV được thống kê hàng năm giúp CVHT và Khoa nắm được để có kế hoạch hỗ trợ người học (Bảng 8.3.1.1; 8.3.1.2; 8.3.2).

**Bảng 8.3.1.1. Kết quả học tập của SV CTĐT GDTH từ năm 2019 đến 2024 (tháng 4)**

Năm học	Tổng SV	Xuất sắc		Giỏi		Khá		TB		Yếu	
		Số lượng (SL)	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	S L	Tỉ lệ %
2019 - 2020	<b>271</b>	77	28,41	104	38,38	75	27,68	12	4,43	3	1,11
2020 - 2021	<b>400</b>	105	26,25	208	52	79	19,75	4	1	4	1
2021 - 2022	<b>487</b>	199	40,86	243	49,90	43	8,83		0	2	0,41
2022 - 2023	<b>553</b>	213	38,52	242	43,76	87	15,73	4	0,72	7	1,27
2023 - 2024	<b>521</b>	248	47,6	213	40,88	54	10,36	4	0,77	2	0,38

**Bảng 8.3.1.2 Kết quả học tập của SV CTĐT GDTH từ năm 2019 đến 2024 (tháng 10)**

Năm học	Tổng SV	Xuất sắc		Giỏi		Khá		TB		Yếu	
		SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %
2019- 2020	<b>271</b>	18	6,64	120	44,29	97	35,79	34	12,55	2	0,74
2020 - 2021	<b>400</b>	46	11,5	155	38,75	178	44,5	17	4,25	4	1
2021- 2022	<b>487</b>	31	6,37	306	62,83	147	30,18	1	0,21	2	0,41
2022 - 2023	<b>553</b>	110	19,89	233	42,13	191	34,54	15	2,71	4	0,72
2023 - 2024	<b>521</b>	51	9,79	314	60,27	141	27,06	14	2,69	1	0,19

**Bảng 8.3.2. Kết quả rèn luyện của SV CTĐT GDTH từ năm 2019 đến 2024**



Năm học	Tổng SV	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB		Không xếp loại	
		SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	S L	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %
2019 - 2020	271	29	10,70	240	88,56	1	0,37			1	0,37
2020 - 2021	400	38	9,50	313	78,25	42	10,50			7	1,75
2021- 2022	487	43	8,83	419	86,04	18	3,70			7	1,43
2022 - 2023	553	59	10,67	482	87,16	7	1,27			5	0,90
2023 - 2024	521	64	12,28	455	87,33	02	0,38				

**Bảng 8.3.3: Bảng thống kê số lượng SV thôi học CTĐT GDTH giai đoạn 2019- 2024**

Năm học	Tổng SV nhập học	Tỉ lệ % người thôi học theo khóa							
		Năm thứ nhất		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4	
		SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %
2019 - 2020	133 (K69)	0	0	01	0,75	02	1,50	0	0
2020 - 2021	165 (K70)	02	1,21	0	0	0	0	0	0
2021- 2022	141 (K71)	0	0	02	1,42	0	0		
2022- 2023	119 (K72)	0	0	01	0,84				
2023- 2024	100 (K73)	0	0						

Số liệu thống kê cho thấy, tỉ lệ SV thôi học của ngành GDTH trong giai đoạn 2019-2024 là tương đối thấp. Trong đó, tỉ lệ SV thôi học tập trung từ năm hai đến năm thứ ba, với nhiều nguyên nhân là do sinh viên đi du học, chuyển trường hoặc do hoàn cảnh gia đình phải nghỉ học.

## 2. Điểm mạnh:

Khoa có đội ngũ CVHT nhiệt tình, giỏi chuyên môn, am hiểu về đào tạo tín chỉ. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa CVHT, giáo vụ, quản lý sinh viên, Liên chi đoàn và cán bộ lớp để nắm bắt tình hình học tập và rèn luyện của sinh viên. Bên cạnh đó, hiện nay Khoa đã được hỗ trợ để có công cụ theo dõi người học trên trang daotao.hnue.vn và sử dụng phần mềm quản lý điểm học tập và rèn luyện.

## 3. Điểm tồn tại

SV có kết quả học tập chưa tốt chưa chủ động phối hợp với Khoa để thông báo kết quả học tập, rèn luyện cho gia đình.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Kịp thời báo cáo kết quả học tập, rèn luyện cho gia đình người học để cùng hỗ trợ động viên người học	P. Đào tạo, Khoa GDTH, Giáo vụ Khoa	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phối hợp chặt chẽ giữa CVHT, giáo vụ, quản lí sinh viên, liên chi đoàn, cán bộ lớp để hỗ trợ người học.	P. Đào tạo, Khoa GDTH, Giáo vụ, Quản lí SV, CVHT	Hàng kì

#### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học**

##### 1. Mô tả

Theo Quyết định Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHSPHN, số 9779/QĐ - ĐHSPHN-ĐT ngày 07/12/2017; số 3980/QĐ - ĐHSPHN ngày 21/9/2021 và Quy định tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lí kết quả trong kì thi kết thúc học phần 1067/QĐ - ĐHSPHN ngày 14/05/2020 của Trường ĐHSPHN [H8.08.04.01], Khoa GDTH đã thực hiện các nhiệm vụ đào tạo theo hệ thống tín chỉ đối với sinh viên ngành sư phạm GDTH, trong đó đã xác định các nhiệm vụ đào tạo, hỗ trợ đào tạo cho người học rất chi tiết. Cụ thể, Khoa đã giao nhiệm vụ cho một số GV làm công tác CVHT trong khoa [H8.08.04.03] phối hợp với Liên chi đoàn - Liên chi hội Hội SV Khoa GDTH cùng các đơn vị trong Trường. Các cố vấn học tập thực hiện các nhiệm vụ đã được giao trong quy chế đào tạo, hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập. Cố vấn học tập cũng thường xuyên báo cáo tình hình quản lí, hỗ trợ sinh viên cho Khoa và Nhà trường theo định kì. Để nâng

cao chất lượng đào tạo, Khoa GDTH hàng năm đều tổ chức cho sinh viên các khóa thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của các GV trong Khoa. Các kết quả nghiên cứu được hội đồng chấm và công bố điểm, hỗ trợ điểm thưởng cho những sinh viên đạt kết quả tốt. Danh sách sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học hàng năm được thể hiện rất rõ trong [H8.08.04.04]. Những nghiên cứu có kết quả tốt được tham gia trình bày tại hội thảo SVNCKH và gửi đi dự thi cấp trường. Trang Facebook Khoa GDTH - Trường ĐHSPHN [https://www.facebook.com/khoagiaoductieuhoc/?locale=vi\\_VN](https://www.facebook.com/khoagiaoductieuhoc/?locale=vi_VN) đã thường xuyên đăng các tin tuyển dụng để hỗ trợ cho sinh viên năm cuối và những sinh viên đã tốt nghiệp có thể tiếp cận được với các thông báo tuyển dụng từ các trường phổ thông ở các địa phương.

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa và dịch vụ hỗ trợ giúp cải thiện việc học tập của SV do Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Trường ĐHSPHN, Liên chi đoàn Khoa chỉ đạo và triển khai. Liên chi đoàn Khoa GDTH chủ động đề xuất BCN Khoa thành lập câu lạc bộ Nghiệp vụ sư phạm, Câu lạc bộ Thể thao, CLB Truyền thông [H8.08.04.05]. Hàng năm, các hoạt động chào tân sinh viên nhập trường luôn được LCD - HSV của Khoa kết hợp với BCN Khoa tổ chức trang trọng, hướng dẫn sinh viên mới làm quen với các hoạt động học tập và phong trào đoàn thể tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội [H8.08.04.06]. Trong năm đại dịch Covid 2021, Khoa tổ chức chào Tân sinh viên bằng hình thức trực tuyến nhưng vẫn đảm bảo các nội dung như hàng năm vẫn làm trực tiếp. Các cố vấn học tập được phân công nhiệm vụ hỗ trợ, giải đáp các thắc mắc cho sinh viên để có thể yên tâm học tập. Hoạt động thể dục thể thao giúp tạo tinh thần thoải mái, cải thiện khả năng học tập của SV [H8.08.04.07]. Với đặc thù ngành sư phạm, hàng năm Trường và Khoa tổ chức cho sinh viên đến trường phổ thông để thực tập [H8.08.04.07]. Hàng năm, Khoa cử từ 8 - 14 GV làm nhiệm vụ trưởng đoàn thực tập sư phạm để hỗ trợ sinh viên của khoa GDTH nói riêng và sinh viên các khoa trong Trường nói chung thực hiện hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Đây là những hoạt động bổ trợ rất hữu ích đáp ứng nhu cầu công việc sau này của người học và các hoạt động này đều có kế hoạch cụ thể. Để đánh giá chất lượng GV, Trường ĐHSPHN kết hợp với Khoa GDTH từ năm 2019 đến 2024 đã thực hiện phiếu lấy ý kiến của người học đối với GV của Khoa [H8.08.04.08].

#### **Bảng 8.4.1. Kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy học phần của sinh viên**

<b>TT</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Số GV được SV phản hồi</b>	<b>Số SV trả lời phiếu khảo sát</b>	<b>Xếp loại</b>
<b>1</b>	Kì II ( 2018 – 2019)	15	300	Tốt
<b>2</b>	Kì I ( 2019 – 2020)	11	363	Tốt
<b>3</b>	Kì II ( 2019 – 2020)	11	437	Tốt
<b>4</b>	Kì I ( 2020 – 2021)	12	377	Tốt
<b>5</b>	Kì II ( 2020 – 2021)	12	370	Tốt
<b>6</b>	Kì I ( 2021 – 2022)	16	671	Tốt
<b>7</b>	Kì II ( 2021 – 2022)	26	1648	Tốt
<b>8</b>	Kì I ( 2022 – 2023)	16	700	Tốt
<b>9</b>	Kì II ( 2022 – 2023)		Chưa có	
<b>10</b>	Kì I ( 2023 – 2024)	13		Tốt ( 92,31%) Khá ( 7,69%)
<b>11</b>	Kì II ( 2023 – 2024)	13		Tốt ( 92,31%) Khá ( 7,69%)

Các ý kiến phản hồi của sinh viên đối với GV về một số nội dung đánh giá sau:

- Thực hiện nề nếp dạy học, kỹ năng tổ chức quản lí lớp của giảng viên.
- Thái độ - ứng xử với sinh viên .
- Nội dung dạy học
- Phương pháp giảng dạy của giảng viên
- Các hoạt động kiểm tra đánh giá
- Một số nội dung dạy online ( những năm 2020,2021,2022 có dịch Covid)

Kết quả phân tích chi tiết được thể hiện cụ thể trong các báo cáo từ 2019 đến 2024 [H8.08.04.08]. Các kết quả đánh giá từ phiếu khảo sát cho thấy tất cả các GV khảo sát đều thuộc Tốt và Khá. Kết quả khảo sát cho thấy đa số SV được khảo sát từ năm 2019 đến 2024 ngành đào tạo GDTH của ĐHSPHN có những nhận xét rất tích cực về chất lượng đào tạo các học phần của các GV. Họ đều cho rằng mình được Khoa trang bị kiến thức rộng, có kiến thức nền khá tốt, kiến thức cơ bản chuyên ngành chắc. Nhìn chung, sinh viên đánh giá khá cao về chất lượng đào tạo của Khoa, tỉ lệ sinh viên hài lòng luôn đạt trên 90% số phiếu được khảo sát [H8.08.04.08].

Kết quả đánh giá từ phiếu khảo sát sẽ giúp Khoa đánh giá tốt hơn hiệu quả của

việc đào tạo, từ đó tìm cách cải thiện chất lượng giảng dạy, đồng thời có thể sử dụng kết quả phản hồi này như là một kênh thông tin quan trọng tính vào kết quả thi đua, khen thưởng, tăng lương sớm cho GV và khẳng định thương hiệu, chất lượng đào tạo của Khoa, giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp dễ tìm kiếm việc làm tốt hơn.

**Bảng 8.4.2. Kết quả khảo sát: Hoạt động hỗ trợ học tập đối với sinh viên Khoa Giáo dục tiểu học vừa tốt nghiệp**

<b>TT</b>	<b>Năm khảo sát</b>	<b>Số SV tốt nghiệp trả lời phiếu khảo sát</b>	<b>Điểm trung bình về mức độ hài lòng của người học về chất lượng và hiệu quả đào tạo của SV</b>	<b>Điểm trung bình về mức độ hài lòng chung của người học</b>
1	2019	71	9,39	Ko thấy có trong KS
2	2020	67	10,36	Ko có trong KS
3	2021	79	54,35( Tốt )	13,41 ( tốt )
4	2022	88	55,93 ( Tốt )	13,81 ( Tốt)
5	2023	132	55,73 ( Tốt)	13,27 ( tốt )
6	2024			

Kết quả phân tích chi tiết được thể hiện cụ thể trong các báo cáo từ 2019 đến 2024 [H8.08.04.10]. Các kết quả đánh giá từ phiếu khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của người học về cơ sở vật chất, về chất lượng và hiệu quả đào tạo và mức độ hài lòng chung của người học đều thuộc mức Tốt. Đặc biệt có các nội dung được sinh viên đánh giá rất tích cực như “ Trường / Khoa hỗ trợ sinh viên trong thực tập”, “ Nhà trường có những chính sách tốt hỗ trợ sinh viên gặp khó khăn”, “ Thiết bị thể dục, thể thao và sân vận động của trường đáp ứng nhu cầu học tập và giải trí”, “ Các hoạt động học thuật ( trong và ngoài CTĐT) giúp sinh viên có ý thức và kỹ năng học tập suốt đời”.

Những năm gần đây Trường và Khoa đã khảo sát tình hình việc làm [H8.08.04.09] từ 2019 đến 2024 cho thấy tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp tìm kiếm được việc làm ở mức cao so với một số ngành khác, hàng năm luôn đạt đến 100% SV đều có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp.

Báo cáo khảo sát chất lượng ngành/đào tạo dành cho sinh viên vừa mới tốt

nghiệp nhằm đánh giá lại chương trình đào tạo từ cơ sở vật chất, phương pháp dạy học, đánh giá, hoạt động hỗ trợ thông tin, môi trường giáo dục và sự hài lòng của người học...Kết quả phân tích chi tiết được thể hiện cụ thể trong các báo cáo từ 2019 đến 2024 [H8.08.04.10].

**Bảng 8.4.3. Kết quả đánh giá về cơ sở vật chất, hệ thống CNTT, tài liệu đáp ứng các yêu cầu đào tạo đối với sinh viên GDTH mới tốt nghiệp**

STT	Năm khảo sát	Số phiếu tham gia khảo sát	Điểm trung bình
1	2019	71	14,99 ( Khá)
2	2020	67	16,66 ( Khá )
3	2021	79	24,82 ( Tốt )
4	2022	88	25,64 ( Tốt)
5	2023	132	25,18 ( Tốt) (CSVC) 30,39 ( Tốt ) (ĐG về Môi trường GD)
6	2024		

Kết quả khảo sát đánh giá về hoạt động hỗ trợ học tập của Khoa đối với sinh viên cho thấy đa số SV tốt nghiệp từ năm 2019 đến 2024 ngành đào tạo GDTH của ĐHSPTHN có những nhận xét rất tích cực về cơ sở vật chất, hệ thống CNTT, tài liệu đáp ứng yêu cầu đào tạo. Kết quả khảo sát cho thấy cơ sở vật chất, hệ thống CNTT, tài liệu đáp ứng yêu cầu đào tạo ở mức Tốt và Khá. Nhìn chung, sinh viên đánh giá khá cao về sự hỗ trợ học tập cho sinh viên của Khoa , tỉ lệ sinh viên hài lòng về cơ sở vật chất, hệ thống CNTT, tài liệu đáp ứng yêu cầu đào tạo luôn đạt trên 90% số phiếu được khảo sát [H8.08.04.10]. Sự hỗ trợ đó thể hiện qua sự đáp ứng về các tài liệu học tập, hỗ trợ sinh viên học tập và nghiên cứu cũng như các điều kiện cơ sở vật chất khác để đảm bảo quá trình học tập của sinh viên được diễn ra thuận lợi.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường, Khoa đã triển khai sâu rộng và hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ SV tìm hiểu về việc làm

khi tốt nghiệp, giúp SV nâng cao thành tích học tập, rèn luyện kỹ năng nghề và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường.

### 3. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều ý kiến người học về hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Khảo sát lấy ý kiến đầy đủ của giảng viên, trợ lý, cố vấn học tập, người học về hình thức và kết quả các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ.	Phòng CTCT & HSSV, Khoa GDTH, Giáo vụ Khoa, CVHT	Từ năm học 2024 -2025	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tăng cường các hoạt động hợp tác, các hoạt động cộng đồng, trải nghiệm.	Khoa GDTH, Liên chi đoàn - Hội, SV, CVHT	Các năm học tiếp theo	

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

## ***Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học***

### ***1. Mô tả***

Trường và Khoa có môi trường sư phạm, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Trường có đầy đủ cơ sở vật chất để phục vụ việc dạy và học ở trong trường như khu Hiệu bộ, khu giảng đường, khu KTX, khu thể dục thể thao, được thể hiện rõ ở sơ đồ của Trường và của Khoa [H8.08.05.01], [H8.08.05.02], [H8.08.05.05]. Nhà trường và Khoa luôn quán triệt tư tưởng và hành động để tạo ra một môi trường làm việc thân thiện, tạo tâm lý thoải mái cho GV và SV trong Khoa. Bên cạnh đó, quyền và nghĩa vụ của SV cũng được quy định trong Sổ tay SV Trường. Các dịch vụ hỗ trợ cho người học đều công khai, chi tiết trong Sổ tay SV giúp người học tại Khoa, tại Trường luôn yên tâm khi cần tìm sự hỗ trợ cho việc học tập và rèn luyện trong suốt quá trình học của mình [H8.8.05.04], [H8.08.05.05].

Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn cơ sở giáo dục. Khuôn viên Trường được chia thành các khu chuyên biệt: Khu Hiệu bộ, khu giảng đường, khu KTX, sân vận động, các hội trường và thư viện. Các khu này được bố trí một cách khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của CTĐT. Thư viện với tòa nhà tách biệt, hiện đại với nhiều đầu sách luôn được cập nhật [H8.08.05.02]. Các khu vực này đều được lắp đặt hệ thống Wifi kết nối Internet do đó tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học [H8.08.05.05].

Khu KTX không quá xa với khu giảng đường nên tạo thuận lợi trong việc di chuyển của SV. Ngay cạnh khu KTX, sân vận động phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt tập thể và nâng cao sức khỏe SV [H8.08.05.05]. Khoa Giáo dục Tiểu học được bố trí làm việc và dạy học ở tòa nhà V, các lớp học được bố trí tại các giảng đường nhà V, Nhà K, Tòa nhà Học liệu trong Trường [H8.08.05.03]. Trong khuôn viên làm việc tại nhà V, Khoa Giáo dục Tiểu học luôn tạo được cảnh quan làm việc trong lành, nhiều cây xanh, bố trí không gian hợp lý để tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu và đào tạo.

Trường ngày càng phát triển cả về quy mô và số lượng SV, nhu cầu khám chữa bệnh cho học sinh, SV cũng vì thế tăng lên. Nhà trường có Trạm Y tế, các điều kiện



về đội ngũ y bác sỹ và cơ sở vật chất đảm bảo khám, chữa bệnh ban đầu trước khi chuyển tuyến. Nhà trường còn tổ chức khám sức khỏe cho tất cả SV sau khi nhập học và trước khi tốt nghiệp và khám sức khỏe định kỳ cho SV [H8.08.05.04]. Thông tin về hoạt động của Trạm y tế, các kế hoạch khám bệnh khi nhập học, trong quá trình học và trước khi tốt nghiệp được thực hiện đầy đủ, rõ ràng và kịp thời tới sinh viên, quản lý sinh viên, cố vấn học tập đầy đủ... Trong giai đoạn Covid 19, Trạm Y tế đã phát huy vai trò hỗ trợ y tế học đường, hỗ trợ điều trị, thăm khám ban đầu cho sinh viên trước khi chuyển tuyến đến bệnh viện.

Các phòng ở KTX khép kín với đầy đủ giường, bàn ghế học tập, quạt mát, điện chiếu sáng, hòm đựng đồ. KTX có khu dành cho lưu học sinh nước ngoài với sức chứa 400 SV, các phòng ở của SV còn có thêm ti vi, bình nóng lạnh. Tại các nhà mỗi tầng của các nhà KTX đều có một phòng phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung của SV nội trú. Có 03 nhà ăn tập thể đảm bảo vệ sinh phục vụ SV. Nhà trường lắp camera giám sát an ninh, hệ thống mạng internet Wifi tại các phòng khách và SV. Khuôn viên của KTX đã được Nhà trường đầu tư xây dựng thảm cỏ, thảm hoa, cây bóng mát và được cắt tỉa thường xuyên. Hệ thống đường giao thông đi lại trong KTX, sang giảng đường và từ cổng Trường vào các khối nhà đều được trải nhựa, hai bên có hệ thống chiếu sáng bằng đèn cao áp. KTX thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao định kỳ được người học hưởng ứng [H8.08.05.05].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa tổ chức nhiều hoạt động thể dục thể thao, như giải bóng đá, bóng chuyền SV toàn Trường chào mừng Ngày nhà giáo Việt Nam. Các đội tuyển Khoa GDTH đều thi đấu tích cực, để lại ấn tượng tốt đẹp và cũng thường đạt các giải cao. Những hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ trên đã thu hút được đông đảo SV Khoa tham gia góp phần vào rèn luyện sức khỏe, tăng tinh thần đoàn kết cũng như tạo sân chơi bổ ích cho người học. Hàng năm Khoa cũng thường xuyên tổ chức tổng kết và khen thưởng cho các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào thanh niên; từ đó động viên, khuyến khích SV tham gia các hoạt động tập thể [H8.08.05.11].

Có thể nói, Liên chi đoàn - Liên chi Hội Khoa luôn có nhiều ý tưởng sáng tạo tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi như thi chào mừng các sự kiện lớn của Đoàn và Nhà trường. Các hoạt động này luôn nhận được sự hưởng ứng của SV, tạo môi trường thân thiện, giao lưu, cởi mở và đã hỗ trợ tích cực cho các hoạt động

học tập, NCKH [H8.08.05.11].

Đối với SV nội trú, Nhà trường đảm bảo điều kiện tốt nhất cho SV ăn ở, sinh hoạt, học tập tại KTX theo quy định của Quy chế công tác Học sinh, SV nội trú của Bộ GD&ĐT [H8.08.05.05].

Vấn đề Phòng cháy, chữa cháy luôn được Nhà trường chú ý. Trường thành lập Ban chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy hàng năm. Hệ thống báo cháy, thiết bị chữa cháy được trang bị đầy đủ cho các khu giảng đường, phòng làm việc trong Nhà trường. Trường đã tổ chức diễn tập thường xuyên cho SV về công tác phòng cháy, chữa cháy. Công tác kiểm tra, đánh giá được cơ quan chức năng thực hiện thường xuyên [H8.08.05.06]. Công tác này tạo môi trường an toàn cho người học trong học tập, nghiên cứu và rèn luyện.

Hàng năm, Trường tổ chức đối thoại giữa Lãnh đạo Nhà trường, Đoàn thanh niên với đại diện học sinh, SV. Khoa khảo sát/lấy ý kiến người học và các bên liên quan về môi trường tâm lí, xã hội và cảnh quan trong cơ sở giáo dục. Kết quả phân tích có trong các báo cáo của Nhà trường [H8.08.05.09]. Kết quả khảo sát cho thấy trong lĩnh vực “ môi trường giáo dục”, Khoa GDTH từ năm 2021 đến 2023 đều đạt trên 90% ý kiến đánh giá tích cực, đạt mức Tốt điểm hài lòng đối với những người tham gia khảo sát.

Quy tắc ứng xử trong nhà trường của công chức, viên chức và người lao động được thực hiện bởi quyết định số 10486/QĐ - ĐHSPTHN ký ngày 28/12/2018 cho thấy Nhà trường đã quan tâm đến môi trường làm việc thân thiện, chia sẻ và hiểu biết [H8.08.05.08]. Trên bản quy tắc ứng xử, cán bộ nhà giáo người lao động trong toàn Trường có căn cứ để thực hiện đúng vai trò, nhiệm vụ đối với môi trường làm việc sư phạm chuẩn mực, tiên phong.

Các hoạt động công đoàn của Trường, Khoa luôn huy động được sự tham gia của cán bộ, nhà giáo, người lao động [H8.08.05.10] qua các báo cáo tổng kết công đoàn hàng năm từ 2019, 2020, 2021. Công đoàn đã phối hợp với Chính quyền, tham mưu tổ chức các hoạt động hỗ trợ cho công đoàn viên trong Khoa.

Liên chi đoàn Khoa GDTH thông qua các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ cho người học có một tinh thần thoải mái, thể chất tốt để tiếp tục rèn luyện, học tập [H8.08.05.11].

## 2. Điểm mạnh

Người học được học tập, NCKH và sinh hoạt trong môi trường xanh, sạch đẹp, an toàn, tạo môi trường học tập và làm việc thân thiện; thoải mái; đảm bảo phục vụ các hoạt động của người học liên quan đến CTĐT. SV luôn có ý thức giữ gìn cơ sở vật chất; tuân thủ các quy định về ứng xử trong cơ sở giáo dục; có ý thức bảo vệ môi trường, Phòng cháy chữa cháy; tuân thủ mọi quy định của Pháp luật.

## 3. Điểm tồn tại

Hệ thống báo cháy, thiết bị chữa cháy chưa được kiểm tra thường xuyên và Trường chưa tổ chức diễn tập thường xuyên cho SV về công tác phòng cháy, chữa cháy.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Tăng cường giám sát, kiểm tra thiết bị phòng và chữa cháy trong Nhà trường. - Tăng cường tập huấn cho sinh viên về phòng cháy chữa cháy.	- KTX, Phòng CTCT&HSSV, Giáo vụ Khoa GDTH, TT ĐBCL	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục duy trì, làm mới cảnh quan, môi trường làm việc an toàn, xanh sạch đẹp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo của Nhà trường.	- Khoa GDTH, Phòng Quản trị.	Các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Kết luận Tiêu chuẩn 8:**

Chính sách tuyển sinh, tiêu chí và phương thức tuyển sinh rõ ràng và được công bố công khai trong toàn xã hội, được cập nhật theo các quy định của Bộ GD&ĐT, được điều chỉnh phù hợp với những tình huống đặc biệt như trong bối cảnh Covid-19.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của chương trình đào tạo rõ ràng và được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ đáp ứng được yêu cầu chương trình đào tạo của Trường. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn được cập nhật, mở rộng đặc biệt với đối tượng tuyển thẳng để có thể tuyển chọn người học giỏi. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ đã thực hiện đồng bộ, rõ ràng, kịp thời và có hiệu quả cao. Người học được tiếp cận các thông tin về học tập, rèn luyện từ nhiều kênh khác nhau và theo hệ thống, dễ thực hiện và đã hoàn thành tốt chương trình đào tạo. Việc động viên SV tham gia nghiên cứu khoa học để nâng cao năng lực nghề nghiệp sau này luôn được chú trọng. Nhà trường, Khoa đã triển khai sâu rộng và hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ SV tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, giúp SV nâng cao thành tích học tập, rèn luyện kỹ năng nghề và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường. Các hoạt động hợp tác với các trường, tình nguyện viên quốc tế mở ra nhiều cơ hội cho SV bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ, cơ hội việc làm sau tốt nghiệp. Người học được học tập, NCKH và sinh hoạt trong môi trường sư phạm, xã hội và cảnh quan thuận lợi; được đảm bảo về an ninh, an toàn, xanh, sạch và đẹp.

Tuy nhiên, chưa có nhiều ý kiến của các bên liên quan và các phân tích/dự báo về nhu cầu nhân lực trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh. Sự tham gia của các bên liên quan chưa được toàn diện. Sự hợp tác của SV khi lấy ý kiến người học về hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ việc làm còn hạn chế.

### Đánh giá tiêu chuẩn 8:

Tiêu chuẩn 8	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 8.1					5		
Tiêu chí 8.2					5		
Tiêu chí 8.3					5		
Tiêu chí 8.4					5		
Tiêu chí 8.5					5		
Điểm tiêu chuẩn	5,00						

### Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

#### Mở đầu

Trải qua 41 năm xây dựng và phát triển, Khoa GDTH đã có hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị được trường ĐHSPHN đầu tư, nâng cấp qua hàng năm, đảm bảo đủ năng lực đáp ứng công tác đào tạo, NCKH. Bên cạnh đó thư viện của trường đã dần cải thiện, hiện đại hóa đáp ứng được nhu cầu của người học và cả người dạy; hệ thống máy tính và mạng internet của trường cũng đã được đầu tư nâng cấp nhằm đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo và NCKH. Nhà trường và Khoa GDTH có website (cả tiếng Việt và tiếng Anh), trang thông tin điện tử, hệ thống học trực tuyến, hệ thống quản lý giờ giảng để hỗ trợ người học và người dạy.

Môi trường làm việc cho cán bộ GV và người học luôn được đảm bảo. Nhà trường có đội ngũ y, bác sĩ, đội ngũ bảo vệ và cán bộ chương trình đào tạo túc trực 24/24 nhằm hỗ trợ đảm bảo an ninh và an toàn sức khỏe cho cán bộ GV, SV và học viên. Nhà trường cũng có đội ngũ vệ sinh môi trường, luôn quét dọn vệ sinh các khu giảng đường, khu làm việc, phòng thí nghiệm và thực hành.

**Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với**

***các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

### ***1. Mô tả***

Trường ĐHSPHN là một trong những trường đại học có cơ sở vật chất và thiết bị lớn nhất trong hệ thống các trường đại học, đặc biệt là các trường sư phạm cả nước. Nhà trường có hệ thống giảng đường, phòng học đa năng trang bị đầy đủ máy móc - thiết bị, phòng thí nghiệm, thực hành, phòng nghiệp vụ, thư viện, sân vận động, nhà thi đấu đa năng, trường chuyên, trường thực hành với các phương tiện kỹ thuật ngày càng hiện đại. Kí túc xá SV được mở rộng và nâng cấp, cảnh quan và môi trường sư phạm ngày càng đổi mới, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH của trường sư phạm đầu ngành. Hệ thống cơ sở vật chất của nhà trường gồm 3 khu chính: (i) Khu hành chính, gồm: Nhà hành chính - Hiệu bộ, trung tâm TT-TV và Hội trường 11/10; (ii) Khu giảng đường, gồm các khu nhà: A2 - A4, B1, B2, C, C2, C3, C4, D1- D4, H8, N, M1 - M4, K1, K3, T1, T2 và V; (iii) Khu Kí túc xá, gồm các khu nhà từ A5 - A12 [H9.09.01.01]. Trong đó, SV Khoa GDTH được sử dụng nhiều tiện ích khác nhau thuộc hệ thống cơ sở vật chất của Trường: Trung tâm TT-TV, các khu giảng đường nhà V, nhà K, nhà D và Kí túc xá.

Riêng hệ thống giảng đường, Trường ĐHSPHN đang sở hữu hệ thống giảng đường rộng lớn với 226 phòng học và diện tích xây dựng 36138 m<sup>2</sup>, có đầy đủ các trang thiết bị cần thiết, đủ số chỗ phục vụ cho toàn bộ SV của 23 khoa đào tạo và 02 bộ môn trực thuộc Trường [H9.09.01.01]. Hệ thống giảng đường, phòng học lý thuyết được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng viết, đèn chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, quạt, hệ thống loa và micro trợ giảng và hầu hết đều được gắn máy chiếu và màn chiếu cố định, các phòng chưa có thì sử dụng máy chiếu di động. Các phòng học lớn và phòng học chuyên dụng còn có các thiết bị nghe nhìn chuyên dụng và hỗ trợ người học. Các phòng làm việc, giảng đường, phòng học, hội trường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành có nội quy làm việc, biển chỉ dẫn và biển tên rõ ràng. Nhà trường đảm bảo SV học 2 ca, không có học 3 ca; Nhà trường có 100 phòng thí nghiệm, thực hành, xưởng thực tập với tổng diện tích 10931 m<sup>2</sup>, các phòng học lý thuyết, phòng thực hành, thí nghiệm được thiết kế bảo đảm thực hiện đầy đủ chương trình đào tạo [H9.09.01.01].

Với đặc thù của trường ĐHSPHN, trường có Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển NVSP, là nơi thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, đào tạo, nâng cao năng lực NVSP cho SV và GV toàn trường [H9.09.01.01].

Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị của Nhà trường đã và đang được đầu tư bài bản và đã phát triển thành một hệ thống chuyên nghiệp, phục vụ tốt cho công tác đào tạo và NCKH. Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị của Nhà trường được kiểm kê hàng năm để đảm bảo kiểm soát tốt chất lượng của các trang thiết bị [H9.09.01.02].

Để đảm bảo việc liên tục bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và NCKH, hàng năm, các đơn vị trực thuộc trường đều có những đề xuất để báo cáo lãnh đạo trường về nhu cầu đầu tư, mua sắm, nâng cấp, sửa chữa tài sản, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và NCKH [H9.09.01.03]. Căn cứ nhu cầu thực tế và nguồn kinh phí của năm tài chính, Ban Giám hiệu Nhà trường sẽ tiến hành phân bổ kinh phí cho các đơn vị, trong đó có kinh phí duyệt cho kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản [H9.09.01.04].

Hiện nay khoa GDTH đã có hệ thống các phòng làm việc và các phòng chức năng được sắp xếp và bố trí một cách khoa học, vừa đảm bảo tính liên thông, vừa đảm bảo tính chuyên biệt. Khoa đã có các phòng làm việc riêng dành cho Ban chủ nhiệm Khoa (21-30m<sup>2</sup>) và các tổ thuộc các bộ môn (21-30m<sup>2</sup>) ở tầng 6 -7 - 8 nhà V [H9.09.01.05]. Khoa GDTH được Nhà trường bố trí 3 phòng học phục vụ giảng dạy, gồm các phòng học lí thuyết và thực hành. Tất cả các phòng học này được sắp xếp ở khu vực nhà V, nhà K và nhà D, mỗi phòng học đều được trang bị đầy đủ hệ thống âm thanh, ánh sáng, kết nối máy vi tính máy chiếu để phục vụ hoạt động giảng dạy. Với hệ thống phòng học, phòng chức năng như trên, Khoa GDTH đã đáp ứng tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Sinh viên có không gian học tập rộng rãi, thoáng đãng. GV của mỗi bộ môn đều có không gian làm việc và để tổ chức các buổi họp, thảo luận, sinh hoạt chuyên môn. Các trang thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ công tác thực hành rất được Khoa và Nhà trường chú trọng. Hệ thống các dụng cụ, thiết bị phục vụ thực hành và phục vụ NCKH và đào tạo của Khoa GDTH đã và đang được nâng cấp bổ sung hàng năm, cùng với đó là sự vận hành, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên các trang thiết bị nhằm đảm bảo chúng luôn trong tình trạng tốt nhất. Cụ thể, Khoa GDTH hiện có: 10 Máy tính, máy in, máy photocopy, 02 máy chiếu, đàn ghita, đàn Oocgan, thiết bị phục vụ thực hành các học phần Âm nhạc, Mỹ thuật... [H9.09.01.06]. Chất lượng của các trang thiết bị của Khoa GDTH đều được theo dõi giám sát hàng năm để kịp thời thay mới, sửa chữa và bổ sung nếu cần thiết [H9.09.01.07]. Với hệ thống các trang thiết bị như trên, Khoa GDTH luôn được hỗ

trợ tốt để thực hiện các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Nhà trường đã lấy ý kiến khảo sát về “hiệu quả, chất lượng đào tạo” của SV vừa tốt nghiệp trong 5 năm trở lại đây. Trong đó, mức độ hài lòng trung bình về cơ sở vật chất và tài liệu của Nhà trường như sau: năm 2019 (89,14%), năm 2020 (87,62%), năm 2021 (87,28%) [H9.09.01.08].

Năm 2021, Trường ĐHSPhN đã tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của cán bộ, GV về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo. Điểm trung bình mức độ hài lòng đạt 97,9%. Đặc biệt là các nội dung liên quan tới hệ thống công nghệ thông tin, môi trường trực tuyến thiết bị, các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, cơ sở thực hành sư phạm đạt mức độ hài lòng rất cao [H9.09.01.09].

## 2. Điểm mạnh

Trường ĐHSPhN và Khoa GDTH có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị hiện đại, phù hợp để phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Khoa. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thường xuyên được theo dõi, bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp.

## 3. Điểm tồn tại

Các phòng học và các phòng chức năng ở tại các tòa nhà khác nhau nên đôi khi không thuận lợi cho hoạt động dạy và học của GV và SV trong khoa. Bên cạnh đó, chất lượng đường truyền internet đôi khi còn chưa ổn định.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	- Sắp xếp hợp lý hơn nữa giữa các phòng học và các phòng chức năng.	Khoa GDTH, Phòng Quản trị	Trong các năm học tiếp theo
2	Phát huy điểm mạnh	- Duy trì bộ phận chuyên trách quản lý trang thiết bị, thường xuyên rà soát kiểm tra	Phòng KHCN, Khoa GDTH	Trong các năm học tiếp theo



		chất lượng.		
--	--	-------------	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu**

**1. Mô tả**

Trung tâm TT-TV trường ĐHSPTN có đầy đủ phòng đọc, trang thiết bị, nguồn học liệu phù hợp phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho SV khoa GDTH. Trung tâm TT-TV thuộc Trường ĐHSPTN được thành lập năm 1951. Trung tâm là một tòa nhà độc lập 4 tầng có diện tích sử dụng khoảng 5881m<sup>2</sup> và 1200 chỗ ngồi với đầy đủ trang thiết bị và bàn ghế chuyên dụng, phù hợp với hoạt động của thư viện [H9.09.02.01] , [ H9.09.02.02]. Hiện nay, đội ngũ cán bộ chuyên môn của Trung tâm TT-TV gồm 26 người với cơ cấu tổ chức gồm có ban giám đốc (02 người) và 02 tổ chuyên môn (tổ nghiệp vụ tin học, tổ phục vụ bạn đọc); ngoài ra còn có 03 nhân viên bảo vệ và vệ sinh. Về trình độ, 73% cán bộ chuyên môn có trình độ cử nhân trở lên trong đó có 12 thạc sỹ chiếm 46,1%. Hàng năm, Trung tâm thường xuyên cử cán bộ tham gia các khoá đào tạo ngắn hạn, các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học do Nhà trường và các cơ quan thông tin thư viện tổ chức [H9.09.02.01].

Những năm gần đây, Trung tâm TT-TV đã có nhiều cải tiến trong công tác tổ chức hoạt động, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về thông tin tài liệu, học tập, giảng dạy, nghiên cứu của đông đảo cán bộ, GV và SV toàn trường. Trung tâm có đầy đủ các các văn bản thông báo công khai thời gian phục vụ bạn đọc, nội quy, quy định cũng như các thông báo hướng dẫn tra cứu tài liệu và sử dụng thiết bị tại Trung tâm TT-TV hàng năm [H9.09.02.03].

Hiện tại, Trung tâm đang quản lí và phục vụ một lượng tài nguyên thông tin phong phú, gồm: 114010 đầu tài liệu, gần 289100 bản in, 147667 bản tài liệu tham khảo, 58.788 bản luận án, luận văn, tạp chí, đề tài nghiên cứu từ nhiều nguồn ngôn ngữ khác nhau (Tiếng Việt, Anh, Đức, Nga, Trung Quốc, vv. ). Trong đó, Trung tâm cũng đang thúc đẩy quá trình số hóa tài nguyên, đặc biệt là luận văn luận án với hơn

15000 bản số hóa, bài báo tạp chí với gần 10000 bản số hóa [H9.09.02.01]. Năm 2018, Nhà trường đầu tư khoản kinh phí 45 triệu đồng/năm để mua thêm cơ sở dữ liệu Proquest Central gồm 24000 xuất bản phẩm định kì trên 40 cơ sở dữ liệu phổ biến. Đây là nguồn dữ liệu điện tử quốc tế đa ngành, đa lĩnh vực, có giá trị học thuật cao phục vụ đào tạo chuyên ngành GDTH. Đồng thời, từ năm 2017, Nhà trường đầu tư từ 150 triệu đồng/năm đến 230 triệu đồng/năm để mua thêm cơ sở dữ liệu điện tử Turnitin với tính năng chính giúp kiểm tra nội dung trùng lặp trong bản thảo với nguồn cơ sở dữ liệu của 60 tỉ trang web, 165 triệu công trình nghiên cứu từ hơn 590 nhà xuất bản học thuật uy tín và 750 triệu bài luận SV trên toàn cầu [H9.09.02.04].

Hàng năm, Trung tâm TT-TV luôn có những thông báo công khai gửi đến các đơn vị trong toàn trường về việc bổ sung tài liệu để cán bộ, SV, học sinh trong toàn trường biết và tham khảo [H9.09.02.05]. Nhà trường cũng luôn dành một khoản kinh phí thường xuyên để đầu tư mua tài liệu bổ sung (sách, báo, tạp chí) cho Trung tâm theo đề nghị bổ sung tài liệu thực tế của các Khoa hàng năm [H9.09.02.06]. Trung tâm cũng thường xuyên nhận được tài liệu biếu tặng từ các tổ chức, cá nhân. Từ năm 2015 đến nay, Trung tâm TT-TV đã bổ sung được 3126 đầu sách với 8359 bản; 494 đầu tạp chí với 6428 bản; 6555 bản luận văn, luận án; 1510 bản đề tài NCKH và 13350 tờ báo. Điều này, giúp cho tư liệu của thư viện ngày càng trở lên phong phú, đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của đội ngũ cán bộ, GV và người học [H9.09.02.06], [H9.09.02.07].

Tuy nhiên, sách và giáo trình cũng như một số tài liệu chuyên sâu trong lĩnh vực GDTH còn chưa phong phú. Để khắc phục vấn đề này, hàng năm Trung tâm TT-TV có kế hoạch bổ sung, cập nhật các tài liệu, học liệu phục vụ đào tạo chuyên ngành GDTH theo quy trình như sau: Trung tâm TT-TV ra thông báo bổ sung tài liệu; các Khoa trong đó có Khoa GDTH lập danh sách các tài liệu cần bổ sung gửi Trung tâm TT-TV; nhà trường căn cứ vào nguồn tài chính của trường và nhu cầu bổ sung tài liệu thực tế của Khoa để mua tài liệu bổ sung; cuối cùng Trung tâm TT-TV sẽ ra thông báo công khai những tài liệu đã được mua bổ sung đến toàn thể cán bộ, SV, học sinh trong toàn trường [H9.09.02.07]. Bên cạnh đó, hiện tại cấp Trưởng bộ môn trở lên đã được cấp 01 thẻ Bạn đọc đặc biệt để sử dụng tài liệu của các cơ sở dữ liệu khoa học như Proquest, ScienceDirect... để sử dụng và hỗ trợ các GV trong bộ môn truy cập vào các tài liệu cần thiết. Ngoài ra, nếu có các tài liệu đặc biệt chưa tiếp cận được

theo cách này, GV và sinh viên có thể liên hệ trực tiếp với cán bộ thư viện để được hỗ trợ.

Toàn bộ tài liệu bổ sung được xử lý theo đúng chuẩn nghiệp vụ được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Thư viện Quốc Gia Việt Nam khuyến nghị, phù hợp với chuẩn quốc tế trong biên mục, xử lý tài liệu như: Quy tắc biên mục AACR2; Khổ mẫu thư mục: MARC 21; phân loại tài liệu theo Bảng phân loại DDC 23, Bảng phân loại của Mỹ được Thư viện Quốc Gia dịch và biên tập năm 2013. Hiện nay, Trung tâm TT-TV có khoảng 90 máy tính được kết nối internet và cài đặt phần mềm hoạt động chuyên dụng [H9.09.02.02].

Trung tâm TT-TV điện tử được kết nối giúp quản lý và liên thông dữ liệu để bạn đọc tìm kiếm tài liệu dễ dàng, nhanh chóng, chính xác. Bạn đọc có thể tra cứu trực tiếp qua mạng LAN hoặc internet thông qua tên miền: <http://lib.hnue.edu.vn> [H9.09.02.03].

Trung tâm thống kê và theo dõi việc sử dụng tài liệu thông qua phần mềm Libol 8.0 của Công ty Công nghệ Tin học Tinh Vân (với 9 module được sử dụng chính là: Bổ sung, Biên mục, Bạn đọc, Lưu thông, Suu tập số, OPAC, Định kì, ILL, Quản lý) hoạt động đã tiết kiệm thời gian công sức của cán bộ thư viện [H9.09.02.03]. Những ấn phẩm mới và những ấn phẩm được tra cứu nhiều nhất luôn được cập nhật trên phần mềm tra cứu của Trung tâm TT-TV. Các phòng chức năng của Trung tâm có thể dễ dàng thống kê số lượt bạn đọc và số lượt tài liệu được mượn, trả; cũng như quản lý từng tài liệu SV đã mượn [H9.09.02.03], [H9.09.02.09].

Trung tâm mở rộng quan hệ hợp tác với các thư viện trong nước để chia sẻ nguồn dữ liệu như với Quỹ Châu Á – Thái Bình Dương thông qua Thư viện Quốc gia Việt Nam, hợp tác với Liên hiệp Thư viện các trường Đại học khu vực phía Bắc, Thư viện Quốc gia Việt Nam, Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, các Trường đại học và các Viện nghiên cứu, vv. Trung tâm cũng có nguồn tài liệu tặng cho các cơ quan tổ chức như: Trường Đại học Thăng Long, Trường ĐHSPhN II, Trung tâm Giáo dục thường xuyên Thanh Trì, Trường Đại học Thủ Đô, vv. [H9.09.02.10]. Ngoài ra, Trung tâm TT-TV thường xuyên tổ chức các Hội nghị bạn đọc, hội nghị chuyên đề 1năm/1lần. Năm 2019, Thư viện đã tổ chức Hội nghị Chuyên đề: “Chat với Trần Đăng Khoa – Yêu như là lính đảo” và “Hội sách ĐHSPhN” trong 1 tuần (Tuần lễ văn hóa đọc) đã thu hút được sự quan tâm và tham gia của nhiều độc

giả trong và ngoài trường [H9.09.02.11], H9.09.02.12]. Với những đóng góp của mình, Trung tâm TT-TV đã nhận được nhiều bằng khen, giấy khen như: Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bằng khen Thành tích xuất sắc trong hoạt động Liên chi hội Thư viện các Trường Đại học Khu vực phía Bắc, giấy khen tập thể tiên tiến, vv. [H9.09.02.13].

Hiện nay, toàn bộ sinh viên, học viên, cán bộ GV của Khoa GDTH tiếp cận các nguồn tài nguyên sách báo, giáo trình thông qua Trung tâm TT-TV của Trường. Việc khảo sát ý kiến bạn đọc được tiến hành thường xuyên hàng năm giúp đánh giá được mức độ hài lòng cũng như nhu cầu thực sự của bạn đọc để từ đó cải tiến phương thức, thái độ phục vụ giúp hoạt động của Trung tâm TT-TV ngày càng hiệu quả hơn [H9.09.02.14]. Theo báo cáo khảo sát nhu cầu tìm hiểu các hoạt động thư viện năm học 2020-2021 của sinh viên, học sinh, GV, học viên Trường ĐHSPHN (trong đó có ý kiến khảo sát của sinh viên, GV Khoa GDTH), 42% người dùng cho biết nguồn lực thông tin tại Trung tâm TT-TV thuộc Trường ĐHSPHN thỏa mãn hoàn toàn nhu cầu và 55% cho rằng thông tin thỏa mãn một phần nhu cầu của họ [H9.09.02.14].

Nhằm mục đích phục vụ hiệu quả hơn nữa các nhu cầu nghiên cứu chuyên sâu của GV, Trung tâm TT-TV đã triển khai cung cấp thẻ bạn đọc đặc biệt cho một số GV trong trường. Thẻ bạn đọc đặc biệt cho phép các tài khoản có thể truy cập vào một số cơ sở dữ liệu khoa học nhất định để tìm kiếm truy xuất các tài liệu nghiên cứu chuyên ngành [H9.09.02.15]. Như vậy, Trung tâm TT-TV thuộc Trường ĐHSPHN có đủ nguồn lực thông tin, nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của SV ngành GDTH. Tuy vậy, trong bối cảnh hiện nay việc hội nhập toàn cầu khiến tốc độ cập nhật học liệu của Trung tâm TT-TV Nhà trường đôi lúc còn chưa theo kịp, nhiều sách ngoại văn không có đủ để đáp ứng yêu cầu của người học vì liên quan đến vấn đề bản quyền. Vì thế, thư viện điện tử cần được đầu tư và đẩy mạnh hơn nữa để liên kết và chia sẻ dữ liệu với các thư viện uy tín của các nước trong khu vực và quốc tế.

## *2. Điểm mạnh*

Trung tâm TT-TV đang áp dụng các chuẩn nghiệp vụ theo tiêu chuẩn quốc tế, sử dụng phần mềm Lib5.5 trong các khâu xử lý tư liệu và quản lý bạn đọc. Nguồn tài liệu đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của cán bộ, GV, SV và học sinh trong toàn trường. Một số điểm mạnh cụ thể:

- Có diện tích rộng, không gian thoáng đãng, đủ tiện ích, cơ sở vật chất phù hợp với môi trường học tập, nghiên cứu

- Có đa dạng các loại hình tài liệu và sản phẩm thông tin phù hợp với nhiều đối tượng người sử dụng

- Các hoạt động của Thư viện được tổ chức khoa học: Đào tạo người dùng tin, Điều tra nhu cầu tin, hàng năm lấy ý kiến bổ sung tài liệu; có hướng dẫn, chỉ dẫn, sơ đồ, nội qui và các thông báo đầy đủ các thông tin tới bạn đọc trên nhiều kênh thông tin.

- Đã tạo lập các kênh truyền thông phù hợp với thị hiếu người sử dụng, thường xuyên giới thiệu tài liệu mới, tuyên truyền các ngày lễ lớn.

- Đã xây dựng được tiện ích tra cứu và đọc tài liệu số qua app trên điện thoại và máy tính thuận tiện cho người sử dụng tài liệu mọi lúc, mọi nơi.

### 3. Điểm tồn tại

- Một số ứng dụng của phần mềm còn phát sinh lỗi trong quá trình sử dụng.

- Thư viện điện tử chưa kết nối chia sẻ tài liệu với các thư viện của các cơ sở đào tạo uy tín trong khu vực và quốc tế.

- Số lượng tài liệu số chưa nhiều, do còn cản trở các luật bản quyền

- Các tài liệu điện tử chưa được bổ sung đều đặn do hạn chế về nguồn kinh phí

- Các kết nối, chia sẻ tài liệu chưa có hệ thống do kỹ thuật và yêu cầu của phần mềm chưa tương thích

- Cần tăng cường bổ sung các giáo trình điện tử để thuận tiện cho việc nghiên cứu, học tập của sinh viên.

- Tăng cường kết nối với GV trong việc cung cấp các bài giảng môn học khi chưa có giáo trình điện tử.

### 4. Kế hoạch hành động

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
-----------	-----------------	-----------------	--------------------------------	--

1	Khắc phục tồn tại	Nâng cấp phần mềm, phát triển thư viện điện tử	Trung tâm TT-TV, Trường ĐHSPHN	Trong 1-2 năm tới
2	Phát huy điểm mạnh	Số hóa thêm các dạng tài liệu như tạp chí, đề tài KHCN	Trung tâm TT-TV	Trong 1-2 năm tới

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu**

**1. Mô tả**

Đối với các môn chung có thực hành (học phần Tin học đại cương, Ngoại ngữ, Rèn luyện NVSP..) của SV năm thứ nhất và thứ 2, nhà trường đã đầu tư đầy đủ các phòng thực hành tin học (14 phòng tại tầng 6 và tầng 8 nhà K1), phòng thực hành tiếng (5 phòng từ tầng 8 đến tầng 11 nhà K1), phòng thực hành kỹ năng viết, kỹ năng trình bày bảng, kỹ năng thuyết trình tại tầng 8 nhà D1+ D3. Các phòng thực hành này đều có trang thiết bị phù hợp như hệ thống máy tính có kết nối internet (435 bộ), máy chủ, hệ thống máy chiếu (18 bộ), hệ thống âm thanh-video-loa đài (đủ cho 14 phòng thực hành) và các phần mềm cơ bản phục vụ đào tạo (MS Windows 10, MS. Office 2010, Unikey) [H9.09.03.01]. Khoa không có phòng học thực hành riêng.

Đối với các môn chuyên ngành dành cho SV từ năm thứ 2 đến năm thứ 4 ngành GDTH, Nhà trường cũng đã đầu tư cho Khoa có đầy đủ các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học. Cụ thể: Máy tính, máy in, máy photocopy: 10 chiếc, máy chiếu: 2 chiếc, thiết bị dạy học phục vụ thực hành các học phần như đàn ghi ta, Oocgan, thanh phách, bộ thiết bị dạy học Toán – Tiếng Việt... [H9.09.03.02].

Các thiết bị máy tính, máy in, máy photocopy được đặt tại các phòng bộ môn phục vụ mục đích chuyên môn của GV. Các thiết bị phục vụ mục đích học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên được sử dụng đối với sinh viên năm thứ 2, 3 và năm thứ 4 trong các học phần có liên quan. Nhìn chung, các máy móc trang thiết bị đáp ứng tốt nhu cầu dạy học và nghiên cứu khoa học của chương trình đào tạo GDTH [H9.09.03.07].

Khoa GDTH có 01 trợ lý thiết bị được phân công nhiệm vụ cụ thể là hỗ trợ Khoa quản lý toàn bộ hệ thống thiết bị trong khoa. Mặc dù chưa có phòng thiết bị nhưng Khoa đã xây dựng nội quy, quy định rất rõ ràng khi sinh viên tham gia và sử dụng các trang thiết bị phục vụ nội dung học tập trong các học phần [H9.09.03.06].

Nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động cơ bản hàng năm và công khai dự toán kinh phí đến cấp khoa cho từng năm [H9.09.03.03]. Các trang thiết bị của Khoa GDTH được mua sắm, bổ sung hàng năm để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu tại Khoa. Khi các thiết bị bị hỏng hóc, Khoa cũng có kế hoạch đề nghị Nhà trường sửa chữa, mua mới thường xuyên hàng năm (khoảng 20 đến 60 triệu đồng) để bổ sung các thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu, các thiết bị thực hành cũng được bổ sung thường xuyên khi cần thiết [H9.09.03.03], [H9.09.03.04].

Mặc dù có đầy đủ hệ thống trang bị thiết bị và được cập nhật, nâng cấp thường xuyên, nhưng Nhà trường luôn coi trọng các ý kiến đánh giá của người học về mức độ hài lòng đối với các trang thiết bị thực hành và các trang thiết bị phục vụ đào tạo. Theo thang đánh giá 5 bậc từ hoàn toàn không đồng ý (mức 0) đến hoàn toàn đồng ý (mức 4), trên 88% người học chọn mức 3 (đồng ý về cơ bản) và mức 4 (Hoàn toàn đồng ý) với đánh giá “Cơ sở vật chất/trang thiết bị của Trường đáp ứng tốt các yêu cầu thực hành của ngành học. Kết quả khảo sát lấy ý kiến về cơ sở vật chất, hệ thống CNTT năm 2021 cho thấy SV tốt nghiệp đánh giá tích cực về nội dung này, mức độ hài lòng trung bình là trên 90% [H9.09.03.05].

## *2. Điểm mạnh*

Hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch, ngân sách cho nâng cấp cơ sở hạ tầng và kinh phí đầu tư mua sắm, bổ sung trang thiết bị, kinh phí sửa chữa thường xuyên. Do vậy, hệ thống các trang thiết bị phục vụ đào tạo ngành GDTH hoàn toàn đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo giáo viên GDTH theo hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

## *3. Điểm tồn tại*

Mặc dù đã được đầu tư trang thiết bị mới, song số lượng còn chưa đi kèm với nhu cầu đào tạo. Cụ thể số lượng thiết bị thực hành các môn học đáp ứng chương trình GDPT 2018 vẫn còn thiếu. Do đó, yêu cầu trước mắt là cần bổ sung đồ dùng, trang thiết bị các môn học của chương trình GDPT 2018 cho khoa.

## *4. Kế hoạch hành động*

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục tồn tại	- Lên kế hoạch mua sắm các đồ dùng dạy học của CTGDPT 2018	Khoa GDTH Phòng KH-TC	Trong 1-2 năm tiếp theo
2	Phát huy điểm mạnh	- Nhà trường tiếp tục duy trì và tăng cường nguồn kinh phí thường xuyên	Phòng KHCN, Phòng KH-TC, Khoa GDTH, Trường ĐHSPHN	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

***Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

***1. Mô tả***

Hiện tại Nhà trường có 1023 máy tính để bàn và máy tính xách tay, trong đó có 883 máy tính ở thư viện, ở các khoa và các bộ môn nhằm phục vụ quản lý, đào tạo và NCKH, 140 máy tính ở các phòng ban và ban quản lý ký túc xá nhằm phục vụ công tác quản lý. Tại thư viện có 120 máy phục vụ tra cứu, học tập của bạn đọc.

Nhà trường có 15 phòng máy đặt tại nhà K1 với tổng số 396 máy tính phục vụ đào tạo tập trung các môn như tiếng Anh, tin học và học trực tuyến. Tại khoa GDTH hiện nay có 9 máy tính bao gồm 2 máy dùng cho văn phòng và 7 máy tính cho BCN khoa, bộ môn [H9.09.04.01]. Nhà trường đã đầu tư kinh phí để xây dựng mạng lưới CNTT hiện đại và đồng bộ [H9.09.04.02]. Tất cả các giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng nghiên cứu, thư viện, kí túc xá đều có mạng Internet với tốc độ 2 Gbps [H9.09.04.02].

Để có được thành quả này, Nhà trường đã làm hợp đồng cung cấp và sử dụng internets băng thông rộng [H9.09.04.03]. Nhà trường nói chung và khoa GDTH nói riêng đều có website với cả 2 ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh [H9.09.04.04].



Nhà trường đã ban hành Quy chế hoạt động của Cổng thông tin điện tử Trường ĐHSPHN [H9.09.04.05] và đồng bộ với quy chế trên, Nhà trường đã ban hành Quy chế quản lí hệ thống mạng và sử dụng dịch vụ mạng của Trường ĐHSPHN [H9.09.04.06]. Ở đây trung tâm CNTT làm công việc chuyên trách quản lí CNTT cho cả Trường.

Ngày 9/6/2017, để thực hiện quy định mới về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc của cán bộ, viên chức trong Nhà trường, Trường ĐHSPHN đã triển khai sử dụng phần mềm quản lí giờ giảng [H9.09.04.07]. Nhờ đó bản thân từng cán bộ của Trường có thể biết được mức độ hoàn thành công việc của từng cá nhân.

Ngày 14/2/2020 Nhà trường đã triển khai đào tạo qua mạng thông qua hệ thống <http://fitel.hnue.edu.vn/> và gán tài khoản của GV, sinh viên vào các khoá học [H9.09.04.08]. Đây là một hệ thống vô cùng quan trọng phục vụ việc dạy và học, đặc biệt trong giai đoạn cách ly do đại dịch. Nhờ có hệ thống này mà hoạt động dạy và học diễn ra đúng tiến độ. Hiện nay hệ thống này hỗ trợ rất tốt cho việc dạy và học. Ví dụ: đối với đối tượng người học thuộc hệ vừa làm vừa học, có thể kết hợp 30% thời lượng học tập thông qua hệ thống Moodle Fitel và 70% trực tiếp. Sự kết hợp giữa việc học chủ yếu là trực tiếp, bổ sung một thời lượng thời gian nhỏ học trực tuyến không những vẫn đảm bảo chất lượng dạy học mà còn giúp cho người học thuộc hệ vừa học vừa làm có thể tham gia đầy đủ thời lượng của khoá học, cũng như nâng cao kĩ năng học trực tuyến cho người học. Ưu điểm của hệ thống Moodle Fitel là đáp ứng việc học tập mọi lúc, mọi nơi. GV có thể theo dõi quá trình học tập qua mạng và giải đáp thắc mắc, nhận xét bài tập của sinh viên. Cùng với việc quản lí truyền thống, việc quản lí sinh viên trên hệ thống này đã hỗ trợ đắc lực người dạy.

Để phân rõ chức năng nhiệm vụ, ngày 19/04/2016 Trường ĐHSPHN đã ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc của ban giám hiệu và các đơn vị trực thuộc [H9.09.04.09].

Thời gian vừa qua hệ thống mạng internet của nhà V (khoa GDTH) đã được cải tạo và làm mới, tất cả các phòng đều có mạng wifi, phòng làm việc còn có hệ thống mạng có dây. Nhà trường đã có nhiều hoạt động để nâng cấp, trang bị mới hệ thống CNTT thể hiện ở các quyết định: Quyết định về việc phê duyệt dự án “nâng cao năng lực về cơ sở vật chất và hạ tầng CNTT trong khuôn khổ chương trình ETEP tại Trường ĐHSPHN” - QĐ Số 1806/BGDĐT-GDTrH về việc tổ chức tập huấn GV

sur phạm và GV quản lí giáo dục chủ chốt ngày 26/04/2019 [H9.09.04.10 ]; quyết định số 12319/QĐ-ĐHSPHN ngày 27/12/2021 [H9.09.04.10 ]. Hợp đồng “Mua sắm trang thiết bị, phần mềm và sửa chữa nhỏ công trình” thuộc dự án nâng cao năng lực về cơ sở vật chất và hạ tầng CNTT trong khuôn khổ chương trình ETEP - Hợp đồng số 466/HĐ-ĐHSPHN [H9.09.04.10 ]. Nhà trường đã trang bị và xây dựng các phần mềm hỗ trợ hoạt động đào tạo như: <http://daotao.hnue.edu.vn/>; <http://thacsi.hnue.edu.vn/>; <http://ncs.hnue.edu.vn/>; <http://stdb.hnue.edu.vn>. Đến nay, hệ thống hoạt động ngày càng ổn định, nhờ việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án mua phần mềm quản lí tổng thể trường Đại học [H9.09.04.10 ].

Để phục vụ mục đích chuyển đổi số, Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi toạ đàm về công nghệ thông tin nhằm trao đổi, lấy ý kiến của cán bộ của Trường để tạo nên một môi trường số thân thiện nhất, hiệu quả nhất. Ngày 1/6/2021 Nhà trường đã tổ chức buổi toạ đàm với các trưởng Đơn vị với nội dung: “Toạ đàm về năng lực công nghệ thông tin của Trường và định hướng phát triển” [H9.09.04.11].

Để vận hành hệ thống công nghệ thông tin điện tử và mạng internet đồng bộ và thông suốt, Nhà trường đã liên tục đầu tư, nâng cao năng lực về cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin. Ngày 23/8/2019, Nhà trường đã đưa ra quyết định về việc thành lập tổ công tác; tổ chức nghiên cứu, xây dựng và triển khai hệ thống LMS-TEMIS và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin tại Trường ĐHSPHN [H9.09.04.12]. Sau khi hệ thống đi vào vận hành, có thể nói, hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học đã trở lên thuận tiện hơn rất nhiều.

Nhằm đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao, Nhà trường đã xây dựng kho học liệu học trực tuyến <https://olm.vn/> với các bài giảng do GV của Trường biên soạn, bám sát theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ lớp 1 đến lớp 12 của Bộ GD&ĐT và mới đây Nhà trường đã cho truy cập miễn phí kho học liệu này. Kho học liệu trực tuyến là nguồn tài liệu rất phong phú đối với sinh viên Sư phạm nói chung và Sư phạm tiểu học nói riêng. Nhà trường cũng chú trọng đầu tư cơ sở vật chất phục vụ học trực tuyến, Người học có thể học online qua hệ thống học trực tuyến của Trường tại địa chỉ: <http://lms.hnue.edu.vn> và <https://cst.hnue.edu.vn/login/index.php>.

Không chỉ đối với người học, Nhà trường cũng đã sử dụng phần mềm để quản lí giờ dạy/giờ NCKH/các nhiệm vụ khác của GV (<https://qlnt.hnue.edu.vn/> ). Nhà trường cũng đã tích hợp hệ thống quản lí đào tạo chính quy và hệ thống quản lí Nhà

trường nhằm mục đích quản lý cũng như tính toán chế độ cho giáo viên. Như vậy, có thể thấy Nhà trường đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa việc quản lý và khai thác các trang thiết bị CNTT hiện có với việc lên kế hoạch hiện đại hóa các trang thiết bị CNTT để đáp ứng tốt hơn nữa nhiệm vụ đào tạo và NCKH của Nhà Trường.

Qua kết quả tổng hợp từ báo cáo kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy học phần của Trường ĐHSPHN kì 2 năm 2019-2020 [H9.09.04.12], ý kiến phản hồi của sinh viên đều cho rằng các phần dạy/học trực tuyến thân thiện, dễ tiếp cận, phương pháp giảng dạy phù hợp với học trực tuyến; nội dung bài giảng trên hệ thống dễ hiểu; tương tác với người học trong và ngoài giờ online; quản lý hiệu quả lớp học online; cung cấp đủ tài liệu, giáo trình cho học online; nhiệm vụ học tập giao cho sinh viên phù hợp với nội dung bài giảng online; đánh giá quá trình phù hợp với hình thức học online.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tích cực ứng dụng CNTT trong dạy học, quản lý đào tạo, quản lý nhân sự, học sinh, SV, khảo thí và đảm bảo chất lượng. Toàn thể cán bộ, GV và người học có thể được truy cập internet tại các giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng nghiên cứu và trong khu nội trú. Đặc biệt, trong đại dịch covid-19, Nhà trường đã có những bước cải cách lớn, nhằm thích ứng với tình hình mới, để đạt được mục đích giáo dục và đào tạo một cách hiệu quả nhất. Cụ thể, Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi học trực tiếp sang học online để thích ứng với điều kiện dịch bệnh và giãn cách xã hội. Toàn thể cán bộ, GV đã sử dụng thành thạo các phần mềm phục vụ dạy học, quản lý giờ dạy và phục vụ học tập cho sinh viên.

## 3. Điểm tồn tại

Đường truyền internet cần ổn định hơn, để trong khuôn viên của Trường có thể dễ dàng tra cứu thông tin trên internet, hoặc trong khi giảng dạy có thể kết hợp kết nối internet làm cho bài giảng sinh động, gắn với thực tiễn hơn. Nên chỉ dùng một mật khẩu để có thể vào mạng internet ở mọi không gian trong trường.

## 4. Kế hoạch hành động

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn</b>

				<b>thành</b>
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng mà cụ thể là nâng cấp đường truyền internet, dùng 1 mật khẩu duy nhất.	TT CNTT, Phòng KHCN, Phòng KH-TC, Trường ĐHSPHN, Khoa GDTH	Trong các năm học tiếp theo
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục nâng cấp thiết bị dạy học, tin học để luôn dẫn đầu trong các trường đại học ở Việt Nam về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong trường học. - Tăng cường tập huấn cho cán bộ, GV và người học sử dụng các thiết bị CNTT hiện đại.	TT CNTT, Phòng KHCN, Phòng KH-TC, Khoa GDTH Trường ĐHSPHN	Trong các năm học tiếp theo

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

***Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật***

***1. Mô tả***

Vấn đề về an toàn, sức khỏe và vệ sinh môi trường tại các giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng nghiên cứu, các khu làm việc cũng như tại kí túc xá luôn được Nhà trường tiếp nhận và triển khai hiệu quả các văn bản chính sách của nhà nước, các bộ ngành một cách tích cực và có hiệu quả [H9.09.05.01]. Trên cơ sở tiếp thu tinh thần chỉ đạo của các cấp, Nhà trường đã ban hành các nội quy, quy định về an toàn sức khỏe và môi trường làm việc cho cán bộ, GV, người học và các bên liên quan. Bên cạnh các quy định chung, Nhà trường cũng ban hành quy định các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn, vệ sinh lao động. Khoa GDTH luôn thực hiện tốt các quy định về an toàn, vệ sinh lao động [H9.09.05.02]. Để đảm bảo các hoạt động được diễn ra an toàn trong nhà trường, Trường ĐHSPHN đã ban hành quy định về phòng cháy chữa cháy để các đơn vị nghiêm túc thực hiện [H9.09.05.03].

Để đảm bảo an ninh trật tự, Nhà trường đã có Phòng bảo vệ được thành lập và hoạt động theo quy định của Chính phủ và Bộ công an [H9.09.05.04].

Trong quy định chức năng, nhiệm vụ của mình, Phòng Bảo vệ đã xác định rõ

những công việc được phân công, túc trực 24/24 nhằm đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tài sản cho các phòng làm việc, phòng thực hành, phòng nghiên cứu, các khu giảng đường, Kí túc xá [H9.09.05.05]. Lực lượng bảo vệ cũng luôn được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao [H9.09.05.06]. Không chỉ chủ động trong công việc của mình, Phòng Bảo vệ đã có liên kết, phối hợp tốt với Công an Phường Dịch Vọng Hậu trong công tác bảo đảm an ninh của khu vực. Công an Thành phố Hà Nội cũng thường xuyên kiểm tra các hoạt động đảm bảo an toàn, an ninh trong nhà trường, thể hiện ở các biên bản kiểm tra công tác bảo vệ [H9.09.05.07]. Nhờ những thành tích này mà Phòng bảo vệ đã nhận được nhiều giấy khen của chính quyền và công an địa phương [H9.09.05.08].

Nhằm thực hiện tốt các quy định về an toàn phòng chữa cháy nổ, Nhà trường đã ban hành các quy định phòng cháy chữa cháy, thành lập Ban chỉ đạo phòng cháy chữa cháy [H9.09.05.09]. Trường ĐHSPHN đã ban hành phương án chữa cháy cơ sở triển khai đến cán bộ, nhà giáo người lao động toàn trường [H9.09.05.10]. Phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy Thành phố Hà Nội thường xuyên trao đổi công tác chuyên môn, giám sát, kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy cơ sở định kỳ hàng quý. Các khu giảng đường, Kí túc xá, phòng thí nghiệm và nghiên cứu đều có cửa thoát hiểm, có bình cứu hỏa hàng năm. Nhà trường đều phối hợp với các đơn vị chức năng kiểm tra thiết bị phòng cháy chữa cháy [H9.09.05.11]. Để đảm bảo an toàn cho Nhà trường, đội phòng cháy chữa cháy được thành lập với các lớp tập huấn định kỳ nhằm nâng cao nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho cán bộ và SV. Nhà trường cũng thường xuyên cử cán bộ, SV tham gia các lớp tập huấn phòng cháy chữa cháy [H9.09.05.12]. Vào các dịp nghỉ lễ tết, Nhà trường luôn có các thông báo hướng dẫn các đơn vị đảm bảo an ninh, phòng chống cháy nổ [H9.09.05.13].

Nhà trường cũng đã thực hiện nhiều chính sách và biện pháp nhằm bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cán bộ GV và người học. Nhà trường đã thành lập trạm y tế, đồng thời có những quy định về quyền hạn và nghĩa vụ của trạm y tế [H9.09.05.14]. Các cán bộ y tế luôn được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ. Ngoài lịch trực cố định, trạm y tế còn bố trí cán bộ trực thêm ngoài giờ để duy trì chế độ trực ban 24/24 nhằm hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho cán bộ GV và người học. Trường ĐHSPHN bên cạnh việc đảm bảo chất lượng đào tạo, các hoạt động đảm bảo an toàn vệ sinh lao động vẫn được tổ chức hàng năm để nâng cao ý thức của người lao động [H9.09.05.15].

Bên cạnh đó, nhằm kiểm tra sức khỏe thường xuyên cho cán bộ, định kỳ hàng năm Trường đều tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ, viên chức [H9.09.05.16]. Đối với SV thì Nhà trường ra thông báo về việc lập danh sách tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc cho SV [H9.09.05.17].

Bên cạnh đó những chính sách về an toàn vệ sinh lao động, vệ sinh môi trường cũng được Nhà trường nghiêm túc triển khai. Nhà trường đã thành lập Ban an toàn vệ sinh lao động, ban hành các quy định về an toàn vệ sinh lao động [H9.09.05.18]. Từ đầu năm 2019 đến 2022, trước những diễn biến phức tạp của đại dịch Covid 19, Nhà trường cũng thường xuyên cập nhật các thông báo về các chính sách, biện pháp phòng dịch đến cán bộ, nhà giáo, người lao động và sinh viên [H9.09.05.19].

Đối với những tòa nhà cũ (xây từ trước năm 2000), không có những lưu ý hỗ trợ người khuyết tật. Những khu nhà mới xây, Nhà trường có chú trọng đến vấn đề này bằng việc bố trí thang máy ví dụ như nhà K, nhà D, nhà V, nhà hiệu bộ, khu Kí túc xá A12. Ở một số ngôi nhà như nhà K và Kí túc xá A12, xe lăn của người khuyết tật có thể dễ dàng đi vào cầu thang máy [H9.09.05.20]. Tuy nhiên, nhìn chung vấn đề này vẫn còn hạn chế.

## 2. Điểm mạnh

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và được triển khai chi tiết cụ thể. Phòng bảo vệ, Ban quản lí Kí túc xá, Ban quản lí giảng đường, cán bộ Trạm y tế được phân công nhiệm vụ cụ thể, được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sức khỏe người dạy và người học được chăm lo, được tư vấn, môi trường làm việc xanh-sạch-đẹp.

## 3. Điểm tồn tại

Chưa có quy định cụ thể về thu gom và xử lí hóa chất độc hại sau khi thí nghiệm và thực hành. Những tiện ích đặc thù cho người khuyết tật đã được chú ý nhưng còn ít.

## 4. Kế hoạch hành động

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục	- Đầu tư kinh phí để mua	Phòng quản	Trong các năm

	tồn tại	sắm thiết bị phân loại chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường. - Lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật trong các hoạt động của Nhà trường	trị, Phòng KH-TC	học tiếp theo
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục duy trì công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, công tác vệ sinh môi trường, cải tạo cảnh quan giảng đường và đào tạo	Phòng quản trị, Phòng KH-TC	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 9:**

Trường ĐHSPHN và Khoa GDTH có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị hiện đại, phù hợp để phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Khoa. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thường xuyên được theo dõi, bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp.

Trung tâm thư viện đang áp dụng các chuẩn nghiệp vụ theo tiêu chuẩn quốc tế, sử dụng phần mềm Lib5.5 trong các khâu xử lý tư liệu và quản lý bản đọc. Nguồn tài liệu đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của cán bộ, GV, SV và học sinh trong toàn Trường.

Hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch, ngân sách cho nâng cấp cơ sở hạ tầng các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và kinh phí đầu tư mua sắm, bổ sung trang thiết bị, kinh phí sửa chữa thường xuyên cho các phòng thí nghiệm, phòng thực hành. Do vậy, hệ thống phòng thí nghiệm, phòng thực hành và các trang thiết bị phục vụ đào tạo ngành SV khoa GDTH hoàn toàn đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo giáo viên tiểu học theo hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

Nhà trường đã tích cực ứng dụng CNTT trong dạy học, quản lý đào tạo, KH-TC, quản lý nhân sự, học sinh, SV, khảo thí và đảm bảo chất lượng. Toàn thể cán bộ, GV và người học có thể được truy cập internet tại các giảng đường, phòng thí nghiệm,

phòng thực hành và trong khu nội trú.

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và được triển khai chi tiết cụ thể. Phòng bảo vệ, Ban quản lí Kí túc xá, Ban quản lí giảng đường, cán bộ Trạm Y tế, luôn được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sức khỏe người dạy và người học được chăm lo tư vấn, môi trường làm việc xanh-sạch-đẹp.

Một số điểm hạn chế của cơ sở vật chất và trang thiết bị là ứng dụng của phần mềm còn phát sinh lỗi trong quá trình sử dụng. Thư viện điện tử chưa kết nối chia sẻ tài liệu với các thư viện của các cơ sở đào tạo uy tín trong khu vực và quốc tế. Mạng wifi hoạt động chưa ổn định và chưa thống nhất mật khẩu trong toàn trường.

Kinh phí đầu tư các trang thiết bị mới còn chưa đi kèm kinh phí bảo trì cho các trang thiết bị này dẫn đến kinh phí sửa chữa thường xuyên tăng cao khi các thiết bị này sử dụng quá 5 năm.

Do kinh phí đầu tư của Trường hạn hẹp nên chưa có hệ thống máy tính chuyên dụng có cấu hình cao và đồng bộ để phục vụ giảng dạy và đặc biệt là NCKH.

#### **Đánh giá tiêu chuẩn 9:**

<b>Tiêu chuẩn 9</b>	<b>Thang đánh giá</b>						
	<b>Chưa đạt</b>			<b>Đạt</b>			
	<b>①</b>	<b>②</b>	<b>③</b>	<b>④</b>	<b>⑤</b>	<b>⑥</b>	<b>⑦</b>
<b>Tiêu chí 9.1</b>					5		
<b>Tiêu chí 9.2</b>					5		
<b>Tiêu chí 9.3</b>					5		
<b>Tiêu chí 9.4</b>					5		
<b>Tiêu chí 9.5</b>					5		
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>5,00</b>						

#### **Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng**

*Mở đầu:*



Chất lượng đào tạo là nền tảng quyết định sự tồn tại, phát triển và uy tín của một cơ sở đào tạo. Vì thế Trường ĐHSPHN và Khoa GDTH luôn chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo, coi đây là nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của đơn vị. Trường ĐHSPHN nói chung, Khoa GDTH nói riêng đã và đang thực hiện các quy trình quản lý nâng cao chất lượng một cách chặt chẽ và có hệ thống: từ việc thu nhận thông tin phản hồi để thiết kế và phát triển CTĐT đến việc thường xuyên rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT để ĐBCL dạy học phù hợp với CĐR, cũng như việc đẩy mạnh, triển khai áp dụng kết quả NCKH trong việc cải tiến việc dạy và học, thúc đẩy và tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

***Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học***

### *1. Mô tả*

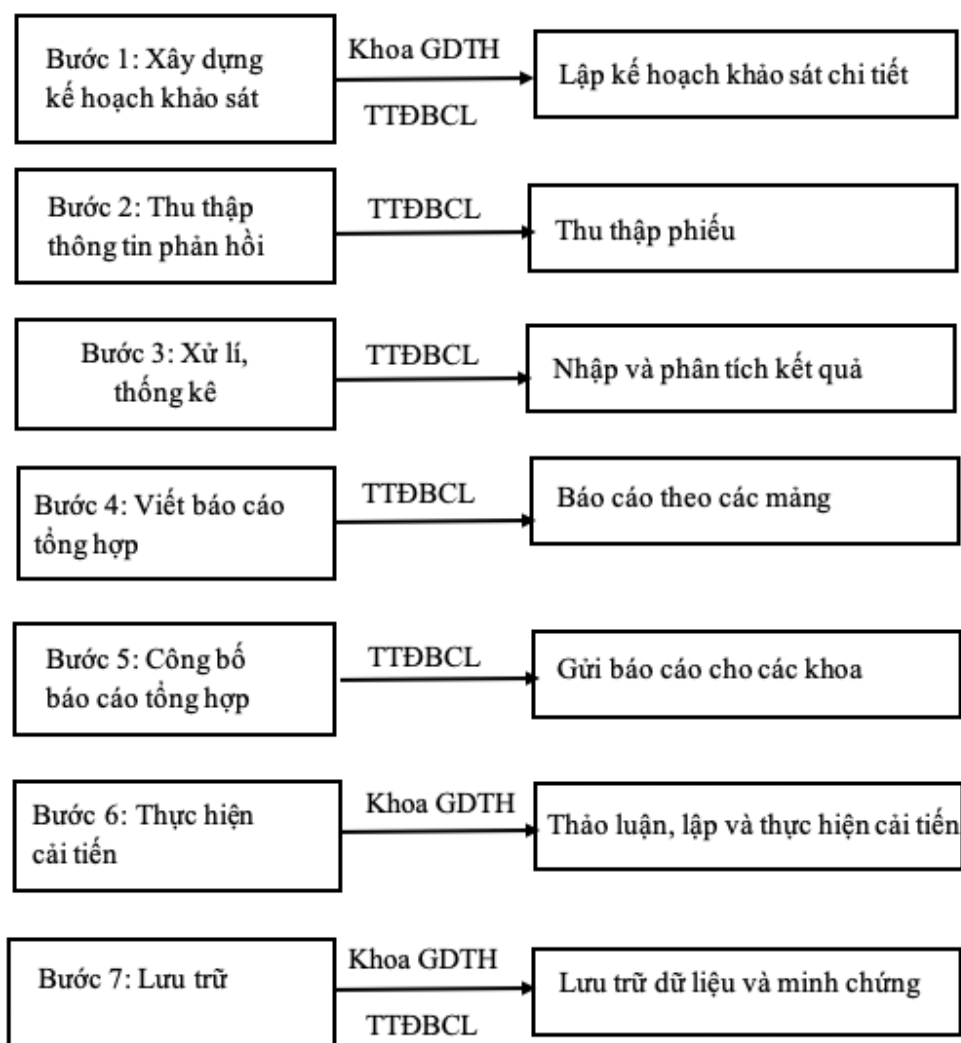
CTĐT cử nhân GDTH được xây dựng theo quy định đào tạo đại học của Bộ GD&ĐT [H10.10.01.01]. Dưới sự điều hành và chỉ đạo của Nhà trường, Khoa GDTH định kỳ tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT nhằm đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn khi triển khai thực hiện của Nhà trường về cơ sở vật chất, đội ngũ GV, nhu cầu của người học và của xã hội, khả năng đáp ứng công việc của SV sau tốt nghiệp, hội nhập với khu vực và thế giới. Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTDH, CĐR được thực hiện theo quy trình cụ thể, trong đó có bước khảo sát hoặc tổ chức các hội nghị để lấy ý kiến của các bên liên quan.

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi được thực hiện thường xuyên, định kỳ, hiệu quả với nhiều hình thức khác nhau. TT ĐBCL là đơn vị phụ trách thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (cựu SV, nhà khoa học chuyên môn, GV, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động,...) để làm cơ sở tham mưu cho Nhà trường và Khoa trong công tác ĐBCL [H10.10.01.02].

Cùng với sự phối hợp chặt chẽ với TT ĐBCL, Khoa GDTH thực hiện quá trình thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nghiên cứu viên, nhân viên, người học, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp). Khoa GDTH cũng có bộ phận ĐBCL nằm trong mạng lưới ĐBCL của nhà trường. Bộ phận này bao gồm 02 lãnh đạo trong BCN Khoa và 01 cán bộ là giáo vụ và quản lý SV, có nhiệm vụ

phối kết hợp triển khai thực hiện các quy định của Nhà trường về ĐBCL [H10.10.01.03].

Nhà trường đã ban hành hướng dẫn quy trình, công cụ, phương pháp thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan [H10.10.01.04] gồm 7 bước có sự phối kết hợp giữa TT ĐBCL và Khoa GDTH theo sơ đồ như sau:



Nhà trường và Khoa có nhiều phương thức để thu thập thông tin phản hồi về CTĐT, CTDH, trong đó phương thức chủ đạo để thu thập thông tin phản hồi được TT ĐBCL thực hiện thông qua hệ thống phiếu khảo sát. Khảo sát chất lượng giảng dạy của GV, khảo sát tình hình việc làm của SV sau 01 năm tốt nghiệp được TT ĐBCL thực hiện thường xuyên theo học kỳ, theo năm học [H10.10.01.05], [H10.10.01.06]. Còn đối với khảo sát về CTĐT đối với đối tượng là GV, cựu SV, nhà tuyển dụng được thực hiện định kỳ 3 năm/lần [H10.10.01.07]. Phương pháp lấy ý kiến phản hồi người học về CTĐT, CTDH được thực hiện một cách có hệ thống và

khoa học, được TT ĐBCL điều chỉnh và cải tiến sau một số lần triển khai thực hiện, được Khoa hỗ trợ để triển khai đầy đủ; kết quả khảo sát được Nhà trường và Khoa phân tích giúp cho việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học ngày càng đáp ứng yêu cầu thực tiễn [H10.10.01.08].

Bên cạnh đó có một số phương thức khác để thu thập thông tin phản hồi về CTĐT, CTDH như tổ chức họp xin ý kiến chuyên gia; thông qua ý kiến phản hồi của các nhà trường tiểu học khi đưa SV xuống thực tập sư phạm và các lễ tổng kết thực tập sư phạm; thông qua ý kiến của các nhà tuyển dụng khi tổ chức ngày hội việc làm;..., cụ thể như sau:

- Năm 2021, Trường ĐHSPhN ban hành công văn về việc rà soát, điều chỉnh CTĐT [H10.10.01.09]. Thực hiện kế hoạch của Nhà trường, Khoa đã xây dựng kế hoạch rà soát CTĐT, CTDH và thực hiện triển khai rà soát từng học phần của bộ môn, tổ chức họp xin ý kiến chuyên gia về lĩnh vực GDTH [H10.10.01.10]. Bên cạnh đó, Khoa đã thực hiện xin ý kiến của các bên liên quan về việc thiết kế và phát triển CTĐT, CTDH bao gồm: chuyên gia, GV Khoa GDTH của các trường ĐHSPh: ĐHSPh - Đại học Đà Nẵng, Đại học Hồng Đức, Đại học Thủ đô, ĐHSPh Thành phố Hồ Chí Minh; Ban giám hiệu và giáo viên một số trường tiểu học: Dịch Vọng A, Ngôi Sao Hà Nội, Đoàn Thị Điểm và cựu SV Khoa GDTH. Các thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được xử lý và sử dụng làm căn cứ để Khoa rà soát, điều chỉnh và phát triển CTĐT. Theo ý kiến của các bên liên quan năm 2022, CTĐT và mỗi học phần trong CTDH cần gắn chặt hơn nữa với định hướng phát triển năng lực người học, đặc biệt là với việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018; phát triển CTDH để trang bị và phát triển năng lực cho SV sau tốt nghiệp có thể đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; điều chỉnh ma trận các học phần và xác định rõ hơn các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá [H10.10.01.11].

- Cùng với việc thực hiện kế hoạch xin ý kiến của các bên liên quan, Khoa GDTH triển khai đến từng GV yêu cầu rà soát CTDH các học phần, yêu cầu các bộ môn tiến hành các cuộc họp bộ môn để thống nhất các nội dung đã rà soát và cần bổ sung, điều chỉnh. Đồng thời, Khoa đã mời các chuyên gia đến từ các trường đại học, các nhà trường tiểu học và cựu SV chia sẻ góp ý về dự thảo mục tiêu, CDR và khung CTĐT sau rà soát. Ý kiến của các bên liên quan cho rằng sau rà soát các học phần thuộc khối học vấn chung của Trường và của Ngành, chuyên ngành là hợp lý nhưng

nếu có thể điều chỉnh tăng thêm khối kiến thức về nghiệp vụ sư phạm [H10.10.01.12].

- Thực hiện kế hoạch đào tạo, hàng năm Trường và Khoa đều đưa các đoàn SV xuống thực tập sư phạm tại các nhà trường tiểu học. Sau các đợt thực tập, các trưởng đoàn là các GV của khoa đều có những thông tin phản hồi liên quan đến kiến thức, kỹ năng nghề còn chưa tốt của SV để từ đó có những điều chỉnh CTDH. Trường và Khoa cũng đã tổ chức các lễ tổng kết thực tập sư phạm để báo cáo kết quả rèn luyện nghề của SV trong môi trường thực tiễn, bên cạnh đó đều lắng nghe ý kiến phản hồi của các đơn vị tuyển dụng là các nhà trường tiểu học để có những định hướng điều chỉnh CTDH trong các năm học tiếp theo cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn [H10.10.01.13], [H10.10.01.14], [H10.10.01.15]. Ngoài việc đưa SV xuống các trường tiểu học để SV thực tập sư phạm, Khoa còn đưa SV xuống trường Tiểu học thực hành Nguyễn Tất Thành cơ sở Hà Nam và Hà Nội – đây là cơ sở thực hành nghề để rèn kỹ năng dạy học, giáo dục cho SV đặc biệt là trong các tuần lễ nghiệp vụ sư phạm vào tháng 11 hàng năm; sau mỗi đợt Khoa đều tổ chức họp rút kinh nghiệm trong dạy học kỹ năng nghề cho SV [H10.10.01.16].

- Ngoài ra, nguồn thông tin phản hồi được Nhà trường và Khoa tiếp nhận làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học là tập hợp các ý kiến phản hồi của giáo viên tiểu học trong các đợt tập huấn bồi dưỡng triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 trong khuôn khổ Dự án ETEP. Cụ thể, từ năm 2019 thực hiện nhiệm vụ của Bộ GD&ĐT giao cho khi triển khai Dự án ETEP, Trường và Khoa đã phân công cho GV hỗ trợ bồi dưỡng cho giáo viên 10 tỉnh/thành phố các mô đun bồi dưỡng trong đó có nội dung như: Hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, Sử dụng phương pháp kiểm tra đánh giá phẩm chất năng lực học sinh; Xây dựng kế hoạch bài dạy phát triển phẩm chất, năng lực học sinh,... Thông qua các đợt tập huấn và bồi dưỡng, GV thấy được những vấn đề còn khó khăn, vướng mắc của giáo viên trong dạy học, giáo dục học sinh; những vấn đề mới cần bồi dưỡng cho giáo viên thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông 2018 để từ đó quay về phát triển chương trình dạy học khắc phục những lỗi, thiếu sót của SV giúp cho sản phẩm đào tạo ngày càng đáp ứng hơn nữa yêu cầu của nhà trường tiểu học [H10.10.01.17].

- Hằng năm, Trường và Khoa tổ chức ngày hội việc làm vào đầu tháng 5, đây là cơ hội để SV năm cuối tìm kiếm việc làm và giúp Nhà trường và Khoa quảng bá chất lượng đào tạo với các cơ sở sử dụng lao động cung như lấy ý kiến đóng góp của các nhà sử dụng lao động về CTDH nhằm có những rà soát chỉnh sửa phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan [H10.10.01.18]. Bên cạnh đó, hằng năm Nhà trường đều tổ chức cuộc thi HNUE English Challenge nhằm thúc đẩy và nâng cao chất lượng học và sử dụng tiếng Anh trong sinh viên, học viên cao học, học sinh toàn trường; kết quả trong nhiều năm, khoa GDTH luôn dành được giải cao (giải nhất năm 2022, giải nhì năm 2024, giải ba năm 2023) [H10.10.01.19], [H10.10.01.20]. Ngoài ra, trong hai năm gần đây, Nhà trường triển khai cuộc thi “Học sinh, sinh viên Trường ĐHSP Hà Nội với ý tưởng khởi nghiệp năm 2023” và năm 2024 [H10.10.01.21]. Lần đầu tiên hoạt động trải nghiệm “Một ngày trở thành SV Trường ĐHSPHN” – Open Tour 2019 đã thu hút sự quan tâm và có mặt của đông đảo học sinh lớp và phụ huynh của các trường phổ thông tại Hà Nội và các tỉnh lân cận [H10.10.01.21]. Qua các hoạt động triển khai trong thực tiễn, các ý kiến góp ý và những giải thưởng mỗi cuộc thi là căn cứ để Khoa xem xét trong quá trình điều chỉnh và phát triển CTĐT [H10.10.01.22].

Tất cả hoạt động tiếp nhận thông tin phản hồi và nhu cầu các bên liên quan có hiệu quả đã giúp cho Trường và Khoa GDTH có căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo và cung cấp những giáo viên có năng lực tốt, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu thực tiễn của các nhà trường tiểu học.

## *2. Điểm mạnh*

Hệ thống thu thập thông tin của Trường và Khoa được tổ chức khoa học, có hệ thống và quy trình tường minh; được phân công rõ ràng giữa các đơn vị thực hiện giúp cho việc thu thập thông tin và phân tích dữ liệu từ các bên liên quan trong việc điều chỉnh CTDH khá hiệu quả hướng tới đảm bảo và ngày càng nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo. Ngoài hệ thống thu thập thông tin của Trường, Khoa GDTH có kênh thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan rất sát cho từng năm học, cụ thể là các ý kiến phản hồi từ các đơn vị tuyển và sử dụng lao động là các trường tiểu học luôn trong và sau các đợt thực tập sư phạm được tổ chức cho sinh viên hàng năm. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được xử lý và sử

dụng làm cơ sở để Trường và Khoa rà soát, điều chỉnh và phát triển CTĐT, CTDH nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân giáo dục tiểu học.

### 3. Điểm tồn tại

Trong thời gian dịch bệnh, Khoa chưa tổ chức được nhiều hội nghị, xemina trực tiếp để lắng nghe ý kiến trao đổi của chuyên gia đặc biệt là chuyên gia nước ngoài về phát triển CTDH.

Việc lấy ý kiến phản hồi của SV đã tốt nghiệp và nhà tuyển dụng về CTĐT, CTDH chưa được thực hiện với số lượng lớn. Về thống kê nhu cầu của các bên liên quan trong chu kỳ đánh giá đã tiến hành lấy ý kiến nhưng chưa hệ thống.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học về phát triển CTDH với chuyên gia nước ngoài.</li> <li>- Khoa sẽ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng và cựu SV với số lượng nhiều và có hệ thống hơn nữa giúp cho việc cải tiến CTĐT, CTDH tốt hơn và sản phẩm đào tạo đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng.</li> </ul>	TT ĐBCL, Phòng Đào tạo và Khoa	Từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục thu thập thông tin phản hồi từ SV về CTĐT, CTDH bằng nhiều hình thức khác nhau.</li> <li>- Rà soát, phát triển, chỉnh sửa CTĐT, CTDH hằng năm và định kỳ.</li> </ul>	TT ĐBCL, Phòng Đào tạo và Khoa	Từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, đánh giá và cải tiến**

## 1. Mô tả

CTDH được coi là cốt lõi của CTĐT. Theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ Giáo dục và đào tạo chuẩn đánh giá chất lượng đào tạo CTDH của một CTĐT ở một trình độ cụ thể bao gồm: mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CDR với ngành học và mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với mỗi ngành học và mỗi học phần.

Thực hiện theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHSPHN, Khoa GDTH thiết kế và phát triển CTDH theo một quy trình chặt chẽ, khoa học từ khâu thiết kế và phát triển đến khâu rà soát, đánh giá và cải tiến phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi đã được Nhà trường xác định [H10.10.02.01]., [H10.10.02.02], [H10.10.02.03].

Việc thiết kế và phát triển CTDH đã được Nhà trường và Khoa GDTH thực hiện theo quy trình như sau: (1) Nhà trường ban hành quyết định về việc thành lập Ban xây dựng CTĐT Đại học và Sau đại học và Quyết định về việc thành lập Ban soạn thảo chương trình khung các ngành đào tạo giáo viên [H10.10.02.04]. (2) Nhà trường ban hành các công văn triệu tập về xây dựng CTĐT [H10.10.02.05]. (3) Nhà trường và Khoa GDTH triển khai thực hiện phát triển CTĐT [H10.10.02.06].

Quy trình phát triển CTDH được vận dụng để thiết kế chương trình cử nhân GDTH gồm các bước như sau [H10.10.02.07]:

- Bước 1: Xác định mục tiêu đào tạo cụ thể, CDR của CTĐT, của các môn học có trong CTĐT.
- Bước 2: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của môn học, của CTĐT, xây dựng CTDH đảm bảo mục tiêu và CDR.
- Bước 3: Xác định các yếu tố sẽ ảnh hưởng đến thiết kế CTDH.
- Bước 4: Xây dựng ma trận các học phần.
- Bước 5: Xác định phương pháp đánh giá sẽ được sử dụng trong CTDH.
- Bước 6: Xác định và thiết lập phương pháp đánh giá người học.
- Bước 7: Định kỳ rà soát, điều chỉnh, cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH phù hợp với thực tiễn của nhà trường.

Thực hiện nghiêm túc quy trình trên đây, sau một quá trình triển khai thực hiện, Nhà trường đã ra quyết định ban hành CTĐT trình độ đại học của Trường ĐHSHPN [H10.10.02.08]. CTDH trong CTĐT cử nhân sư phạm GDTH đã được thiết kế và phát triển căn cứ mục tiêu và CDR của CTĐT và quy chế đào tạo theo hệ thống TC của Nhà trường [H10.10.02.09]. Sau khi ban hành và sau 2 năm triển khai thực hiện, Nhà trường đã ban hành công văn yêu cầu Khoa rà soát và đánh giá định kỳ [H10.10.02.10]. Công việc rà soát được Nhà trường, Khoa GDTH thực hiện thông qua các kênh như: khảo sát, hội thảo chuyên gia, trực tiếp từ các GV, xemina ở các bộ môn..., cụ thể như sau:

- Thông qua các kênh khảo sát SV về CTĐT định kỳ và triển khai CTDH hàng năm của GV, khảo sát SV cuối khóa và sau tốt nghiệp, Khoa đã dựa vào kết quả để có những điều chỉnh cũng như phát triển chương trình dạy học theo hướng: tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực SV bắt nhịp nhanh với đổi mới giáo dục phổ thông; tăng cường các hoạt động NCKH gắn với giáo dục phổ thông như trải nghiệm sáng tạo, đánh giá học sinh; tăng cường hoạt động dạy SV kỹ năng mềm để giúp các em tự tin, chủ động và sáng tạo hơn [H10.10.02.11], [H10.10.02.12], [H10.10.02.13].

- Khoa đã tổ chức họp để lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan là các chuyên gia đến từ Khoa GDTH của các trường sư phạm, nhà quản lý giáo dục đến từ các phòng GD&ĐT và các trường tiểu học để rà soát, đánh giá và cải tiến việc thiết kế và phát triển CTDH. Năm 2022, cuộc họp các bên liên quan đã cho rằng, quy trình thiết kế và phát triển CTDH trong CTĐT cử nhân GDTH của Trường ĐHSHPN hoàn toàn phù hợp với thực tiễn của Nhà trường và yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Mục tiêu, CDR và khung CTĐT nhìn chung là rất hợp lý, cập nhật đổi mới phù hợp với xu thế phát triển của giáo dục đáp ứng được sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường; đáp ứng được định hướng phát triển của các CTĐT ở trong, ngoài nước ngay cả hiện tại và tương lai. CTĐT, CTDH được Khoa GDTH triển khai thực hiện đã đào tạo được đội ngũ giáo viên có năng lực, phẩm chất tốt; đáp ứng được yêu cầu, đòi hỏi khắt khe của nhiều môi trường giáo dục khác nhau. Tuy nhiên, nếu như CTDH được Khoa và Nhà trường cân đối để tăng thêm số TC với mảng thực hành sư phạm cũng như đưa SV xuống thực tế dưới nhà trường tiểu học nhiều hơn thì mức độ thích nghi



cũng như kỹ năng nghề nghiệp của SV sẽ được phát triển và tiến bộ hơn [H10.10.02.14].

- Bên cạnh đó, BCN Khoa đã chỉ đạo các bộ môn tiến hành rà soát CTĐT và việc triển khai CTDH các môn học [H10.10.02.15]. Căn cứ vào báo cáo của từng bộ môn, Khoa đã tập hợp và gửi báo cáo rà soát CTĐT và CTDH cử nhân GDTH lên trường trong đó trình bày những điều chỉnh cụ thể: (1) Điều chỉnh số tiết lý thuyết và thực hành trong các học phần; (2) Rà soát và điều chỉnh đóng góp vào CDR của mỗi học phần đào tạo; (3) Bổ sung tài liệu và giáo trình tham khảo; (4) Điều chỉnh mục tiêu và CDR của học phần; (5) Điều chỉnh nội dung liên quan đến kiểm tra đánh giá của mỗi học phần [H10.10.02.16], [H10.10.02.17]. Đặc biệt, năm 2022 trước những thay đổi của hoạt động triển khai CTDH khi dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp ở những năm học trước, Nhà trường đã ban hành Quy định quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng, theo đó Khoa GDTH cũng chuẩn bị và xác định học phần chuyên ngành đào tạo qua mạng để chuẩn bị triển khai trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và trường hợp bất khả kháng [H10.10.02.18].

- Năm 2021, Khoa GDTH đã thực hiện công tác đánh giá giữa kỳ, đây cũng là lần rà soát để Khoa có những điều chỉnh để thực hiện CTĐT và triển khai CTDH tốt nhất, phù hợp với yêu cầu và bối cảnh đổi mới [H10.10.01.19].

- Các cuộc họp tổng kết năm học, cũng như các cuộc họp chuyên môn của các cán bộ trong bộ môn cũng là diễn đàn giúp cho các GV đưa ra những đề xuất, ý kiến phản hồi về việc thực hiện CTDH để từ đó có những điều chỉnh và phát triển cho phù hợp với yêu cầu của từng năm học nhất là yêu cầu đổi mới theo định hướng ở nhà trường tiểu học [H10.10.01.20].

- Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT, CTDH cũng được đánh giá và cải tiến để phù hợp với thực tiễn của Nhà trường và sự tiến bộ mới của lĩnh vực chuyên ngành cũng như yêu cầu của việc sử dụng lao động. CTDH trong CTĐT năm 2020 của Khoa đã được cải tiến về quy trình thiết kế và phát triển so với CTĐT năm 2014 [H10.10.02.07]. Điều này được thể hiện thông qua việc khảo sát nhu cầu nhân lực của nhà tuyển dụng, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để xác định mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và xác định CDR của CTĐT (Bảng 10.2.1).

**Bảng 10.2.1. So sánh quy trình thiết kế và phát triển CTĐT năm 2014 và 2020**

<b>Các bước</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2020 và 2022</b>
Bước 1	Chưa lấy ý kiến đầy đủ các bên liên quan (nhà tuyển dụng).	Đã lấy đầy đủ phản hồi của các bên liên quan.
Bước 2	Xác định nội dung kiến thức rời xây dựng mục tiêu.	Xác định mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể rời CĐR.
Bước 3	Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, xây dựng CTĐT đảm bảo mục tiêu đào tạo nhưng chưa so lại với CĐR.	Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, xây dựng CTĐT đảm bảo mục tiêu đào tạo và CĐR.

Trong lần điều chỉnh CTĐT năm 2022, Khoa đã tiến hành thiết kế và phát triển CTDH theo đúng quy trình của Nhà trường. Từ ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Khoa đã xây dựng được 4 tiêu chuẩn với 23 tiêu chí cho CĐR của CTĐT cử nhân GDTH [H10.10.02.21]. CTĐT cử nhân GDTH năm 2014 gồm 130 TC được chia thành 3 khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở và khối kiến thức chuyên ngành [H10.10.02.22]. CTĐT cử nhân GDTH năm 2020 gồm 136 TC, tăng 6 TC so với năm 2014; năm 2022 số TC vẫn giữ nguyên so với năm 2020.

## *2. Điểm mạnh*

Việc thiết kế và phát triển CTDH trong CTĐT được thiết lập, được đánh giá và cải tiến theo quy trình chặt chẽ, hợp lý và đúng quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường. Việc rà soát, đánh giá và điều chỉnh quy trình thiết kế và phát triển CTDH, CTDH được thực hiện dựa trên thông tin phản hồi từ các bên liên quan với sự tham gia của các chuyên gia giáo dục đến từ các trường sư phạm đào tạo giáo viên tiểu học, các nhà quản lý nhà trường tiểu học trong và ngoài công lập đặc biệt là các trường có SV xuống thực tập và rèn luyện kỹ năng nghề, giáo viên tiểu học, cựu SV của khoa. Vì vậy, CTĐT, CTDH được cập nhật, điều chỉnh để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

## *3. Điểm tồn tại*

Trường và Khoa chưa nhận được nhiều ý kiến của các cơ quan/tổ chức sử dụng lao động về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

## *4. Kế hoạch hành động*

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục tồn tại	Đa dạng các hình thức tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cơ quan/tổ chức sử dụng lao động về quy trình thiết kế và phát triển CTDH để cải tiến CTĐT theo hướng đáp ứng nhu cầu của xã hội.	TT ĐBCL, Phòng Đào tạo và Khoa	Từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo.
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan.</li> <li>- Trường và Khoa thực hiện rà soát, đánh giá và cải tiến định kỳ quy trình thiết kế và phát triển CTDH.</li> </ul>	TT ĐBCL, Phòng Đào tạo và Khoa	Từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

***Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra***

***1. Mô tả***

CĐR của CTĐT cử nhân GDTH được ban hành là cơ sở để phát triển CTĐT, là mục tiêu cần hướng tới trong quá trình dạy và học cũng như đánh giá kết quả của người học [H10.10.03.01].

Trong quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống TC của Trường ĐHSPHN, việc giám sát, đánh giá quá trình dạy và học cũng như kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được quy định cụ thể trong Chương 2 (*Quy chế quy định việc lập kế hoạch và tổ chức đào tạo*), Chương 3 (*Quy định việc đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp*) [H10.10.03.02]. Quá trình dạy và đánh giá kết quả học tập của người học ở khoa GDTH đã thực hiện theo những quy định trên nên được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo thực hiện được CĐR đã công bố. Căn cứ vào quy chế đào tạo của Trường, quá trình dạy và học, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ trong đề cương chi tiết các học phần mà GV phải thực hiện [H10.10.03.03]. Khoa GDTH đã dựa vào kế hoạch dạy học của Nhà trường, xây dựng thời khoá biểu cho từng học kỳ [H10.10.03.04], [H10.10.03.05]. Để thực hiện kế hoạch dạy học của Nhà trường và thời khoá biểu lên lớp, Khoa yêu cầu GV xây dựng kế hoạch dạy học các học phần, đối sánh với đề cương của học phần xem đã bám sát mục tiêu, nội dung, sử dụng nguồn học liệu, yêu cầu về kiểm tra đánh giá cũng như có hướng tới yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực theo các mức độ của khung CĐR hay không. Việc thực hiện kế hoạch dạy học của GV được Khoa phân công và rà soát và có sự điều chỉnh hàng năm [H10.10.03.06].

Quá trình dạy và học cũng như kết quả học tập của SV chính quy thường xuyên được rà soát, đánh giá. Nhà trường và Khoa đã đưa ra quy định về rà soát, đánh giá quá trình dạy - học trong đó có quy định trách nhiệm cụ thể cho từng đối tượng: BCN Khoa, GV trực tiếp giảng dạy, giáo vụ, bộ phận quản lý SV, CVHT, SV [H10.10.03.07]. Quá trình dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo phù hợp CĐR thông qua các hoạt động: dự giờ, góp ý kiến về các giờ dạy trong các bộ môn và toàn khoa. Khoa ban hành văn bản quy định về các nội dung chính cần xem xét trong việc

đánh giá quá trình dạy học trên lớp của GV. Các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 trước bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 để đảm bảo chất lượng dạy học và đánh giá của các học phần, Khoa đã xây dựng văn bản liên quan đến các nội dung dự giờ để GV trong bộ môn có thể tham dự online. Các năm học 2022-2023, 2023-2024, Khoa đã xây dựng nội dung dự giờ để GV có thể dự trực tiếp [H10.10.03.08]. Thực hiện văn bản của Khoa, các bộ môn chủ động, tổ chức các buổi dự giờ và báo lịch để BCN Khoa tham dự. Sau các giờ dạy trực tiếp và online, bộ môn tổ chức họp nhằm đóng góp ý kiến để GV có thể điều chỉnh về nội dung bài dạy, cách thức tổ chức dạy học và cách kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với yêu cầu cần đạt của mỗi học phần. Hoạt động này cũng giúp các bộ môn, khoa GDTH chủ động trong việc điều chỉnh CTDH để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR [H10.10.03.09]. Bên cạnh đó, Khoa GDTH cũng tiến hành xây dựng, rà soát và phát triển ngân hàng đề thi học phần nhằm đảm bảo việc dạy và học có thể bao quát toàn bộ đề cương chi tiết học phần, đáp ứng CĐR của học phần, góp phần đổi mới phương pháp dạy học, việc kiểm tra đánh giá được thực hiện khách quan, công bằng và chính xác,... [H10.10.03.10].

Bên cạnh đó, theo các quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHSPHN, Ban Thanh tra Giáo dục của Trường cũng thường xuyên kiểm tra, giám sát việc lên lớp dạy học, kiểm tra đánh giá của GV và triển khai thực hiện công việc này của Khoa [H10.10.03.11]. Việc kiểm tra, giám sát được Ban Thanh tra Giáo dục theo kế hoạch dạy học cũng như công tác tổ chức các kỳ thi do Khoa đảm nhiệm [H10.10.03.03], [H10.10.03.04], [H10.10.03.05], [H10.10.03.12], [H10.10.03.13].

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ trong đề cương học phần và quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC của Trường [H10.10.03.03], [H10.10.03.07]. Trong đó chỉ rõ hình thức, thời điểm và trọng số của từng lần kiểm tra, đánh giá. Đối với đào tạo theo hệ thống TC được quy định điểm chuyên cần chiếm trọng số là 10%, điểm giữa kỳ là 30% và điểm thi kết thúc học phần là 60% tổng số điểm. Quy trình kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ gồm: đánh giá thường xuyên thông qua các bài thực hành, bài tập nhỏ; đánh giá giữa kỳ thông qua bài điều kiện và đánh giá cuối kỳ thông qua bài thi [H10.10.03.03], [H10.10.03.07], [H10.10.03.13]. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần

được đa dạng hóa theo từng bối cảnh nhưng GV vẫn chủ động và đáp ứng mục tiêu học phần và đảm bảo CĐR [H10.10.03.03]. Quy trình ra đề và chấm thi các môn chuyên ngành được thực hiện theo các bước như sau: với những môn thi không có trong ngân hàng đề, giáo vụ khoa thông tin tới các trưởng bộ môn danh sách những học phần thi trong học kỳ đó, trước khi thi 1 tuần và yêu cầu GV gửi đề, đáp án có chữ ký duyệt của Trưởng (hoặc phó) bộ môn và BCN Khoa. Sau đó, Trưởng khoa/Phó Trưởng khoa phụ trách công tác đào tạo tổ chức buổi bốc thăm đề thi có mặt 3 người bao gồm: Trưởng (hoặc Phó khoa phụ trách đào tạo), giáo vụ và một đại diện GV/giáo viên. Căn cứ vào biên bản bốc thăm đề thi, Trưởng khoa hoặc phó Trưởng khoa phụ trách đào tạo sẽ in, sao, niêm phong đề thi và giao cho giáo vụ khoa trước buổi thi 15 phút. Trong đầu giờ buổi họp Hội đồng thi, giáo vụ khoa sẽ bàn giao cho cán bộ coi thi. Kết thúc mỗi kỳ thi, giáo vụ giao trợ lý giảng dạy làm phách, sau đó giáo vụ giao bài thi đã rọc phách cho GV chấm thi. Sau khi các GV chấm thi xong, trợ lý giảng dạy ghép phách, lên điểm; giáo vụ thống kê, tổng hợp điểm số các học phần và nhập điểm lên hệ thống. Các biên bản ghép phách, lên điểm đều có chữ ký kiểm soát của Trưởng khoa/Phó Trưởng khoa phụ trách đào tạo. Sau mỗi kỳ thi, giáo vụ khoa làm nhiệm vụ thống kê tỉ lệ điểm và trả kết quả kiểm tra, thi để các bộ môn có sự đối sánh về chất lượng giảng dạy qua đó kịp thời điều chỉnh đề kiểm tra/thi.

Dựa trên kết quả học tập hàng năm của SV, căn cứ vào CĐR trong CTĐT, Hội đồng khoa học và BCN Khoa họp để rà soát mức độ phù hợp của CTĐT ngành GDTH với CĐR.

Để tăng tính tự học và tự nghiên cứu của SV, BCN Khoa đã triển khai đến các GV đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá. Trong thời gian dịch Covid 19 diễn biến phức tạp, GV đã gửi tài liệu số, hướng dẫn SV khai thác nguồn học liệu để tự học, tự nghiên cứu; đa dạng hoá các hình thức kiểm tra đánh giá trực tiếp và trực tuyến, sử dụng nhiều phần mềm hỗ trợ kiểm tra đánh giá khách quan. Một số học phần cũng đã tiến hành kiểm tra đánh giá kết quả học tập thường xuyên của SV thông qua một số hình thức mới như chấm bài tập lớn, sản phẩm học tập bên cạnh các hình thức đánh giá định kỳ như: thi tự luận, thi trắc nghiệm... Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR. Các dạng bài kiểm tra không chỉ đánh giá mức

độ đạt được của CDR mà còn giúp SV phát triển năng lực tự học và các năng lực khác [H10.10.03.14], [H10.10.03.15].

Nhà trường yêu cầu các Khoa phân công cho giáo vụ sử dụng phần mềm quản lý đào tạo theo TC để thường xuyên giám sát, kiểm tra giờ dạy của GV và học tập của SV [H10.10.03.16]. Ngoài ra Nhà trường đã ban hành quyết định 5062/QĐ-ĐHSPHN “Quy định về công tác CVHT trong đào tạo Đại học hệ chính quy” cho phép CVHT được quyền truy nhập vào phần mềm quản lý đào tạo liên quan đến nhóm SV phụ trách để rà soát kết quả học tập của người học thường xuyên [H10.10.03.17].

Thực tập sư phạm là học phần rất quan trọng và bắt buộc đối với SV Khoa GDTH và được quy định cụ thể trong Quy chế thực tập sư phạm của Trường [H10.10.03.18]. Trong thời gian đi thực tập sư phạm, SV sẽ được rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho công việc trong tương lai khi tốt nghiệp. Hàng năm, Trường và Khoa đều cử các GV có kinh nghiệm làm công tác Trường đoàn thực tập sư phạm đưa SV xuống thực tập tại trường phổ thông [H10.10.03.19]. Sau mỗi đợt thực tập sư phạm Phòng Đào tạo đều tổ chức họp tổng kết báo cáo công tác thực tập sư phạm với các khoa/bộ môn thuộc trường để các khoa nắm bắt kịp thời kết quả thực tập dạy học và giáo dục của SV [H10.10.03.20]. Song hành Nhà trường, hàng năm Khoa GDTH đều tổ chức các buổi lễ tổng kết thực tập sư phạm có mời cán bộ quản lý, giáo viên các trường có SV đến thực tập sư phạm. Ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên các nhà trường tiểu học đều được Khoa ghi nhận và thực hiện điều chỉnh trong quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập của SV từ đó chủ động điều chỉnh CTDH phù hợp với CDR [H10.10.03.21], [H10.10.03.22].

Bên cạnh đó, Khoa thường tổ chức các cuộc họp giao ban giữa BCN Khoa, trợ lý học tập và các CVHT nhằm mục đích kịp thời nắm bắt về tình hình chung của SV [H10.10.03.23]. Trong các cuộc họp tổng kết hàng năm, báo cáo tổng kết của Khoa luôn có nội dung rà soát đánh giá quá trình giảng dạy của GV cũng như việc học tập của SV [H10.10.03.24]. Chi đoàn cán bộ thường xuyên phát động phong trào dự giờ đánh giá đối với GV trong chi đoàn cũng như các cán bộ trẻ dưới 40 tuổi, đặc biệt với những GV lần đầu tham gia giảng dạy một học phần mới, nhằm đóng góp ý kiến cho các GV về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, PPGD, cách thức tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học [H10.10.03.25].

Ngoài các kênh thu nhận thông tin trên, TT ĐBCL thực hiện các đợt khảo sát thường xuyên và định kỳ, cụ thể:

- Ở mỗi kỳ, TT ĐBCL thực hiện khảo sát thường xuyên vào cuối kỳ học với nội dung thu thập ý kiến phản hồi của người học đối với giảng viên [H10.10.03.26]. Thông qua công cụ khảo sát lấy ý kiến từ người học đối với giảng viên chất lượng giảng dạy học phần của giảng viên được đánh giá. Công cụ khảo sát là bộ câu hỏi đã được chuẩn hóa và có sự chỉnh sửa hàng năm. Các phương diện để lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng hiệu quả giảng dạy của các GV đối với các học phần được phân công bao gồm: Nề nếp học tập; Thái độ ứng xử với SV; Nội dung dạy học, Phương pháp dạy học; Phương pháp kiểm tra đánh giá;... Số học phần được khảo sát và số SV tham gia đánh giá được thống kê theo bảng dưới đây [H10.10.03.27]:

**Bảng 10.3.1: Thống kê học phần khảo sát và SV tham gia khảo sát**

<b>STT</b>	<b>Năm học</b>	<b>Kỳ học</b>	<b>Số học phần được khảo sát</b>	<b>Số SV phản hồi</b>
1.	2018-2019	1	16	301
2.		2	15	300
3.	2019-2020	1	11	363
4.		2	11	437
5.	2020-2021	1	12	377
6.		2	12	370
7.	2021-2022	1	16	671
8.		2	26	1,686
9.	2022-2023	1	12	700
10.		2	26	1,686
11.		Cả năm	29	1,906

*Nguồn TT ĐBCL*

Kết quả khảo sát trong 3 năm học gần đây nhất được mô tả trong bảng dưới đây [H10.10.03.28].



**Bảng 10.3.2: Thống kê mức độ đánh giá của SV đối với GV Khoa GDTH  
các năm học**

<b>Năm học</b>	<b>Mức độ</b>	<b>Nề nếp dạy học – kĩ năng tổ chức, quản lý lớp</b>	<b>Thái độ - ứng xử với SV</b>	<b>Nội dung dạy học</b>	<b>Phương pháp giảng dạy</b>	<b>Kiểm tra, đánh giá</b>	<b>Đánh giá chung</b>
<b>2021-2022</b>	Xuất sắc	20.00%	20.00%	20.00%	13.00%	13.00%	20.00%
	Tốt	80.00%	80.00%	80.00%	87.00%	87.00%	80.00%
	Khá	0%	0%	0%	0%	0%	0%
	Đạt	0%	0%	0%	0%	0%	0%
	Cần cải thiện	0%	0%	0%	0%	0%	0%
<b>2022-2023</b>	Xuất sắc	21.43%	21.43%	21.43%	21.43%	28.57%	21.43%
	Tốt	78.57%	78.57%	78.57%	78.57%	71.43%	78.57%
	Khá	0%	0%	0%	0%	0%	0%
	Đạt	0%	0%	0%	0%	0%	0%
	Cần cải thiện	0%	0%	0%	0%	0%	0%
<b>2023-2024</b>	Xuất sắc	0%	0%	0%	0%	0%	0%
	Tốt	92.31%	92.31%	92.31%	84.62%	84.62%	92.31%
	Khá	7.69%	7.69%	7.69%	15.38%	15.38%	7.69%
	Đạt	0%	0%	0%	0%	0%	0%
	Cần cải thiện	0%	0%	0%	0%	0%	0%

*Nguồn TT ĐBCL - ĐHSPhN*

Qua các số liệu khảo sát cho thấy, SV đã phản hồi tích cực về: Nề nếp học tập; Thái độ ứng xử với SV; Nội dung dạy học; Phương pháp dạy học; Phương pháp kiểm tra đánh giá của GV Khoa GDTH. Khi thu thập đủ dữ liệu và đưa ra phân tích tất cả các ý kiến phản hồi từ người học và người dạy, Khoa và Bộ môn sẽ tổ chức họp và có báo cáo tổng thể ở các cuộc họp cấp khoa cũng như cấp bộ môn, qua đó GV xác định được những điểm mạnh và những mặt còn tồn tại cần khắc phục [H10.10.03.29]. Các ý kiến phản hồi là căn cứ để khoa điều chỉnh quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

- Hằng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát năm thu thập thông tin việc làm của SV sau tốt nghiệp [H10.10.03.30]. Kết quả khảo sát tỉ lệ SV có việc làm/tổng số SV được hỏi được thống kê và đối sánh với tỉ lệ của Nhà trường theo bảng dưới đây:

**Bảng 10.3.3: Thống kê tỉ lệ SV tốt nghiệp theo các năm**

Năm	Tỉ SV có việc làm/Tổng số SV được hỏi (%)	
	Khoa GDTH	Trường ĐHSPHN
2018	97,7	96,8
2019	100	96,2
2020	100	100
2021	100	96,23
2022	100	96,09

*Nguồn TT ĐBCL - ĐHSPHN*

Từ kết quả bảng số liệu trên nhận thấy, SV Khoa GDTH khi được hỏi về việc làm sau tốt nghiệp chiếm tỉ lệ cao; điều này cho thấy CTĐT, CTDH của Khoa đã đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động.

- Bên cạnh đó, hằng năm Nhà trường cũng tiến hành khảo sát SV vừa tốt nghiệp nhằm mục đích đánh giá hiệu quả, chất lượng đào tạo [H10.10.03.31]. Kết quả khảo sát cụ thể thống kê theo tiêu chí đánh giá của các năm như sau:

**Bảng 10.3.4: Thống kê so sánh tiêu chí đánh giá hiệu quả, chất lượng đào tạo của SV vừa tốt nghiệp năm 2019, 2020**

Tiêu chí	2019		2020	
	K.GDTH	Trường	K.GDTH	Trường
Công tác tổ chức quản lý đào tạo	19,39	20,29	20,85	21,17
Chương trình đào tạo	15,58	16,86	17,28	17,40
PPDH, kiểm tra đánh giá của GV	26,13	27,15	27,49	27,93
Phương pháp dạy học				
Kiểm tra đánh giá				
Kết quả đạt được so với mục tiêu ĐT	41,97	44,03	44,15	45,01
Cơ sở vật chất, tài liệu đáp ứng yêu cầu ĐT	14,99	16,71	16,66	17,18
Sự hài lòng của người học về chất lượng và hiệu quả ĐT	9,39	10,17	10,36	10,57
Mức độ đạt được các kỹ năng của SV tốt nghiệp	25,54	26,40	25,88	26,52
Mức độ đạt được các năng lực của SV tốt nghiệp sau 4 năm	72,10	73,23	71,04	72,76
Tỉ lệ việc làm trong số sinh viên trả lời phiếu	5,77%	11,60%	6,38%	12,36%

Nguồn TT ĐBCL - ĐHSPhN

**Bảng 10.3.5: Thống kê so sánh tiêu chí đánh giá hiệu quả, chất lượng đào tạo của SV vừa tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024**

Tiêu chí	2021		2022		2023		2024	
	K.GDTH	Trường	K.GDTH	Trường	K.GDTH	Trường	K.GDTH	Trường
Công tác tổ chức quản lý đào tạo	16,54	15,64	75,5	71,9	77,78	78,30	83,31	80,04
Chương trình đào tạo	73,29	68,28	16,92	16,37	17,52	17,02	18,60	17,94
Phương pháp dạy học	32,87	31,10	34,05	32,74	35,16	34,53	37,00	35,88
Kiểm tra đánh giá	12,25	11,59	12,70	12,21	13,16	12,93	13,93	13,42
Cơ sở vật chất, hệ thống CNTT,	24,82	23,61	25,64	24,88	25,18	25,39	27,06	26,20

tài liệu đáp ứng yêu cầu ĐT								
Hoạt động hỗ trợ học tập	54,35	51,09	55,93	52,99	55,73	55,57	59,79	57,73
Môi trường giáo dục	30,09	27,73	30,24	28,98	30,39	30,12	32,37	31,23
Mức độ đạt được các kỹ năng, NL sau 1 năm	49,73	46,60	55,43	52,06	53,49	53,30	55,59	53,53
Mức độ đạt được các kỹ năng, NL sau 4 năm	13,41	12,42	13,81	12,91	13,27	13,21	18,06	17,34
Tỉ lệ việc làm ngay khi ra trường trong số SV trả lời phiếu	25,3%	16,1%	13,6	20,3	32,58	17,49		

*Nguồn TT ĐBCL - ĐHSPHN*

Kết quả cho thấy, phần lớn SV có nhận xét tích cực về chất lượng đào tạo ngành học, về phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả môn học. Khi đối sánh từng tiêu chí đạt được của Khoa GDTH với Trường ĐHSPHN nhận thấy: từ năm 2021, điểm trung bình của Khoa đều cao hơn của Trường nhất là tỉ lệ việc làm ngay sau khi tốt nghiệp được phản hồi với tỉ lệ cao. Căn cứ vào kết quả khảo sát, Nhà trường và Khoa cũng có cơ sở để điều chỉnh, cải tiến CTĐT, CTDH nhằm đáp ứng ngày một tốt hơn nữa nhu cầu của thị trường lao động.

## *2. Điểm mạnh*

Việc đánh giá kết quả học tập của người học và quá trình dạy và học được Trường, Khoa và các Bộ môn rà soát và đánh giá thường xuyên, nghiêm túc đặc biệt là công tác lấy ý kiến phản hồi từ SV về hoạt động giảng dạy của GV để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

### 3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức dự giờ, góp ý các giờ giảng vẫn chưa huy động được sự tham gia của tất cả các GV trong khoa.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	GV trong khoa tăng cường tham gia dự giờ của các đồng nghiệp không chỉ trong bộ môn mà còn dự giờ các đồng nghiệp ở bộ môn khác	GV khoa GDTH	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát và đánh giá thường xuyên, nghiêm túc quá trình dạy và học và đánh giá kết quả học tập của người học để cải tiến nâng cao chất lượng giảng dạy.	TT ĐBCL, khoa GDTH (phối hợp thực hiện).	Hàng năm

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

## Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

### 1. Mô tả

NCKH và đào tạo luôn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. NCKH tạo cơ sở cho việc thực hiện tốt hơn nhiệm vụ dạy và học. Nhà trường đã nhận thức rõ vai trò của NCKH nên đã đưa ra những văn bản quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV, trong đó quy định GV phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc để thực hiện nhiệm vụ NCKH [10.10.04.01], [10.10.04.02], [10.10.04.03], [10.10.04.04]. Hàng năm, Trường và Khoa GDTH luôn khuyến khích, động viên GV và SV tích cực tham gia NCKH. Đối với GV, hoạt động NCKH được coi là nhiệm vụ trọng tâm, gắn liền với việc giảng dạy cần được thực hiện hàng năm. Trong quá trình giảng dạy, tự nghiên cứu, tìm tòi, GV khoa GDTH đã có rất nhiều công trình, bài báo,

sách tham khảo, chuyên khảo, các công trình NCKH phục vụ cho quá trình đào tạo, giảng dạy SV trong khoa và toàn trường [10.10.04.05]. Thống kê kết quả nghiên cứu hằng năm thể hiện ở ở bảng dưới

**Bảng 10.4.1. Số lượng các công bố NCKH của GV khoa GDTH**

<b>Năm</b>	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
Số đề tài NCKH các cấp	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>
Số bài báo trong nước	13	6	7	12	5
Số bài báo quốc tế	5	6	5	5	3
Sách giáo trình/sách chuyên khảo	20	24	31	26	40

Nhiều kết quả NCKH là sách, báo đã được sử dụng là một phần của nội dung giảng dạy trong các học phần của CTĐT [10.10.04.05].

**Bảng 10.4.2. Một số học phần sử dụng các công bố NCKH để cải tiến chất lượng giảng dạy**

<b>Năm</b>	<b>Tên sản phẩm NCKH</b>	<b>Học phần trong CTĐT</b>
2019- 2020	Dạy học lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo hướng phát triển năng lực HS – theo chương trình mới. NXB Quốc gia Hà Nội. 2018 Xây dựng chủ đề môn Khoa học dành cho học sinh lớp 4 theo định hướng phát triển năng lực người học. Tạp chí Khoa học, Trường ĐHSPTN, Vol.61, Number 8, p.98-106. 2016	Dạy học phát triển năng lực các môn Tự nhiên và xã hội ở tiểu học Hình thành phát triển NL trong DH toán
	Design of a competency-based moral lesson to teach critical thinking for primary students. Issues in Educational Research, 30(1), 115-133 Q2, SCOPUS. 2020.	Dạy học môn Đạo đức ở tiểu học
2020- 2021	Đào tạo năng lực giáo dục STEM cho sinh viên sư phạm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông. Tạp chí GDXH số đặc biệt tháng 5/2020. Giáo dục STEM ở trường phổ thông và những vấn đề đặt ra trong việc xây dựng khung năng	Giáo dục STEM

	lực giáo dục STEM cho sinh viên sư phạm. Tạp chí Khoa học, Trường ĐHSP Hà Nội. Volume 65, Issue 4C. 2020	
2021-2022	Designing experiential activities in teaching the mathematics education module for primary education students. Tạp chí Khoa học, Trường ĐHSPHN, Volume 66, Issue 5A. 2021. Exploiting Idioms and Proverbs of Vietnamese Regions in Teaching Mathematics in Primary Schools. Emergiong Science Journal, Vol 6, Special Issue, 2022.	Giáo dục toán học 1; Giáo dục toán học 2
2022-2023	Vận dụng dạy học dự án để thực hiện nội dung giáo dục địa phương trong môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học - Góc nhìn từ giáo viên ở Hà Nội. Tạp chí Khoa học Giáo dục VN. 2023	Phương pháp dạy học các môn Tự nhiên và xã hội ở tiểu học
2023-2024	Xây dựng công cụ đánh giá năng lực khoa học của học sinh trong dạy học chủ đề “trái đất và bầu trời” môn tự nhiên và xã hội lớp 3. Tạp chí khoa học Trường ĐHSP Hà Nội; Issue 1. 2024.	

Hằng năm, hội nghị SV NCKH cũng được Khoa GDTH tổ chức định kỳ. Việc SV tham gia NCKH không những bổ sung thường xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn sử dụng những nghiên cứu đó phục vụ thiết thực cho việc dạy và học. SV tham gia NCKH được vận dụng các kiến thức lý thuyết đã học vào giải quyết một tình huống, vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Từ đó, giúp SV hiểu cặn kẽ về kiến thức lý thuyết cũng như bồi dưỡng lòng đam mê và tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học [10.10.04.06], [10.10.04.07]. SV được GV hướng dẫn công bố các sản phẩm NCKH của mình thông qua các bài báo khoa học, đăng trên các tạp chí chuyên ngành [10.10.04.08]

Từ năm 2019 đến nay, GV có nhiều công trình nghiên cứu khoa học, là chủ nhiệm các đề tài cấp trường, cấp Bộ và được ứng dụng trong đào tạo. Các GV trẻ nhiệt tình ứng dụng các công trình NCKH vào hoạt động giảng dạy các chuyên đề

học tập trong tuần lễ NVSP, định hướng các đề tài tốt nghiệp. Các đề tài khoá luận tốt nghiệp của sinh viên, học viên là những nghiên cứu mang tính thực nghiệm và ứng dụng bước đầu. Kể từ năm 2021, mỗi năm Khoa GDTH có hàng chục SV hoàn thành luận văn của mình dưới sự hướng dẫn của GV [10.10.04.08], [10.10.04.09], [10.10.04.10].

Không chỉ tích cực trong công tác NCKH, các cán bộ của Khoa còn là tác giả, chủ biên, tổng chủ biên tham gia xây dựng giáo trình, SGK, sách tham khảo, đã góp phần cung cấp tư liệu học tập cho sinh viên trong các học phần về dạy học toán, tiếng Việt, đạo đức, hoạt động trải nghiệm, tự nhiên và xã hội, khoa học như: sách tham khảo *Chiến thuật viết văn* (Đỗ Xuân Thảo), *Dạy học lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo hướng phát triển năng lực HS* (Phan Thanh Hà); Sách giáo khoa: *Tự nhiên và xã hội lớp 1, lớp 3, Khoa học lớp 4* (Phan Thanh Hà), *Khoa học lớp 5* (Phan Thanh Hà, Hà Thị Lan Hương); *Đạo Đức lớp 1, lớp 2, lớp 3* (Ngô Vũ Thu Hằng), *Hoạt động trải nghiệm lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5* (Phó Đức Hoà).

Như vậy, các sản phẩm, các công trình NCKH của Khoa GDTH đã được ứng dụng trong quá trình dạy và học, các kết quả NCKH đã góp phần cải tiến hoạt động giảng dạy của GV, giúp gắn lý thuyết với thực hành, đồng thời những sản phẩm đó cũng góp phần nâng cao hoạt động học của người học.

## 2. Điểm mạnh

GV, SV Khoa GDTH tích cực tham gia NCKH, các đề tài NCKH đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng; kết quả NCKH được áp dụng vào hoạt động dạy và học. Số lượng các công trình NCKH được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước cao.

## 3. Điểm tồn tại

Do tính đặc thù của ngành đào tạo nên số lượng các công trình NCKH của GV, SV Khoa GDTH được đăng tải trên các tạp chí quốc tế có uy tín còn hạn chế.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành



1	Khắc phục tồn tại	Nâng cao năng lực ngoại ngữ và năng lực viết bài công bố quốc tế	Cán bộ Khoa GDTH	Từ 2024-2025 và các năm học tiếp theo
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phá huy thế mạnh việc học tập, nghiên cứu khoa học, nâng cao trình độ chuyên môn của các GV	Cán bộ Khoa GDTH	Từ 2024-2025 và các năm học tiếp theo

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác), được đánh giá và cải tiến.**

#### 1. Mô tả

Trường ĐHSPHN luôn xác định chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) có ảnh hưởng rất lớn đến công tác giảng dạy, học tập và NCKH. Vì vậy Nhà trường luôn giám sát, đánh giá và cải tiến của các dịch vụ này.

Trường ĐHSPHN đã ban hành văn bản hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan về các mặt hoạt động của Trường, trong đó nội dung ý kiến phản hồi tập trung vào các vấn đề như mức độ đáp ứng cơ sở vật chất, trang thiết bị; chất lượng các dịch vụ tiện ích, các hoạt động hỗ trợ người học [H10.10.05.01]. Quy trình gồm các bước cụ thể như sau:

Bước 1 - Xây dựng kế hoạch khảo sát: Các đơn vị (các khoa đào tạo) được giao nhiệm vụ lập kế hoạch khảo sát chi tiết theo kế hoạch của Nhà trường và gửi lên TT ĐBCL.

Bước 2 - Thu thập thông tin phản hồi: Các đơn vị (các khoa đào tạo) tiến hành thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan theo kế hoạch (bước 1).

Bước 3 - Hoàn thành khảo sát, xử lý kết quả, thống kê dữ liệu: Các đơn vị (các khoa đào tạo) thống kê, tổng hợp dữ liệu và chuyển dữ liệu khảo sát gốc cho TT ĐBCL.

Bước 4 - Viết báo cáo tổng hợp: TT ĐBCL xử lý dữ liệu khảo sát của các đơn vị (các khoa đào tạo), viết báo cáo tổng hợp.

Bước 5 - Công bố báo cáo tổng hợp: TT ĐBCL công bố báo cáo tổng hợp, gửi kết quả đến Hiệu trưởng và gửi dữ liệu tách riêng đến các đơn vị liên quan.

Bước 6 - Cải tiến và thực hiện cải tiến: Các đơn vị họp thảo luận về kết quả đánh giá và lập kế hoạch cải tiến và gửi kế hoạch cải tiến cho TT ĐBCL.

Bước 7 - Lưu trữ: TT ĐBCL lưu trữ dữ liệu và minh chứng, báo cáo kết quả khảo sát, dữ liệu gốc kết quả đánh giá.

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được tiến hành thường xuyên hàng năm và trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan (đặc biệt là của SV) thông qua các phiếu khảo sát, các cuộc phỏng vấn trực tiếp hoặc thông qua phần mềm khảo sát. Những ý kiến nhận xét, đánh giá về hiệu quả, chất lượng ngành/ khoá đào tạo trong đó có ý kiến về cơ sở vật chất, hệ thống CNTT, tài liệu đáp ứng yêu cầu đào tạo được sử dụng làm căn cứ cải tiến chất lượng phục vụ. Theo Báo cáo kết quả khảo sát: Hiệu quả, chất lượng đào tạo – SV vừa tốt nghiệp trường ĐHSPHN hàng năm của TT ĐBCL, kết quả khảo sát cho thấy đa số SV đều hài lòng về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Nhà trường. Tỷ lệ phản hồi của SV tốt nghiệp năm 2019 - 2023 về “Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích” đều đạt trên 89% ở mức đánh giá đáp ứng tốt (từ mức 3 đến mức 5).

*Thông tin về kết quả cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác ở “Báo cáo kết quả khảo sát: Hiệu quả, chất lượng đào tạo – SV vừa tốt nghiệp trường ĐHSPHN” [H10.10.05.02].*

Các đánh giá của SV tốt nghiệp về cơ sở vật chất, hệ thống CNTT, tài liệu đáp ứng các yêu cầu đào tạo được khảo sát qua 6 câu hỏi, từ câu 34 đến câu 39. Kết quả mức độ hài lòng của SV thể hiện ở bảng sau :

**Bảng 10.5.1. Đánh giá qua các năm của SV về cơ sở vật chất, hệ thống CNTT, tài liệu đáp ứng các yêu cầu đào tạo (%)**

Hoạt động hỗ trợ học tập	Năm				
	2019	2020	2021	2022	2023
Phòng học (diện tích, ánh sáng, bàn ghế, âm thanh) đáp ứng được các chuẩn mực tối thiểu	99,3	99,3	94,1	95,5	95,3
Thư viện của Trường có đủ các tài liệu thiết yếu (giáo trình/ bài giảng, tài liệu tham khảo chính) theo yêu cầu đào tạo	98,8	99,6	93,9	95,3	94,9
Hệ thống máy tính, mạng internet của Trường đáp ứng được yêu cầu đào tạo, khai thác thông tin phục vụ mục đích học tập và nghiên cứu của SV	98,6	98,0	90,3	91,1	91,9

Cơ sở vật chất/ trang thiết bị phòng thực hành, thí nghiệm của Trường đáp ứng tốt các yêu cầu thực hành của ngành học	98,7	99,1	92,5	94,5	94,7
Cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu tổ chức hoạt động tập thể, học nhóm của SV	(không có câu hỏi KS)	(không có câu hỏi KS)	93,6	95,2	94,9
Cơ sở vật chất của Trường đã hỗ trợ đắc lực cho tôi hoàn thành các nhiệm vụ học tập	98,4	98,4	93,6	96	95,3

Từ số liệu trên có thể thấy hơn hầu hết SV có đánh giá tích cực về cơ sở vật chất, CNTT. Tuy nhiên một số năm trở lại đây số lượng SV chưa thật hài lòng về “Hệ thống máy tính, mạng internet của Trường đáp ứng được yêu cầu đào tạo, khai thác thông tin phục vụ mục đích học tập và nghiên cứu của SV” lại tăng lên (ở năm 2023 tỉ lệ này là 2% nhưng đến năm 2022, 2023 là 9% [H10.10.05.02]).

Cùng với việc đánh giá về cơ sở vật chất, CNTT, báo cáo kết quả khảo sát hiệu quả, chất lượng đào tạo SV vừa tốt nghiệp năm trong các năm từ 2019 đến 2023 còn cung cấp thông tin đánh giá về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập. Đặc biệt từ những năm 2021 trở lại đây, nhà trường tăng cường các câu hỏi thu thập ý kiến SV về vấn đề này. Các ý kiến của SV được khảo sát qua 13 câu hỏi, từ câu 40 đến câu 52. Kết quả mức độ hài lòng về dịch vụ tư vấn, hỗ trợ học tập từ năm 2021 trở lại đây cho thấy mức độ hài lòng ngày càng tăng qua từng năm, đến năm 2023 tất cả các tiêu chí đánh giá là trên 94% [H10.10.05.02]. Kết quả cụ thể được trình bày ở bảng dưới.

**Bảng 10.5.2. Đánh giá của SV tốt nghiệp năm 2023 về các hoạt động hỗ trợ học tập**

Hoạt động hỗ trợ học tập	Năm		
	2021	2022	2023
Cố vấn học tập (giáo viên chủ nhiệm) tích cực tư vấn, hỗ trợ SV trong học tập	90.8	93.8	94.1
Cán bộ, nhân viên văn phòng có thái độ hòa nhã, lắng nghe và giải quyết kịp thời các yêu cầu của SV	90.9	92.7	94.8
Các khiếu nại (nếu có) của SV luôn được giải quyết nhanh chóng và thỏa đáng	91.3	93.1	94.8
Thủ tục hành chính liên quan đến SV được giải quyết kịp thời	91.4	93.3	95.0
Trường/Khoa hỗ trợ SV trong thực tập và làm KLTN	91.8	95.9	95.6
Nhà trường có chính sách chăm lo sức khỏe cho SV	93.6	94.4	94.8

Nhà trường có những chính sách hỗ trợ kịp thời khi SV gặp khó khăn	94.0	95.3	95.6
Các hoạt động học thuật (trong và ngoài CTĐT) giúp SV có ý thức và kỹ năng học tập suốt đời	93.6	94.9	95.5
Các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu của SV	93.3	94.7	95.4
Các hoạt động ngoại khóa, đoàn, hội, kết nối và phục vụ cộng đồng phong phú, đa dạng hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo	92.1	94.7	95.4
Các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, định hướng việc làm đáp ứng nhu cầu của SV	92.1	94.0	95.1
Nhà để xe an toàn, thuận tiện	94.9	94.8	95.1
Thiết bị thể dục thể thao và sân vận động của Trường đáp ứng nhu cầu học tập và giải trí	90.8	95.4	95.5

Môi trường học tập là một nội dung khảo sát được Nhà trường quan tâm. Các ý kiến phản hồi của SV thể hiện qua 7 câu hỏi, từ câu 53 đến câu 59. Kết quả mức độ hài lòng của SV về sự quan tâm về mặt tinh thần, về an ninh và đến yếu tố cảnh quan của Nhà trường đều được đánh giá rất tốt (trên 92%). Cụ thể ở bảng sau

Môi trường học tập	Năm		
	2021	2022	2023
Trường chú trọng lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về các hoạt động giáo dục của trường	93.2	95.5	95.9
Thông tin trên website của Trường/Khoa đầy đủ và cập nhật, dễ tiếp cận	92.4	94.0	95.2
SV luôn nhận được sự tận tâm, nhiệt tình, sẵn sàng tư vấn,... của, cán bộ hành chính, giảng viên.	94.2	95.6	95.5
Môi trường tự nhiên đầy đủ ghé đá, bóng mát, ánh sáng, thoáng đãng	94.3	95.6	95.9
An ninh trong trường an toàn, lành mạnh	90.5	94.8	95.7
Môi trường, cảnh quan của Trường tạo thuận lợi cho việc học tập của SV	94.9	96.2	96.1
Môi trường giáo dục tạo sự thoải mái cho sinh viên, hỗ trợ hiệu quả hoạt động đào tạo	95.4	96.2	96.3

*Dựa trên các ý kiến phản hồi của người học, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích luôn được nhà trường, khoa GDTH chú ý cải tiến.*

Đối với TT TT-TV: Hệ thống phòng chức năng TT\_TV được bố trí khoa học, thuận tiện cho SV, GV đọc và mượn tài liệu [H10.10.05.04]. Do ảnh hưởng của dịch COVID-19, năm 2021, TT TT-TV đã tăng cường hình thức phục vụ người học qua việc triển khai Hướng dẫn khai thác sử dụng thư viện số [H10.10.05.07]. Để nâng cao chất lượng phục vụ của thư viện, năm 2019 thư viện Trường điều tra về mức độ đáp ứng tài liệu của thư viện/ thư viện điện tử phục vụ công tác đào tạo và NCKH của GV và SV [H10.10.05.08]. Xuất phát từ yêu cầu thực tế về bổ sung tài liệu dạy - học, thư viện cũng thực hiện việc rà soát, thống kê các tài liệu hiện có, khảo sát nhu cầu tin và các hoạt động thư viện trước khi thực hiện các hợp đồng mua bán sách, báo, tạp chí bổ sung hàng năm; thực hiện thông báo đến các Khoa về việc mua bổ sung tài liệu mới [H10.10.05.05], [H10.10.05.06], [H10.10.05.09], [H10.10.05.10], [H10.10.05.11].

Bên cạnh đó, Nhà trường còn tổ chức giao lưu, đối thoại giữa Lãnh đạo nhà trường với đại biểu SV, học viên Sau đại học về công tác phục vụ TT TT-TV cũng như cơ sở vật chất phục vụ học tập, sinh hoạt [H10.10.05.12], [H10.10.05.13]. Từ năm 2021, thư viện đã thực hiện thống kê số liệu bạn đọc sử dụng thư viện điện tử [H10.10.05.14]. Thông qua các hoạt động trên, Nhà trường nắm bắt được tình hình thực tế các dịch vụ hỗ trợ cũng như nhu cầu, nguyện vọng cần hỗ trợ của người học để cải tiến chất lượng các dịch vụ.

Đối với hệ thống cơ sở vật chất, CNTT: Hàng năm, Nhà trường có các thông báo về việc triển khai thi công cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hạ tầng, cơ sở vật chất để cải thiện cơ sở vật chất của Nhà trường, đáp ứng tốt hơn nhu cầu người học; có kế hoạch đề xuất mua sắm thiết bị bổ sung thay thế phục vụ công tác đào tạo, NCKH, kế hoạch, quy trình bảo trì hệ thống CNTT của Nhà trường [H10.10.05.15], [H10.10.05.16], [H10.10.05.17], [H10.10.05.18]; và hướng dẫn GV sử dụng phần mềm trong quản lý giờ giảng [H10.10.05.19], [H10.10.05.20].

Trường cũng quan tâm chuyển đổi hệ thống mạng, cải thiện dịch vụ CNTT, thông qua dự án trong khuôn khổ chương trình ETEP tại Trường ĐHSPhn. Thêm vào đó, trường đầu tư mua các phần mềm có bản quyền CNTT để nâng cao chất lượng dịch vụ CNTT của trường, phục vụ tốt hơn công tác giảng dạy [H10.10.05.21], [H10.10.05.22], [H10.10.05.23]. Các dịch vụ hỗ trợ khác cũng được chú trọng như hàng năm, Nhà trường tổ chức tập huấn cho SV mới vào Trường cách đăng ký tín chỉ giúp cho SV mới nhập trường đăng ký tín chỉ nhanh và phù hợp với nhu cầu, trình độ học tập của mình, đồng thời giải đáp các thắc mắc liên quan đến quy chế đào tạo và hệ thống đào tạo theo tín chỉ, giúp cho SV có cái nhìn tổng quan về chương trình đào tạo, lộ trình học tập và hướng phấn đấu trong học tập [H10.10.05.24].

Dưới tác động của dịch bệnh COVID-19, từ năm 2019, Nhà trường và Khoa

GDTH có những chuyển đổi hình thức đào tạo, kịp thời hỗ trợ người học: chuẩn bị cơ sở vật chất dạy học trực tuyến, hướng dẫn GV sử dụng phần mềm CNTT trong quản lý và giảng dạy qua mạng [H10.10.05.25], [H10.10.05.26]; Hằng năm Nhà trường đều tổ chức hoạt động tư vấn tâm lý, hỗ trợ cho SV khó khăn, thông báo kiểm tra sức khỏe thường xuyên, vệ sinh môi trường, phòng tránh bệnh [H10.10.05.27], [H10.10.05.28], [H10.10.05.30], [H10.10.05.31]. Năm 2021, Nhà trường tiếp tục thực hiện xây dựng, góp ý và hoàn thiện công thông tin điện tử nhằm tăng cường số hoá trong các hoạt động quản lý và đào tạo [H10.10.05.35].

Đối với hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV: Hằng năm cùng với Nhà trường, Khoa GDTH tổ chức Ngày hội việc làm để kết nối SV với các cơ sở giáo dục đào tạo có nhu cầu tuyển dụng GV; Tổ chức các đợt tập huấn để tăng cường kiến thức kỹ năng cho SV, cập nhật nội dung chương trình mới 2018 [H10.10.05.29]. Bên cạnh đó, trường cũng có trang web cựu người học - <https://www.facebook.com/alumni.hnue/> để SV có thêm hiểu biết về định hướng tương lai nghề nghiệp [H10.10.05.32], [H10.10.05.33].

Như vậy, trên cơ sở thông qua phiếu khảo sát, các báo cáo khảo sát, ý kiến đóng góp của các bên liên quan trong các cuộc họp, hội nghị, Nhà trường và Khoa GDTH cần tiến hành nâng cấp hệ thống CNTT hiện đại... nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ này.

## 2. Điểm mạnh

Hệ thống các dịch vụ và tiện ích phục vụ cho việc dạy học và nghiên cứu đã được nhà trường và khoa đánh giá, bổ sung, cải tiến để đáp ứng ngày càng tốt hơn với yêu cầu làm việc, học tập của GV và SV và cả hoạt động tập thể, học nhóm của SV.

## 3. Điểm tồn tại

Hệ thống máy tính, mạng internet của Trường chưa đáp ứng tốt nhất với yêu cầu đào tạo, khai thác thông tin ngày càng tăng cho các hoạt động học tập và nghiên cứu của SV.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường nâng cấp Hệ thống máy tính, mạng internet của Trường đáp ứng được yêu cầu đào tạo, khai thác thông tin ngày càng cao của SV	Phòng Quản trị, TT. ĐBCL, Khoa GDTH	Từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cung cấp các dịch vụ với chất lượng cao như thư viện điện tử, CNTT, trang thiết bị NCKH	Phòng KH-CN, Phòng Quản trị, TT. TT-TV, TT. CNTT Khoa GDTH	Từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo
---	--------------------	--	--	---

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

***Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.***

***1. Mô tả***

Hoạt động thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan luôn được Trường ĐHSPHN chú trọng. Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan giúp Nhà trường đánh giá hiện trạng các hoạt động ĐBCL nội bộ; có cơ sở để nhận xét, đánh giá hiệu quả công tác quản lý và các hoạt động đào tạo để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; đáp ứng yêu cầu của công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục cũng như chương trình đào tạo của Bộ GD & ĐT; xây dựng và phát triển văn hoá chất lượng Nhà trường; góp phần thực hiện quy chế dân chủ trong Trường.

Từ năm 2005, Trường đã thành lập Trung tâm Đảm bảo chất lượng và khảo thí, theo Quyết định số 437/QĐ-ĐHSPHN, ngày 21/03/2005 [H10.10.06.01]. Trung tâm có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá, kiểm định, đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường; đồng thời nghiên cứu, tư vấn về tổ chức Tự đánh giá định kì, theo các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ GD&ĐT, của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quốc gia, khu vực. Trung tâm là đầu mối thu thập các thông tin phản hồi của các bên liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Đến năm 2018, Trung tâm được đổi tên thành TT ĐBCL và đã được đổi tên thành TT ĐBCL theo QĐ số 4573/QĐ-ĐHSPHN ngày 9/7/2018 của Hiệu trưởng trường ĐHSPHN [H10.10.06.02].

Năm 2021, Nhà trường ban hành Quyết định số 5376b/QĐ-ĐHSPHN quy định công tác ĐBCL nội bộ [H10.10.06.03]. Trong đó đã đưa ra quy định về hệ thống khảo sát các bên liên quan. Hệ thống mạng lưới ĐBCL bên trong của Nhà trường gồm Ban giám hiệu, Ban ĐBCL của Trường, TT ĐBCL, bộ phận ĐBCL của các khoa, phòng, ban, trung tâm thuộc trường ĐHSPHN; ban hành mục tiêu, nguyên tắc cơ bản, xây

dựng hệ thống ĐBCL bên trong, tự đánh giá chất lượng, công tác giám sát và trách nhiệm thi hành. Các thành viên thuộc mạng lưới ĐBCL giáo dục (theo QĐ số 5790/QĐ-ĐHSPHN ngày 23/12/2021 của Hiệu trưởng trường ĐHSPHN) có nhiệm vụ triển khai các hoạt động ĐBCL nội bộ của Nhà trường theo qui định [H10.10.06.04], [H10.10.06.05]. Việc thu thập thông tin phản hồi được tiến hành dựa trên các văn bản qui định, Trường đã đưa ra qui trình gồm các bước một cách hệ thống khi xây dựng chính sách, qui định công cụ quản lý của Trường ĐHSPHN [H10.10.06.06].

Trên cơ sở qui định, TT ĐBCL xây dựng hướng dẫn quy trình lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, trong đó có chỉ rõ công cụ, phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.07], [H10.10.06.08]. Văn bản hướng dẫn của năm 2021 đã điều chỉnh phù hợp hơn so với năm 2020, có thêm bước cải tiến và thực hiện cải tiến, tức là các đơn vị đã có thảo luận, điều chỉnh, đưa ra biện pháp, giải pháp dựa trên kết quả đánh giá.

Hàng năm, TT ĐBCL phối hợp cùng Khoa GDTH thực hiện công tác lấy ý kiến phản hồi, sử dụng công cụ là phiếu khảo sát đã có sự điều chỉnh sau mỗi học kỳ, mỗi năm [H10.10.06.09]. Đối tượng lấy ý kiến gồm các bên liên quan trong trường (người học thuộc các hệ đào tạo, cán bộ viên chức, người lao động). Kế hoạch khảo sát định kỳ SV về công tác giảng dạy của GV tiến hành 2 lần/năm học sau khi thi kết thúc học phần; Lấy ý kiến phản hồi của SV năm cuối về chất lượng ngành/ khóa đào tạo tiến hành 1 lần/năm sau khi SV năm cuối kết thúc thi tốt nghiệp cuối khóa ; Khảo sát tình hình việc làm của SV sau 1 năm tốt nghiệp tiến hành 1 lần/năm [H10.10.06.09], [H10.10.06.10], [H10.10.06.11], [H10.10.06.12]; Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (người học, cựu người học, GV, nhà tuyển dụng) về CTĐT [H10.10.06.13]; Lấy ý kiến của người học về cán bộ hành chính; Lấy ý kiến của người học về các dịch vụ công phục vụ giáo dục [H10.10.06.14], [H10.10.06.15].

Việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng trình tự, khoa học. Phương pháp sử dụng đa dạng, các công cụ sử dụng có độ tin cậy. Kết quả phản hồi thu được là căn cứ để đơn vị thực hiện đã tiến hành rà soát, đánh giá và điều chỉnh cải tiến CTĐT ngành (GDH-GDTH) và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các dịch vụ hỗ trợ [H10.10.06.16].

Để đảm bảo thu thập thông tin chuẩn xác nhất, TT ĐBCL đã xây dựng kế hoạch cải tiến hoạt động khảo sát, hệ thống phiếu khảo sát thu thập thông tin của các bên



liên quan cũng được rà soát và cải tiến điều chỉnh cho phù hợp theo từng năm. Điều này được thể hiện ở hệ thống các phiếu khảo sát thu thập thông tin của các bên liên quan, ví dụ như: trước năm 2019 *Mẫu phiếu lấy ý kiến của người học về công tác giảng dạy* có 30 câu hỏi với 4 mức đánh giá: không đồng ý, phân vân, đồng ý và hoàn toàn đồng ý, từ năm 2019 đã được thay thế bằng mẫu phiếu mới là *Mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi của người học đối với GV* với 16 câu hỏi ở 5 mức độ đánh giá: cần cải thiện, đạt, khá, tốt và xuất sắc sau khi gửi lấy ý kiến của các bên liên quan [H10.10.06.10], [H10.10.06.17]. Năm 2019, trong bối cảnh đại dịch COVID-19, phiếu khảo sát người học đối với GV đã bổ sung thêm câu hỏi về nội dung dạy học online. Bộ câu hỏi khảo sát SV vừa tốt nghiệp đã được bổ sung, chuẩn hoá lại năm 2021, trong đó nhóm câu hỏi về chất lượng và hiệu quả đào tạo gồm 74 câu hỏi (nhiều hơn 34 câu so với bộ phiếu các năm trước đó) và có nội dung tập trung thu thập thông tin về CTĐT, công tác tổ chức thực hiện hoạt động dạy - học, PPGD, kiểm tra - đánh giá, hoạt động hỗ trợ học tập, sự hài lòng của người học. Năm học 2021-2022, tiếp tục xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện cải tiến hoạt động lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan [H10.10.06.17]. Căn cứ vào các thông tin và kết quả phản hồi là cơ sở để Khoa tiến hành rà soát, đánh giá và có hướng điều chỉnh cải tiến chương trình cải tiến chất lượng dạy học, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp, cân đối giữa lý thuyết và thực hành, sử dụng tích cực các phương pháp dạy học tích cực từ đó cải tiến chất lượng ngày một tốt hơn [H10.10.06.18], [H10.10.06.19].

Từ năm học 2023, công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đã được cải tiến. Đối với các khảo sát thường xuyên và khảo sát định kì, bước đầu được thực hiện thông qua phân hệ khảo sát E-survey trong phần mềm quản lí tổng thể PSC tại địa chỉ: <http://esurvey.hnue.edu.vn/Systems/Security/Login.aspx> [H10.10.06.20]. Trong học kì 1, năm học 2023 - 2024, TT ĐBCL đã triển khai khảo sát đánh giá chất lượng giảng dạy các học phần chung được thực hiện khảo sát thi điểm qua phần mềm E – survey (đối với SV K73). Sang học kì 2, TT đã triển khai khảo sát hoàn toàn trên phần mềm E-survey đối với khảo sát đánh giá chất lượng giảng dạy và khảo sát chất lượng ngành/khoá đào tạo [H10.10.06.21]

## 2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã nhận được các ý kiến đóng góp của các bên liên quan cho các hoạt động của Nhà

trường đặc biệt là về CTĐT, công tác giảng dạy của GV được đánh giá thường xuyên và kịp thời có điều chỉnh phù hợp với thực tế.

### 3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng về CTĐT gặp khó khăn, chưa được hiệu quả.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Chủ động định kỳ lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng về CTĐT để làm căn cứ rà soát, điều chỉnh CTĐT phù hợp với thực tiễn Kết nối với các nhà tuyển dụng lao động và tăng cường các cách thức khác nhau để thu thập, lấy ý kiến phản hồi từ người sử dụng lao động.	Khoa GDTH, TTĐBCL	Hằng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường và Khoa tiếp tục định kỳ lấy các ý kiến phản hồi từ các bên liên quan để thực hiện cải tiến CTĐT.	Nhà trường và Khoa GDTH, P.Đào tạo	Hằng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

### Kết luận chung Tiêu chuẩn 10:

Trường ĐHSPHN và Khoa GDTH có hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu đảm bảo quy trình chặt chẽ, bài bản với sự tham gia của các bên liên quan giúp thu thập được đa dạng thông tin phản hồi và nhu cầu của người học, nhà sử dụng, làm cơ sở để Trường và Khoa rà soát, điều chỉnh và phát triển CTDH trong CTĐT, nâng cao chất lượng đào tạo; Hoạt động NCKH của SV, GV gắn kết chặt

chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và kết quả NCKH được áp dụng vào hoạt động dạy và học. Số lượng các công trình NCKH được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước cao; Hệ thống các dịch vụ và tiện ích phục vụ cho việc dạy học và nghiên cứu đã được Nhà trường và Khoa GDTH đánh giá, bổ sung, cải tiến để đáp ứng nhu cầu làm việc của GV và SV.

### Đánh giá tiêu chuẩn 10:

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	1	2	3	4	5	6	7
Tiêu chí 10.1					X		
Tiêu chí 10.2					X		
Tiêu chí 10.3					X		
Tiêu chí 10.4					X		
Tiêu chí 10.5					X		
Tiêu chí 10.6					X		
Điểm tiêu chuẩn	5,0						

### Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

#### Mở đầu

Việc đánh giá tiêu chuẩn 11 dựa trên 5 tiêu chí, bao gồm: 11.1 Tỷ lệ thi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng, 11.2 Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng, 11.3 Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng, 11.4 Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng, 11.5 Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. Trong mỗi tiêu chí, chúng tôi đã tập trung tập hợp các minh chứng thiết yếu để chứng minh tính hợp lý, chính xác và chất lượng của đầu ra chương trình đào tạo. Một số minh chứng tiêu biểu có thể kể đến như Bảng thống kê tỉ lệ thi học, tốt nghiệp đúng hạn; danh sách thi học, tốt nghiệp các năm học trong giai đoạn 2019-2024; bảng kết quả thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT, biên bản họp xét tốt nghiệp của Khoa, Báo cáo tình hình có việc làm sau khi tốt nghiệp 12 tháng của NH; Danh sách NH đăng ký tham gia NCKH, Danh sách đề tài, giải thưởng, Số liệu về việc NH tham gia viết báo; Báo

cáo về mức độ hài lòng của các bên liên quan,...Những minh chứng xác thực này cùng với phần phân tích, đánh giá cho thấy hiệu quả của CTĐT, mức độ tin cậy của các bên liên quan về chất lượng đào tạo,...từ đó khẳng định chất lượng kết quả đầu ra của CTĐT.

***Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

***1. Mô tả***

Đơn vị có trách nhiệm trực tiếp giám sát tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp của NH là phòng Đào tạo, cùng với đó là sự hỗ trợ của Giáo vụ Khoa và Cán bộ quản lý SV [H11.11.01.01], [H11.11.01.02]. Hiện nay, Trường ĐHSPhN đang sử dụng phần mềm quản lý đào tạo PSC (Công đăng ký tín chỉ PSC) để quản lý quá trình học tập của SV, theo dõi và cập nhật danh sách SV khi có sự biến động như: SV tốt nghiệp, SV thôi học hay bảo lưu [H11.11.01.03].

Ngoài ra, để tăng cường cho công tác quản lý và tư vấn học tập cho SV, từ năm 2019, Nhà trường đã ban hành quyết định phân công và giao nhiệm vụ cho cán bộ làm công tác CVHT. BCN khoa, giáo vụ khoa, CVHT và cán bộ Đoàn thanh niên có các cuộc họp thường kỳ về nội dung rà soát các đối tượng SV thuộc diện cảnh báo học tập, có biên bản cuộc họp và có phương hướng tư vấn hỗ trợ các SV này tiến bộ trong học tập [H11.11.01.01], [H11.11.01.02], [H11.11.01.04],

Về việc thôi học của SV, cán bộ quản lý SV trao đổi cùng CVHT để nắm bắt thông tin từ SV, tìm hiểu cụ thể nguyên nhân khiến SV có nguyện vọng dừng học, từ đó trao đổi với NH. Trong trường hợp SV muốn bảo lưu kết quả học tập hay thôi học, căn cứ trên quy trình đã quy định trong quy chế đào tạo, Khoa sẽ tiếp nhận và chuyển đơn của NH lên trường, căn cứ vào đó Nhà trường sẽ ra các quyết định bảo lưu, thôi học cho từng SV [H11.11.01.01]. Dựa trên các quyết định này, các CVHT, cán bộ quản lý SV theo dõi được biến động số lượng SV từng lớp/khóa, thống kê được tỷ lệ thôi học của SV (Bảng 11.1.1) [H11.11.01.01].

**Bảng 11.1.1. Tình hình sinh viên thôi học CTĐT ngành GDTH  
giai đoạn 2019-2024**

T	Năm học	Tổng số SV toàn khoá (1)	Số SV thôi học toàn khoá		Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
			Số lượng (2)	Tỉ lệ (3)	SL (4)	TL (5)	SL (6)	TL (6)	SL (7)	TL (7)	SL (8)	TL (8)
	2019-2020	271	03	1,1	0	0	0	0	01	0,22	0	0
	2020-2021	400	03	0,75	0	0	02	0,307	01	0,153	0	0
	2021-2022	487	03	0,61	01	0,125	0	0	02	0,25	0	0
	2022-2023	553	01	0,18	0	0	01	0,11	0	0	0	0
	2023-2024	521	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trung bình		2,0	0,528	0,2	0,025	0,6	0,082	0,8	0,125	0	0

Số liệu thống kê cho thấy, tỉ lệ SV thôi học của ngành GDTH trong giai đoạn 2019-2024 là tương đối thấp (trung bình 0,528 %/năm). Trong đó, tỉ lệ SV thôi học tập trung từ năm hai đến năm thứ ba, với nguyên nhân chính là do định hướng nghề chưa rõ ràng của bản thân, tâm lí ngành nghề của SV chưa ổn định, hay do áp lực về định hướng nghề nghiệp của gia đình. Các trường hợp thôi học ở năm 2 thường do SV bảo lưu kết quả sau khi học xong năm thứ nhất để thi lại đại học sau đó chuyển trường. Bên cạnh đó giai đoạn 2022 – 2024, tỉ lệ sinh viên thôi học giảm so với giai đoạn 2019-2021 do SV được học tập trực tiếp tại trường lớp.

Về tỉ lệ tốt nghiệp của SV, khi SV hoàn thành CTĐT, đủ điều kiện tốt nghiệp, SV đăng kí và viết đơn xin xét tốt nghiệp, Khoa sẽ thành lập hội đồng họp và xét tốt nghiệp, gửi kết quả lên Nhà trường [H11.11.01.06]. Dựa trên kết quả xét tại Khoa,

Nhà trường sẽ thành lập hội đồng xét tốt nghiệp và ra quyết định công nhận và cấp bằng tốt nghiệp kèm theo danh sách SV tốt nghiệp [H11.11.01.07]. Quyết định này được công bố công khai và gửi về Khoa để lưu trữ. Hàng năm, Nhà trường tiến hành xét tốt nghiệp theo 3 đợt, đợt 1 được tiến hành vào tháng 2 dành cho các SV đủ điều kiện tốt nghiệp sau 4 năm học tập và đợt 2,3 được thực hiện vào khoảng tháng 6, dành cho các SV tốt nghiệp sau hơn 4 năm khi tích lũy đủ tín chỉ của CTĐT. Năm 2024, Nhà trường tiến hành thêm 1 đợt xét tốt nghiệp vào khoảng tháng 7, 8.

**Bảng 11.1.2 Tỷ lệ tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình CTĐT ngành sư phạm GDTH giai đoạn 2019-2024**

T	Năm học	Tổng số SV nhập học (1)	Tổng số SV thôi học (2)	Tổng số SV TN		SVTN đúng hạn		SVTN 5 năm		SVTN 6 năm		Thời gian TN trung bình (7)
				SL (3a)	TL (3b)	SL (4a)	TL (4b)	SL (5a)	TL (5b)	SL (6a)	TL (6b)	
	2019-2020	133 (K69)	3	36 (K66)	100	36	100	0	0	0		4
	2020-2021	165 (K70)	2	50 (K67)	100	50	100	0	0	0		4
	2021-2022	141 (K71)	2	51 (K68)	100	51	100	0	0	0	0	4
	2022-2023	119 (K72)	1	130 (K69)	100	130	100	0	0	0	0	4
	2023-2024	100 (K73)	0	164 (K70)	100	158	96,34	6	3,66	0	0	4,03
Tổng trung bình		131,6	1,6	86,2	100	85	99,27	1,2	0,73	0	0	4,006

Khoa thảo luận và đề xuất các giải pháp để giảm tỉ lệ SV thôi học, tăng tỉ lệ SV tốt nghiệp của ngành Sư phạm GDTH. Phân tích cho thấy, dao động trong việc chọn trường, chọn nghề là những nguyên nhân chính dẫn đến việc thôi học của SV. Để giảm tỉ lệ thôi học của ngành GDTH, BCN Khoa đưa ra các giải pháp như: Tăng cường vai trò của CVHT trong việc tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của SV, giúp các em ổn định tinh thần và yên tâm học tập; Liên chi đoàn cần tổ chức thêm các buổi ngoại khóa, tọa đàm về phương pháp học tập, cơ hội nghề nghiệp hay kỹ năng sống để tân SV có thể hòa đồng và nhận thêm sự giúp đỡ của các SV khóa trên.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có công cụ và hệ thống quản lí, giám sát tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp của SV một cách chặt chẽ, qua các bước đi từ cấp Khoa với đội ngũ CVHT, Cán bộ quản lí SV, Giáo vụ Khoa đến cấp Trường với đơn vị chịu trách nhiệm chính là Phòng Đào tạo thông qua công cụ giám sát là phần mềm PSC. Từ đây, số SV thôi học, tốt nghiệp được cập nhật chính xác. Mặt khác, việc phân tích, tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra các biện pháp hỗ trợ NH tốt nghiệp đúng hạn, giảm thiểu tỉ lệ SV thôi học cũng đã được triển khai khá hiệu quả thông qua đội ngũ CVHT.

## 3. Điểm tồn tại

Do yêu cầu chuẩn đầu ra Tiếng Anh với SV từ năm học 2024 được nâng cao nên số lượng SV TN không đúng hạn có sự tăng nhẹ.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Giảm tỉ lệ thôi học thông qua việc thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, ngoại khóa tìm hiểu, hướng dẫn sinh viên các khóa mới về phương pháp học tập ở đại học, phát triển kỹ năng nghề nghiệp.	Phòng CTCT-HSSV Khoa GDTH, LCD Khoa GDTH	Thực hiện hàng kì, hàng năm



2	Phát huy điểm mạnh	<p>- Tiếp tục tăng cường vai trò của CVHT trong hoạt động tư vấn, giám sát kế hoạch học tập của SV; tư vấn, đôn đốc, nhắc nhở NH rèn luyện, ôn tập để đạt yêu cầu về Ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra.</p> <p>- Duy trì và nâng cấp chất lượng của phần mềm quản lí đào tạo.</p>	CVHT Phòng Đào tạo	Hàng năm
---	--------------------	---	--------------------	----------

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

### ***Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

#### ***1. Mô tả***

Trong quá trình học tập của SV, thông qua phần mềm quản lí đào tạo, Phòng Đào tạo phối hợp cùng Giáo vụ và CVHT của Khoa GDTH chịu trách nhiệm trong việc theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của NH [H11.11.02.06].

Ngay từ khi SV vào trường, Nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch đào tạo trong đó xác lập được thời gian tốt nghiệp trung bình của NH tham gia CTĐT.

Trên hệ thống quản lí đào tạo PSC, mỗi SV được cấp một mã và mật khẩu để truy cập hệ thống và quản lí, theo dõi kết quả học tập của mình. Trên trang cá nhân này, SV sẽ biết được số tín chỉ mình đã tích lũy, điểm tích lũy được, các môn học đã hoàn thành, từ đó có thể lập kế hoạch học tập và tốt nghiệp cho bản thân [H11.11.01.03]. Ngoài Phòng Đào tạo, Giáo vụ Khoa và các CVHT cũng theo dõi được kết quả học tập của SV mình quản lí. Việc này sẽ giúp cho Giáo vụ khoa và các CVHT tư vấn, hỗ trợ NH, đặc biệt là các SV có thành tích học tập chưa cao thường do nợ môn hay hoàn cảnh cá nhân như kết hôn, sinh con. Dựa trên việc tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến nguy cơ chậm tốt nghiệp của NH, các CVHT sẽ tiến hành tư vấn, đưa ra các giải pháp hỗ trợ các bạn SV tốt nghiệp đúng hạn [H11.11.01.06].

Bên cạnh đó, Nhà trường phối hợp cùng Khoa đưa ra Cảnh báo học tập cho SV khi không hoàn thành kế hoạch học tập như chưa tích lũy đủ số tín chỉ; điểm trung bình chung tích lũy thấp. Cảnh báo học tập được thông báo trên trang cá nhân của SV,

gửi tới các CVHT, cán bộ quản lý SV, Giáo vụ Khoa, từ đó các bộ phận chuyên trách nắm được thông tin và có giải pháp hỗ trợ NH kịp thời.

Để hỗ trợ cho các SV thuộc nhóm cảnh báo cải thiện kết quả học tập, hoàn thành CTĐT đúng hạn, Nhà trường đã tổ chức học kì 3 vào khoảng tháng 6 đến tháng 8 hàng năm, ngoài 2 học kì chính. Học kì 3 cũng là cơ hội cho các SV muốn nâng cao kết quả học tập hoặc rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Việc đăng kí các môn học trong học kì 3 được thông báo trên phần mềm quản lý đào tạo cũng như được quy định rõ trong Sổ tay SV từ năm 2018 [H11.11.02.02; H11.11.02.03]. Các môn học được bố trí trong học kì 3 thường là các môn thuộc khối kiến thức chung, chỉ có 1 số ít môn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, do quy định về số lượng SV của lớp tín chỉ.

**Bảng 11.2.1. Thời gian tốt nghiệp trung bình của NH ngành GDTH trong giai đoạn 2019-2024**

Khóa học	Số SV tốt nghiệp thời gian		Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm)
	4 năm	Trên 4 năm	
2017-2021	K67(50)	0	4,0
2018 -2022	K68(51)	0	4,0
2019-2023	K69(130)	0	4,0
2020-2024	K70(158)	6	4,036

Thông qua việc theo dõi thời gian nhập học đối chiếu với thời gian tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành GDTH được xác lập và chỉ ra trong Bảng 11.2.1 và các minh chứng [H11.11.01.08]; [H11.11.01.10]. Số liệu thu được cho thấy, giai đoạn năm 2017 - 2023, 100% SV tốt nghiệp đúng hạn (hoàn thành chương trình học trong 4 năm), Thời gian tốt nghiệp trung bình tăng dần đối với SV khoá 2020-2024 liên quan tới việc SV cần có chứng chỉ tiếng Anh mới đủ điều kiện xét tốt nghiệp. Việc này khiến nhiều SV dù tích lũy đủ tín chỉ vẫn không thể tốt nghiệp đúng thời gian.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát chặt chẽ kế hoạch học tập của SV, do đó thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành GDTH được xác lập và giám sát. Khoa có hệ thống CVHT sát sao và luôn sẵn sàng hỗ trợ cho SV trong việc lên kế hoạch học tập phù hợp với năng lực và hoàn cảnh cá nhân giúp giảm số lượng SV tốt nghiệp muộn từ đó giảm thời gian tốt nghiệp trung bình.

## 3. Điểm tồn tại

Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV có xu hướng tăng trong năm gần đây khi CDR tiếng Anh được áp dụng trong khi việc đối sánh để tìm giải pháp cho tiêu chí này với các chuyên ngành đào tạo khác còn hạn chế.

## 4. Kế hoạch hành động

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục tồn tại	CVHT tích cực nhắc nhở SV ôn luyện và chuẩn bị sẵn sàng để đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo yêu cầu mới; LCD, các CLB trong Khoa tổ chức các hoạt động tăng cường trau dồi, phát triển ngoại ngữ cho SV Thực hiện thêm việc đối sánh về thời gian tốt nghiệp để phục vụ việc cải tiến CTĐT.	Khoa GDTH	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường hoạt động giám sát kế hoạch học tập của SV thông qua việc liên hệ chặt chẽ giữa CVHT, Giáo vụ Khoa và SV.	Khoa GDTH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

**1. Mô tả**

TT ĐBCL có nhiệm vụ điều tra tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp [H11.11.03.04]. Việc khảo sát được TT ĐBCL tiến hành thường niên theo quy trình gồm 8 bước: (1) Lập Ban chỉ đạo; (2) Xây dựng phiếu điều tra, chọn mẫu khảo sát; (3) Thực hiện điều tra; (4) Nhập, tổng hợp và xử lý dữ liệu; (5) Phân tích dữ liệu, lập đồ thị, biểu bảng số liệu; (6) Viết báo cáo; (7) Thẩm định và duyệt báo cáo; (8) Báo cáo Bộ GD&ĐT và đăng trên website của Trường [H11.11.03.02]. Trong đó, ở bước 3, việc thực hiện điều tra có sự kết hợp và hỗ trợ của cán bộ Giáo vụ và Quản lý SV ở Khoa. Dựa trên các phiếu phản hồi của NH sau tốt nghiệp, Khoa sẽ tập hợp và gửi TT ĐBCL để phân tích kết quả [H11.11.03.01]; [H11.11.03.02].

Căn cứ trên kết quả tổng hợp được, Trung tâm sẽ lập báo cáo tình hình việc làm của SV sau 1 năm tốt nghiệp [H11.11.03.04]. Báo cáo này là cơ sở để Nhà trường điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh của các ngành, để các Khoa cải tiến CTĐT và có các biện pháp hỗ trợ SV tìm việc làm. Các mẫu phiếu khảo sát được điều chỉnh theo các năm nhằm nâng cao hiệu quả của việc điều tra.

**Bảng 11.3.1. Thống kê tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp CTĐT ngành GDTH giai đoạn 2019 – 2024**

<b>Khóa học</b>	<b>Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng</b>						<b>Tiếp tục học tập (7)</b>
	<b>Tỷ lệ SV có việc làm (1)</b>	<b>Tỷ lệ việc làm liên quan đến CTĐT (2)</b>	<b>Nhà nước (3)</b>	<b>Liên doanh (4)</b>	<b>Tư nhân (5)</b>	<b>Tự tạo việc làm (6)</b>	
2016-2020	100%	100%	34	1	22	0	0
2017-2021	100%	100%	30	0	23	1	0

2018-2022	100%	100%	22	2	18	0	0
2019-2023	Chưa có số liệu	-	-	-	-	-	-
Trung bình	100%	100%	28,66	1,0	21	0,33	0

Kết quả về tình hình việc làm của SV tốt nghiệp giai đoạn 2019-2024 được thể hiện trong bảng 11.3.1 và trên các MC [H11.11.03.04]; [H11.11.03.05]. Dựa trên kết quả thu thập có thể khẳng định, 100% SV ngành GDTH tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn. Trong đó, số lượng SV có việc làm trong Nhà nước và Tư nhân chiếm số lượng lớn nhất. Riêng khoá học 2019-2023 chưa có báo cáo kết quả khảo sát.

**Bảng 11.3.2. Bảng đối sánh tỉ lệ NH tốt nghiệp có việc làm của ngành GDTH với các CTĐT khác trong giai đoạn 2019- 2024**

Khóa học	Tỉ lệ % NH TN có việc làm			
	CTĐT đào tạo GDTH	CTĐT ngành SP Ngữ văn	CTĐT ngành Sư phạm GDMN	CTĐT ngành GDDB
2016-2020	100%	98,43%	100%	95,83%
2017 -2021	100%	94,23%	100%	100%
2018 – 2022	Chưa có số liệu	-	-	-
2019-2023	Chưa có số liệu	-	-	-

Khi so sánh tỉ lệ Nh tốt nghiệp có việc làm của ngành GDTH với một số ngành sư phạm và ngoài sư phạm trong Trường, có thể thấy tỉ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp ngành GDTH vẫn đạt mức cao. Cụ thể, Khoá 2016-2020, tỉ lệ SV tốt nghiệp ngành GDTH có việc làm tương đương SV tốt nghiệp ngành GDMN (100%) và cao hơn SV tốt nghiệp ngành SP Ngữ văn (98,43%) và SV tốt nghiệp ngành GDDB (95,83%).

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp cùng Khoa liên hệ thường xuyên với người tốt nghiệp, hoạt động điều tra tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp được thực hiện hàng năm, với số lượng SV phản hồi đông đảo. Thông tin giới thiệu việc làm được cập nhật thường

xuyên trên các phương tiện như Websites của Khoa, của Trường hay các kênh thông tin của Liên chi đoàn nhằm hỗ trợ NH tìm kiếm việc làm.

### 3. Điểm tồn tại

SV mới ra trường còn khá ngỡ ngàng và cần thời gian thích nghi với môi trường lao động để được các nhà tuyển dụng đánh giá cao hơn.

### 4. Kế hoạch hành động

5. Tự đánh giá: 5/7

## **Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

### 1. Mô tả

Phòng Khoa học và Công nghệ là đơn vị được giao nhiệm vụ lập kế hoạch và triển khai hoạt động SV NCKH [H11.11.04.01]. Dựa trên kế hoạch được phê duyệt, Khoa gửi thông báo đến các Bộ môn, từ đó các Bộ môn tiến hành xây dựng các kế hoạch NCKH cụ thể cho NH, phù hợp với hướng nghiên cứu của Bộ môn. Trong kế hoạch này, Bộ môn chỉ ra các lĩnh vực, nội dung nghiên cứu được ưu tiên hỗ trợ về cơ sở vật chất, trang thiết bị cũng như kinh phí thực hiện [H11.11.04.02]. Các hướng nghiên cứu của khoa thường tập trung vào 3 loại hình chính là nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và khoa học giáo dục. Những SV đam mê NCKH và đủ điều kiện về kết quả học tập sẽ lựa chọn và đăng kí vào các Bộ môn tương ứng với hướng nghiên cứu theo nguyện vọng [H11.11.04.03]. Thống kê ở Bảng 11.4.1 cho thấy, SV Khoa GDTH chủ yếu tham gia nghiên cứu đề tài khoa học, không tham gia các hình thức khác như khởi nghiệp, Olympic; vv.

**Bảng 11.4.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên CTĐT ngành GDTH giai đoạn 2019 – 2024**

T	Nội dung	Số lượng SV tham gia/giải thưởng				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
	Loại hoạt động NCKH và số SV tham gia					
	1.1. Đề tài NCKH SV	53	15	96	48	85

1.2. Khởi nghiệp	0	0	0	0	6
1.3. Olympic	0	0	0	0	0
1.4. Khác	0	0	0	0	0
Tổng số SV tham gia các loại hình (1)	53	15	96	48	91
Tỷ lệ SV tham gia NCKH/tổng số SV	11,7%	2,3%	12%	5,3%	10,8%

1

Hoạt động NCKH của SV được quản lý trực tiếp bởi GV hướng dẫn và Bộ môn nơi SV thực hiện đề tài thông qua các buổi báo cáo đề cương và tiến độ nghiên cứu [H11.11.04.03]. Dựa trên báo cáo, hàng năm Bộ môn sẽ lựa chọn các SV có kết quả nghiên cứu tốt tham gia Hội nghị NCKH cấp Khoa [H11.11.04.04]. Hội nghị SV NCKH được tổ chức thường niên nhằm tổng kết hiệu quả của hoạt động NCKH đồng thời tuyển chọn các đề tài tham gia Hội nghị cấp Trường [H11.11.04.05]. Khi tham gia Hội nghị, SV đồng thời được rèn luyện khả năng báo cáo và viết bài báo khoa học. Các báo cáo khoa học này được in trong Kỷ yếu của Hội nghị, đây cũng là động lực thúc đẩy các bạn SV tìm tòi, nghiên cứu để hướng đến việc công bố kết quả nghiên cứu của mình [H11.11.04.06]. Kinh phí dành cho hoạt động NCKH của SV được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H11.11.04.07].

Trong 5 năm gần đây, tỉ lệ SV ngành Sư phạm GDTH tham gia vào hoạt động NCKH ở cấp Khoa dao động tương đối lớn từ 2,3% đến 11,7% (Bảng 11.4.1, Bảng 11.4.2) [H11.11.04.02]. Với chất lượng NCKH được nâng cao, kỹ yếu SV NCKH đã đăng gần 100% bản tóm tắt của các báo cáo khoa học của SV. Kết quả thống kê cho thấy tỉ lệ SV được giải thưởng cấp Khoa và đặc biệt là cấp Trường tương đối cao, một số đề tài đạt giải cấp bộ [H11.11.04.05].

**Bảng 11.4.2. Thống kê tỉ lệ (%) SV ngành GDTH tham gia NCKH và nhận giải thưởng NCKH các cấp giai đoạn 2019 – 2024**

Năm học	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
Tổng SV toàn khoa	453	651	800	899	844



Tỉ lệ % SV tham gia NCKH cấp Khoa	11,7%	2,3%	12%	5,3%	10,8%
Tỉ lệ % SV được giải cấp Khoa	11,7%	2,3%	12%	5,3%	10,8%
Tỉ lệ% SV tham gia NCKH cấp Trường	0,9%	0,5%	1,25%	0,7%	2%
Tỉ lệ % SV được giải thưởng cấp Trường	0,9%	0,5%	1,25%	0,7%	2%
Tỉ lệ SV được giải thưởng cấp Bộ	00	00	00	0,3%	00

2

Ngoài giải thưởng các cấp, tính hiệu quả trong hoạt động NCKH của SV ngành GDTH cũng như hoạt động đầu tư cho NCKH của Khoa và Nhà trường còn được minh chứng rõ ràng trong việc tham gia của SV vào các công bố khoa học cùng thầy cô hướng dẫn. Kết quả thống kê cho thấy, từ năm 2019 đến nay, có 04 nhóm SV có tên trong bài báo được công bố trên các tạp chí Khoa học uy tín cả trong nước tăng hơn so với trước đây [H11.11.04.09]. Kết quả này cho thấy sự nỗ lực của SV và sự hướng dẫn nhiệt tình của các thầy cô trong Khoa GDTH.

Để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên nâng cao cả về chất lượng và số lượng, trong tầm nhìn đến năm 2030 của Trường ĐHSPTN, Khoa GDTH phát triển nguồn học liệu số, cùng việc mở rộng cơ chế tài chính cho hoạt động nghiên cứu khoa học như tăng kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên từ nguồn kinh phí thường xuyên của khoa, hay kêu gọi tài trợ từ nguồn quỹ của các đề tài của thầy cô. Bên cạnh đó, tăng cường hơn nữa các hợp tác quốc tế trong nghiên cứu và thành lập những nhóm nghiên cứu kết hợp giữa thầy cô và sinh viên để nâng cao hiệu quả NCKH [H11.11.04.10].

## 2. Điểm mạnh

Hoạt động NCKH của SV được quan tâm, giám sát và hỗ trợ cả về chuyên môn và kinh phí thực hiện từ nhiều cấp độ gồm giáo viên hướng dẫn, Bộ môn, Khoa và Nhà trường. Tỉ lệ SV tham gia hoạt động NCKH và số lượng SV có bài báo cáo đăng trong kỉ yếu nghiên cứu khoa học cấp khoa khá cao.

### 3. Điểm tồn tại

Số lượng SV tham gia NCKH chưa cao như kì vọng và yêu cầu của Khoa đặt ra.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Cần tăng cường chất lượng nghiên cứu của SV dựa trên việc tăng thời gian thực hiện, tăng kinh phí và các hoạt động hỗ trợ từ Khoa và Nhà trường	Phòng KHCN Khoa GDTH	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và mở rộng các hoạt động khuyến khích SV tham gia NCKH như các Hội nghị, giải thưởng, vv. Triển khai sớm các kế hoạch thành lập các nhóm nghiên cứu trẻ ở Khoa để huy động được kinh phí và nhân lực cho hoạt động NCKH.	Phòng KHCN Khoa GDTH	Từ năm 2024 - 2025

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

### **Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

#### 1. Mô tả

TT ĐBCL, được thành lập theo quyết định số 4573/QĐ- ĐHSPHN. Trung tâm có nhiệm vụ khảo sát, tiếp nhận thông tin phản hồi từ các bên liên quan gồm GV, SV, cựu người học, nhà tuyển. Đồng thời, TT ĐBCL cũng được giao chủ trì và làm nòng cốt trong việc xây dựng các công cụ và tổ chức thực hiện các hoạt động ĐBCL bên trong Nhà trường. Theo đó, Trung tâm đã xây dựng và ban hành Hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, sử dụng thông tin phản hồi của

các bên liên quan. Hàng năm, bằng cách sử dụng các công cụ khảo sát là phỏng vấn, bảng hỏi và phiếu khảo sát (online/offline), Trung tâm đã thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi về 5 vấn đề bao gồm: (1) Ý kiến phản hồi của người học đối với hoạt động giảng dạy; (2) Ý kiến SV về cán bộ hành chính tại Khoa đào tạo; (3) Ý kiến của SV về chất lượng Khóa/ngành đào tạo; (4) Khảo sát tình hình việc làm của cựu SV; (5) Phản hồi của người học đối với dịch vụ giáo dục của Nhà trường. Các ý kiến sau khi thu thập sẽ được Trung tâm Đảm bảo chất lượng xử lý, phân tích kết quả, báo cáo tổng hợp và cuối cùng là phổ biến đến các bên liên quan để thực hiện cải tiến chất lượng [H11.11.05.01]; [H11.11.05.02]; [H11.11.05.03]; [H11.11.05.04].

Bên cạnh đó, nhằm nâng cao hiệu quả của việc cải tiến chất lượng CTĐT, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động, cũng như đánh giá chính xác mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với CTĐT, năm 2019, thực hiện nhiệm vụ do BGH Trường ĐHSPHN giao, TT ĐBCL đã triển khai khảo sát GV, cựu SV và Nhà tuyển dụng về chất lượng CTĐT cũng như chất lượng của người lao động là SV tốt nghiệp từ Nhà trường [H11.11.05.04].

Song song với việc lấy ý kiến của SV, Trung tâm cũng tiến hành khảo sát phản hồi của GV về CTĐT, kỹ năng và năng lực đạt được của SV sau 4 năm học. GV Khoa GDTH đánh giá chưa cao về năng lực đạt được của SV sau khi tốt nghiệp (xếp thứ 6 trong 10 CTĐT được khảo sát) và mức độ đạt được các kỹ năng, với điểm số khảo sát thu được xếp thứ 7 trong 10 CTĐT được khảo sát. Về phía Nhà tuyển dụng, kết quả phản hồi cho thấy, SV tốt nghiệp được đánh giá mạnh nhất ở các vấn đề như: Kiến thức chuyên ngành; Năng lực tự học, tự nghiên cứu; Khả năng giải quyết công việc; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng thuyết trình, vv. Trong khi cần cải thiện một số kỹ năng mềm như: Kỹ năng sử dụng Tin học; Kỹ năng quản lý và giải quyết xung đột, vv. [H11.11.05.06].

Ngoài việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan, Nhà trường còn thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu, đối thoại, gặp mặt để trực tiếp lắng nghe ý kiến của người học và cán bộ, GV trong Trường. Cụ thể, hoạt động giao lưu giữa Lãnh đạo Nhà trường với đại biểu SV, học viên Sau đại học được tổ chức thường niên với những nội dung đối thoại bám sát với nhu cầu được trao đổi của người học như: Công tác đào tạo, công tác NCKH, công tác học sinh-SV, cơ sở vật chất phục vụ học tập, sinh hoạt của SV, vv. [H11.11.05.08].

Bên cạnh đó, đầu năm học, hội nghị đại biểu cán bộ, viên chức cũng được tổ chức từ cấp Khoa đến cấp Trường nhằm tổng kết các hoạt động của năm học trước, thông qua nhiệm vụ của năm học mới và lắng nghe, trao đổi nguyện vọng của cán bộ, viên chức với Lãnh đạo hướng đến việc xây dựng, phát triển Khoa và Trường [H11.11.05.09]; [H11.11.05.10].

Dựa trên việc khai thác, xử lý các thông tin phản hồi của các bên liên quan, thực hiện việc đối sánh thông qua các báo cáo kết quả lấy ý kiến hàng năm, Nhà trường đã nỗ lực tiến hành cải tiến chất lượng CTĐT cũng như đầu tư trang thiết bị vật chất phục vụ cho hoạt động dạy học. Việc kiểm kê tài sản cũng được thực hiện hàng năm nhằm kịp thời bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị [H11.11.05.07].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống các đơn vị chuyên trách, có quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan. Vì vậy mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh. Việc đầu tư trang thiết bị phục vụ cải tiến CTĐT và NCKH được thực hiện thường niên, có cải tiến dựa trên phản hồi của SV, GV.

## 3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến khảo sát về mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng còn chưa được tiến hành một cách thường xuyên.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Liên kết chặt chẽ với các cơ sở sử dụng lao động là các SV sau tốt nghiệp để thu thập ý kiến phản hồi về chất lượng đào tạo.	Khoa GDTH	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, CDR của SV, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Duy trì việc lấy ý kiến phản hồi của SV, GV, nhà tuyển dụng về các vấn đề liên quan đến	TT ĐBCL	Hàng năm

	CTĐT; hoàn thiện phiếu lấy ý kiến, mở rộng hình thức lấy ý kiến.		
--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

### **Kết luận về tiêu chuẩn 11:**

Nhà trường có công cụ và hệ thống quản lí, giám sát tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp của SV một cách chặt chẽ, qua các bước đi từ cấp Khoa với đội ngũ CVHT, Cán bộ quản lí SV, Giáo vụ Khoa đến cấp Trường với đơn vị chịu trách nhiệm chính là Phòng Đào tạo thông qua công cụ giám sát là phần mềm PSC. Từ đây, số SV thôi học, tốt nghiệp được cập nhật chính xác. Mặt khác, việc phân tích, tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra các biện pháp hỗ trợ NH tốt nghiệp đúng hạn, giảm thiểu tỉ lệ SV thôi học cũng đã được triển khai khá hiệu quả thông qua đội ngũ CVHT.

Ngoài ra, Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát chặt chẽ kế hoạch học tập của SV, do đó thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành GDTH được xác lập và giám sát. Khoa có hệ thống CVHT sát sao và luôn sẵn sàng hỗ trợ cho SV trong việc lên kế hoạch học tập phù hợp với năng lực và hoàn cảnh cá nhân giúp giảm số lượng SV tốt nghiệp muộn từ đó giảm thời gian tốt nghiệp trung bình. Về việc quản lý tỉ lệ việc làm sau tốt nghiệp của NH, Nhà trường đã chỉ đạo, phối hợp cùng Khoa liên hệ thường xuyên với người tốt nghiệp, hoạt động điều tra tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp được thực hiện hàng năm, với số lượng SV phản hồi đông đảo. Thông tin giới thiệu việc làm được cập nhật thường xuyên trên các phương tiện như Websites của Khoa, của Trường hay các kênh thông tin của Liên chi đoàn nhằm hỗ trợ NH tìm kiếm việc làm.

Các hoạt động nghiên cứu của NH đã được quan tâm, giám sát và hỗ trợ cả về chuyên môn và kinh phí thực hiện từ nhiều cấp độ gồm giáo viên hướng dẫn, Bộ môn, Khoa và Nhà trường. Tỉ lệ SV tham gia hoạt động NCKH và số lượng SV có bài báo cáo đăng trong kỉ yếu nghiên cứu khoa học cấp khoa khá cao.

Đối với việc tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan, Nhà trường có hệ thống các đơn vị chuyên trách, có quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi. Vì vậy mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh. Việc đầu tư trang thiết bị phục vụ cải tiến CTĐT và NCKH được thực hiện thường niên, có cải tiến dựa trên phản hồi của SV, GV.

**Đánh giá tiêu chuẩn 11:**

Tiêu chuẩn 11	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 11.1					5		
Tiêu chí 11.2					5		
Tiêu chí 11.3					5		
Tiêu chí 11.4					5		
Tiêu chí 11.5					5		
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>5.0</b>						



## PHẦN III. KẾT LUẬN

Phần này bao gồm các nội dung: (1) Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT; (2) Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT (tổng hợp theo từng tiêu chuẩn); (3) Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT; (4) Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT.

### 3.1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của chương trình đào tạo

(1) Mục tiêu của CTĐT trình độ đại học ngành GDTH được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHSPHN trong kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học và đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. CDR của CTĐT khi xây dựng đều hướng đến sứ mạng, mục tiêu, đội ngũ của Trường và khảo sát nhu cầu của xã hội nên đã phản ánh được tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường. CDR của CTĐT đại học ngành GDTH đơn giản, dễ hiểu, đo lường được, đã bao quát được các yêu cầu chung của bậc giáo dục đại học mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp và bao gồm các điểm riêng biệt dành cho SV đại học ngành GDTH. CDR đã phản ánh đúng yêu cầu của các bên liên quan đã góp ý và đáp ứng tốt nhu cầu của nhà tuyển dụng được thể hiện rõ trong chương trình chi tiết đào tạo trình độ đại học ngành GDTH và được công khai trên trang thông tin điện tử của Khoa và Trường.

(2) Các thông tin trong bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần đầy đủ, tường minh, cấu trúc rõ ràng giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và nắm bắt được nội dung. Bản mô tả CTĐT đã được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới trong lĩnh vực GDTH ở các trường đại học trên thế giới. Đề cương học phần được định kỳ rà soát, điều chỉnh dựa trên tham khảo ý kiến của các bên liên quan (giảng viên, SV, chuyên gia, nhà tuyển dụng). Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa. Cấu trúc bản mô tả CTĐT rõ ràng, tuân thủ theo theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và quy định Trường ĐHSPHN. Các ma trận đã thể hiện được sự đóng góp của các học phần trong việc đạt chuẩn đầu ra của CTĐT cũng như mối quan hệ của chuẩn đầu ra với các hình thức dạy học và



đánh giá kết quả học tập người học. Mọi thông tin trong bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai thông qua nhiều hình thức khác nhau, giúp cho SV, GV, cựu SV, nhà tuyển dụng, các chuyên gia, cán bộ quản lý dễ dàng tiếp cận và góp ý phản hồi.

(3) CTDH trình độ đại học ngành GDTH được thiết kế logic, khoa học, sư phạm dựa trên CĐR, có mục tiêu cụ thể, rõ ràng, có cấu trúc hợp lý, có tính hệ thống. Nội dung của CTDH không chỉ đáp ứng được tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm của CĐR mà việc tổ chức các phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá cũng hỗ trợ hiệu quả đạt được CĐR. Tất cả các học phần trong CTDH trình độ đại học ngành GDTH đều có sự tương thích về nội dung theo yêu cầu CĐR. Phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá ở tất cả học phần đều phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Khoa đã triển khai xây dựng và phát triển CTĐT một cách khoa học và tuân thủ theo đúng các quy định của trường và của Bộ đã đề ra. Từ đó đã có những cập nhật kịp thời và có những thay đổi chương trình học phù hợp với CĐR. Các CĐR được xây dựng logic, rõ ràng. Vì vậy CTDH của khoa cũng được tiến hành một cách có hiệu quả, có hệ thống và chú trọng tới tính logic của các học phần trong CTDH nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ những học phần thuộc lĩnh vực rộng đến các kiến thức thuộc chuyên ngành hẹp. Hơn nữa, CTDH được định kỳ lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan và được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung 2 năm một lần theo hướng hiện đại nhằm phù hợp với điều kiện thực tiễn đảm bảo sự tương thích về nội dung, PPDH, kiểm tra đánh giá với các CĐR. Sau mỗi lần điều chỉnh, CTDH ngày càng đáp ứng hơn yêu cầu đào tạo SV ngành GDTH hướng tới sản phẩm đầu ra có chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của các nhà trường tiểu học. Cán bộ giảng viên trong khoa luôn có ý thức cập nhật, đổi mới phương pháp, điều chỉnh nội dung môn học giúp SV thuận lợi trong việc đạt được kết quả đầu ra.

(4) Trường ĐHSPHN đã có triết lý giáo dục và được tuyên bố rõ ràng trên nhiều kênh truyền thông đặc biệt là trên website của Nhà trường. Mục tiêu giáo dục của trường trong những năm học vừa qua đều được phổ biến cho các cán bộ, giảng viên, người học trong Khoa hiểu rõ và thực hiện bằng cách chuyển vào nội dung và phương pháp giảng dạy của từng học phần. PPGD được thiết kế hiện đại, đa dạng và sử dụng

linh hoạt, đa dạng phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất và đặc thù của từng học phần nhằm đạt được CĐR. SV được hướng dẫn phương pháp học phù hợp với từng học phần để chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức đạt chuẩn đầu ra. Các hoạt động dạy và học được tổ chức tốt, đa dạng thúc đẩy tích cực việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao năng lực tự chủ và khả năng học tập suốt đời cho SV,

(5) Nhà trường và Khoa đã có các quy định rõ ràng, khách quan, minh bạch trong quy trình kiểm tra đánh giá người học; việc tổ chức thi cử nghiêm minh đã tạo ra được nề nếp dạy và học tích cực. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập thể hiện trong CTĐT đảm bảo bao quát toàn bộ nội dung học phần cũng như toàn bộ CTĐT về kiến thức, kỹ năng đạt được. Công tác kiểm tra đánh giá thể hiện sự đa dạng, liên tục và đổi mới theo hướng đảm bảo nghiêm túc, khách quan, công bằng, chính xác, phù hợp với mục tiêu của CĐR của từng học phần và chương trình đào tạo. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành GDTH rõ ràng và được thông báo công khai tới người học. Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn để cải thiện việc học tập của mình. Trường có phần mềm quản lý đào tạo, thông qua sử dụng phần mềm người học được phản hồi kịp thời về kết quả kiểm tra đánh giá sau mỗi kì thi. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá người học được sử dụng để cải thiện việc học tập. Khoa có các quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập của người học và SV được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần. Người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình từ cán bộ phụ trách cấp khoa đến TT ĐBCL của Nhà trường. Người học được phổ biến quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc khiếu nại và xử lý khiếu nại của SV về kết quả học tập được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.

(6) Đội ngũ GV và cán bộ thực hiện CTĐT trình độ đại học ngành GDTH có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và NCKH đáp ứng tốt yêu cầu của CTĐT. Điều đó xuất phát từ chiến lược quy hoạch, tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình và

tiêu chí công khai của Nhà trường. Nhà trường và Khoa cũng tích cực tiến hành các hoạt động hỗ trợ GV tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ kể cả ngoại ngữ, tin học. GV thực hiện CTĐT GDTH tham gia nhiều loại hình hoạt động nghiên cứu, có nhiều công trình khoa học như đề tài, bài báo, sách được công bố với số lượng ngày càng tăng. Công tác NCKH cũng được đề cao và quán triệt thực hiện đến cán bộ, GV ở trong từng năm học. Nhà trường đưa ra quy chế, quy định, chính sách, chế độ làm việc, chế độ khen thưởng đối với giảng viên rõ ràng, minh bạch thuận lợi cho việc đánh giá tạo động lực cho GV trong giảng dạy và NCKH. Các hoạt động NCKH được giám sát thường xuyên, định kỳ để cải tiến chất lượng, đồng thời có các hình thức khen thưởng phù hợp để khuyến khích hoạt động NCKH của đội ngũ GV. Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, kéo dài đều được công khai và đúng pháp luật, thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao. Việc quản trị kết quả công việc của đội ngũ giảng viên được số hóa bằng hệ thống khai báo trên trang daotao.hnue.edu.vn nên khá thuận tiện và chính xác. Số lượng giảng viên có học hàm, học vị với năng lực chuyên môn và nghiệp vụ cao, đây là đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm có vai trò lớn trong đào tạo nguồn nhân lực GDTH và đào tạo thế hệ kế cận trong khoa. Đội ngũ GV trẻ nhiệt tình, tâm huyết với nghề, có trình độ ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng tốt yêu cầu của đào tạo thời kì công nghệ số và hội nhập quốc tế.

(7) Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được Nhà trường tiến hành một cách bài bản, khách quan, có sự phối hợp giữa Khoa và các phòng chức năng của Nhà trường. Đội ngũ nhân viên của Nhà trường nói chung và của Khoa GDTH nói riêng đã đảm bảo về số lượng, chất lượng về năng lực chuyên môn đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhà trường đã có văn bản quy định đầy đủ các tiêu chí về tuyển dụng, lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển. Công tác tuyển dụng đều có quy trình rõ ràng, công khai, minh bạch và phù hợp. Đội ngũ nhân viên Khoa GDTH được tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển đã được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá thường xuyên để đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của CTĐT. Thêm vào đó, việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được thực hiện đầy đủ, đúng kế hoạch và đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong tình hình mới. Việc

quản trị theo kết quả công việc của nhân viên cũng được Nhà trường triển khai kịp thời để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

(8) Trường ĐHSPHN xây dựng chính sách tiêu chí và phương thức tuyển sinh rõ ràng và được công bố công khai, được cập nhật theo các quy định của Bộ GD&ĐT cũng như xu thế nghề nghiệp và dựa trên kết quả tuyển sinh của các năm trước. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học đã đáp ứng yêu cầu cần tuyển sinh của CTĐT cử nhân GDTH. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của CTĐT rõ ràng và được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào học tập ở Khoa GDTH. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn được cập nhật, mở rộng đặc biệt với đối tượng tuyển thẳng để có thể tuyển chọn người học giỏi. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ đã thực hiện đồng bộ, rõ ràng, kịp thời và có hiệu quả cao. Người học được tiếp cận các thông tin về học tập, rèn luyện từ nhiều kênh khác nhau và theo hệ thống, dễ thực hiện để hoàn thành tốt CTĐT. Người học luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn gặp phải, một hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện đã được xây dựng và công bố công khai, khối lượng học tập được phân bổ đồng đều giữa các năm giúp người học không bị quá tải ở một một kỳ. Nhà trường, Khoa đã triển khai sâu rộng và hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ SV tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, giúp SV nâng cao thành tích học tập, rèn luyện kỹ năng nghề và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường. Các hoạt động hợp tác với các trường, tình nguyện viên quốc tế mở ra nhiều cơ hội cho SV bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ, cơ hội việc làm sau tốt nghiệp. Người học được học tập, NCKH và sinh hoạt trong môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thuận lợi; được đảm bảo về an ninh, an toàn, xanh, sạch và đẹp.

(9) Trường ĐHSPHN và Khoa GDTH có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị hiện đại, phù hợp để phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Khoa GDTH. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thường xuyên được theo dõi, bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp. TT TT-TV đang áp dụng các chuẩn nghiệp vụ theo tiêu chuẩn quốc tế, sử dụng phần mềm Lib 5.5 trong các

khâu xử lý tư liệu và quản lý bạn đọc. Nguồn tài liệu đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của cán bộ, GV, SV và học sinh trong toàn trường. Hằng năm, Nhà trường đều có kế hoạch, ngân sách cho nâng cấp cơ sở hạ tầng và kinh phí đầu tư mua sắm, bổ sung trang thiết bị, kinh phí sửa chữa thường xuyên. Do vậy, hệ thống hạ tầng và các trang thiết bị phục vụ đào tạo ngành GDTH hoàn toàn đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo GV tiểu học theo hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Nhà trường đã tích cực ứng dụng CNTT trong dạy học, quản lý đào tạo, kế hoạch tài chính, quản lý nhân sự, học sinh, SV, khảo thí và đảm bảo chất lượng. Hệ thống công nghệ thông tin được trang bị đầy đủ, hiện đại để phục vụ cho công tác học tập và nghiên cứu. Đặc biệt, nhà trường chú trọng đầu tư cho hệ thống này, phục vụ kịp thời cho công tác đào tạo trực tuyến. Toàn thể cán bộ, GV và người học có thể được truy cập internet tại các giảng đường và trong khu nội trú. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và được triển khai chi tiết cụ thể. Phòng bảo vệ, Ban quản lý kí túc xá, Ban quản lý giảng đường, cán bộ Trạm y tế được phân công nhiệm vụ cụ thể, luôn được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sức khỏe người dạy và người học được chăm lo tư vấn, môi trường làm việc xanh - sạch - đẹp. Không chỉ thực hiện theo các quy định và hướng dẫn của Bộ/ngành liên quan mà Nhà trường còn xây dựng thêm các tiêu chí cụ thể cho các khu vực trong trường, đáp ứng đầy đủ các công tác kiểm tra. Bên cạnh đó, Nhà trường còn tham gia tập huấn, tổ chức định kì các hoạt động liên quan đến việc đảm bảo môi trường, sức khỏe và an toàn.

(10) Công tác nâng cao chất lượng đào tạo ngành GDTH được Trường ĐHSPHN và Khoa hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội và các nhà tuyển dụng. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ nhà quản lý giáo dục, GV, người học, nhà tuyển dụng và cựu người học được chú trọng và thực hiện đầy đủ, có hệ thống và thường xuyên hằng năm. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTDH. Các kênh phản hồi được Trường sử dụng đa dạng: phiếu khảo sát, hội nghị, đối thoại, email, ý kiến chuyên gia. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở góp phần giúp Trường, Khoa và các bộ môn rà soát, điều chỉnh và nâng cao chất lượng CTĐT cũng như chất lượng CTDH. Khoa GDTH đã thực hiện thường xuyên

và định kỳ nhiều công việc để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Các GV của Khoa tiếp tục phát huy thế mạnh về NCKH, đặc biệt tham gia chủ trì nhiều đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước cũng như công bố các kết quả NCKH trên các tạp chí quốc tế uy tín, hỗ trợ Bộ GD&ĐT trong việc biên soạn SGK, sách hướng dẫn cho chương trình giáo dục phổ thông mới. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học. Việc đánh giá kết quả học tập và quá trình dạy và học được Trường, Khoa và các bộ môn rà soát và đánh giá thường xuyên, nghiêm túc đặc biệt là công tác lấy ý kiến phản hồi từ SV về hoạt động giảng dạy của GV. Các quy định về nhân sự trong việc hỗ trợ công tác rà soát, kiểm tra quá trình dạy - học được qui định rõ ràng (Thanh tra GD, Phó Trưởng khoa phụ trách đào tạo đại học, cố vấn học tập). Các kết quả học tập của SV được công bố công khai, minh bạch. Các đánh giá kết quả học tập và quá trình dạy và học được Trường, Khoa và bộ môn rà soát và đánh giá thường xuyên, nghiêm túc đặc biệt là công tác đánh giá, cải tiến CTĐT, CTDH và các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng học thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, các dịch vụ hỗ trợ khác) thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho giảng viên và người học trong dạy-học và nghiên cứu khoa học. Việc thu thập ý kiến phản hồi từ người học của TT ĐBCL của trường được tiến hành định kỳ hàng năm và tương đối bài bản.

(11) Với sự hỗ trợ của phần mềm quản lý học tập cùng các cố vấn học tập, cán bộ giáo vụ, quản lý SV của Khoa GDTH và hoạt động giám sát chung của Nhà trường, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của SV được giám sát chặt chẽ. Các trường hợp chậm tốt nghiệp, chưa hoàn thành chương trình học luôn được khoa tìm hiểu và hỗ trợ. Sau khi tốt nghiệp, Khoa và Nhà trường vẫn giữ liên lạc thường xuyên với người học nhằm thu thập thông tin về tình hình việc làm, đồng thời có các hình thức hỗ trợ, giới thiệu việc làm cho SV tốt nghiệp. Tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp luôn ở mức cao, dự báo xu thế tích cực trong ngành đào tạo GV tiểu học. Hoạt động NCKH của SV được quan tâm, giám sát và hỗ trợ cả về chuyên môn và kinh phí thực hiện từ nhiều cấp độ gồm giáo viên hướng dẫn, Bộ môn, Khoa và Nhà trường; Qua đó, thu hút được đông đảo SV tham gia NCKH. Loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của Khoa được xác lập và giám sát thường xuyên. Khoa có kế

hoạch, chiến lược phát triển KHCN trong đó có hoạt động NCKH cho người học. Đồng thời có biện pháp để khuyến khích SV tham gia hoạt động NCKH. Mức độ hài lòng của các bên liên quan, đặc biệt là đến CTĐT được trường, khoa xác lập, giám sát và đối sánh làm cơ sở cho việc cải tiến chất lượng CTĐT.

### **3.2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT**

1) Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu chưa được thực hiện thường xuyên hàng năm và chưa đa dạng. CDR của một số học phần còn khá dài, mô tả đôi khi chưa ngắn gọn, rõ ràng và súc tích. Khoa đã thực hiện xây dựng, điều chỉnh CDR trên cơ sở tham khảo, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhưng số lượng các nhà tuyển dụng, cựu SV tham gia ý kiến đóng góp còn hạn chế, chưa đa dạng cho tất cả các vị trí việc làm.

(2) Hình thức trình bày bản mô tả CTĐT còn chưa hấp dẫn. Các tài liệu tham khảo trong đề cương của một số học phần còn chưa được cập nhật thường xuyên. Việc truyền thông để phổ biến CTĐT cụ thể và chi tiết đến các trường tiểu học – nơi sử dụng SV tốt nghiệp ngành cử nhân GDTH còn chưa hiệu quả. Tài liệu quảng bá về CTĐT chưa có bản bằng tiếng Anh.

(3) Chưa tham khảo nhiều các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế trong quá trình xây dựng CTĐT. Do CTĐT mới được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực nên sự phân nhiệm ma trận đóng góp một vài học phần để đáp ứng CDR chưa đảm bảo mức độ đóng góp hợp lí. Việc xác định tổ hợp các PPDH, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV trong một số học phần thuộc CTDH chưa hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của CDR.

(4) Triết lí giáo dục cũng như mục tiêu đào tạo chưa được chú trọng phổ biến thường xuyên tới các nhà tuyển dụng và xã hội. Một số SV còn tiếp cận chậm với PPDH tích cực. Điều kiện CSVC đôi khi chưa đáp ứng được các yêu cầu cơ bản để tổ chức hoạt động dạy học tích cực. Chương trình còn bắt buộc SV lên lớp vẫn còn nhiều, chưa xây dựng các nội dung dạy học online.

(5) Mặc dù chú trọng thiết kế việc đánh giá kết quả học tập theo các thang bậc cao của CDR nhưng việc kiểm tra, đánh giá chưa thật sự đồng đều về độ bao quát mục tiêu, nội dung môn học. Việc quy định thời gian thi của một số học phần trong kế hoạch đào tạo còn chưa cụ thể. Sự phối hợp giữa các bộ phận trong việc làm rõ

quy định về đánh giá kết quả học tập và thông báo cho người học đôi khi còn chông chéo. Các môn học chủ yếu dựa trên đánh giá của GV, việc kết hợp với hình thức tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng đối với SV chưa được thực hiện thường xuyên. Việc giải đáp thắc mắc, tháo gỡ khó khăn cho SV chủ yếu thực hiện đối với từng cá nhân mà chưa thành một hệ thống tư vấn cho tất cả SV. Khoa chưa thường xuyên phân tích dữ liệu về các ý kiến phản hồi của SV. Phần mềm quản lý học tập đôi khi bị lỗi do nhiều người học truy cập cùng một lúc, gây khó khăn cho việc đăng ký học và xem kết quả học tập.

(6) Khoa GDTH chưa có kế hoạch dài hạn và những chính sách hấp dẫn, hợp lý thu hút GV có chất lượng cao về công tác tại Khoa để đẩy mạnh hoạt động NCKH, mở rộng hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế có hiệu quả. Việc tuyển dụng phát triển đội ngũ phục vụ NCKH chuyên sâu trên lĩnh vực GDTH đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và xã hội còn một số hạn chế. Số lượng các đề tài còn ít so với số lượng cán bộ GV, số lượng các nhóm nghiên cứu mạnh, liên ngành chưa nhiều. Trong Khoa còn một số GV trẻ mới tuyển dụng chưa học NCS. Hiện nay, Nhà trường và Khoa chưa thực hiện khảo sát ý kiến của GV về tính phù hợp và hiệu quả của các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ ngắn hạn. Qua nhiều năm, các quy định để đánh giá năng lực cán bộ GV có nhiều cải tiến và thay đổi, tuy hiện tại Nhà trường đã xác định được năng lực của đội ngũ GV Khoa GDTH nhưng các quy định này còn phân tán ở các văn bản khác nhau của toàn trường. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa GDTH chưa đưa ra tiêu chí định lượng cụ thể làm căn cứ xếp loại thi đua hàng quý (3 tháng). Gần đây, nhu cầu tuyển sinh của ngành GDTH rất lớn. Nếu số lượng tuyển sinh vào Khoa tăng cao thì số lượng GV như hiện tại là không đảm bảo.

(7) Mặc dù đã có tiêu chí đánh giá xếp loại với đội ngũ nhân viên nhưng Nhà trường và Khoa vẫn chưa bám sát hết cụ thể từng công việc đặc thù của cá nhân. Số lượng NV quá ít dẫn đến quá tải trong công việc. Việc tuyển dụng phát triển đội ngũ NV đáp ứng nhu cầu về các hoạt động phục vụ cộng đồng còn hạn chế. Việc đánh giá chưa xét cụ thể đến thực tế là đội ngũ NV hành chính phải kiêm nhiệm khá nhiều đầu việc trong đó có những việc cần có chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ riêng (ví dụ: công tác thư viện). Kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ NV còn hạn



ché; Việc bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ của cá nhân trong đội ngũ NV, nếu không thuộc yêu cầu cấp thiết, bắt buộc, các cá nhân sẽ phải tự túc kinh phí.

(8) Trong quá trình rà soát, đánh giá chính sách tuyển sinh, Trường và Khoa chưa tổ chức lấy ý kiến người học về tính rõ ràng, phù hợp của phương pháp và tiêu chí tuyển chọn vào học ngành cử nhân GDTH. Nhà trường và Khoa chưa tổ chức thu thập nhiều ý kiến của các bên liên quan và các phân tích/dự báo về về chính sách tuyển sinh nói chung và sự phù hợp, rõ ràng của chính sách nói riêng. SV có kết quả học tập chưa tốt chưa chủ động trong phối hợp công tác thông báo kết quả học tập, rèn luyện cho gia đình. Sự hợp tác của SV khi lấy ý kiến người học về hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ việc làm còn hạn chế. Hệ thống báo cháy, thiết bị chữa cháy chưa được kiểm tra thường xuyên và Trường chưa tổ chức diễn tập thường xuyên cho SV về công tác phòng cháy, chữa cháy.

(9) Giữa các phòng học và các phòng chức năng ở tại các toà nhà khác nhau nên đôi khi không thuận lợi cho hoạt động dạy và học của GV và SV trong khoa. Chất lượng đường truyền internet đôi khi còn chưa ổn định. Một số ứng dụng của phần mềm còn phát sinh lỗi trong quá trình sử dụng. Thư viện điện tử chưa kết nối chia sẻ tài liệu với các thư viện của các cơ sở đào tạo uy tín trong khu vực và quốc tế; số lượng tài liệu trong thư viện chưa thật phong phú. Thiết bị thực hành trong dạy học các học phần để có thể tổ chức dạy học các môn học ở nhà trường tiểu học đáp ứng chương trình 2018 vẫn còn thiếu. Chưa có quy định cụ thể về thu gom và xử lý hóa chất độc hại sau khi thí nghiệm và thực hành. Những tiện ích đặc thù cho người khuyết tật đã được chú ý nhưng còn ít.

(10) Trong thời gian dịch bệnh, Khoa chưa tổ chức được nhiều hội nghị, xemina trực tiếp để lắng nghe ý kiến trao đổi của chuyên gia đặc biệt là chuyên gia nước ngoài về phát triển CTDH. Việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đã tốt nghiệp và nhà tuyển dụng về CTĐT, CTDH chưa được thực hiện với số lượng lớn, nhất là việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng về CTĐT còn gặp khó khăn và chưa được hiệu quả. Về thống kê nhu cầu của các bên liên quan trong chu kì đánh giá đã tiến hành lấy ý kiến nhưng chưa hệ thống. Trường và Khoa chưa nhận được nhiều ý kiến của các cơ quan/tổ chức sử dụng lao động về quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Việc tổ chức dự giờ, góp ý các giờ giảng vẫn chưa huy động được sự tham gia của tất cả các GV trong khoa.

Do tính đặc thù của ngành đào tạo nên các công trình nghiên cứu khoa học của GV, SV Khoa GDTH ít được đăng tải trên các tạp chí quốc tế có uy tín. Một số dịch vụ hỗ trợ của nhà trường chưa được hỗ trợ kịp thời, việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa được tiến hành thường xuyên trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan.

(11) Tỷ lệ SV có việc làm còn chưa ổn định, vẫn còn một tỷ lệ nhất định SV làm việc không liên quan đến ngành được đào tạo. Số lượng SV tham gia NCKH chưa cao như kì vọng và yêu cầu của Khoa đặt ra. Việc lấy ý kiến khảo sát về mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với SV của Khoa còn được tiến hành một cách hạn chế.

### **3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo**

Trong những năm tiếp theo, Khoa GDTH sẽ thực hiện kế hoạch sau đây để cải tiến chất lượng CTĐT.

(1) Tham khảo các CTĐT trong khu vực và quốc tế để đảm bảo tính hiện đại và hội nhập quốc tế của CTĐT. Đảm bảo hơn về mặt tiến độ khi rà soát, điều chỉnh CTĐT, có sự tham khảo, đối sánh CTĐT với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước khi xây dựng CTĐT mới. Định kỳ khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về mục tiêu CTĐT. Định kỳ rà soát, chỉnh sửa và bổ sung mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội. Tổ chức định kỳ lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên góp ý cho CĐR của CTĐT và rà soát CĐR với số lượng phong phú hơn. Xem xét điều chỉnh CĐR cho cô đọng, rõ ràng và súc tích. Đánh giá, rà soát và đề xuất điều chỉnh CĐR của toàn bộ CTĐT theo hướng hiện đại hóa, cập nhật, tiếp cận quốc tế.

(2) Điều chỉnh hình thức trình bày của bản mô tả CTĐT cho sinh động, hấp dẫn và thu hút người đọc hơn. Lập kế hoạch bổ sung các tài liệu tham khảo trong mỗi học phần theo định kỳ hằng năm. Tổ chức các hoạt động nhằm truyền thông về CTĐT cử nhân GDTH theo tiếp cận mới đến các trường phổ thông. Bổ sung tài liệu về CTĐT bằng tiếng Anh.

(3) Rà soát CTĐT theo CĐR để điều chỉnh ma trận đóng góp của các học phần vào CĐR của CTĐT đảm bảo mức độ đóng góp hợp lý hơn. Xác định tổ hợp các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá cho một số học phần phù hợp hơn

với yêu cầu của CĐR. Tham khảo thêm các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế để có những chỉnh sửa bổ sung hợp lý.

(4) Tăng cường tuyên truyền phổ biến mục tiêu giáo dục của Trường thường xuyên và rộng rãi tới các bên liên quan bên ngoài trường như các nhà tuyển dụng và với xã hội. Đẩy mạnh tác động từ các hoạt động của liên chi đoàn, câu lạc bộ, đội, nhóm trong khoa giúp người học tự tin, tích cực, chủ động hơn trong việc tiếp cận các đổi mới về giáo dục. Khắc phục việc sử dụng các PPDH thụ động, tăng cường tính chủ động ở một số môn chung.

(5) Thực hiện việc đánh giá kết quả học tập của SV theo CĐR đồng bộ ở tất cả các học phần. Đa dạng hoá phương pháp kiểm tra đánh giá ở các học phần đồng thời tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của SV kết quả đánh giá học tập một cách thường xuyên hơn. Phân tích dữ liệu sau khi nhận được ý kiến phản hồi của SV để từ đó có biện pháp thay đổi kịp thời.

(6) Đẩy mạnh công tác quảng bá thu hút GV. Xây dựng cơ chế để phát huy thế mạnh của từng GV trong giảng dạy và NCKH. Xây dựng kế hoạch dài hạn về tuyển dụng và phát triển đội ngũ, có chính sách thu hút hợp lý để tuyển dụng GV theo hướng đội ngũ có sự kế cận hợp lý. Tăng cường tổ chức các hoạt động sinh hoạt chuyên môn, hội nghị, hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng GV quy mô Khoa, Trường và lớn hơn. Tạo điều kiện tối đa, có chính sách động viên, khuyến khích để GV thi chuyển ngạch GV chính, GV cao cấp; xét tiêu chuẩn và bổ nhiệm học hàm PGS và GS. Rà soát để ban hành văn bản hợp nhất, quy định chung với các tiêu chí cụ thể, thực tế và phù hợp để có thể đánh giá đúng năng lực của cán bộ GV. Xây dựng kế hoạch thành lập và triển khai các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu liên ngành, thậm chí liên kết với các khoa khác trong NCKH, nhất là NCKH ứng dụng thực tiễn GDTH.

(7) Tăng cường sự phối hợp giữa đội ngũ NV của Khoa với các đơn vị trong trường, đảm bảo kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh các tiêu chí tuyển dụng có tính đến nhu cầu về các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tiếp tục hoàn thiện quy trình và tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên bám sát đặc thù công việc của từng cá nhân, đảm bảo công khai, công bằng, theo đúng quy định. Dành thêm một phần kinh phí cho việc đào tạo,

bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên nếu nhân viên tự ý thức đi học dù không thuộc yêu cầu cấp thiết, bắt buộc.

(8) Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan và có các phân tích/dự báo về nhu cầu nhân lực trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh. Kết quả khảo sát được phân tích, đánh giá làm cơ sở cho việc rà soát, điều chỉnh chính sách tuyển sinh nói chung, phương pháp, tiêu chí tuyển chọn người học nói riêng. Kịp thời báo cáo kết quả học tập, rèn luyện cho gia đình người học để cùng hỗ trợ động viên người học. Khảo sát lấy ý kiến đầy đủ của GV, trợ lí, cố vấn học tập, người học về hình thức và kết quả các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ. Tăng cường giám sát, kiểm tra thiết bị phòng và chữa cháy trong Nhà trường và tập huấn cho SV về phòng cháy chữa cháy.

(9) Nhà trường ưu tiên đầu tư các nguồn ngân sách phục vụ cho công tác đào tạo như hệ thống thiết bị máy móc nghiên cứu; nâng cấp đường truyền internet, phần mềm, thư viện điện tử; phân loại chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường. Sắp xếp hợp lí hơn nữa giữa các phòng học và phòng chức năng. Lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật trong các hoạt động của Nhà trường.

(10) Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học về phát triển CTDH với chuyên gia nước ngoài. Khoa chủ động hơn trong việc lấy thông tin phản hồi từ các bên liên quan, trong đó có cả các nhà tuyển dụng, chuyên gia với số lượng nhiều và có hệ thống hơn nữa giúp cho việc cải tiến CTĐT, CTDH tốt hơn và sản phẩm đào tạo đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các trường tiểu học. GV trong khoa tăng cường tham gia dự giờ của các đồng nghiệp không chỉ trong bộ môn mà còn dự giờ các đồng nghiệp ở bộ môn khác; Nâng cao năng lực ngoại ngữ và năng lực viết bài công bố quốc tế. Hằng năm tiến hành đánh giá về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích dựa trên khảo sát thông qua phối hợp cán bộ hành chính các khoa để cải tiến chất lượng dịch vụ.

(11) Xác lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan gồm GV, SV, nhà tuyển dụng. Thông qua các báo cáo phản hồi, Khoa đưa ra các kế hoạch điều chỉnh nhằm cải thiện chất lượng đào tạo. Tiếp tục tăng cường hoạt động giám sát kế hoạch học tập của SV thông qua việc liên hệ chặt chẽ giữa cố vấn học tập, giáo vụ Khoa và SV. Thiết kế CTĐT hợp

lí; tăng số lượng các môn học chuyên ngành trong học kì 3 để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của người học. Thực hiện việc đối sánh về thời gian tốt nghiệp để phục vụ việc cải tiến CTĐT. Tổ chức hoạt động tư vấn tìm kiếm việc làm, tập huấn các kỹ năng mềm cho SV năm cuối trong hoạt động phỏng vấn, viết đơn xin việc; đồng thời nâng cao hiệu quả của hoạt động ngày hội việc làm. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động liên kết các nhà tuyển dụng (các trường phổ thông, viện nghiên cứu,...) để đưa thông tin tuyển dụng đến SV nhanh và hiệu quả hơn. Thường xuyên duy trì việc kết nối với SV sau tốt nghiệp.

### 3.4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

#### Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Mã: SPH

Tên CTĐT: Giáo dục tiểu học

Mã CTĐT: 7.14.02.02A

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trun g bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<b>Tiêu chuẩn 1</b>										
Tiêu chí 1.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<b>Tiêu chuẩn 2</b>								5,00		
Tiêu chí 2.1		5,0 0			5			5,00	3	100
Tiêu chí 2.2		5,0 0			5					
Tiêu chí 2.3		5,0 0			5					
<b>Tiêu chuẩn 3</b>								5,00		
Tiêu chí 3.1		5,0 0			5			5,00	3	100
Tiêu chí 3.2		5,0			5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trun g bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
		0								
Tiêu chí 3.3		5,0 0			5					
<b>Tiêu chuẩn 4</b>								5,00		
Tiêu chí 4.1		5,0 0		100	5				3	100
Tiêu chí 4.2		5,0 0		100	5					
Tiêu chí 4.3		5,0 0		100	5					
<b>Tiêu chuẩn 5</b>								5,00		
Tiêu chí 5.1				100	5				5	100
Tiêu chí 5.2				100	5					
Tiêu chí 5.3				100	5					
Tiêu chí 5.4				100	5					
Tiêu chí 5.5				100	5					
<b>Tiêu chuẩn 6</b>										
Tiêu chí 6.1				100	5			5,14	7	100
Tiêu chí 6.2				100	5					
Tiêu chí 6.3				100	5					
Tiêu chí 6.4				100	5					
Tiêu chí 6.5				100	5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trun g bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 6.6				100	5					
Tiêu chí 6.7				100		6				
<b>Tiêu chuẩn 7</b>										
Tiêu chí 7.1				100	5			5,00	5	100
Tiêu chí 7.2				100	5					
Tiêu chí 7.3				100	5					
Tiêu chí 7.4				100	5					
Tiêu chí 7.5				100	5					
<b>Tiêu chuẩn 8</b>										
Tiêu chí 8.1					5			5,00	5	100
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
<b>Tiêu chuẩn 9</b>										
Tiêu chí 9.1				100	5			5,00	5	100
Tiêu chí 9.2				100	5					
Tiêu chí 9.3				100	5					
Tiêu chí 9.4				100	5					
Tiêu chí 9.5				100	5					
<b>Tiêu chuẩn 10</b>										
Tiêu chí 10.1				100	5			5,00	6	100



Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trun g bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 10.2				100	5					
Tiêu chí 10.3				100	5					
Tiêu chí 10.4				100	5					
Tiêu chí 10.5				100	5					
Tiêu chí 10.6				100	5					
<b>Tiêu chuẩn 11</b>										
Tiêu chí 11.1					5			5,00	5	100
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>								<b>5,02</b>		

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn**

## PHẦN IV. PHỤ LỤC

### I. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Thời điểm báo cáo: Tính đến 07/2024)

#### I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tiếng Anh: Hanoi National University of Education

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: ĐHSPTHN

Tiếng Anh: HNUE

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Sư phạm Cao cấp, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: 136 Xuân Thủy - Cầu Giấy - Hà Nội

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 024-37547823 - Fax: 024-37547971

E-mail: p.hcdn@hnue.edu.vn

Website: <http://www.hnue.edu.vn/>

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): 1951

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1951

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I:

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập  Bán công  Dân lập  Tư thực

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

#### II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Giáo dục Tiểu học

Tiếng Anh: Faculty of Primary Education

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: KGDTH

Tiếng Anh: FPE

14. Tên trước đây (nếu có): Khoa cấp 1
15. Mã CTĐT: 7140202
16. Tên CTĐT: CTĐT ngành Giáo dục tiểu học
17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Nhà V, Trường ĐHSP Hà Nội  
- 136 Xuân Thủy - Cầu Giấy, Hà Nội
18. Số điện thoại liên hệ: 024.37549273; Số fax: 024. 37549273  
Email: [k.gdth@hnue.edu.vn](mailto:k.gdth@hnue.edu.vn) Website: <http://gdth.hnue.edu.vn/>
19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1991
20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1992
21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1996

### **III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Khoa Giáo dục tiểu học (GDTH) được thành lập theo Quyết định ngày 18/03/1983 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Trải qua 40 năm, Khoa GDTH được phát triển theo các giai đoạn với các dấu mốc. Ngày 18 tháng 03 năm 1983, Bộ trưởng Bộ Giáo dục (nay là Bộ GD&ĐT) đã ký quyết định mở thí điểm hệ đào tạo giáo viên cấp I trình độ đại học đặt tại Trường Đại học Sư phạm (nay là Trường ĐHSPHN). Đây là một sự kiện quan trọng không chỉ đối với Trường ĐHSPHN mà còn là một dấu mốc son đối với ngành giáo dục Việt Nam, bởi vì trước đó Việt Nam chưa có trường sư phạm nào đào tạo giáo viên tiểu học có trình độ đại học, cũng tức là chưa có một giáo viên tiểu học nào có trình độ đại học sư phạm ngành tiểu học. Sau 8 năm khối Chuyên tu cấp I thử nghiệm đào tạo thành công 6 khóa chuyên tu. Ngày 08 tháng 4 năm 1991, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ký quyết định thành lập Khoa cấp I (sau đổi thành khoa GDTH) thuộc Trường ĐHSPHN.

Từ những năm tháng đầu thành lập, Khoa GDTH đã xác định “sứ mạng” là đào tạo và nâng cao chất lượng của đội ngũ GVTH và cán bộ quản lý chuyên môn về GDTH, NCKH góp phần nâng cao chất lượng nền giáo dục Việt Nam. Những năm qua, Khoa GDTH đã hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao như: (1). Đào tạo cử nhân sư phạm tiểu học, đào tạo ThS ngành giáo dục học (giáo dục tiểu học),

đào tạo tiến sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học tiểu học. (2) Giảng dạy các lĩnh vực thuộc về cơ sở: Toán học, Tiếng Việt, Tự nhiên xã hội, Lịch sử, Địa lí, Tin học - Công nghệ, Mĩ thuật, Âm nhạc, Tâm lí - Giáo dục học tiểu học, ... và các phương pháp giảng dạy các môn học này ở tiểu học. (3) Nghiên cứu các lĩnh vực khoa học liên quan tới các môn học ở trường Tiểu học như môn Toán, Khoa học, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Việt, Mĩ thuật, Âm nhạc, Thủ công – Kỹ thuật.... (4) Liên kết với các cơ sở đào tạo ở trong và ngoài trường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên ở khắp các tỉnh thành trên cả nước.

Với kết quả đạt được trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và xây dựng đội ngũ, năm 2000, Khoa GDTH được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo thạc sĩ chuyên ngành GDH (GDTH). Năm 2011, Khoa được phép đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học tiểu học. Từ năm học 2013 - 2014, bên cạnh hệ cử nhân Khoa bắt đầu đào tạo cử nhân GDTH - Sư phạm Tiếng Anh. Ba sự kiện này đánh dấu những mốc quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển của Khoa.

#### **Đào tạo đại học:**

Khoa GDTH là đơn vị đi đầu trong việc thực hiện chủ trương của Bộ GD&ĐT về đa dạng hoá các loại hình đào tạo, góp phần nâng cao trình độ GV tiểu học. Năm 1993, Khoa bắt đầu tham gia đào tạo các hệ không chính quy, đến nay đã đào tạo hơn 3.000 cử nhân hệ chính quy và hệ chuyên tu tập trung; trên 80.000 cử nhân các hệ vừa làm vừa học, giáo dục từ xa, liên thông, văn bằng 2; đã và đang đào tạo hơn 400 thạc sĩ. Trong số đó, nhiều người sau tốt nghiệp trở thành cán bộ lãnh đạo chủ chốt của ngành giáo dục địa phương, của trường tiểu học.

Trong quá trình đào tạo, Khoa triển khai và thực hiện nghiêm túc công tác quản lý đào tạo SV và học viên sau đại học; nhất là thực hiện quy chế đào tạo theo tín chỉ. Đặc biệt khoa luôn luôn quan tâm đến việc rèn luyện tay nghề cho SV. Trong những năm qua Khoa đã phối hợp chặt chẽ với nhiều trường tiểu học tổ chức kiến tập và thực tập sư phạm cho SV. Khoa phối kết hợp với 4 trường tiểu học: Hoàng Diệu, Thành Công B, Quan Hoa, Dịch Vọng B trong rèn luyện sư phạm cho SV ngay từ năm đầu tiên. Những năm gần đây, Khoa tổ chức cho SV thực hành môn học cũng như thực tập sư phạm đợt 1 và đợt 2 ở hơn 10 trường tiểu học trên địa bàn TP. Hà Nội, gồm cả trường công lập, tư thục và bán công. Đặc biệt 5 năm vừa qua, Trường ĐHSPHN đã có hệ thống trường tiểu học thực hành. Trường Tiểu học Nguyễn Tất

Thành Cơ sở 1 ở Hà Nội và cơ sở 2 ở Hà Nam. Do đó, hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề cho SV ngày càng được thúc đẩy, SV có cơ hội rèn nghề ở nhiều thời điểm khác nhau của năm học. Bên cạnh đó hằng năm Khoa thường xuyên tổ chức cho SV được giao lưu, học hỏi chia sẻ kinh nghiệm như: tổ chức hội thi nghiệp vụ sư phạm, hội nghị nghiên cứu khoa học của SV; tổ chức gala chào đón SV nhập học; tổ chức các chuyến đi thực tế tại nhiều địa phương trên cả nước,... Cùng với Nhà trường, Khoa tổ chức “Ngày hội việc làm” thu hút được sự quan tâm của nhiều trường tiểu học công lập và dân lập, quốc tế trên địa bàn thành phố Hà Nội; đặc biệt hằng năm Khoa đã tổ chức hoạt động “Tổng kết thực tập sư phạm” là cơ hội để Khoa và các trường thực tập sư phạm cùng trao đổi, đóng góp để triển khai công tác đào tạo SV được tốt hơn, phù hợp với thực tiễn giáo dục phổ thông,... Điều này tạo sự yên tâm về nghề nghiệp trong tương lai cho SV đang học tập tại Khoa, tạo niềm tin cho học sinh phổ thông và phụ huynh học sinh khi lựa chọn thi vào ngành GDTH.

#### **Đào tạo sau đại học:**

Khoa thực hiện đào tạo ThS và TS yêu cầu đổi mới công tác đào tạo sau đại học của Nhà trường, đã xây tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra, khung chương trình và viết đề cương các chuyên đề đào tạo thạc sĩ cho hai ngành đào tạo theo định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng. Bắt đầu từ khóa 32, Khoa đã tiến hành đào tạo thạc sĩ theo chương trình mới. Trong đào tạo, Khoa đề cao chất lượng đào tạo, tiến hành kiểm tra đánh giá công tác đào tạo sau đại học theo chuẩn đầu ra mới; Tổ chức công tác xây dựng đề cương, bảo vệ luận văn cho học viên cao học và bảo vệ luận án cho nghiên cứu sinh.

#### **Công tác xây dựng đội ngũ:**

Khoa đã đặc biệt quan tâm đến xây dựng và phát triển đội ngũ. Từ chỗ có 2 cán bộ từ những ngày đầu mới thành lập, hiện nay Khoa đã có 23 cán bộ, viên chức cơ hữu với: 5 PGS, 6 TS, 10 ThS, 2 cử nhân. Ngoài ra, Khoa cũng đã và đang huy động được một lực lượng đông đảo các nhà khoa học, các GS, PGS, TS; các nhà giáo tâm huyết... tham gia vào quá trình đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học cho giảng viên, học viên và SV của Khoa. Bên cạnh đó, Khoa rất chú trọng đến công tác bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học của cán bộ. Nhiều cán bộ được cử đi thực tế tham gia các hội thảo, xemina; tự bồi dưỡng, trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ: hoàn thành

các chứng chỉ phục vụ công tác chuyên môn như nghiệp vụ sư phạm, tin học, tiếng Anh chuyên ngành,...

### **Hợp tác quốc tế:**

Trong thời kỳ hội nhập quốc tế, việc hợp tác quốc tế là việc được Khoa rất chú trọng. Cán bộ giảng viên của Khoa đã chủ động học tập nâng cao trình độ học tập ngoại ngữ, tham gia nhiều hội thảo trong nước vào quốc tế, làm việc với chuyên gia nước ngoài trao đổi và giao lưu kinh nghiệm giảng dạy.

### **Công tác nghiên cứu khoa học:**

Khoa có nhiều đóng góp quan trọng trong công cuộc cải cách, đổi mới giáo dục và đào tạo: Nhiều cán bộ trong khoa là tác giả, đồng tác giả của hơn 100 giáo trình sư phạm, hơn 200 đầu sách bao gồm SGK, sách bồi dưỡng giáo viên, tài liệu tham khảo; gần 100 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; công bố nhiều bài báo trên tạp chí trong nước và quốc tế có chỉ số. Nhiều cán bộ của Khoa đóng góp tích cực vào đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018: Tham gia xây dựng chương trình giáo dục tiểu học, tham gia thẩm định chương trình, SGK, là chủ biên, tác giả các bộ SGK, sách giáo viên, sách chuyên khảo, sách tham khảo, tài liệu tham khảo.

Trong quá trình đào tạo, Khoa GDTH đã tổ chức nhiều xemina và hội thảo cấp khoa gắn với những vấn đề mới trong giáo dục và hội nhập quốc tế; cử cán bộ giảng viên của Khoa tham gia nhiều hội thảo trong nước và quốc tế. Khoa luôn chú trọng phong trào nghiên cứu khoa học cho SV, nhờ đó các công trình nghiên cứu khoa học của SV ngày càng phát triển về số lượng và chất lượng.

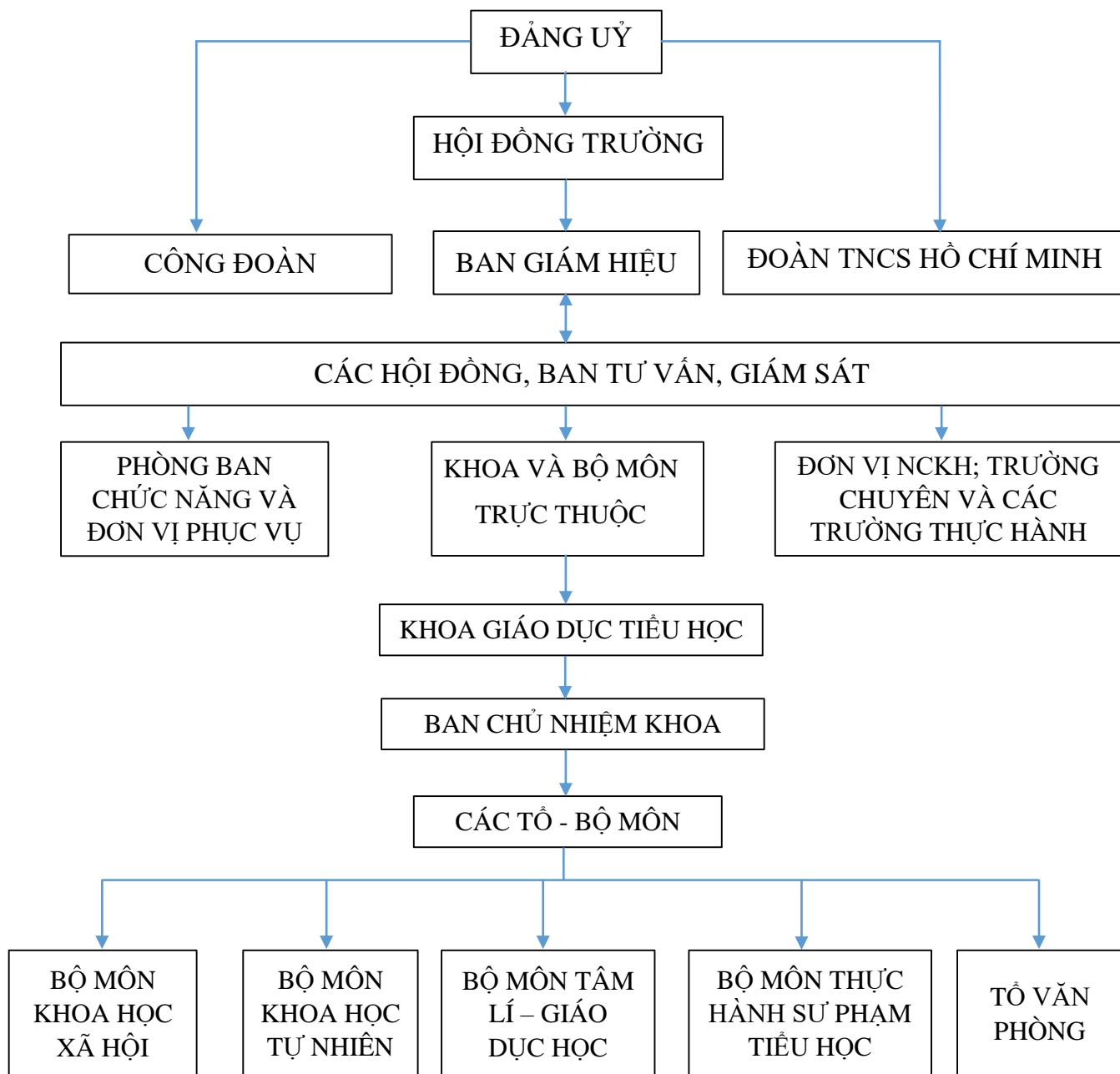
### **Công tác tuyển sinh:**

Trong những năm gần đây, Khoa GDTH đều có số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển tăng vượt trội, là một trong những khoa có điểm ở nhóm cao nhất trong Trường. Hằng năm, khoa đều tuyển sinh hai chương trình đào tạo chính quy: GDTH, GDTH - Sư phạm Tiếng Anh; Song song với đào tạo chính quy, Khoa tiếp tục đào tạo hệ vừa làm vừa học đáp ứng nhu cầu của học viên nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Đối với tuyển sinh sau đại học, Khoa đã tổ chức tốt công tác tuyển sinh. số lượng học viên tuyển sinh mấy năm gần đây liên tục phát triển. Khoa đã và đang tạo được sự tín nhiệm cao của người học và xã hội.

Hơn 40 năm, Khoa GDTH đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đảng uỷ, Ban Giám hiệu Trường ĐHSPHN giao phó, góp phần tích cực và xứng đáng trong việc phát huy vai trò, vị thế của trường sư phạm trọng điểm quốc gia đối với ngành giáo dục và địa phương trong cả nước.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).





24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

*(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).*

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
<b>Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục (Giai đoạn 2019 - 2024)</b>						
Ban Giám hiệu		Nguyễn Văn Minh		GS, Hiệu trưởng, đến T4.2024		
		Nguyễn Đức Sơn	1970	PGS.TS, Hiệu trưởng, từ T5.2024	0913303387	nguyenducson@hnue.edu.vn
		Nguyễn Văn Trào	1972	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	0983755469	traonv@hnue.edu.vn
		Nguyễn Văn Hiền	1975	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng.	0913363623	hiennv@hnue.edu.vn
<b>Đơn vị thực hiện CTĐT</b>						
<b>I. Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị (Giai đoạn 2019 - 2024)</b>						
Ban Chủ nhiệm Khoa		Đỗ Xuân Thảo	1963	PGS.TS, Trưởng khoa	0947560586	thaodx@hnue.edu.vn
		Phó Đức Hòa	1962	PGS.TS, Phó Trưởng khoa, đến 2022	0913379716	phoduchoa40@gmail.com
		Nguyễn Thủy Chung	1983	TS, Phó Trưởng khoa	0906061623	<a href="mailto:chungnt@hnue.edu.vn">chungnt@hnue.edu.vn</a>
		Nguyễn Thị Thu Thủy	1974	PGS.TS, Phó Trưởng khoa	0385475768	thuythu@hnue.edu.vn
<b>II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội</b>						
1.	Ban Chi ủy Chi bộ Khoa	Đỗ Xuân Thảo	1962	PGS.TS, Bí thư Chi bộ, đến 2022	0947560586	<a href="mailto:thaodx@hnue.edu.vn">thaodx@hnue.edu.vn</a>
		Nguyễn Hữu Hợp	1962	PGS TS, Phó bí thư Chi bộ, đến 2022	0799677899	hopnhdhsp@gmail.com

		Nguyễn Thu Phương	1989	TS, Bí thư Chi bộ	0828205555	thuphuong@hnue.edu.vn
		Nguyễn Thị Thu Thủy	1974	PGS.TS, Phó bí thư Chi bộ	0385475768	thuythu@hnue.edu.vn
		Nguyễn Thị Phương Thịnh	1978	ThS, Chi uỷ viên	0979746094	tieuhocthinh@yahoo.com.vn
2	Ban chấp hành Công đoàn	Phan Thanh Hà	1973	TS, Chủ tịch Công đoàn	0983998499	phanthanhha@hnue.edu.vn
		Hà Thị Lan Hương	1976	TS, Phó Chủ tịch Công đoàn	0989061998	huonglh@hnue.edu.vn
		Nguyễn Thị Như Quỳnh	1974	ThS, Uỷ viên	0981919299	<a href="mailto:nhuquynh1902.gdth@gmail.com">nhuquynh1902.gdth@gmail.com</a>
		Nguyễn Thị Thuỳ Dung	1980	ThS, Chủ tịch Công đoàn, đến 2021	0975580168	thuydung@hnue.edu.vn
		Quản Hà Hưng	1974	Ủy viên, đến 2021	0912514718	<a href="mailto:ngoclinh79hnue.edu@gmail.com">ngoclinh79hnue.edu@gmail.com</a>
3	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Dương Bảo Ngọc	1997	ThS, Bí thư Liên chi Đoàn khoa GDTH	0971004708	ngocdb@hnue.edu.vn
		Trần Thị Hà	1987	TS, Ủy viên BCH Đoàn trường, Bí thư Liên chi Đoàn Khoa, đến 2021	0964508848	<a href="mailto:tranha@hnue.edu.vn">tranha@hnue.edu.vn</a>
		Nguyễn Thu Phương	1989	TS, Bí thư Liên chi Đoàn Khoa, đến 2023	0828205555	thuphuong@hnue.edu.vn
<b>III. Các bộ môn</b>						
1.	Bộ môn Khoa học Xã hội	Nguyễn Thu Phương	1989	TS, Trưởng bộ môn	0828205555	thuphuong@hnue.edu.vn
		Dương Thị Hương	1963	TS, Trưởng bộ môn, đến 2021	0986386689	dthuong.dhsphn@gmail.com

		Nguyễn Thị Thu Thủy	1974	PGS.TS, trưởng bộ môn, đến 2023	0385475768	thuythu@hnue.edu.vn
2.	Bộ môn Khoa học Tự nhiên	Phan Thanh Hà	1973	TS, Trưởng bộ môn	0983998499	phanthanhha@hnue.edu.vn
		Nguyễn Thủy Chung	1983	TS, phụ trách bộ môn, đến 2021	0906061623	<a href="mailto:chungnt@hnue.edu.vn">chungnt@hnue.edu.vn</a>
3.	Bộ môn Tâm lí – Giáo dục	Vũ Thị Lan Anh	1975	PGS.TS, Trưởng bộ môn	0919100896	lananh.dhsphn@gmail.com
		Nguyễn Hữu Hợp	1962	PGS TS, Trưởng bộ môn, đến 2022	0799677899	hopnhdhsp@gmail.com
4.	Bộ môn Thực hành SP	Quản Hà Hưng	1979	ThS, Trưởng bộ môn	0912514718	ngoclinh79hnue.edu@gmail.com

(Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT)

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: Giáo dục Tiểu học

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 1 – Lí luận và phương pháp dạy học tiểu học

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 1 – Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 1

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

*(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).*

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): .....

32. Tổng số các ngành đào tạo: 1

#### **IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	<b>Cán bộ cơ hữu<sup>1</sup></b> Trong đó:	5	18	23
I.1	Cán bộ trong biên chế	5	17	22
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn		0	0
II	<b>Các cán bộ khác</b> Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng <sup>2</sup> )		1	1
	<b>Tổng số</b>	<b>5</b>	<b>18</b>	<b>23</b>

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

#### 34. Thống kê, phân loại giảng viên

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			Giảng viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó giáo sư	5	5		2	1	

<sup>1</sup> Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế (đối với các trường công lập) và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

<sup>2</sup> Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được nhà trường mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn, môn học, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			Giảng viên trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	7	7		1	4	
5	Thạc sĩ	8	8				
6	Đại học						
	<b>Tổng số</b>	<b>20</b>	20		3	5	

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 20 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 90,9%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							
2	Phó Giáo sư	3,0	5	5		3	1		18,3
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							
4	Tiến sĩ	2,0	7	7		1	4		16,2
5	Thạc sĩ	1,0	8	8					8,0
6	Đại học	0,3							
	Tổng		20	20		3	5		

Cách tính: Cột 10 = cột 3\*(cột 5 + cột 6 + 0,3\*cột 7 + 0,2\*cột 8 + 0,2\*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):



TT	Trình độ/ học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30- 40	41- 50	51- 60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	5	25%	2	3			3		2
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	7	35%	0	7		2	4	1	
5	Thạc sĩ	8	40%	3	5	2		4	2	
6	Đại học									
	<b>Tổng</b>	20		5	15	2	2	11	3	2

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 46,7 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 60%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 40%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		73,3% (11)
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)		26,7% (4)
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	46,7% (7)	

4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	40% (6)	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	13,3% (2)	

#### V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2019-2020	1396	136	1/17	133	22,4	23,45	0
2020-2021	2825	166	1/26	164	25,05	25,58	0
2021-2022	4737	145	1/32	141	27,0	27,35	0
2022-2023	2435	119	1/20	119	26,15	26,40	0
2023-2024	5027	100	1/50	100	26,63	26,79	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-	2022-	2023-2024
--------------	-----------	-----------	-------	-------	-----------

			2022	2023	
1. Nghiên cứu sinh			11	8	6
2. Học viên cao học	28	43	60	70	65
3. Sinh viên đại học	453	651	800	899	845

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá:

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> ) - có 2 loại	24 (36)	24 (36)	24 (36)	24 (36)	24 (36)
2. Người học được ở trong ký túc xá (người)	223	218	268	201	285
3. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người)- có 2 loại	4 (6)	4 (6)	4 (6)	4 (6)	4 (6)

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	15/453	33/651	105/800	50/899	83/845

Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	3,3%	5,1%	13,1%	5,6%	9,8%
----------------------------------	------	------	-------	------	------

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	1	1	0	2	3
2. Học viên tốt nghiệp cao học	8	10	23	38	58
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	36	47	51	128	148

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	36/36	51/51	51/51	128/129	148/164
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	100%	100%	100%	99,9%	90,2%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	89,9%	93%	82,2%	87,8%	89,6%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ	9,4%	6,6%	13,5%	8,5%	6,5%

năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0,7%	0,4%	4,2%	3,7%	3,9%
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:					
4.1. Tỷ	70%	83,5%	91,9%	65,6%	27,5%

lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.					
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	70%	83,5%	91,9%	65,6%	27,5%
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	4%	2,5%	0%	0%	0%
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	≈7.246.718V NĐ	≈6.439.167V NĐ	≈8.266.052V NĐ	≈6.472.000V NĐ	
5. Đánh giá của	Không có thông tin khảo sát				

<p>nhà tuyển dụng về người học tốt nghị có việc làm đúng ngành đào tạo:</p>					
<p>5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).</p>					
<p>5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng</p>					



phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

*Ghi chú:*

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

## **VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ**

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	2	2	1	0	0	10
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	4	2	1	1	1	9
3	Đề tài cấp trường	0,5	0	0	1	1	0	1
	<b>Tổng</b>		<b>6</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>20</b>

Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 20

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 20/21

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	3	7	2	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	3	3	2	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	

								<b>đổi)</b>
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	2	1	6
2	Sách giáo trình	1,5	0	1	0	0	6	10,5
3	Sách tham khảo	1,0	19	20	26	23	31	119
4	Sách hướng dẫn	0,5	1	3	5	1	3	6,5
	<b>Tổng</b>		20	24	31	26	40	142

**\*\*Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 142

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 142/21

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

<b>Số lượng sách</b>	<b>Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách</b>			
	<b>Sách chuyên khảo</b>	<b>Sách giáo trình</b>	<b>Sách tham khảo</b>	<b>Sách hướng dẫn</b>
Từ 1 đến 3 cuốn sách	3	7	3	5
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	4	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	6	2
<b>Tổng số cán bộ tham gia</b>	3	7	13	7

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

<b>TT</b>	<b>Phân loại tạp chí</b>	<b>Hệ số**</b>	<b>Số lượng</b>					<b>Tổng (đã quy đổi)</b>
			<b>2019-2020</b>	<b>2020-2021</b>	<b>2021-2022</b>	<b>2022-2023</b>	<b>2023-2024</b>	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	5	6	5	5	3	36
2	Tạp chí khoa học cấp	1,0	13	6	7	12	5	43

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
	ngành trong nước							
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	1	2	1	2
	<b>Tổng</b>		18	12	13	19	9	81

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 81

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 81/21

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	5	10	1
Từ 6 đến 10 bài báo	1	1	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	1	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
<b>Tổng số cán bộ tham gia</b>	6	12	1

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ	Số lượng					Tổng
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-	

		số**	2020	2021	2022	2023	2024	(đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0	2	2	0	0	4	8
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	0	0	1	0	0,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	2	1	2	1	1	1,75
	<b>Tổng</b>		<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>5</b>	<b>10,25</b>

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 10,25

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 10,25/21

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	5	1	3
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
<b>Tổng số cán bộ tham gia</b>	<b>5</b>	<b>1</b>	<b>3</b>

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2019-2020	
2020-2021	

2021-2022	01 - năm 2022, Trường ĐHSPHN, TS. Phan Thanh Hà
2022-2023	05 - năm 2023, Trường ĐHSPHN, PGS.TS Nguyễn Thị Thu Thủy, TS. Phan Thanh Hà, TS. Nguyễn Thu Phương
2023-2024	

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia				

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	2	2	3	2	5
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	2	2	3	2	5

**VII. Cơ sở vật chất, thư viện**

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m<sup>2</sup>): 212169

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m<sup>2</sup>): 225

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m<sup>2</sup>):

Nơi làm việc: 225

59. Diện tích phòng học (tính bằng m<sup>2</sup>)

- Tổng diện tích phòng học: 36.138 m<sup>2</sup>

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 36.138 m<sup>2</sup>

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện:

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 114.010

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 13

- Dùng cho người học học tập: 74

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 74

### **VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng**

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

#### **1. Giảng viên:**

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 19

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 90,9%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 60%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 40%

#### **2. Người học:**

Tổng số người học chính quy (người): 845

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 845/20

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 90,2%

#### **3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:**

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 89,6%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 6,5%

#### **4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:**

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 27,5%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 0%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ):

**5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:**

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 97,6%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 2,3%

**6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:**

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 20/23

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 142/23

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 81/23

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 10,25/23

**7. Cơ sở vật chất:**

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 74

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 36.138 m<sup>2</sup>

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 36.138 m<sup>2</sup>

*(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).*

**II. CÁC TƯ LIỆU, TÀI LIỆU LIÊN QUAN**



**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá**  
**chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục tiểu học**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

Căn cứ Nghị định số 276/NĐ ngày 11/10/1951 của Bộ Quốc gia Giáo dục về việc thành lập Trường Sư phạm Cao cấp (nay là Trường Đại học Sư phạm Hà Nội);

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về Quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục tiểu học gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục tiểu học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá, đánh giá ngoài CTĐT của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo, Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng, Trưởng khoa Giáo dục Tiểu học, các đơn vị, cá nhân có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐBCL.

**HIỆU TRƯỞNG**  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
SƯ PHẠM  
HÀ NỘI  
PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
CTĐT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 1.400/QĐĐHSPHN ngày 3 tháng 5 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Nguyễn Đức Sơn	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2.	Nguyễn Văn Trào	PGS.TS, P. Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ
3.	Đỗ Xuân Thảo	PGS.TS, Trưởng khoa	Phó Chủ tịch HĐ thường trực
4.	Nguyễn Vinh Quang	TS, PGĐ TTĐBCL	Thư ký HĐ
5.	Nguyễn Văn Hiền	PGS.TS, Chủ tịch HĐT	Thành viên
6.	Trần Bá Trình	TS, TP Đào tạo	Thành viên
7.	Khuất Tuệ Minh	ThS, P.TP KHTC	Thành viên
8.	Bùi Thị Hà Giang	TS, Bí thư Đoàn TN	Thành viên
9.	Nguyễn Thủy Chung	TS, Phó Trưởng khoa	Thành viên
10.	Vũ Thị Lan Anh	PGS.TS, Trưởng BM	Thành viên
11.	Phan Thanh Hà	TS, Trưởng Bộ môn	Thành viên
12.	Nguyễn Thu Phương	TS, Trưởng Bộ môn	Thành viên
13.	Quản Hà Hưng	ThS, Trưởng Bộ môn	Thành viên
14.	Nguyễn Thị Thu Thủy	PGS.TS, P.Trưởng khoa	Thành viên
15.	Nguyễn Anh Tú	Sinh viên K71	Thành viên

(Danh sách gồm có 15 người). ✓



## DANH SÁCH BAN THƯ KÝ

### CTĐT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC

(Kèm theo Quyết định số ...1400/QĐDHSPHN ngày...3... tháng 5... năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Vinh Quang	TS, PGD TTĐBCL	Trưởng Ban
2	Nguyễn Nam Hưng	ThS, TTĐBCL	P.Trưởng Ban
3	Nguyễn Thị Thuý	ThS, KTV P.KHTC	Thành viên
4	Hà Thị Lan Hương	TS, Giảng viên chính	Thành viên
5	Trần Thị Hà	TS, Giảng viên chính	Thành viên
6	Lưu Trà My	CN, Trợ giảng	Thành viên

(Danh sách gồm có 06 người). ✓

**DANH SÁCH CÁC NHÓM CHUYÊN TRÁCH**  
**CTĐT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

(Kèm theo Quyết định số ...1400./QĐĐHSPHN ngày...3... tháng...5... năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 Tiêu chuẩn 1, 2, 3	Nguyễn Thủy Chung	TS. P. Trưởng khoa	Trưởng nhóm
	Lưu Trà My	CN, Trợ giảng	Thư ký
	Nguyễn Thị Phương Ninh*	ThS, Giáo viên TH	Ủy viên
	Đỗ Thị Phương Thảo	TS, Giảng viên chính	Ủy viên
Nhóm 2 Tiêu chuẩn 4, 5, 11	Nguyễn Thu Phương	TS, Trưởng BM	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Thùy Dung	ThS, Chuyên viên	Thư ký
	Phan Hồng Sơn	ThS, Giảng viên	Ủy viên
	Dương Bảo ngọc	ThS, Giảng viên	Ủy viên
Nhóm 3 Tiêu chuẩn 6, 7	Vũ Thị Lan Anh	PGS.TS, Trưởng BM	Trưởng nhóm
	Trần Thị Hà	TS, Giảng viên chính	Thư ký
	Ngô Vũ Thu Hằng	TS, Giảng viên chính	Ủy viên
	Phó Đức Hòa	PGS.TS, Giảng viên CC	Ủy viên
Nhóm 4 Tiêu chuẩn 8, 9	Quản Hà Hưng	ThS, Trưởng Bộ môn	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Như Quỳnh	ThS, Giáo viên TH	Thư ký
	Nguyễn Thị Thanh Hà	ThS, Giảng viên	Ủy viên
	Ngô Thị Tăng	CN, Chuyên viên	Ủy viên
Nhóm 5 Tiêu chuẩn 10; Phần khái quát, phần kết luận chung và phần cơ sở dữ liệu kiểm định CTĐT	Phan Thanh Hà	TS, Trưởng BM	Trưởng nhóm
	Hà Thị Lan Hương	TS, Giảng viên chính	Thư ký
	Ma Thị Diệp Linh	GV Tạo nguồn	Ủy viên
	Nguyễn Trần Hùng	ThS, Giảng viên	Ủy viên

(Danh sách gồm có 20 người). ✓